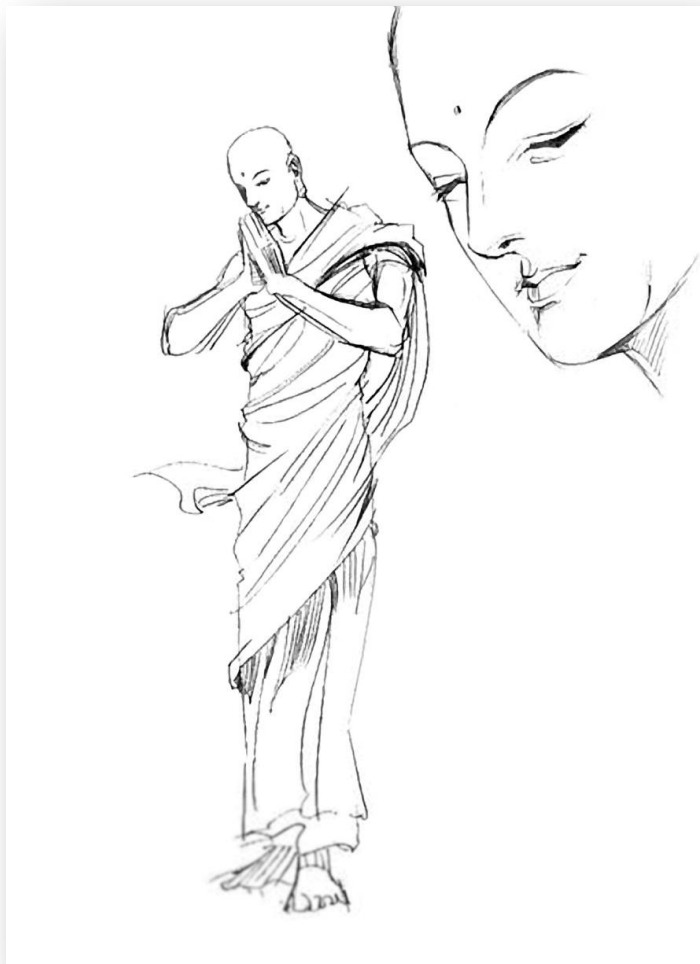


Tâm Thư Tịnh Độ



Diệu Âm Trí Thành

Mục Lục

1. Những Năng Lực và Cảm Giác Lúc Lâm Chung	17
2. Không phát Bồ Đề Tâm, không thể Vãng Sanh Cực Lạc	29
3. Làm thế nào để phát Bồ Đề Tâm?	38
4. Duyên Khởi Kinh Vô Lượng Thọ	54
5. Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ là “Đảnh Pháp”	61
6. Hòa Thượng Tịnh Không quyền biến giáo hóa, nói pháp Nhất Thừa. Khéo dùng phương tiện diễn rõ ba thừa	73
7. Bồ Tát và Phàm Phu	81
8. Tu pháp môn niệm Phật theo kinh Vô Lượng Thọ và 5 Tông Chỉ của Tịnh Tông Học Hội	87
9. Mục tiêu của Pháp môn niệm Phật - Kinh Vô Lượng Thọ	98
10. Niệm Phật Như Lý Như Pháp	128
11. Văn-Tư-Tu & Tín-Giải-Hành-Chứng	131
12. Đôn Luân Tận Phận, Nhân Tà Tồn Thành, Lão Thật Niệm Phật, Cầu Sanh Tịnh Độ	135
13. Phật Thị Môn Trung Hữu Cầu Tất Ứng	142
14. Tâm Ngã Mạn	147
15. Tâm Sân Giận	155
16. Ngã Chấp và Ngã Sở Chấp	161
17. Tâm Từ Bi	169
18. Nỗi Khổ của Tham Ái	176
19. Buông Xả là Đại Bồ Thí	184
20. Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát	191
21. Phàm Sở Hữu Tướng Giai Thị Hư Vọng	195
22. Chắp Tay Cung Kính	201
23. Pháp Thân Phật – Tự Tánh Viên Minh Thể	209
24. Cầu khẩn nơi Phật, Bồ Tát có phải là mê tín không?	218
25. Ý Nghĩa và Công Đức tu tập Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự	228
26. Nhân Duyên Vãng Sanh Đã Thành Thục	236
27. Tu Lục Độ Ba-la-mật theo Tinh Thần của Kinh Đại thừa Vô Lượng Thọ	241
28. Phải nên có sự tập trung và chuẩn bị cho việc Vãng Sanh Cực Lạc ngay trong cuộc sống hằng ngày	258
29. Bí Yếu Mật Nghĩa Viên Dung tương quan của Tâm và Cảnh trong kinh Vô Lượng Thọ	265
30. Phát Bồ Đề Tâm	273

31. Trong Tâm có Phật	276
32. Chuyển Tám Thức thành Bốn Trí	281
33. Pháp Nhất Thừa – Kinh Vô Lượng Thọ	291
34. Phiền Não tức Bồ Đề	296
35. Khuyến Tấn Hành Giả # 1	300
36. Khuyến Tấn Hành Giả # 2	304
37. Khuyến Tấn Hành Giả # 3	309
38. Trụ Đại Thừa Giả (Kẻ Trụ Trong Đại Thừa)	313
39. Tâm Viên, Ý Mã	318
40. Chân thành, Thanh tịnh, Bình đẳng, Chánh giác, Từ bi. Nhìn thấu, Buông xuống, Tự tại, Tùy duyên, Niệm Phật	322
41. Tùy duyên, không phan duyên	328
42. Diệu Âm	332
43. Ý Nghĩa Của Việc Tụng Kinh	339
44. Ánh Sáng Trí Tuệ và Từ Bi	344
45. Phật Hóa Hữu Duyên Nhân	353
46. Vô Tự thị Chân Kinh	365

Phật



Phật là bực diệu ngộ viên mãn, tuyệt hẳn hai hạnh, đạt pháp vô tướng, an trụ nơi chỗ bình đẳng, đến chỗ không chướng ngại pháp chẳng thể chuyển, chỗ làm vô ngại lập bất tư nghi, thấy khắp tam thế, thân hằng đầy khắp tất cả quốc độ, trí hằng sáng thấu tất cả pháp, rõ tất cả hạnh, hết tất cả nghi, thân không thể lường, trí đồng với chỗ cầu của tất cả Bồ-tát, đến bỉ ngạn rốt ráo không hai của Phật, đầy đủ bình đẳng giải thoát của Như Lai, chứng bậc Phật bình đẳng không trung biên, tột nơi pháp giới, khắp hư không giới.



Đại Bồ-tát



Đại Bồ-tát là bậc một đời sẽ được Vô thượng Bồ Đề, đầy đủ Bồ-tát phương tiện trí huệ: những là khéo hay quán sát tất cả chúng sanh, dùng sức phương tiện khiến họ điều phục trụ nơi pháp Bồ-tát. Khéo hay quán sát tất cả thế giới, dùng sức phương tiện đều khắp qua đến. Khéo hay quán sát Niết Bàn, tư duy suy lường lìa hẳn tất cả hý luận phân biệt mà tu diệu hạnh không có gián đoạn. Khéo hay nhiếp thọ tất cả chúng sanh. Khéo vào vô lượng pháp phương tiện. Biết các chúng sanh rộng không chẳng có mà chẳng hoại nghiệp quả. Khéo biết tâm sử, chur căn, cảnh giới, phương tiện các loại sai biệt của chúng sanh. Điều hay thọ trì tam thể Phật pháp, tự được hiểu rõ lại vì người giải thuyết. Điều khéo an trụ nơi vô lượng pháp thể và xuất thế, biết tánh chơn thiệt của tất cả pháp. Nơi tất cả pháp hữu vi, vô vi; đều khéo quán sát biết không có hai. Ở trong một niệm đều có thể chứng được trí huệ của tam thể chur Phật. Ở trong mỗi niệm đều hay thị hiện thành Đẳng

Chánh giác, làm cho tất cả chúng sanh phát tâm thành đạo. Nơi cảnh sở duyên của một chúng sanh đều biết cảnh giới của tất cả chúng sanh. Dầu nhập Như Lai Nhứt Thiết Trí địa mà chẳng bỏ hạnh Bồ-tát, cũng chẳng bỏ sự nghiệp, trí huệ, phương tiện của Bồ-tát, mà vẫn không sờ tác. Vì mỗi mỗi chúng sanh trụ vô lượng kiếp, mà trong vô số kiếp khó gặp được. Chuyển chánh pháp luân, điều phục chúng sanh đều không bỏ luống. Hạnh nguyện thanh tịnh của tam thế chư Phật đều đã đầy đủ.



Phát Bồ Đề Tâm

Trong lặng vạn năng chẳng động tịnh
Lặng Nghiêm Đại Định đời hy hữu
Tiêu diên đảo tượng từ vô tử,
Chẳng nhọc nhiều kiếp được Pháp thân.
Nguyện nay đặc quả thành Chánh Giác,
Độ thoát chúng sanh như hằng sa.
Hết lòng phụng sự vô số cõi,
Thế mới gọi là đền ơn Phật,
Cúi xin Thế Tôn chứng minh cho,
Ngũ trước ác thế nguyện vào trước,
Nếu một chúng sanh chưa thành Phật,
Quyết chẳng tự mình chứng Niết Bàn,
Đại hùng đại lực đại từ bi,
Mong dứt trừ tập khí vi tế.
Khiến con mau đến Vô Thượng Giác,
Mười phương thế giới tọa đạo tràng.
Dầu cho hư không bị tiêu mất,
Bốn tâm kiên cố chẳng lay động.

(Trích trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, Tôn Giả Anan phát nguyện)

NAM MÔ TÂY PHƯƠNG CỰC LẠC THẾ GIỚI ĐẠI TỪ ĐẠI BI A DI ĐÀ PHẬT



❖ **Thiện Đạo Đại Sư**

Đọc kinh và niệm Phật mỗi ngày không gián đoạn là duyên giúp một phàm phu như chúng ta có thể vãng sanh Thượng phẩm.

❖ **Ngẫu Ích Đại Sư**

Được vãng sanh hay không hoàn toàn là do có Tín, Nguyện hay không. Phẩm vị cao hay thấp là hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn.

❖ **Triệt Ngộ Đại Sư**

Thật vì sanh tử, phát tâm Bồ Đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật.

❖ **Án Quang Đại Sư**

Đôn luân tận phận, nhàn tà tồn thành, Tín nguyện trì danh, cầu sanh Tĩnh độ.

❖ **Hòa Thượng Tịnh Không**

Nhìn thấu, Buông xả là then chốt của sự thành đạo.

NĂM TÔNG CHỈ CỦA TỊNH TÔNG HỌC HỘI

(Hòa Thượng Tịnh Không)



Tông Chỉ Thứ 1: Tịnh Nghiệp Tam Phước

1. Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, lòng từ không dứt, tu thập thiện nghiệp.
2. Thọ trì tam quy, giữ đủ các giới, không phạm oai nghi.
3. Phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh Đại thừa, khuyến tấn hành giả.

Tông Chỉ Thứ 2: Lục Hoà Kính

1. Thân hòa đồng trụ
2. Khẩu hòa vô tranh
3. Ý hòa đồng duyệt
4. Lợi hòa đồng quân
5. Giới hòa đồng tu
6. Kiến hòa đồng giải.

Tông Chỉ Thứ 3: Tam Vô Lậu Học

1. Giới,
2. Định,
3. Huệ

Tông Chỉ Thứ 4: Lục Độ Ba La Mật của Bồ-tát

1. *Bố thí*
2. *Trì giới*
3. *Nhẫn nhục*
4. *Tinh tấn*
5. *Thiền định*
6. *Trí huệ.*

Tông Chỉ Thứ 5: Phổ Hiền Bồ-tát Thập Đại Nguyên Vương

1. *Một là Lễ kính chư Phật,*
2. *Hai là Xưng tán Như Lai,*
3. *Ba là Quảng tu cúng dường,*
4. *Bốn là Sám hối nghiệp chướng,*
5. *Năm là Tùy hỷ công đức,*
6. *Sáu là Thỉnh chuyển pháp luân,*
7. *Bảy là Thỉnh Phật trụ thế,*
8. *Tám là Thường tùy Phật học,*
9. *Chín là Hằng thuận chúng sanh,*
10. *Mười là Phổ giai hồi hướng.*



Lời Ngỏ



Nam Mô A Di Đà Phật

Kính thưa quý vị liên hữu đồng tu,

Trí Thành tôi chỉ là một Phật tử tại gia, là kẻ sơ học trong giáo pháp của nhà Phật, giới đức và công phu tu tập thuộc hạng hạ căn. Bởi do yêu cầu, khuyến khích và sự trợ lực chân thành của các bạn đồng tu nên tôi bạo dạn chấp thuận cùng quý bạn, kết tập những lá thư mà tôi đã viết riêng khuyến tấn các liên hữu đồng tu trong nhóm Vô Lượng Thọ, để cùng chia sẻ đạo vị với người niệm Phật bốn phương. Những lá thư này thường được viết sơ sài và vội vã trong lúc rảnh rỗi khi làm việc ở hãng; do đó lời văn không chỉnh, từ ngữ vụng về, xin bạn đọc thông cảm cho những chỗ sai sót trong thư. Những lá thư này khi viết, thường là để tâm sự, chia sẻ hay trả lời thắc mắc cho riêng cá nhân trong một hoàn cảnh đặc biệt nào đó; vì thế ý trọng tâm trong thư đôi khi chỉ đặt ở góc độ, hay hoàn cảnh nào đó, nên xin các bạn đọc lưu ý là chỉ dụng tâm vô tư vô tướng khi liên đới đến những cảnh giới khác nhau.

Những lá thư này đã được chia sẻ và lưu thông trong nhóm liên hữu cộng tu Vô Lượng Thọ, và cũng có những bạn đồng tu trong nhóm tìm thấy có chỗ tâm đầu ý

hiệp nên lại lưu chuyển rộng rãi ra ngoài nhóm Vô Lượng Thọ. Riêng Trí Thành tôi, không dám tự xem những lá thư này là những bài giảng pháp, do đó khi bạn đọc tập sách này nếu tìm thấy những ý tưởng nghèo nàn, trí huệ cạn cợt, lý pháp thô sơ, hay có chỗ sai trái không thích hợp với quý vị v.v..., xin từ bi tha thứ và chỉ dạy cho Trí Thành này.

Từ khi biết được pháp môn Tịnh Độ, sự hoạt động của các đạo tràng cộng tu Niệm Phật và Trợ Niệm cho người lúc lâm chung vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, tôi rất xúc động trước những tâm thiện lành và lòng hiếu thảo của những người con Phật đã không ngại khó khăn, gian khổ và thử thách để hộ niệm cứu giúp ông bà, cha mẹ, anh em, bạn bè, họ hàng, quyến thuộc của họ, nhắc đến những người xa lạ mà họ chưa hề quen biết v.v... vào lúc lâm chung – phát được lòng Tín-Nguyện-Hạnh niệm Phật, cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc. Từ sự xúc động đó, tôi bắt đầu tò mò tìm đến giáo lý của đạo Phật qua kinh sách.

Khi nhận được quyển sách “Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác kinh,” kết tập bởi Đại Cư Sĩ Hạ Liên Cư, nước mắt tôi bỗng dâng trào, tôi đã khóc nghẹn ngào mà không hiểu lý do tại sao mình lại khóc, bởi vì khi ấy tôi chưa hề đọc qua kinh này. Tôi đã tự nghĩ rằng, có lẽ tôi có chủng duyên sâu dày với đạo Phật, cho nên từ đó tôi bắt đầu dành những thời giờ rảnh rỗi để nghiên cứu kinh điển

Phật, và đặc biệt chú ý đến pháp môn Niệm Phật, qua những bài giảng của Lão Hòa Thượng Tịnh Không, “Chú Giảng Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác kinh” của Đại Cư Sĩ Hoàng Niệm Tổ, các tập sách của Ấn Quang Đại Sư, Lão Đại Cư Sĩ Lý Bình Nam, Hòa Thượng Thích Trí Tịnh, Hòa Thượng Thích Thiên Tâm, lịch sử của mười ba vị Tịnh độ Tông Tổ Sư v.v...

Những năm sau đó, ba của tôi, ông Lưu Lâu – pháp danh Minh Đài, bỗng phát bệnh ung thư ngặt nghèo, thân xác bị hành hạ đau đớn khổ sở. Gia đình chúng tôi hết lòng khuyên ba hãy phát lòng Tín-Nguyện-Hạnh, niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc. May mắn thay! Ba tôi hoan hỷ, liền đồng ý và tự mình buông xả vạn duyên, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Với sự đoàn kết của các con cháu và Phật tử trong ban trợ niệm, chúng tôi đã trợ niệm cho ba suốt 32 ngày dài ròng rã, đêm ngày không ngừng nghỉ. Cuối cùng ba tôi được vãng sanh, sau 24 giờ xả bỏ báo thân mà toàn thân vẫn mềm mại như trẻ sơ sanh, đánh đầu ầm, bàn tay, bàn chân và mặt vẫn tươi hồng như người còn sống; nhấn đến 7 ngày sau, thân xác của ba tôi vẫn còn mềm mại. Pháp môn niệm Phật thật là bất khả tư nghĩ! Nhờ sự giúp đỡ tận tình của các Phật tử đồng tu trong ban hộ niệm, gia đình chúng tôi rốt cùng đã cứu được ba thoát khỏi cảnh sanh già bệnh chết, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc. Cũng do bởi nhân duyên này, mà

nhiều bạn đồng tu từ khắp bốn phương thăm hỏi, tâm sự và muốn chia sẻ với tôi về những trắc trở, khó khăn và chướng ngại của họ trong cuộc sống, cũng như phương pháp tu hành. Từ nhân duyên ấy, tôi đã viết ra hơn 400 lá thư để trả lời đến các bạn, và họ đã lưu chuyển những thư này với nhau. Trong tập sách “Tâm Thư Tịnh Độ,” chúng tôi chỉ lọc ra một số bài cần thiết, hầu mong cùng chia sẻ và khuyến tấn với quý bạn đồng tu.

Đệ tử tục gia của Tam Bảo, Diệu Âm Trí Thành, kim đối Phật tiền thành tâm sám hối nếu có những sơ sót và sai lầm trong những bài viết này. Những việc làm này, nếu có chút công đức nào giúp các hữu tình phát lòng Bồ Đề và Tín-Nguyện-Hạnh, dũng mãnh nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh độ Di Đà, chúng tôi xin nguyện đem tất cả hồi hướng cho thập phương pháp giới chúng sanh, thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ, nguyện cho Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, thiên hạ thái bình, mưa thuận gió hòa, tai dịch chẳng khởi, binh đao chẳng động, quốc gia hưng thịnh, chúng sanh an lạc.

*Diệu Âm Trí Thành - Lưu Minh Trí
Canada, ngày 19 tháng 11, 2011*



Những Năng Lực và Cảm Giác Lúc Lâm Chung

Kính gửi đến quý vị liên hữu đồng tu:

Mỗi người đều có một năng lực tiềm tàng, có thể giúp chính mình vượt qua những khó khăn trắc trở vào lúc lâm chung. Phật, Bồ-tát và các chư Tổ Sư thông rõ việc này nên các Ngài đã mở bày ra pháp môn niệm Phật, để làm phương tiện giúp cho chúng sanh khai mở và sử dụng cái năng lực tiềm tàng vô biên vốn sẵn có ở trong mỗi chúng sanh. Phương tiện của các Ngài là gì? Thật đơn giản, gọn gàng và dễ hiểu, chính là **Tín-Nguyện-Hạnh**, niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc.

Tuy nói đơn giản là vậy, nhưng công năng của nó lại thật vô cùng thù thắng vì có thể giúp độ trọn cả ba căn (thượng, trung và hạ căn). Đó là một giáo pháp viên đôn bậc nhất, mà ngay cả các bậc Đẳng Giác Bồ-tát như Đức Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền v.v... cũng áp dụng sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc, để có thể mau chóng thành Phật.

Trong kinh Vô Lượng Thọ, kinh Thủ Lăng Nghiêm và kinh Hoa Nghiêm, Đức Thế Tôn đã khai thị rất rõ ràng nên tôi thiết nghĩ không cần phải nói rộng ra thêm ở đây.

Vậy công năng của *Tín-Nguyện-Hạnh* là gì? Chính là cách thức giúp quy động năng lực sẵn có của bạn, để đạt đến trạng thái thiền định trong bất cứ sinh hoạt nào; ngay khi đi, đứng, nằm, ngồi, hoặc trong giấc ngủ. Chính vậy mà pháp môn niệm Phật còn gọi là “*Thâm Diệu Thiền*”.

Dưới đây tôi sẽ xin trình bày cho bạn biết, vì sao Tín-Nguyện-Hạnh lại có thể giúp bạn quy động được toàn bộ năng lực Thiền Định của bạn, để vào lúc lâm chung bạn có thể liễu sanh thoát tử, vãng sanh Cực Lạc, một đời thành Phật.

---oOo---

Năng lực của Tự Lực được qui động từ Tín-Nguyện-Hạnh

- **Tâm tín thành nơi Phật A Di Đà và cõi nước Cực Lạc** chính là năng lực vô biên giúp bạn vượt qua tất cả khó khăn trở ngại trong việc thực hành chí thiết niệm Phật, để đạt thành tâm nguyện vãng sanh.

Trong kinh Hoa Nghiêm Phật có dạy rằng: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”.

Khi bạn đặt một niềm tin mãnh liệt tuyệt đối vào điều gì, điều đó sẽ dễ dàng thành tựu. Nên Tín là năng lực không thể nghĩ bàn. Ví dụ như nếu bạn tin rằng bạn có thể

học để trở thành bác sĩ, niềm tự tin này sẽ là năng lực thúc đẩy bạn chăm học, chăm làm, vượt qua mọi khó khăn trở ngại để đạt thành tâm nguyện.

- **Nguyện lực tha thiết muốn sanh về nước Cực Lạc** là nguồn năng lực vô lượng thúc đẩy bạn nhất tâm niệm Phật chí thiết ngày đêm không ngừng dứt. Cũng giống như một học sinh hiếu học, vì muốn (nguyện) đạt thành công danh nên ngày đêm phải miệt mài bên đèn sách.

- **Hạnh:** Hạnh là năng lực kết tụ do công phu tu tập từ trong quá khứ cho đến nay (quá khứ có thể từ nhiều đời nhiều kiếp về trước, hay chỉ là quá khứ ở hiện đời). Nhưng muốn có công phu tu tập phải đoạn trừ được tất cả các tật đồ tham lam, sân, si, mạn, nghi, vì đây chính là cội nguồn của chương ngại sẽ làm cho tâm bạn bị dính mắc, không thể buông xả. Nó cũng là nguyên nhân, là yếu tố đưa bạn rơi vào trạng thái u minh, mất chánh giác; sau đó sẽ thúc đẩy dẫn dắt bạn đi vào tam ác đạo (địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh).

Nếu muốn cho tâm của bạn an trú, không dính mắc được thanh tịnh, thư thái, bạn nên thực hiện các pháp như sau:

(a) Đoạn trừ sạch bất cứ nghi hoặc, hối hận hay do dự nào còn ẩn chứa trong lòng. Ngay cả những việc làm bất

thiện đã phạm trong quá khứ cũng không để vương mắc, bận tâm bạn. Biết mình đã làm lỗi là “giác”, biết lỗi rồi sửa lỗi và quyết không tái phạm lại nữa, như vậy gọi là sám hối. Sám hối xong rồi cũng phải buông xả một cách rốt ráo, không nên để mảy may sót lại, hay dính mắc trong tâm bạn.

(b) Ngay cả những việc thiện lành, làm xong cũng phải xả, chẳng để nó dính mắc trong tâm. Vì những suy nghĩ này là vọng tâm, làm cho tâm bạn không được rỗng lặng thanh tịnh. Đừng để những việc thiện này làm cho tâm bạn đắc ý, rồi sanh ra những ý niệm hay hành động công cao ngã mạn, sẽ làm luống uổng mất công phu và công đức bạn đã tạo được.

(c) Buông bỏ tất cả những sự dính mắc đối với bất cứ ai mà bạn có mối liên quan mạnh mẽ nhất trong đời này, kể cả những liên hệ thương hay ghét, thân hay oán.

(d) Nhiếp tâm niệm Phật không tán loạn, không vọng tưởng. Lấy danh hiệu Phật A Di Đà làm công cụ phá vọng, phá mê để đạt và giữ được trạng thái thanh tịnh, thư thả của tâm. Nếu bạn làm được như thế, mặc dầu thân bạn tuy vẫn ở trong hình tướng con người, nhưng tâm bạn thì đã bình đẳng với Phật A Di Đà – rỗng lặng như hư không.

Muốn được vậy thì lúc niệm Phật nên đừng tất cả chuyện nói, làm người bị cầm mà niệm. Niệm theo từng

nhịp thở, từng cơn đau, từng cơn lạnh buốt giá, ngay cả lúc vui hay buồn v.v... Vì khi bạn an trụ được vào câu Phật hiệu, cũng chính là bạn đang được an trụ vào trong ‘tự tánh’ của chính mình, nên tâm bạn không còn dính mắc, không vọng tưởng, được an tịnh thư thái. Bạn hãy cố gắng lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm của bạn ở trong trạng thái vắng lặng định tĩnh ấy, giữ trong tâm chỉ còn một niệm “A Di Đà Phật”.

Bạn nên hiểu Tâm không có màu sắc hoặc hình tướng để nhận biết ra được nó, nhưng tự nó tuyệt đối trống rỗng và nhận biết hoàn toàn thấu suốt sáng tỏ (viên minh), vì đó chính là Tự tánh của tâm bạn. Nhận biết tâm như thế để an trú, trở thành chắc chắn về tâm, đó là kiến (thấy biết). Duy trì tâm không bị tán loạn trong trạng thái tịnh chỉ, không vọng niệm hoặc chấp thủ, đó là trạng thái thiền định. Khi ở trong trạng thái đó, sẽ không bị dính mắc vào chấp thủ hoặc tham luyến, chấp nhận hoặc đối kháng, mong cầu hoặc sợ hãi, hay đối với bất cứ vọng thức nào nữa cả.

(e) Đừng gửi lòng cư trú ở các nơi của người sống bình thường; chỉ gửi lòng mình nơi cõi Tây Phương Cực Lạc của Phật A Di Đà mà thôi.

Vào thời điểm cận tử, bạn nên biết là bạn sẽ phải trải qua những cảm giác như thế nào?

Vào lúc sắp lâm chung bạn phải trải qua nhiều cảm giác khổ đau cùng cực, những cảm giác này gây ra bởi những nguyên nhân như sau:

1. Vào lúc địa đại hòa nhập hay tan biến vào trong thủy đại, thân thể trở nên nặng nề và thân không thể tự nương nhờ thân.
2. Vào lúc thủy đại hòa nhập vào trong hỏa đại, miệng và mũi khô khan, ngưng nói bí lời.
3. Vào lúc hỏa đại hòa nhập vào trong phong đại, thân nhiệt biến mất.
4. Vào lúc phong đại hòa nhập vào trong thức đại, bạn chỉ có thể thở ra khò khè và hít vào nấc nghẹn.

Vào lúc đó, bạn sẽ có cái cảm giác như đương bị đè nặng bởi một ngọn núi rất lớn, đương bị sập bẫy trong bóng tối, đương bị buông rơi vào vô tận của hư không. Nếu tâm bạn nghe nhận và niệm được câu Phật hiệu một cách thanh tịnh, thì toàn thể bầu trời sẽ tự nhiên tươi sáng rực rỡ như một tấm gương trải rộng. Những bóng tối và sự đè nặng trong tâm tức khắc liền tan biến. Hơn thế nữa, hình tướng của Phật A Di Đà tự nhiên sẽ hiện ra ở trong tâm của bạn, cùng với những ánh quang minh sáng diệu vô thượng, như trăm nghìn ánh mặt trời chiếu sáng cùng

một lúc. Quang minh sáng rực nhưng minh diệu lạ thường, không làm bạn chói mắt khó chịu; ngược lại, nó làm cho bạn tươi tỉnh, sáng suốt và rộng rãi lạ thường. Tự nhiên bạn không còn cái cảm giác khổ đau, bởi do thân tứ đại của bạn đang phân ly gây ra nữa. Đây chính là thành quả của năng lực niệm Phật của bạn (*Tự lực*) cùng năng lực tiếp dẫn của Phật A Di Đà (*Tha lực*).

Vào lúc này tính giác viên minh của bạn sẽ nhắc nhở bạn: Đừng bị tán loạn! Đừng xúc động! Không lâu nữa Phật A Di Đà sẽ đến tiếp dẫn bạn về cõi Cực Lạc. Bạn phải ráng giữ cho tâm của bạn luôn rộng rãi thanh thản, và tiếp tục niệm Phật không ngừng, ngay cả khi gặp được Đức Phật A Di Đà xuất hiện. Tại sao vậy? Vì nếu bạn giữ được tâm rộng rãi như hư không, không xúc động vì vui mừng theo thói tục của thế gian chúng sanh khi gặp Phật, bạn sẽ sanh về cõi Cực Lạc với phẩm vị rất cao. Vì ngay lúc này với sự trợ lực của Phật A Di Đà, bạn đã đạt được ‘Niệm Phật Tam Muội’ hay ‘Nhất Tâm Bất Loạn’. Nếu bạn còn có niệm vui mừng xúc động khi gặp Phật, phẩm vị vãng sanh của bạn sẽ bị hạ thấp xuống, vì tâm bạn vẫn còn dính mắc vọng niệm của phàm phu.

Và khi bạn thấy Phật A Di Đà xuất hiện, bạn cũng đồng thấy vô số Phật, Bồ-tát và Thánh Chúng đồng xuất hiện để nhiếp thọ tiếp dẫn bạn. Hình tướng và dung mạo của các vị Phật ở cõi Tây Phương cũng giống hệt như Phật A Di Đà. Hình tướng và dung mạo của các Bồ-tát cũng

đồng giống hệt như Quán Thế Âm và Đại Thế Chí, không có tướng sai khác. Bạn cũng được nghe tiếng của thánh chúng niệm Phật vang động cả bầu trời, với những âm thanh vi diệu hòa nhã và tùy hỷ.

Nên lưu ý, trước khi gặp Phật thì ma chướng (nghiệp chướng) cùng sinh của bạn sẽ loạn động cái tâm của bạn, làm cho chánh niệm của bạn bị sụp đổ, bạn muốn niệm Phật cũng rất khó khăn hay chẳng thể dễ niệm được; vì nó phát ra những âm thanh chói tai, uy mãnh, làm tâm bạn mê mờ.

Ở vào thời điểm này, bạn hãy tuệ tri điều này:

1. Cái cảm giác đương bị đè ép xuống bởi một ngọn núi, không phải là bạn đương bị đè ép xuống bởi một ngọn núi. Đó là khi các đại của bạn đang hòa nhập. Hãy đừng sợ hãi chuyện đó!
2. Cái cảm giác đương bị sập bẫy trong bóng tối, không phải là đang bị sập bẫy trong bóng tối. Đó là khi năm quan năng của bạn đang hòa nhập!
3. Cái cảm giác đương bị buông rơi vào trong vô tận của hư không, không phải là bạn đương bị buông rơi. Đó là tâm của bạn không có cái gì để nương nhờ, bởi thân và tâm của bạn đã ly biệt và hơi thở của bạn đã ngừng lại.

Lúc này bạn phải cố gắng nương vào câu Phật hiệu không gián đoạn, để tâm của bạn không bị mê mờ bởi

những cảm giác hư vọng này. Nên biết tất cả những quang cảnh, các hình tướng, các âm thanh, ánh sáng ấy đều là của chính bạn, đều do tâm của bạn hiện ảnh – do bởi nghiệp lực chiêu cảm. Hãy bỏ qua, đừng nghi hoặc gì về những điều đó.

Nếu bạn cảm thấy nghi hoặc, bạn sẽ bị ném trở vào lại trong vòng sinh tử luân chuyển. Hãy quyết định sáng tỏ hơn để hiểu những cảnh ấy chỉ là tự mình diễn-hiện, và ngay khi đó bạn biết nương nhờ, an trú vào trong câu Phật hiệu (chính là tính viên minh trong chân không diệu hữu quang minh biến chiếu), trong tính chân không diệu hữu quang minh biến chiếu đó bạn sẽ chứng đạt được ba thân: Pháp thân, Báo thân, Ứng Hoá thân – bạn trở thành giác ngộ; nên dù bạn có bị ném lại vào trong sinh tử luân chuyển, bạn cũng sẽ không đi vào đường đó.

Bạn nên biết rằng, A Di Đà Phật chính là vị Phật bảo hộ và cũng là tự tánh hiện hữu của bạn, để duy trì tâm bạn với chánh niệm không bị tán loạn. Từ thời điểm này, điều tối quan trọng là giữ tâm ở trạng thái không mong cầu, không sợ hãi, không tác ý chấp và thủ đối với tất cả các đối tượng và quan năng của sáu thức, cũng như đối với những dẫn dụ mê đắm, hạnh phúc và sầu muộn. Đến khi bạn đạt “tịnh chỉ an định”, bạn sẽ có thể bắt đầu có khả năng đảm lĩnh bản tính ở trong trung hữu và trở thành giác ngộ.

Thế nên điểm tối yếu cho sinh mệnh của tuệ mệnh là chấp trì câu hồng danh A Di Đà Phật liên tục, không gián đoạn, không tán loạn từ chính thời điểm này.

Ma chướng cùng sinh là tập khí hiện tại đưa đến vô minh, nghi hoặc và do dự của bạn. Nên vào lúc ở cửa tử địa, bất cứ hiện tượng dễ sợ nào xuất hiện; thí dụ như những âm thanh, những màu sắc và những ánh sáng, cũng đừng bị mê đắm dẫn dụ, hãy đừng nghi hoặc và hãy đừng sợ hãi. Nếu bạn bị rơi vào nghi hoặc (dù chỉ trong một thời điểm rất ngắn), bạn sẽ lang thang lạc vào trong cõi sinh tử luân chuyển; vì thế hãy giữ sự “tịnh chỉ an định” hoàn toàn không thay đổi, và không để bị chầm dứt bất thành linh.

Ở vào thời điểm này, những lối dẫn vào tử cung (cửa ngõ tái sinh) sẽ hiện ra như những cung điện cõi trời; hãy đừng bị tham luyến đối với chúng. Hãy tin chắc chắn vào điều nhận biết sáng tỏ thấu suốt đó. Hãy tự tại, không mong cầu và sợ hãi! Vào thời điểm này, tính giác viên minh trong sáng thấu suốt của chính bạn (tự lực) cùng với quang minh tiếp dẫn của Phật A Di Đà (tha lực) sẽ là cộng lực cứu độ bạn.

Khi đạt được Pháp thân giống như hư không cho lợi ích chính mình, bạn cũng sẽ thành tựu lợi ích cho tất cả hữu tình trong tận hư không vô lượng pháp giới. Vì bạn có thể hoá hiện đủ các báo thân và ứng hoá thân để làm lợi

ích cho tất cả hữu tình trong tận hư không vô lượng pháp giới, và lúc ấy tâm của bạn sẽ lan tỏa vạn hữu vô tận xứ.

Kết Luận:

Vì tâm của chúng ta quá xa rời với giác ngộ và tỉnh thức, bởi nghiệp chướng và tội ác của chúng ta quá sâu dày không thể tính kể, mà phước báu lại quá nhỏ bé như hạt mè. Do vì tập khí tham, sân, si, mạn, nghi của chúng ta quá nặng nề, đã tạo thành một màn vô minh dày đặc bao trùm che phủ tánh Như Lai thường chiếu của mình.

Cho nên trong cuộc sống hiện tại, chúng ta cũng bị tạp nhiễm các thứ hồ đồ lộn xộn nên gặp phải nhiều sự ngang trái khổ đau; đến khi lâm chung lại không biết nơi nào để đi, chỗ nào để đến, bèn phó mặc cho nghiệp lực dẫn dắt để rồi tiếp tục lang thang trôi trong sáu nẻo luân hồi sanh tử.

Nay nhờ chút phước mọn sót lại, chúng ta gặp được pháp môn niệm Phật quảng đại thù thắng của Phật A Di Đà do Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật tự trao truyền chỉ dạy. Những người có đại tín thành, đại nguyện lực, tinh tấn dũng mãnh và thông tuệ, những người luôn nhớ đến người thầy của họ là Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, những người luôn tín nhiệm vào Phật A Di Đà, những người thân tâm chịu nỗ lực trong thực hành, những người có tâm an tịnh và có khả năng buông bỏ các mối quan tâm

đối với thế giới này. Đây là những người được tất cả các Đức Như Lai đồng thanh khen ngợi. Vì sao? Vì ở trong quá khứ đời trước họ đã từng gặp Phật, quy y, chiêm bái, cúng dường, và họ cũng từng được Phật thọ ký Bồ Đề.

Những người tin nhận và chân thật tinh tấn tu tập giáo pháp này là những người đang được thừa hưởng của cải vô tận của các Đức Như Lai trong mười phương ba đời. Tại sao? Vì giáo pháp này đều được tất cả các Đức Như Lai trong mười phương thế giới (mỗi thế giới lại có vô số vô lượng các Đức Như Lai, nhiều như cát của sông Hằng), đồng thanh khen ngợi và tán thán không thể nghĩ bàn, không có sai khác.

Diệu Âm Trí Thành



Không phát Bồ Đề Tâm, không thể Vãng Sanh Cực Lạc

Đại cương lãnh của pháp môn niệm Phật là “***Phát Bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật***”.

Phát Bồ-đề tâm là việc quan trọng chính yếu nhất cần phải làm đầu tiên, kế mới đến việc niệm Phật. Kinh Hoa nghiêm dạy: “*Vong thất Bồ-đề tâm, tu chư thiện pháp thị danh ma nghiệp,*” nói rõ thẳng rằng nếu quên mất Bồ Đề tâm, thì dầu tu tất cả các thiện pháp cũng chỉ là ma nghiệp. Vì sao? Vì nếu không có tâm Bồ Đề, thì những việc tu hành ấy là giả tạo, vì tâm cứ rong ruổi hướng theo thình trắn bên ngoài để tìm cầu, tu như vậy cũng vô dụng vì chỉ là tạp độc.

Ngài Tịnh Am đại sư nói: *kẻ tội nhân trong cõi địa ngục mà còn phát Tâm Bồ Đề từ bao kiếp trước, hướng chi đã làm người, lại làm con Phật, mà không lập đại nguyện (phát Bồ Đề tâm) ngay trong đời này?*

Bồ-đề tâm là gì?

- Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, đức Phật nói: “*Nếu có chúng sanh nguyện sanh Cực Lạc thế giới, phát ba thứ tâm liền được vãng sanh. Những gì là ba tâm? Một là chí thành tâm, hai là thâm tâm và ba là hồi hướng phát*

nguyện tâm. Người đủ ba tâm ấy, quyết được vãng sanh về cõi nước kia.”

- Trong kinh Vô Lượng Thọ, nguyện thứ 18 của đức Phật A Di Đà: “*Khi con thành Phật, chúng sanh mười phương, nghe danh hiệu con, chí tâm tin wa, thiện căn có được, tâm tâm hồi hướng, nguyện sanh cõi con, dầu chỉ mười niệm, nếu không được sanh, thì không thành Chánh Giác. Ngoại trừ những kẻ phạm tội Ngũ Nghịch, phỉ báng Chánh Pháp.”*

Hai câu kinh văn (in đậm) ở 2 đoạn trên cũng tương đồng với lời dạy của Đại Sư Ngẫu Ích: “*Được vãng sanh hay không hoàn toàn do Tín và Nguyện có hay không, còn phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn!*” Có nghĩa chân tín và nguyện thiết đích thực là Bồ-đề tâm. Khi đã chân thành kiên cố phát tâm Bồ-đề rồi, thì dầu niệm Phật chưa được nhất tâm cũng có thể vãng sanh.

Xưa nay, Bồ-đề tâm được giải thích với nhiều lý luận khác nhau trong các Tông phái của Phật giáo. Theo phạm vi của pháp môn Tịnh Độ, dựa trên kinh Quán Vô Lượng Thọ thì có 3 loại tâm, đó là *Chí thành tâm, Thâm tâm và Hồi hướng phát nguyện tâm*, là người con Phật nếu hội đủ 3 thứ tâm này tất sẽ được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc.

- **Chí thành tâm:** Thiện Đạo Đại Sư nói, tâm chí thành là tâm trung tín, chân thật, không hư ngụy, giả dối. Chân là chân tâm, không hư dối, bất biến, bất nhị; người có tâm chân thành thì mọi hành vi (thân, khẩu, ý) khi đối xử với người và vật đều phải dụng cái tâm thành thật, không ích kỷ, giả dối.

- **Thâm tâm:** Thiện Đạo Đại Sư gọi thâm tâm là thâm tín tâm; nghĩa là tâm sâu tín thiết nơi giáo lý của Phật. Thâm tín nhân quả thiện ác, tin rằng mình (phàm phu) vì những tội ác đã tạo nên phải trải qua vô lượng kiếp hằng đọa tam đồ chịu nhiều nỗi khổ, và vô lượng số kiếp đến nay đã phải qua lại trong 6 nẻo. Phải biết tự quán sát lỗi mình, tự biết nghiệp tội của mình mà cố gắng đoạn ác tu thiện, chuyên tâm sám hối. Nên xét thấy những tham sân si mạn nghi sanh khởi từng sát na, làm dấy lên vô biên phiền não trong tâm, mà hiểu rằng cần phải dùng vô lượng thiện pháp mới hòng đối trị chúng, và luôn quán rằng: “*Xét xem ba cõi như lao ngục, nhìn sanh tử như oan gia*”¹. Thâm tín nơi nguyện lực rộng sâu của Phật A Di Đà, tin rằng thường niệm danh hiệu Phật thì nhất định sẽ vãng sanh thế giới Cực Lạc, và Phật A Di Đà nhất định dùng oai lực để nhiếp thọ hóa độ chúng sanh thành Phật. Tin rằng cảnh giới Tây Phương Cực Lạc và tất cả các sự tướng ở nơi cõi ấy đều là sự thật.

¹ *Lời dạy của Ngài Tĩnh Am Đại Sư*

- **Hồi hướng phát nguyện tâm:** Trong Kinh Niệm Phật Ba La Mật, Phật Thế Tôn dạy:

“Nầy Diệu Nguyệt, Hồi Hướng Phát Nguyện Tâm nghĩa là dấy động cái tâm chí như thế này: Không riêng gì bản thân mà cầu xuất ly Ta Bà loạn trước, khổ nã. Trái lại, phải nguyện vì hết thấy chúng sanh khắp ba cõi sáu đường mà cầu vãng sanh Cực Lạc, chóng thành tựu Phật đạo để tế độ quần mê. Tại sao vậy? Vì muốn có cái quả đức siêu việt tối thượng thì phải phát khởi cái tâm chí quảng đại, dũng mãnh.

Người Niệm Phật nếu đem cái tâm thái hời hợt, hẹp hòi, yếu hèn, chỉ riêng vì giải thoát bản thân, thì chẳng bao lâu sẽ chiêu cảm cái quả báo nhỏ bé, nông cạn, tầm thường, không xứng hợp với bản hoài chư Phật, chẳng tương ứng cùng bản nguyện vĩ đại Bi Trí Viên Mãn của Phật A Di Đà. Cho nên khó được tiếp dẫn về nơi cõi nước Tây Phương.

Lại nữa, người niệm Phật còn phải đem tất cả công đức thực hành sáu ba la mật, bốn nhiếp pháp, bốn vô lượng tâm hoặc ba mươi bảy phẩm trợ đạo... mà hồi hướng khắp anh em, cha mẹ, bằng hữu, chư thiên, chư tiên, bốn loại chúng sanh kẻ oán người thân đều được an trụ trong hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật.”

Trong kinh Vô Lượng Thọ, nguyện thứ 18, 19 và 20, đức Phật A Di Đà đã nguyện rằng, nếu chúng sanh “*chí tâm tin ưa, thiện căn có được, tâm tâm hồi hướng, nguyện sanh cõi con, dẫn chỉ mười niệm...*,” hoặc “*phát tâm Bồ Đề. Tu các công hạnh, phụng hành sáu Ba La Mật, kiên cố bất thoái, lại đem tất cả thiện căn hồi hướng, nguyện sanh cõi con, nhất tâm niệm con, ngày đêm không dứt.*” Và “*phát tâm Bồ Đề kiên cố không lùi, trông các cõi đức, chí tâm hồi hướng, cầu sanh về Cực Lạc, thấy đều toại nguyện.*”

Vậy tóm lại Tâm Bồ Đề là gì? Là cái tâm chân thật, sáng suốt, không điên đảo; là tâm tự giác giác tha, tự lợi lợi tha. Niệm niệm trên cầu Phật đạo, tâm tâm dưới độ chúng sanh. Tức tự tánh chúng sanh thể nguyện độ, tự tánh phiền não thể nguyện đoạn, tự tánh pháp môn thể nguyện học, tự tánh Phật đạo thể nguyện thành.

Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành

Người tu niệm Phật thường gặp chướng ngại là do bởi chưa phát được tâm Bồ Đề, hoặc chưa thể phát tâm Bồ Đề kiên cố, nên còn do dự chưa chịu buông xả. Vì niệm Phật với tâm như vậy là giả tạo, không chân thật, thì làm sao có thể vãng sanh được? Nên biết “*tâm chân thì sự thật mà nguyện rộng thì hạnh sâu!*”²

² Lời dạy của Ngài Tịnh Am Đại Sư

Muốn được vậy thì tâm phải nhìn thấu suốt, hoàn toàn hết nghi ngờ mới có thể buông xả thế gian này. Nếu người phát được cái tâm như vậy, thì không cần phải học kinh Vô Lượng Thọ nữa, chỉ cần thật thà niệm Phật cũng có thể vãng sanh. Thế nhưng Hòa Thượng Tịnh Không nói, chúng ta chẳng phải là hạng người có nhiều thiện căn, phước đức như vậy. Do đó chúng ta phải thâm nhập từ kinh giáo của Tịnh Độ để tu hành chuyên sửa hành vi hạnh kiểm, thì mới mong đạt được cái tâm này. Hòa Thượng Tịnh Không cũng đem nghĩa rộng giảng của Bồ-đề tâm (*Chí thành tâm, Thâm tâm và Hồi hướng phát nguyện tâm*), mà giản lược lại thành 10 chữ “*Chân thành, Thanh tịnh, Bình đẳng, Chánh giác, Từ bi*”.

Chúng ta tuy đã phát đại tâm Bồ Đề, nhưng do tập khí vô minh từ vô thủy kiếp quá nặng, sẽ dễ bị lui sụt, do đó người tu niệm Phật phải luôn ghi nhớ lời Phật dạy: “*chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành*” (nghiệp ác chớ làm, hãy làm các việc thiện lành) và đem hết tất cả công đức này chí tâm hồi hướng, chí thiết niệm Phật nguyện sanh Cực Lạc. Quyết lòng buông bỏ cả phước báu nhân thiên, không lưu luyến gì nữa, chỉ một lòng nguyện cầu vãng sanh Cực Lạc. Giả như ngay bây giờ Phật A Di Đà đến đón cũng đi theo, không suy nghĩ, chần chờ, do dự, tính toán làm chi! Việc tốt cũng không luyến tiếc, Phật sự cũng không luyến tiếc, khi nhân duyên vãng sanh đến thì lập

tức buông bỏ cả thân tâm thế giới để đi vãng sanh, như vậy mới gọi là chí tâm nguyện sanh Cực Lạc.

Văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu

Khi xưa, đại lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ chỉ dạy Phật thất có một lần, sau Ngài không dạy nữa. Vì đối với căn tánh thiện lành của Ngài, chỉ cần niệm một câu Phật hiệu cũng đủ để vãng sanh, bởi Ngài đã đạt được lý Nhất Tâm Bất Loạn. Còn đại cư sĩ Hạ Liên Cư thì đã minh tâm kiến tánh, nên khi nhập thất niệm Phật, cảnh giới liền trụ trong Nhất Chân Pháp Giới – Thường Tịch Quang độ.

Nhưng cảnh giới đó là của các Ngài, chẳng phải cảnh giới của phàm phu chúng ta. Chúng ta nhập thất niệm Phật chẳng thể đạt được cảnh giới ấy. Hoặc giả nếu thấy cảnh giới nào hiện ra thì liền bị chấp kẹt ngay đó, chẳng biết làm sao để thoát ra, nên có khi còn bị tẩu hỏa nhập ma. Vì sao? Vì không thấu rõ giáo lý Phật pháp nên giải hành chẳng được tương ứng, chẳng nhận biết được cảnh giới xấu tốt, gặp cảnh giới nào cũng tò mò, ham thích, rốt cuộc mắc kẹt ở trong đó. Do đó Hòa Thượng Tịnh Không nói, người thời nay nếu chỉ lão thật niệm Phật thì không đủ, nên trong các Phật thất phải chia thời gian ra làm 2 phần, ½ nghe kinh giảng pháp và ½ niệm Phật, pháp hỷ mới sung mãn, không bị tẩu hỏa nhập ma.

Trong kinh A Di Đà, đức Phật nói: *“Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, nhược nhất nhật... (cho đến)... nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn,”* có nghĩa không chỉ chấp trì danh hiệu Phật từ 1 đến 7 ngày, mà còn phải *“văn thuyết A Di Đà Phật”* nữa.

“A Di Đà Phật” là danh hiệu tổng hợp của tất cả chư Phật – “A” là vô lượng, “Di Đà” là chánh giác, là Phật. “A Di Đà” là vô lượng chánh giác, vô lượng chư Phật. Vì vậy đọc kinh, nghe pháp (văn thuyết) về công đức của A Di Đà Phật và chấp trì danh hiệu A Di Đà Phật, cũng là nói công đức và niệm danh hiệu của vô lượng chư Phật; có nghĩa người niệm Phật không phải chỉ có Phật A Di Đà gia hộ, mà có cả chư Phật cùng hộ niệm. Với tha lực không thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật gia trì và mười phương chư Phật hộ niệm, nhất định trong 7 ngày văn thuyết và trì danh hiệu “A Di Đà Phật”, bạn sẽ đắc được quả vị A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ-đề.

Do đó, muốn viên mãn đại cương lãnh của pháp môn Tịnh Độ – Phát Bồ-đề tâm và Nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật, thì hằng ngày chúng ta phải đọc tụng kinh Vô Lượng Thọ hay kinh A Di Đà, hay nghe giảng pháp về công đức của Phật A Di Đà là văn thuyết. Còn chấp trì niệm Phật là hành, là gieo trồng phước đức để duy trì Tín-Nguyện kiên cố, mà phát khởi được tâm Bồ-đề rộng lớn. Do vậy, hai việc này cần phải đi đôi với nhau thì

mới giải hành tương ứng được. Thiện Đạo Đại Sư dạy: “*Đọc kinh và niệm Phật mỗi ngày không gián đoạn là duyên giúp một phàm phu như chúng ta có thể vãng sanh thượng phẩm.*”

Hòa Thượng Tịnh Không nói: “*Về nguồn không hai lối, phương tiện có nhiều ngõ*”. Thế nhưng muôn nẻo dặm trường lại dài ngắn khác nhau. Nếu thật dốc lòng muốn tìm đường tắt để về Tây Phương, thì không ngoài việc “*Phát Bồ-đề tâm, trì danh niệm Phật,*” tức tin sâu, chí thành phát nguyện, một lòng niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc thật đúng là rất thích đáng thẳng tắt, liễu nghĩa cực viên đốn chẳng thể nghĩ bàn được. Đã biết ngõ này là chí đốn, chí viên, vậy đi tìm cầu ngõ quanh nào khác nữa chi đây?

Xin hãy cùng nhau cần lao mà tu học, không để thời thất tâm Bồ Đề, và nhất ý đồng phát nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc quốc!

Diệu Âm Trí Thành và Diệu Âm Quảng Hồng



Làm thế nào để phát Bồ Đề Tâm?

Sách An Lạc viết: *Nếu muốn phát tâm làm Phật thì tâm ấy rộng lớn trùm khắp pháp giới. Tâm ấy rất ráo, ngang với hư không. Tâm ấy lâu xa đến cùng tận đời vị lai. Tâm ấy trọn khắp, lìa nhị thừa chướng. Nếu phát được tâm ấy thì khuynh đảo được sanh tử vô thủy và trầm luân trong các cõi. Dem tất cả công đức hồi hướng Bồ Đề thì đều có thể đạt tới Phật quả, chẳng bị diệt mất”.*

Ai ai cũng có thể phát tâm Bồ Đề, vì tính Bồ Đề vốn có sẵn trong tâm của tất cả chúng sanh. Không nên cho rằng căn cơ của mình cạn cợt, không có tư cách thành Phật, hay Phật đạo cao xa vời vợi chẳng thể thành tựu.

*Mê thì Bồ Đề là vọng tưởng,
Ngộ thì vọng tưởng là Bồ Đề.*

Hãy thâm tín pháp môn Tịnh Độ, chân thành nương tựa vào 48 đại nguyện của Phật A Di Đà, tin rằng bản lai diện mục của mình vốn là Phật. Tin rằng dầu chúng ta là một chúng sanh hạ căn hạ liệt, đầy dẫy tội nghiệp, nhưng Phật A Di Đà đã có bi nguyện rộng sâu để tiếp độ ta. Với niềm tin chân thành sâu sắc này gọi là “*Chí thành tâm và Thâm tâm*”. Dùng thâm tâm này để làm điều gì? Mong cầu thành Phật. Vì mục đích muốn đến Tây Phương Cực

Lạc thế giới của chúng ta là để làm Phật cứu độ chúng sanh, đó là ý nghĩa của “*hồi hướng phát nguyện tâm*”.

Ngẫu Ích Đại Sư nói: “*Tin sâu - Nguyện thiết - Cầu sanh tịnh độ*” là nói đến ba thứ tâm này trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, và nó cũng đích thật là Bồ-đề tâm. Do đó phát Bồ-đề tâm cũng là phát 3 tâm này, từ nơi tâm địa của chính mình. Khi đã phát thệ rồi thì phải kiên cố duy trì. Tâm ví như gốc rễ, hành vi ví như cành lá - nếu muốn chặt bỏ một cây độc thì phải chặt tận gốc rễ, chứ tu trên hình thức chẳng khác chi tỉa lá, chặt cành, tu cho đến bao giờ mới thành tựu?

Vì vậy nếu chỉ tu nơi hành vi không cũng chẳng thể được rốt ráo; vì chưa buông xả được tiền tài, danh lợi, tình chấp gia đình, tham sân si mạn nghi và ngay cả thân mạng của mình; những thứ này đích thực là gốc rễ của phiền não, cần được chặt đứt bằng Bồ Đề tâm.

Khi tâm Bồ-đề vừa phát khởi, thì phiền não liền ngừng dứt. Đây là uy lực trọng yếu của Bồ-đề tâm, nó là chánh nhân để vãng sanh Cực lạc, và cũng là chánh nhân để thành Phật.

Tóm lại người phát được Bồ-đề tâm là người có khả năng buông bỏ hết tất cả thân tâm thế giới, một lòng “*Tin sâu - Nguyện thiết - Cầu sanh tịnh độ*”, không có xen tạp, kiên cố không thoái chuyển. Nếu cần phải bỏ cái thân

mạng này, họ cũng sẵn sàng không chút hối tiếc. Vì sao? Vì họ có trí tuệ chân thật, biết rõ tất cả pháp tánh trong vũ trụ đều là “*thành trụ hoại diệt*”, họ đã tiếp nhận được “*Bồ-tát giải thoát pháp môn*³”, gọi là *huyễn trụ*.

Vì được *Bồ-tát giải thoát pháp môn* này nên thấy:

1. *Tất cả thế giới đều là huyễn trụ, do nhơn duyên mà sanh khởi.*
2. *Tất cả chúng sanh đều là huyễn trụ do nghiệp phiền não mà sanh khởi.*
3. *Tất cả thế gian đều là huyễn trụ, do vô minh, hữu, ái xoay vần làm duyên sanh khởi.*
4. *Tất cả pháp đều là huyễn trụ, do những huyễn duyên ngã kiến, vân vân, sanh khởi.*
5. *Tất cả tam thế (tam thiên đại thiên thế giới, quá hiện vị lai) đều là huyễn trụ, do những điên đảo trí ngã kiến vân vân sanh khởi.*
6. *Tất cả chúng sanh sanh diệt, sanh lão bệnh tử ưu bi khổ não đều là huyễn trụ, do hư vọng phân biệt sanh khởi.*
7. *Tất cả quốc độ đều huyễn trụ, do tướng đảo, tâm đảo, kiến đảo và vô minh hiện khởi.*

³ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, Phẩm Nhập Pháp Giới.

8. *Tất cả Thanh văn và Bích Chi Phật đều là huyễn trụ, do trí đoạn phân biệt mà thành.*
9. *Tất cả Bồ-tát đều là huyễn trụ, do những hạnh nguyện hay tự điều phục và giáo hóa chúng sanh mà thành.*
10. *Tất cả Phật Bồ-tát chúng hội biến hóa điều phục, những công hạnh đều là huyễn trụ, do nguyện trí huyễn mà thành.*

Nhận biết rõ về chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sanh mà Kinh Kim Cang đã nói, “*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng,*” thì tâm không còn dính mắc, sẽ buông xuống được vạn duyên, và thành tựu chánh định “*Quán pháp như hóa, tam muội thường tịch*”.

Buông xả được một phần, thì nhìn thấu được một phần, cứ dần thế mà tăng trưởng Bồ-đề tâm của mình. Khi buông xả được rất ráo ròi, thì sẽ có được mọi sự tự tại trong mọi hoàn cảnh của không gian và thời gian, sẽ là một Quán Tự Tại thực hành thâm sâu Bát Nhã Ba La Mật trong tất cả các thời.

Trên lý là vậy, nhưng trên sự muốn phát được Bồ-đề tâm chẳng phải là chuyện dễ làm. Đòi hỏi cần có nhân duyên, mà nhân duyên của chúng ta thì không đồng như nhau, do đó mỗi người đều nên tùy thuận vào nhân duyên của riêng mình mà phát Bồ-đề tâm. Mặc dù duyên có khác nhau, nhưng Bồ-đề tâm đã phát thì kết quả đều giống như nhau.

Mười nhân duyên để phát Bồ-đề tâm

Thập nhất Tổ Thật Hiền, tức Tịnh Am Đại Sư, người đời nhà Thanh, khai thị 10 nhân duyên có thể giúp cho chúng ta phát được Bồ-đề tâm:

1. *Niệm (nghĩ nhớ) ân đức Phật,*
2. *Niệm ân đức cha mẹ,*
3. *Niệm ân đức sư trưởng,*
4. *Niệm ân đức thí chủ,*
5. *Niệm ân đức chúng sanh,*
6. *Niệm sanh tử khổ đau,*
7. *Tôn trọng tánh linh của mình,*
8. *Sám hối nghiệp chướng,*
9. *Cầu sanh tịnh độ,*
10. *Khiến cho chánh pháp của Phật cứu trụ thế gian.*

Mười nhân duyên trên đích thực là Tịnh Nghiệp Tam Phước, mà Thế Tôn nói trong kinh Quán Vô Lượng Thọ và kinh Vô Lượng Thọ. Vậy tu Tịnh Nghiệp Tam Phước (hay 10 điều trên) là cách kết tạo nhân duyên để phát khởi và duy trì Bồ-đề tâm, là chánh nhân của việc vãng sanh Cực Lạc, và cũng là chánh nhân để thành Phật.

- 1- *Niệm ân đức Phật:*

Phật là bậc đáng được tôn kính, Ngài đã tự mình tu tập để giác ngộ viên mãn và có thể hướng dẫn người khác tu tập để cũng được giác ngộ như mình. Từ vô thủy kiếp cho đến nay, nhân khổ trong từng mỗi sát na mà không hề nhàm chán, hay ngừng nghỉ phát lòng bi mẫn bao la đối với tất cả chúng sanh. Phật luôn dùng tâm từ-bi-hỷ-xả, tâm đại bi-thanh tịnh-bình đẳng mà khuyên bảo chúng sanh lánh xa những điều tội lỗi, khuyến khích làm những điều lành. Phật là bậc thông suốt tất cả các pháp của thế gian chúng sanh, thế gian các cõi, và thế gian pháp hành, vì Trí Tuệ của đức Phật đã viên mãn cùng tột. Phật đem giáo lý cao thượng đã chúng ngộ được mong tế độ chúng sanh, đem lại sự lợi ích và sự giải thoát đến cho chư thiên, phạm thiên và loài người vượt qua sanh, lão, bệnh, tử, sầu não, thương tiếc, đau đớn, tham ái, sân hận, ngã mạn, tri kiến, tà kiến, hay các nghiệp bất thiện khác... để được giải thoát, dứt nẻo Tam giới gian nan, không còn luân hồi trong sáu nẻo.

Nên ân đức của Phật rất sâu nặng, nếu đem so sánh với ân đức của cha mẹ trong một đời thì vượt xa rất nhiều.

Vậy làm sao để có thể báo ân Phật? Chúng ta phải phát tâm Bồ-đề hộ trì hoằng truyền chánh pháp, làm cho Phật pháp tồn tại dài lâu ở thế gian, khiến cho hết thầy chúng sanh gặp được Phật pháp, thọ trì đọc tụng, y giáo phụng hành, vì người diễn nói kinh Phật. Phát lòng Tín-

Nguyện-Hạnh, niệm Phật cầu sanh Cực Lạc để thành Phật mà tiếp nối sự nghiệp của Như Lai.

2- *Niệm ân đức cha mẹ:*

Công ơn của cha mẹ đối với chúng ta cao vời vợi như núi Thái Sơn, lòng bi mẫn lại dạt dào như nước chảy nơi đầu nguồn. Kinh Vu Lan nói, dầu cho có người vai phải cõng cha, vai trái cõng mẹ, đi vòng núi Tu Di⁴ trăm ngàn lần cũng không đủ để trả hiếu cho cha mẹ. Nên mới thấy ân trọng này không dễ dàng báo đáp.

Vậy làm sao để có thể đền ơn báo hiếu cho cha mẹ? Kinh Địa Tạng Bồ Nguyện và kinh Vu Lan Báo Hiếu dạy, phụng dưỡng cha mẹ chỉ là tiểu hiếu, khuyên lon và giúp đỡ cha mẹ mình đoạn ác, tu thiện để không bị đọa lạc vào ba đường ác đạo mới là đại hiếu. Nếu giúp cho cha mẹ niệm Phật vãng sanh Cực Lạc, một đời này thành Phật là vô thượng đại hiếu, chẳng có hiếu nào có thể sánh bằng.

Hòa Thượng Tịnh Không nói, vừa khi chúng ta phát Bồ-đề tâm nhất hướng chuyên niệm A Di Đà, đem công đức này hồi hướng để cầu siêu cho ông bà cha mẹ và quyến thuộc, thì họ liền sẽ được độ thoát.

4 Núi Tu Di là trung tâm của một tiểu thiên thế giới. Do bốn báu hợp thành, nằm giữa đại hải, cao khỏi mặt nước ba trăm ba mươi sáu vạn dặm. Mặt ngoài có chín ngọn núi, tám biển. Phía ngoài vì của núi Tu Di là Thiết Vy sơn.

Như Ngài Quang Mục, tiền thân của Bồ-tát Địa Tạng Vương, khi vừa phát Bồ-đề tâm niệm Phật, thì mẹ của Ngài cùng vô số chúng hữu tình nơi địa ngục ấy liền đồng được siêu thoát. Vì sao? Vì tâm của Ngài chẳng phải là vọng tâm giống như chúng ta, tâm của Ngài là chân tâm thanh tịnh, nên khi vừa phát khởi Bồ Đề tâm niệm Phật, thì sức mạnh từ bi ấy lập tức lan tỏa chiếu soi mà không hề bị ngăn ngại, và chính nhờ sức mạnh từ bi này đã cảm hóa được tâm chúng hữu tình nơi địa ngục, giúp họ hốt nhiên tỉnh ngộ mà tự siêu thoát.

3- *Niệm ân đức sư trưởng:*

Cha mẹ sinh dưỡng sắc thân ta, sư trưởng trưởng dưỡng trí huệ ta. Nên nếu không có sư trưởng thế gian thì ta không hiểu biết về lễ nghĩa, vậy khác chi loài cầm thú? Nếu không có sư trưởng xuất thế gian thì ta không hiểu biết về Phật pháp, trí huệ không thể khai mở vì giáo pháp rộng rãi mênh mông, vậy khác chi phàm tục? Cho nên công ơn của sư trưởng (thầy) không thua gì ân đức của cha mẹ. Chỗ khác biệt nơi ân đức của Phật là phi thời xứ, còn ân đức của sư trưởng hoặc của cha mẹ chỉ trong có một đời này. Nên với những lời khuyên bảo dạy dỗ của sư trưởng (thế gian hay xuất thế gian) đều giúp ta trưởng dưỡng trí huệ, nên những ân nghĩa này cần phải báo đáp.

4- *Niệm ân đức thí chủ:*

Người Phật tử thường muốn nương tựa vào phước điền của người xuất gia, họ đã không quản ngại nhọc nhằn dùng công sức mình làm việc, dành dụm một số tiền để cúng dường thực phẩm, cung cấp thuốc men, áo vải v.v... hòng hộ trì người xuất gia có thể sống an ổn về mặt vật chất mà lo tu hành. Nên nếu người xuất gia không siêng năng tu hành, không phát lòng từ bi hoằng pháp lợi sanh; tức không chịu rôt ráo thực hành 2 việc: *trang nghiêm Bồ Đề tự thân* (*Trang Nghiêm, Thanh Tịnh, Bình Đẳng*), và *trang nghiêm Phúc Trí tự thân*, để làm lợi ích cho hết thầy hữu tình thì tất sẽ có lỗi với tứ chúng. Vì người Phật tử cúng dường vào nơi không có chánh pháp này, phước đức của họ cũng không thể hiển lộ sớm được.

Và người Phật tử nhận pháp cúng dường từ người xuất gia hay cư sĩ tại gia, cũng phải nhớ nghĩ ân đức của những thí chủ này.

5- *Niệm ân đức chúng sanh:*

Nếu tính kể luân hồi thay đổi từ vô lượng kiếp đến nay, thì ta và chúng sanh (kể cả những loài bò bay máy cưa...) đây kia – tuy nay đã thay hình đổi dạng, nhưng trong quá khứ có thể họ đã từng là cha mẹ, là thân bằng quyến thuộc với ta; tức đây kia từng có ân nghĩa với ta. Nay trong vô số lượng quyến thuộc này có thể đang bị thống khổ quần quai trong tam ác đạo, ngày đêm đang gơ tay mong đợi và kỳ vọng cầu ta cứu độ giúp cho. Vậy ta

có thể làm ngơ, chẳng tận lòng phát Bồ Đề tâm, chẳng cầu thành Phật đạo để tận sức mà đáp đền lại những ân nghĩa xưa được chẳng?

Và tất cả những việc lớn nhỏ đến vật nhỏ như: hạt gạo, tấm áo... mà chúng ta đang thọ dụng ở đời này, không có gì mà không nương nhờ nơi sự làm việc khổ nhọc của tâm trí cho đến sức lực của biết bao chúng sanh, do đó chúng ta cũng cần phải biết đền báo những ân này.

6- *Niệm sanh tử khổ đau:*

Người xưa dạy rằng: “*Chỉ sắc thân này, ai tin thân là gốc khổ? Tham đắm dục lạc ở đời, không biết niềm vui ấy là nhân của khổ!*” Cổ đức xưa lại nói: “*Lúc sanh đau, lúc già đau, lúc bệnh đau, lúc chết đau, hoạn nạn cùng khổ đau đớn, lửa dâm dục đốt, lửa sân giận đốt, lửa tham trộm cắp đốt, lửa tà nguy đốt, lửa ngu si đốt, đây là ngũ thống, ngũ thiêu.*” Được thân người ít như chút đất nơi móng tay, mất thân người nhiều như đất nơi đại địa. Cho dầu có được thân người, vẫn nên thường quán sát suy tư về Bát Khổ của kiếp người, cho đến nỗi khổ vô tận vô biên trong sáu cõi. Riêng về nỗi thống khổ trong tam đồ, Phật nói: “*sanh tử không ngại, ác đạo không dứt tuyệt... vào ba đường ác, chịu vô lượng khổ, xoay vần lũy kiếp, không có hạn kỳ ra khỏi, khó được giải thoát, đau đớn không thể nói hết. Nên có ngũ ác, ngũ thống, ngũ thiêu, như lò lửa lớn thiêu đốt thân người...*” Thật đáng kinh sợ!

Vậy hãy luôn nhớ cái khổ nạn sanh tử này mà cần phải phát tâm Bồ Đề, và luôn quán “*xét xem ba cõi như lao ngục, nhìn sanh tử như oan gia,*” thì tâm cầu giải thoát và ý nguyện về Tây Phương mới tha thiết, bền chặt.

7- Tôn trọng tánh linh:

Phật nói: Tâm, Chúng sanh và Phật là một. Có nghĩa tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đều tương đồng như tam thể chư Phật, khi Trí Huệ khai mở thì đều có thể thành Phật. Cho nên giác tánh linh vốn sẵn có của chúng ta rất là quý báu, cần phải được tôn trọng. Chúng ta chỉ vì bất giác mà lầm mê nên nhận huyễn làm chân, nay để khôi phục tánh linh vốn có sẵn của mình bằng cách phát tâm Bồ Đề, dùng vô lượng thiện pháp để đối trị vô biên phiền não, “*nhất tâm giữ ý, đoạn thân chánh niệm, ngôn hành tương xứng, chí tâm làm lành, không làm điều ác, thân tự độ thoát, đặng được phước đức, đạt sự trường thọ đắc đạo Bồ Đề,*” cho mau chóng viên mãn thành tựu Phật tánh của mình.

8- Sám hối nghiệp chướng:

Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên nói: “*Từ trong vô thủy kiếp từ quá khứ đến nay, ta vì do tham sân si, phát khởi ở thân, miệng, ý nên tạo ác nghiệp nhiều vô số kể. Nếu những ác nghiệp ấy mà có hình tướng*

thì tận cùng hư không trong vũ trụ cũng không thể nào chứa hết.”

Hòa Thượng Tịnh Không dạy: “Hãy phát lòng sám hối, vì sám hối là cam lồ, sám hối có thể rửa sạch ô uế quá khứ của tâm linh để trong quá trình đó sẽ đạt được tịnh hóa và tái sinh không ngừng nghỉ. Một người không sám hối, tính linh sẽ không thể tiến triển và tiến hóa, vì không sám hối nên tính linh tiếp tục bị ô nhiễm, trái tim tiếp tục vọng tưởng chấp trước. Không sám hối thì không nhìn nhận và tiêu trừ sai lầm quá khứ, vọng tưởng sai lầm mới sẽ tiếp tục tạo ra. Khi một người không tái phạm lỗi lầm lần thứ hai, chúng ta đã sám hối quá khứ. Chúng ta không những phải sám hối tội nghiệp đã biết, càng phải sám hối cho những tội nghiệp không biết, luôn luôn sám hối. Cổ đức nói: **“Tội từ tâm khởi dùng tâm sám, nếu tâm diệt thời tội cũng không. Tâm vọng tội diệt cả hai đều không, đó chính là chân thật sám hối”**. Một người biết sám hối là người được phước, lại càng được cứu. Sám hối chính là ánh hào quang của tâm linh, là vốn liếng lương thực trên con đường vắng sanh Tây Phương.”

Vì vậy người có tâm sám hối, sẽ không tái phạm nữa, đó là chân sám hối!

Niệm Phật là pháp môn sám hối tốt nhất, vì một tiếng niệm Phật tương ưng sẽ diệt được tám mươi ức kiếp trọng tội sanh tử.

9- **Cầu sanh Tịnh Độ:**

Đại sư Ngẫu Ích nói: “*Chư Phật vì thương xót chúng sanh mê mờ nên theo căn cơ mà giáo hóa, tuy nẻo về không hai nhưng phương tiện có nhiều môn. Song trong tất cả các phương tiện, nếu tìm pháp môn rất vững chắc, rất viên đốn thì chẳng gì bằng **niệm Phật để cầu sanh Tịnh Độ***”.

Đại sư Tịnh Am nói: “*Nói phước nhiều, không bằng trì danh hiệu Phật; nói thiện nhiều, không bằng phát quang đại tâm. Trì Thánh hiệu, phước hơn bố thí trăm năm; phát đại tâm, phước hơn tu hành muôn kiếp.*”

Cõi Tịnh độ của Phật A Di Đà là cõi không có các khổ, chỉ có các sự vui, siêu thắng vượt trội hơn các quốc độ Phật khác. Nếu không cầu sinh Tịnh độ, thì trong biển khổ Ta bà sẽ phải chịu thống khổ muôn đời kiếp, nên nếu đã thật tâm niệm Phật thì hãy nên phát nguyện cầu sanh Tịnh độ.

10- **Khiến cho chánh pháp của Phật cứu trụ thế gian:**

Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn dạy rằng: “*Pháp vô thượng của chư Phật Như Lai, thập lực vô úy, vô ngại, vô trước, pháp thậm thâm sâu, pháp Ba La Mật của hàng Bồ Tát, chẳng thể dễ gặp. [nên chúng ta phải] Chuyên cần tu hành, tùy thuận giáo pháp của Ta. Phải hiếu với Phật, thường nhớ ân sư. Khiến cho pháp này bất*

*diệt, lưu truyền dài lâu. Kiên cố giữ gìn, không được hủy hoại vong thất. Không được khởi vọng, tăng giảm kinh pháp. Thường niệm chẳng dứt, chóng đắc đạo quả. Pháp của Ta như thế, nói như thế. Nên **hành theo hạnh Như Lai** đã hành. Vun bồi phước thiện, cầu sanh về cõi Tịnh Độ.”*

Vì chánh pháp của Phật là pháp vô thượng, nên kinh điển cần phải triển chuyển không ngừng để pháp này bất diệt. Muốn vậy tu sĩ xuất gia cũng như Phật tử tại gia cần phải trang nghiêm tự thân để viên mãn tâm Bồ Đề, tức phải trang nghiêm hai hạnh phước trí, hành theo những hạnh Như Lai đã hành. Từ đó phát Tâm Đại Bi trang nghiêm tất cả các công hạnh, làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh.

Năm xưa trước khi Đức Thế Tôn nhập diệt, ngài A Nan có thỉnh giáo Phật rằng, khi Phật còn trụ thế chúng con tôn Phật làm thầy, vậy sau khi Phật nhập diệt, chúng con biết lấy ai làm thầy đây? – Phật trả lời: “**Lấy Giới làm thầy, lấy Khổ làm thầy**”.

- Lấy Giới làm thầy: “Giới” luật là thọ mạng của Phật pháp, giữ được giới pháp mới khiến cho Chánh pháp được trụ thế dài lâu. Cho nên tu sĩ xuất gia cũng như Phật tử tại gia, phải biết giữ giới pháp. Giữ được ‘giới’ pháp và có tinh thần giữ giới pháp, thì tâm mới được ‘định’ vì tâm có chủ thể, không bị duyên trần bên ngoài dao động, và

khi tâm định liền khai mở trí ‘huệ’. Do đó **Giới Định Huệ** cũng là tổng cương lĩnh mà Phật luôn phổ cập để giáo hóa tất cả chúng sanh.

- Lấy Khổ làm thầy: *Không thể chịu khổ, thì chẳng thể trì giới được.* Vì không thể chịu khổ thì không thể thiếu dục chi túc, phiền não dục vọng không thể buông xuống thì tâm chẳng thể khinh an. Phật cả đời thị hiện đều lấy sự khổ hạnh làm giới; dầu cho quốc vương, đại thần, trưởng giả muốn cúng dường nhiều phẩm vật, Ngài vẫn trì giữ ba y một bát, đêm ngủ không quá 3 lần dưới một cội gốc cây. Trong *kinh Đại Bát Nhân Giác*, Phật nói: “*Muốn nhiều là khổ. Sinh tử cực nhọc là vì ham muốn. Nếu ít ham muốn, cũng không bồn ba, thì thân và tâm tự tại tất cả.*” Cầu không được đã là khổ, cầu được rồi thì ham muốn sẽ tăng, nhân sinh tử cũng gia tăng theo, khi vô thường đến nổi khổ càng bị thúc bách hơn. Người càng thiếu dục tri túc, thì định huệ càng phát triển. Định huệ càng phát triển thì ái dục mong cầu càng ít, tâm Bồ Đề sẽ phát khởi. Như vậy, nương vào sự khổ hạnh chúng ta mới có thể tự hành hóa tha, để đạt đến chỗ thành tựu cứu cánh, vắng sanh Tịnh Độ.

Kinh Vô Lượng Thọ, Phật cũng dạy: chúng ta *phải nên tự tịnh tâm chánh thân, tai mắt mũi miệng đều phải đoan chánh, thân tâm tịnh khiết cùng thiện tương ưng. Dừng theo thị dục, không phạm điều ác. Ngôn sắc hòa diệu, thân hạnh nên chuyên, hành vi cử chỉ an định từ tốn.*

Tâm tâm phát nguyện cầu thành Phật, trì danh niệm Phật nguyện sanh Cực Lạc, thành đạo quả xong thì trở lại Ta bà cứu độ chúng sanh.

Phật pháp mà suy nhược thì ma pháp thịnh hành, nên gọi là “*ma cường pháp nhược.*” Nên muốn cho chánh pháp của Phật cứu trụ nơi thế gian để ‘thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ,’ thì Phật tử chúng ta phải hành trì Thập Thiện Nghiệp, hàng xuất gia phải chấp hành Sa Di Luật Nghi. Đồng thời cũng cần đào tạo thế hệ trẻ học Phật, tu hạnh Phật, y giáo phụng hành để chúng ngộ giải hành tương ứng, phát tâm thọ trì đọc tụng kinh điển, vì người diễn nói kinh Phật, để làm cho giáo pháp của Phật luôn hưng thịnh, và thường trụ nơi thế gian như các vị Tổ Sư đại đức thời xưa đã làm. Được vậy thì Phật pháp mới hy vọng phục hưng như các thời Tượng pháp và Chánh pháp.

Kết luận:

Chúng ta hãy thật vì mười ân đức cần báo đền trên, và hãy thật vì sanh tử mà nỗ lực tu hành cầu cho được sự thành tựu vãng sanh. Bằng cách nào đây? Ngay bây giờ hãy chân thành “***Phát Bồ Đề tâm, trì danh niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ***”.



Duyên Khởi Kinh Vô Lượng Thọ

Kinh Vô Lượng Thọ là bộ kinh kể lại công đức tu tập của Tỳ Kheo Pháp Tạng, tiền thân của Đức Phật A Di Đà với 48 đại nguyện từ bi cứu độ chúng sanh, và sự thành tựu viên mãn cõi nước Tây Phương Cực Lạc trang nghiêm thanh tịnh.

Riêng về 48 đại nguyện của Phật A Di Đà, thì nguyện nào cũng chứa đựng vô lượng nguyện thù thắng vô thượng chẳng thể nghĩ bàn, chẳng hề có hạn lượng. Và nguyện nguyện nào cũng đều dung nhập lẫn nhau không bị cách ngại. Tổ sư Thiện Đạo còn bảo: *“Tuy hoằng thệ nhiều đến bốn mươi tám nguyện, nhưng chỉ để nói lên Niệm Phật là việc thiết yếu nhất.”* Có nghĩa 48 nguyện này cốt yếu cũng chỉ nhằm đề cao sự Niệm Phật. Trong kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ, kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật Thích Ca cũng đã tán thán Phật A Di Đà là “Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương,” và quốc độ Tây Phương Cực Lạc được coi như một tòa lâu đài tráng lệ nhất trong tất cả cõi nước Phật khác.

Kinh Vô Lượng Thọ được khởi duyên nơi thành Vương Xá trong núi Kỳ Xà Quật, do bởi Tôn Giả A Nan khi nhìn thấy đức Thế Tôn ngồi thiền định, nghĩ đến chánh đạo mà phóng ra vô lượng quang minh rực rỡ màu vàng tử kim. Lúc ấy, Ngài hiển hiện sắc thân nghiêm tịnh

rạng rỡ, quang nhan nguy nguy, diện sắc viên mãn hiện bóng cõi nước báu trang nghiêm của cõi Phật, từ xưa đến nay dầu Tôn Giả A Nan luôn hầu cận bên Phật cũng chưa từng thấy quang minh oai thần đẹp lạ như thế. Do vậy, Tôn Giả A Nan khởi sanh lòng thắc mắc, tự khéo suy nghĩ mà hỏi Phật, là vì sao hôm nay Phật lại có oai thần hiển diệu, trong ánh sáng tuyệt luân thù diệu như vậy.

Do Tôn Giả A Nan hỏi, đã đề khởi nhân duyên để Phật thuyết kinh Vô Lượng Thọ. Nên Phật khen ngợi Tôn Giả A Nan, đã vì lòng từ bi thương xót muốn đem lợi lạc đến cho hết thảy các chúng sanh (từ các hàng trời, người, cho đến các loài bò bay máy động) nên đã hỏi điều vi diệu này. Vì sao vậy? Vì nhờ vào câu hỏi của Ngài Anan mà đời tương lai sẽ khiến cho hết thảy chư Thiên, nhân loại và các hàm linh, nương vào pháp môn này thọ trì đọc tụng, y theo giáo pháp tu hành mà vĩnh viễn được độ thoát.

Ngài A Nan thưa Phật: *“Bạch đức Thế Tôn! Hôm nay Thế Tôn nhập Đại Tịch Định, an trụ trong pháp kỳ đặc, an trụ trong hạnh đạo sư, an trụ nơi đạo vô thượng tối thắng của chư Phật trụ. Quá hiện vị lai, Phật Phật nhớ nhau. Thế Tôn vì nhớ chư Phật quá khứ, chư Phật vị lai hay nhớ chư Phật hiện tại phương khác?”*

- Vì sao Ngài A Nan biết Phật đang niệm Phật tam muội, mà hỏi: *“Thế Tôn đang an trụ trong pháp kỳ đặc,*

an trụ trong hạnh đạo sư, an trụ nơi đạo vô thượng tối thắng của chư Phật trụ?” Trên kinh thường nói, “mười phương ba đời chư Phật cùng đồng một pháp thân, một tâm một trí tuệ, lực vô úy cũng như vậy.” Vì tam thế chư Phật đều có ý niệm hóa độ chúng sanh, nên quang minh của mỗi vị dung nhiếp lẫn nhau, trí từng vị soi chiếu lẫn nhau, nên bảo là nghĩ nhớ (niệm) lẫn nhau. Nay đức Thế Tôn sắp khai diễn diệu pháp A Di Đà, nên Ngài trụ nơi chỗ Phật A Di Đà đã trụ, hành hạnh của Phật A Di Đà đã hành, và niệm điều Phật A Di Đà đã niệm.

Chữ ‘đạo vô thượng tối thắng’ ở đây nghĩa là gì? Chính là đạo niệm Phật cầu vãng sanh! Phật Phật cũng niệm Phật, Bồ Tát cũng niệm Phật, nên ngay lúc chúng ta đang niệm Phật, tâm chúng ta cũng là Phật, tâm này làm Phật thì ngay khi ấy không phải chúng ta cũng chính là Phật hay sao? Cho thấy đạo niệm Phật là phương tiện vô thượng liễu nghĩa, tối thắng và viên đốn đến cùng cực.

- Từ sự việc trên, thấy rằng thân phận của Ngài A Nan thật chẳng thể tầm thường, Ngài thị hiện dưới vai trò làm thị giả của Phật Thích Ca, mục đích để tùy cơ ứng duyên mà hoàn thành bổn nguyện của Ngài: *truyền trì Phật pháp*, tiếp nối dòng huệ mạng của Phật từ quá khứ dẫn đến tương lai.

Vì sao lại như vậy? Vì *Phật pháp là sư đạo*, để truyền trì Phật pháp nên Phật Bồ Tát đã dùng mọi phương

tiện khéo léo, vô lượng vô biên tùy loại hóa thân, tùy cơ thuyết pháp. Do đó “một Phật ra đời thì ngàn Phật ủng hộ”; chư Phật Như Lai, pháp thân đại sĩ cũng tái sinh thị hiện làm học trò, làm cha mẹ, vợ con, hộ pháp, ác nhân, thiện nhân v.v.... thể hiện nhiều vai trò như một vở kịch trên sân khấu, dùng 3 tướng thân-khẩu-ý để trình diễn những giáo pháp của Phật, dùng phương tiện thiện xảo như vậy mới có thể phổ độ chúng sanh!

Trong kinh Vô Lượng Thọ, Đức Phật đã kiến văn biết trước đời vị lai mà khuyến cáo cho hết thảy chúng sanh trong đời mạt pháp rằng: ***“Đời tương lai khi kinh đạo diệt tận, Ta đem lòng từ bi thương xót, đặc biệt riêng lưu kinh này trụ một trăm năm. Nếu có chúng sanh nào gặp được kinh này, tùy ý sở nguyện, đều được độ thoát.***

Như Lai ra đời rất khó gặp, khó thấy; kinh đạo của chư Phật khó được, khó nghe. Gặp thiện tri thức, nghe pháp xong có thể tu hành cũng đã là khó. Nếu nghe kinh này, tin thích thọ trì là điều khó nhất trong khó, không có gì khó hơn nữa.”

Hôm nay những đạo hữu có mặt trong hội trường, cũng có những vị chưa từng biết đến kinh Vô Lượng Thọ mà đã nghe đặng lời nói này của Thế Tôn, quý vị nghĩ sao? Quý vị nghĩ có nên vâng lời Phật dạy mà thọ trì đọc

tụng kinh này không? Để phá lưới nghi của quý vị, tôi lại xin nói tiếp.

Vậy tầm quan trọng của kinh Vô Lượng Thọ như thế nào mà Phật lại đặc biệt chú trọng để lưu lại thêm 100 năm nữa, sau thời mạt pháp? Tại sao Phật không lưu lại kinh khác mà chỉ riêng lưu lại một kinh này? Chúng ta hãy cẩn thận chú ý từng câu từng chữ lời Phật nói, để nhận biết rằng đức Thế Tôn đã nói quá rõ bản diện đời vị lai rằng: ***Đời tương lai khi kinh đạo diệt tận, chỉ có kinh này mới có thể độ thoát chúng sanh.*** Chẳng cần phải suy đoán thêm nữa, vì nghĩa bóng và nghĩa đen đều đã nằm hết trên mặt chữ cả rồi!

Kinh Vô Lượng Thọ là kinh khế lý khế cơ với mọi căn tánh của chúng sanh thời mạt pháp, bất kể là bậc thượng, trung hay hạ đều có thể thọ trì, sâu hay cạn là tùy thuộc vào căn tánh và phước báo của mỗi người. Kinh Vô Lượng Thọ chính là phương thuốc trị liệu đúng với mọi căn bệnh của mọi chúng sanh trong thời đại này. Toàn bộ cương lĩnh tu hành của kinh Vô Lượng Thọ đều quy về Phổ Hiền Hạnh. Tỳ Kheo Pháp Tạng – tiền thân của Phật A Di Đà lúc còn tu Bồ-tát đạo, cũng phải tu Phổ Hiền Hạnh để thành đạo. Do đó hạnh Phổ Hiền được xem là hạnh quan trọng nhất, là liều thuốc có công hiệu trị liệu cho tất cả các căn bệnh của chúng sanh. Thế nhưng căn tánh của chúng sanh lại có vô lượng sai biệt, nên Phật chỉ dạy từ pháp thấp lên cao, do đó chư Tổ Sư Đại Đức cũng

vì lòng từ bi mà rút gọn nó lại thành năm điều mục, cũng sắp xếp thứ tự tu hành từ thấp lên cao, để cho chúng ta dễ dàng có thể tu hành. Năm đề mục này chính là 5 Tông Chỉ của Tịnh Tông Học Hội, hay còn gọi là Ngũ Khoa Tịnh Độ, mà tôi sẽ giới thiệu đến quý vị ở phần sau.

Muốn cảm niệm ân đức của hết thầy chư Phật, Bồ-tát, Tổ Sư Đại Đức và các bậc Sư Trưởng xuất gia hay tại gia đã thương xót chúng sanh như con, đã tạo mọi phương tiện dễ dàng nhất để giúp chúng sanh có thể tin nhận, học tập và thực hành. Tri ân thì phải biết báo ân. Cách báo ân cao quý nhất là y theo giáo pháp của Phật mà phụng hành, để có thể tự lợi mình và lợi người, như hằng sa chư Phật và Bồ-tát trong thời quá khứ cũng đã làm như vậy để báo ân Phật.

Đây là hết phần giới thiệu kinh Vô Lượng Thọ. Đáng tiếc là chúng ta không có thời gian nhiều trong buổi tọa đàm này để nói trọn bộ kinh Vô Lượng Thọ. Nếu muốn nói cho trọn ý nghĩa và cảnh giới thâm mật bí yếu của kinh này, chúng phải mất ít nhất là vài tuần lễ cho đến một tháng mới có thể nói xong. Do đó tôi khẩn thiết yêu cầu quý vị, mỗi người thỉnh một quyển kinh Vô Lượng Thọ về nhà đọc tụng, và lắng nghe những bài thuyết giảng kinh này của Hòa Thượng Tịnh Không, để khai ngộ Phật tri kiến về pháp môn niệm Phật, và cách thức tu hành đúng như lời Phật dạy trong kinh. Nếu sau này còn có được nhân duyên nói tiếp kinh điển này, và có nhiều thời

gian hơn nữa, tôi nhất định phải bàn luận cho thật rộng và sâu vào trong cảnh giới của kinh này.

Diệu Âm Trí Thành



Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ là “Đảnh Pháp”

Năm xưa, khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, giảng kinh hơn ba trăm hội, nói pháp bốn mươi chín năm, nhưng mỗi bộ kinh điển thường chỉ được giảng qua có một lần. Riêng bộ kinh Vô Lượng Thọ chẳng phải Ngài chỉ giảng một lần, mà đã tuyên giảng chí ít phải là 3 lần (vì còn những bản kinh Vô Lượng Thọ đã bị thất truyền khác), có nghĩa cả đời Đức Thế Tôn đã dốc lòng hết sức nhằm giới thiệu cho chúng ta cõi Tây Phương Cực Lạc Tịnh Độ.

Ngày nay, Hòa Thượng Tịnh Không cũng vậy, đã liên tục thuyết giảng bộ kinh Vô Lượng Thọ này, tính đến nay cũng đã hơn 10 lần. Bên cạnh đó, Hòa Thượng cũng thường lấy kinh Hoa Nghiêm phụ giảng thêm, cốt để làm sáng tỏ diệu pháp và chân thật nghĩa của bộ kinh Vô Lượng Thọ, hầu giúp chúng ta có thể đoạn nghi sanh chánh tín, mà thâm nhập sâu vào pháp môn Tịnh Độ.

---oOo---

Kinh Hoa Nghiêm và kinh Vô Lượng Thọ

Lão cư sĩ Mai Quang Hy nói: Khi xưa, vào thời kỳ nhà Tùy và nhà Đường, là thời đại hưng thịnh hoàng kim nhất của Phật giáo ở Trung Hoa, và các vị đại đức pháp sư nổi tiếng thời ấy đều gần như tôn xưng Đại Phương

Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh là kinh bậc nhất trong nhà Phật, là pháp luân viên mãn của đức Phật. Mọi người còn cho rằng bộ kinh này chính là cương lĩnh của toàn bộ Phật pháp, là khái luận của toàn bộ Phật pháp, là đánh pháp của giáo lý. Giả như Hoa Nghiêm kinh giống như là gốc rễ của một cây cổ thụ, còn các kinh khác giống như cành lá trên thân cây đó, mà cành lá thì không thể rời khỏi cội gốc, nên gọi Hoa Nghiêm là pháp luân căn bản.

Toàn kinh Hoa Nghiêm đều mở ra cho chúng ta thấy vạn pháp của vũ trụ nhân sanh, và đến cuối kinh là phần biểu diễn của Ngài Thiện Tài qua năm mươi ba lần tham học nơi các vị thiện tri thức. Vậy thì kinh Hoa Nghiêm được cho là viên mãn ở chỗ nào?

Đại sư Thiện Đạo đời Đường nói rằng: “*Hết thầy chư Phật Như Lai thị hiện trong nhân gian thuyết pháp, chỉ nhằm giới thiệu công đức lợi ích của Tây Phương Cực Lạc thế giới cho mọi người.*” Dựa trên lời nói của Thiện Đạo đại sư, vậy chỗ dẫn đến rốt ráo viên mãn nhất của kinh Hoa Nghiêm chính là phẩm sau cùng, đoạn tối hậu – mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc – vì lúc này Ngài Thiện Tài mới thành tựu được trọn vẹn nguyện hải của Như Lai.

Chính vì vậy mà cư sĩ Ngụy Mặc Thâm, sau này đã đem phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện đưa vào Tịnh Độ Ngũ Kinh.

Nhưng đối với kinh Vô Lượng Thọ, thì cổ nhân lại nói: So với hết thảy kinh thì kinh Hoa Nghiêm là bậc nhất. Nhưng nếu đem Hoa Nghiêm so với Vô Lượng Thọ, thì sẽ thấy kinh Vô Lượng Thọ lại là bậc nhất. Vì sao? Vì kinh Hoa Nghiêm đến phần tối hậu, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười nguyện dẫn về Cực Lạc lúc này kinh mới viên mãn; còn kinh Vô Lượng Thọ từ đầu đến cuối – chữ nào, câu nào – cũng đều giảng về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Bởi thế có thể nói: *kinh Vô Lượng Thọ là chỗ quy túc của kinh Hoa Nghiêm.*

Nên về sau các vị cao tăng nói rằng: *Kinh Hoa Nghiêm và Pháp Hoa là phần tựa, kinh Vô Lượng Thọ là phần chánh thông, và kinh A Di Đà là phần lưu thông.* Cho nên cư sĩ Bành Tế Thanh mới nói, kinh Vô Lượng Thọ là trung bản của Hoa Nghiêm, kinh A Di Đà là tiểu bản của Hoa Nghiêm. Tất cả đều quy về Tịnh Độ!

---oOo---

Sự thù thắng của kinh Vô Lượng Thọ

Hoài bão cả đời của Đức Thế Tôn khi dạy bảo ngàn kinh vạn luận, là mong muốn khai thị cho chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật⁵, mà đạt đến chỗ viên mãn giác ngộ là

5 Tri kiến Phật tức là Bồ đề tứ trí (Thành sở tác trí, Diệu quan sát trí, Bình đẳng tánh trí, Đại viên cảnh trí) của chư Phật, cũng tức là ba đức (Pháp thân, Niết bàn, Giải thoát) đang ẩn tàng trong chúng sinh.

giải thoát. Tuy biết rằng “pháp Phật bình đẳng, không có sai biệt,” vì chân lý hàm chứa trong bất cứ kinh luận nào hay bất cứ bộ kinh điển nào cũng đều lợi ích như nhau. Người tu học Phật pháp, nếu có thể thâm nhập vào bất cứ bộ kinh điển nào thì đều có thể ngộ nhập được tri kiến Phật. Cho nên việc chọn lựa một bộ kinh, một pháp môn, đều là duyên phận của mỗi người; bởi do căn tánh, sự yêu thích và hoàn cảnh sinh hoạt không đồng.

Tuy không như kinh Hoa Nghiêm hay Pháp Hoa là kinh dành cho những người thượng căn lợi trí, nhưng kinh Vô Lượng Thọ lại siêu thắng hơn các kinh khác ở nhiều điểm:

- Vượt thẳng khỏi tam giới, đắc quả Phật, là giáo pháp viên mãn nhất.
- Dẫn dắt chúng sanh quy về niệ́m Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc.
- Phát khởi cái tâm “tâm này làm Phật, tâm này là Phật.”
- Tam căn phổ bị, phàm - thánh tề thâu! Phàm phu hay Bồ Tát đều bình đẳng thọ trì, niệ́m Phật cầu vãng sanh.
- Vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, thân cận với A Di Đà Phật, ắt chúng được Bồ Đề.
- Khi kinh pháp bị diệt tận rồi, chỉ riêng kinh này vẫn còn lưu lại để độ sanh.
- Kinh này nói pháp nan tín. Người tin được pháp khó tin này chính là kẻ đại trí.

Những lợi ích siêu thắng trên cho thấy kinh Vô Lượng Thọ là Viên Giáo, là kinh điển chí cao vô thượng đại viên mãn. Vì sao? Vì kinh Vô Lượng Thọ có nội dung vô cùng phong phú, hàm chứa cả Hiền Giáo, Mật Giáo, Tông Môn, Giáo Hạ. Có nghĩa là giáo lý của tám giáo Đại Thừa đều được hàm chứa đầy đủ ở trong một kinh ấy. “*Một là tất cả, tất cả là một.*”

Ngài Hoàng Niệm Tổ lại nói: “Kinh Vô Lượng Thọ thù thắng ở chỗ kệ lý, kệ cơ. Lý là Thật Tế Lý Thể, cũng tức là Chân Như Thật Tướng, bản tế chân thật. Kệ lý là vì kinh này vốn trụ nơi chân thật huệ để khai hóa hiển thị *Chân Thật Tế* cùng ban *cái lợi chân thật*, thuần nhất chân thật, đó là *Chân Thật Huệ*.”

Trong kinh, phẩm Đức Tuân Phổ Hiền nói: “*Khai hóa hiển thị **Chân Thật Tế***”. Phẩm Đại Giáo Duyên Khởi: “*Muốn cứu bạt quần sanh, ban cho **lợi ích chân thật***”. Phẩm Tích Công Lũy Đức lại nói: “***Trụ chân thật huệ***.” Chân Thật Tế là Pháp Thân đức. Chân Thật Lợi là Giải Thoát đức. Chân Thật Huệ là Bát Nhã đức. Ba điều chân thật này đều chính là ba đức của Niết Bàn.

- Chân Thật Tế: hiển thị cội rễ cùng cực của Chân Như Thật Tướng vô vi Pháp thân. Có nghĩa là đem mười pháp giới quy về Nhất Thừa quyết định thành Bồ Đề.

- Lợi ích chân thật: vì hết thủy hàm linh trong đời tương lai đều do Nhất Thừa nguyện hải của Phật Di Đà, nương sáu chữ hồng danh mà được độ thoát.
- Chân Thật Huệ: khai hóa tự tánh trí huệ, phá mê khai ngộ, ngộ nhập Phật tri kiến.

Cho nên kinh này hiển thị được Chân Thật Tế, ban cho cái lợi chân thật, để khai hóa Chân Thật Huệ. Ba thứ chân thật này, chính là tổng cương lĩnh của kinh này.

---oOo---

Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ là “Đảnh Pháp”

Kinh Vô Lượng Thọ dạy: *Giả như cúng dường hằng hà sa bực Thánh, chẳng bằng kiên đồng cầu đắc Chánh giác.* Tức việc tự độ cầu vãng sanh là “chánh giác,” là chuyện trọng yếu và phước báu hơn hết thủy các việc thiện lành khác. Nhưng muốn cầu ‘chánh giác’ thì chúng ta phải gặp được “chánh pháp.”

Quán xét sâu xa, chúng ta thấy kinh Hoa Nghiêm uyên áo thâm thâm sâu đến như vậy, thật vô lượng kiếp cũng không nghĩ cách gì sẽ có được cơ duyên hồng gặp. Vậy mà đời này chúng ta may mắn có duyên phận lại gặp được kinh ***Đại Thừa Vô Lượng Thọ*** này, nếu thật chân thành tu trì niệm Phật thì ngay trong một đời sẽ được vãng sanh thành Phật. Tức chỉ một đời này có thể liền “*thăng*

quán đánh giai”, nhất định sẽ chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề, được dự phần trong Liên trì hải hội A Di Đà Phật.

Quán là gì? Là đại bi hộ niệm. Đánh là gì? Đánh là tốt đỉnh. Trong Phật pháp, chỗ vô thượng tối cao, tuyệt đỉnh trong Phật pháp thì gọi là Đánh. Quán Đánh là “Đại Bi hộ niệm. Phật quả tốt đỉnh.”

Quán xét thấu đáo sẽ nhận biết, pháp môn mà Phật Thích Ca Mâu Ni đã dốc lòng muốn truyền dạy cho chúng ta chắc chắn phải là một pháp môn vi diệu chí cao vô thượng, nên tất phải là một đánh pháp. Trong kinh, đức Thế Tôn vô cùng tán thán A Di Đà Phật là “*Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*”, cũng như thường hay tán thán y chánh báu trang nghiêm nơi quốc độ Tây Phương Cực Lạc. Ngài còn ân cần phó chúc với Di Lặc Bồ Tát phải hoằng trì thủ hộ kinh này: “*Ta nay đúng như lý, tuyên nói pháp môn quảng đại vi diệu, được hết thầy chư Phật xưng tán này, đem phó chúc cho các ông, các ông phải cẩn trọng giữ gìn, thực hiện sự đại thủ hộ.*”

Đủ thấy Di Lặc Bồ Tát là người phụ trợ đức Thế Tôn hoằng truyền diệu pháp Tịnh Độ. Và chẳng chỉ riêng trong hội Long Hoa đời tương lai, Di Lặc Bồ Tát quyết sẽ nói kinh này, mà còn suốt tốt cùng đời vị lai cũng sẽ thường nói kinh này chẳng dứt. Và hết thầy các đức Phật vị lai trong Hiền Kiếp cũng đều sẽ tuyên thuyết kinh này. Vậy biết rằng, chỉ mình kinh này là có thể trường tồn

trong đời tương lai. Vì thế, hết thầy mười phương chư Phật Như Lai đều đồng tán thán và truyền thọ kinh Vô Lượng Thọ.

Hòa Thượng Tịnh Không nói: *Kinh Vô Lượng Thọ thật sự là “đánh pháp” là pháp cao tột đỉnh, cao hơn kinh Hoa Nghiêm, chúng ta phải biết điều này. Vì thế gọi là Đánh. Bởi lẽ đó, nếu đọc bộ kinh này từ đầu đến cuối một lượt tức là được mười phương hết thầy Như Lai quán đánh một lần, thật đấy, chẳng giả. Có thể y giáo phụng hành, lẽ nào chẳng được lợi ích!*

Do đó có thể thấy và hiểu rằng ***kinh Vô Lượng Thọ là kinh điển chí cao vô thượng đại viên mãn, là Phật quả tột đỉnh, là kinh được hết thầy chư Phật đồng hộ niệm, nên chắc chắn kinh này phải là đánh pháp.***

Đã nhận biết kinh Đại thừa Vô Lượng Thọ là đánh pháp, ngày ngày nếu chúng ta chuyên cần tu trì đọc tụng kinh này một lần, tức sẽ được tiếp nhận quán đánh một lần; nếu đọc hai lần sẽ được quán đánh hai lần, phước báu này còn ai có thể sánh được? Và nếu ngày ngày tháng tháng, chúng ta thường tu tập vô biên các hạnh tương ứng, thành thực vô biên căn lành hạnh của Bồ Tát, thì chúng ta lại được vô biên chư Phật Như Lai quán đánh, vô biên chư Phật đều cùng đại bi hộ niệm. Được như vậy thì chúng ta lo gì mà chẳng thể “thăng quán đánh giai”, hay chẳng thể khai ngộ?

---oOo---

Cần tu kiên trì

Ngài Hoàng Niệm Tổ nói: “Rõ ràng kinh này chẳng những là cương yếu của các kinh Tịnh Độ, mà còn là chỉ quy cho giáo pháp của cả Đại Tạng, thật vì hết thầy hữu tình cõi này, phương khác, hiện tại, tương lai được lìa khổ hưởng vui, tột cùng pháp yếu Bồ Đề.”

Vì lẽ pháp môn này không gì cao hơn, không gì sánh bằng. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn nào cũng đều chẳng thể sánh bằng – ngay Hoa Nghiêm cũng chẳng thể. Nay chúng ta đã gặp gỡ, nếu chẳng biết trân quý cái giá trị này thì thật là quá luống uổng!

*Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp,
Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ.*

Phật Thế Tôn từ bi ân cần dặn dò chúng ta phải tu kiên trì kinh này: “*Chuyên cần tu hành, tùy thuận giáo pháp của Ta. Phải hiểu với Phật, thường nhớ ân sư. Khiến cho pháp này bất diệt, lưu truyền dài lâu. Kiên cố giữ gìn, không được hủy hoại vong thất. Không được khởi vọng, tăng giảm kinh pháp. Thường niệm chẳng dứt, chóng đắc đạo quả. Pháp của Ta như thế, nói như thế. Nên hành theo hạnh Như Lai đã hành. Vun bồi phước thiện, cầu sanh về cõi Tịnh Độ.*”

Nếu muốn mau “*thăng quán đánh giai*” thì nên thọ trì một bộ kinh này, nương y theo giáo lý của kinh này mà tu học, liền lên đến quán đánh giai, ở vào quả vị Bồ Tát.

Kinh Đại thừa Vô Lượng Thọ cao siêu, vi diệu như vậy rất khó tìm cầu, khó được gặp; thế mà chúng ta không những chỉ may mắn được nghe, được thấy mà còn được thọ trì nữa! Nếu không thọ trì đọc tụng kinh Phật và y giáo phụng hành, tức không muốn tiếp nhận sự giáo hóa của Phật, thì chẳng khác chi đem những nhân duyên phước đức tích lũy từ trăm ngàn ức kiếp mà vứt bỏ đi. Nên ngay đây, chúng ta cần phải phát nguyện hiểu được pháp yếu vô thượng này, mong muốn lãnh hội được diệu lý chân thật, và vĩnh viễn không bao giờ dám lãng quên.

Đức Thế Tôn mong muốn cho hết thảy phàm thánh đều được nghe kinh Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ, nên khuyến tấn khuyến mọi người phải biên chép, cúng dường, đọc tụng, tin nhận, phụng hành, và cần phải lưu truyền. Trong kinh Phật dạy: “*Hãy rộng vì người khác mà diễn nói*” hoằng dương kinh này, và pháp môn Tịnh Độ.

Trong phẩm Nguyện Lực Hoằng Thâm đã nói: “*Chuyển tương giáo thọ, chuyển tương độ thoát. Như thị triển chuyển, bất khả phục kế*” (Lần lượt dạy bảo lẫn nhau, lần lượt độ thoát lẫn nhau. Xoay vần triển chuyển như thế, chẳng có cùng tận.) Do đó, để ngọn đèn Chánh

pháp này đừng bị tiêu diệt thì hãy vì kinh này mà tu trì, diễn thuyết, vì người diễn nói, triển chuyên chẳng ngừng giống như việc truyền đăng, có người nhận lãnh tức sẽ có người truyền đăng tiếp, để ngọn đèn sáng triển chuyên mãi không bao giờ ngừng dứt! Công đức này thù thắng cùng tột, chắc chắn sẽ được chư Phật mười phương đồng từ bi gia hộ.

Hòa Thượng Tịnh Không dạy: “*Kinh giáo Tịnh Độ chẳng thể không giảng, bản thân chúng ta đọc kinh liễu giải, chính mình đắc độ. Chính mình liễu giải mà nếu không giúp đỡ người khác, chẳng giới thiệu kinh này cho người khác, tức là có lỗi với chính mình, có lỗi với Phật, Bồ Tát, có lỗi với A Di Đà Phật. A Di Đà Phật muốn phổ độ chúng sanh, có sao quý vị chỉ độ riêng mình, chẳng mong đóai hoai đến kẻ khác?*”

---oOo---

Kết luận

Chúng ta thấy Phật Thích Ca đã từ bi, dùng Phật tâm ẩn để ẩn chứng kinh này nên bảo là: “*ngã pháp như thị, tác như thị thuyết*” (pháp ta như thế, nói ra như thế). Nên đối với pháp khó gặp gỡ, khó tìm cầu này; nay chúng ta tuy đã được gặp, được nghe, mà chẳng chịu sanh lòng tin sâu lời Phật ân cần dạy bảo; thì dầu có nghe, có gặp cũng trọn chẳng ích gì, vẫn chỉ là phụ bạc nghĩa ân sư!

Được thân người ít như chút đất nơi móng tay, mất thân người nhiều như đất nơi đại địa. Xin hãy suy xét cho thấu đáo!

Diệu Âm Trí Thành và Diệu Âm Quảng Hồng



*Hòa Thượng Tịnh Không quyền biến giáo hóa,
nói pháp Nhất Thừa. Khéo dùng phương tiện
diễn rõ ba thừa*

VP và KT thân:

Pháp Nhất Thừa

“*Nhất Thừa*” là đạo cùng tột không hai, nên gọi là *Nhất*. Cũng là giáo pháp tối cực viên đốn, con đường duy nhất để thành tựu quả vị Phật. Về lý Thật Tướng của *Nhất Thừa* nếu nói một cách rỏ ráo là đạt đến bờ kia Niết Bàn, hay gọi là “Đáo Bỉ Ngạn.”

- “*Thừa*” là cỗ xe, thường được ví như sự giáo pháp của Phật có khả năng đưa/chuyên chở/chuyển tải hành nhân, đến được bờ kia Niết Bàn.

Nơi cõi Cực Lạc, phẩm 27, các vị Bồ Tát cõi ấy cũng tu pháp *Nhất Thừa*: “*Trong khoảnh khắc, trở về bốn quốc tập hội nơi giảng đường Thất Bảo, nghe Phật Vô Lượng Thọ vì họ rộng giảng đại giáo, diễn xướng diệu pháp, thấy đều hoan hỷ, tự tâm khai ngộ, chứng nhập chánh đạo.*” Chữ ‘*đại giáo*’ nơi đây chính là pháp *Nhất Thừa*.

Trong Khởi Tín Luận, cư sĩ Bành Tế Thanh đã viết: *Nơi cõi Cực Lạc, đức Phật A Di Đà thuận giảng Nhất Thừa, hoàn toàn không nói tam thừa. Nào có phải là mình Phật ở giảng đường thất bảo dạy thuận Nhất Thừa, mà thậm chí trong mỗi một hoa, trong mỗi một quang minh, tiếng gió thổi, tiếng nước chảy, các tiếng âm nhạc cũng đều thuận nói Nhất Thừa, không hề có ba thừa.*”

Khéo lập phương tiện, hiển thị tam thừa

Trong kinh Pháp Hoa (chuyên dạy về lý Nhất Thừa) nói: *“Trong cõi Phật mười phương chỉ có pháp Nhất Thừa, cũng chẳng có hai hay ba thừa, trừ phi Phật phương tiện nói như vậy”*.

Hòa Thượng Trí Tịnh nói: “Tam thừa chỉ là sự khai triển của Phật thừa nhằm thích ứng với căn cơ của tất cả chúng sanh. Việc lập ra nhiều kinh, nhiều tông chỉ nhằm tương ứng với nhiều loại căn cơ sai biệt của chúng sanh. Tuy nhằm thích ứng với căn cơ mà thấy có sai biệt, nhưng kinh luận vẫn đồng ở diệu lý duyên khởi, vẫn đồng ở chỗ tiêu trừ nghiệp tập, ly lìa sự chấp tướng, thân chứng tâm vô tướng, và cứu cánh thành Phật.” Thế Tôn từ bi khéo dùng phương tiện diễn nói tam thừa để dẫn dụ chúng sanh sợ pháp lớn (Phật/Bồ-tát thừa), ưa pháp nhỏ (Thanh Văn thừa) trong Phật đạo. Và các vị đại Bồ Tát ở cõi Cực Lạc cũng vì bi thệ rộng sâu, thương xót chúng sanh mà *khéo*

lập phương tiện, hiển thị tam thừa, thị hiện trong tam giới sanh tử để hóa độ chúng sanh.

Thế Tôn đã dùng xe dê, xe lừa và xe bò trắng để nói lên ba pháp phương tiện: tiểu thừa (A La Hán), trung thừa (Duyên Giác) và Đại thừa (Bồ-tát). Phật dùng pháp ba thừa làm phương tiện hóa độ chúng sanh, với những căn tánh khác nhau, để dẫn dắt họ đến chỗ chứng đắc quả *Nhất Thừa*, tức là quả Phật vậy!

Trong kinh Vô Lượng Thọ, Thế Tôn cũng răn dạy chúng ta “*Ở trong ba cõi, bình đẳng siêng tu, cứu cánh Nhất Thừa, đến bờ giải thoát.*” Nên trên lý thật, Phật bảo là Ngài chỉ có một pháp, đó là pháp *Nhất Thừa* mà thôi! Vì sao? Vì do Chân Như hiện diện trong hết thảy các pháp, nên vạn pháp đều là ‘bình đẳng’, thì làm gì mà có hai hay ba thừa!

Dựa theo tinh thần của kinh Pháp Hoa, nếu khéo léo suy xét chúng ta thấy, khi giảng bộ kinh Vô Lượng Thọ trên toàn thế giới, Hòa Thượng Tịnh Không cũng đang dùng *Phương Tiện Trí* để từ bi diễn xướng “diệu pháp” Nhất Thừa này, có nghĩa là khéo nói ba thừa để dẫn đến Nhất Thừa.

Trong sách Đại Thừa Nghĩa Chương giảng: “*Biết pháp Nhất Thừa chân thật thì gọi là Thật Trí. Biết rõ pháp*

quyền nghi để hóa độ ba thừa thì gọi là Phương Tiện Trí.”

Từ mười năm về trước đến nay, Hòa Thượng Tịnh Không đã giảng bộ kinh Vô Lượng Thọ rất nhiều lần, tính sơ cũng khoảng trên mười lần. Mỗi lần giảng giải đều không có giống nhau. Lần giảng năm 1994 có thể được xem như là lớp Một, và lần giảng năm 2010 có thể xem như là lớp Mười. Cứ trong mỗi lần giảng mới sau này, Ngài đều có giảng thêm nhiều điều khai thị mới lạ. Vì sao? Vì pháp môn Tịnh độ Vãng Sanh này là pháp khó tin, và có vô lượng phẩm vị cao thấp khác biệt (do nghiệp lực của chúng sanh sai biệt khác nhau). Và đặc biệt trong lần giảng thứ 10, Hòa Thượng thường dùng kinh Pháp Hoa và kinh Kim Cang làm căn bản, để khai mở những cảnh giới sâu xa hàm chứa ở trong kinh Vô Lượng Thọ, đưa chúng ta đến chỗ tương đồng với kinh Pháp Hoa và kinh Kim Cang – tức cũng đồng nghĩa với Phật và Bồ-tát thừa!

Như vậy chẳng phải là Hòa Thượng Tịnh Không cũng đã dùng phương tiện quyền biến giáo hóa nói pháp Nhất Thừa, qua việc khéo dùng phương tiện diễn rõ ba thừa để dẫn dắt chúng ta đi từ thấp lên cao dần, từ chỗ cạn đến chỗ thâm sâu, đưa chúng ta từ chỗ mê đến chỗ rớt ráo mà giác ngộ pháp *Nhất Thừa* hay sao? Do đó, chúng ta thấy *Phương Tiện Trí* của Hòa Thượng Tịnh Không cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Tín Giải Hành Chứng

Trong kinh Hoa Nghiêm lấy “tín giải hành chứng” làm cương yếu là bởi có tín giải chân thật thì mới có thể sanh khởi hạnh chứng chân thật.

Cũng vì pháp quyền nghi đề hóa độ ba thừa, nên trong lần giảng thứ mười, Hòa Thượng Tịnh Không đã dạy: “*cảnh giới tu tập mỗi năm không như nhau*” ... Khởi giảng lần này, chúng tôi đặt trọng tâm ở “**hành**” và “**chứng**” dành cho phần lớn các đồng tu, đã trải qua thời gian tu tập lâu dài, là lão tu, đều biết nhiều bộ kinh và đều có “*giáo, lý, hành, quả.*”

Hòa Thượng cũng nói phàm phu chúng ta cũng có thể vãng sanh Thượng Thượng Phẩm: “*Đại Sư Thiện Đạo trong Tứ Thiệp Sớ, tức chú giải của kinh Quán Vô Lượng Thọ, chương “Thượng Phẩm Thượng Sanh,” Ngài giảng rằng: người niệm Phật vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, bốn cõi ba bậc chín phẩm đều gặp duyên không như nhau.*”

Câu nói này chúng ta quyết không nên khinh xuất xem lướt qua. Duyên vô cùng quan trọng, không ai giống ai, nếu duyên của chúng ta thù thắng, người có thiện căn phước đức đều có thể đạt đến thượng phẩm thượng sanh. Các đại đức xưa, phần lớn cho rằng thượng thượng phẩm vãng sanh đại khái đều là Bồ-tát Thượng Tam phẩm.

Trung phẩm vãng sanh phải là A La Hán, Bích Chi Phật. Phàm phu vãng sanh chỉ ở hạ phẩm. Tuy nhiên Ngài Thiện Đạo lại không nói như vậy.

Thiện Đạo nói, cùng với đại tiểu thánh, đại thánh chính là Bồ-tát, tiểu thánh chính là Thanh Văn, Duyên giác, đều do duyên không như nhau, phàm phu chúng ta cũng có thể vãng sanh thượng thượng phẩm, vậy cái gì gọi là duyên? Đó là đọc kinh, niệm Phật mỗi ngày không gián đoạn.”

Nếu biết dùng nguyện lực chân chánh, ý nghiệp thanh khiết của chính mình; để khéo tu trọn vẹn hết thầy các hạnh, thực hành được rốt ráo thì sẽ có được diệu dụng. Do đó ở lần giảng thứ 10, Hòa Thượng Tịnh Không đã nhấn mạnh đến việc “**Hành và Chứng**” theo tinh thần của Phật Thừa, hay Thượng Phẩm vãng sanh.

Và muốn Tín Giải Hành Chứng, chúng ta phải đem áp dụng kinh giáo của Phật vào trong đời sống hằng ngày; tức phải phụng kinh, trì giới, nhất tâm niệm Phật, thực hành Bồ-tát đạo, tu Lục Độ Ba La Mật, và vì người khác diễn nói. Vì đây chính là việc làm thuần tịnh thuần thiện bậc nhất, trong các pháp thế gian và xuất thế gian.

Nhục nhĩn giảng trạch

Mỗi người trong chúng ta phải nên khéo léo chọn lựa sở cầu và pháp môn sao cho thích hợp với căn tánh

của chính mình để học Phật; trong Phật pháp gọi là “*nhục nhãn giảng trạch*” hay “*con mắt trạch pháp*”.

Và Hòa Thượng Tịnh Không dạy: “*người học Phật mỗi giờ mỗi phút phải phản tỉnh, kiểm điểm chính mình chân thật có giác ngộ hay không? Giác ngộ đến mức độ nào? Công phu chính ở chỗ tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, không luận thế pháp hay Phật pháp đều rõ ràng tường tận, thông suốt thấu đáo, như như bất động, như vậy mới gọi là học Phật.*”

Nếu như chúng ta muốn học và hành theo kinh Vô Lượng Thọ, hãy nên nương tựa vào Hòa Thượng Tịnh Không để nhận lãnh sự giáo hóa đặc biệt tuyệt vời của Hòa Thượng. Và sau nhiều năm nếu đã theo học pháp của Hòa Thượng Tịnh Không, giả như chúng ta vẫn cứ muốn chùng chân tại chỗ, thì không thể theo kịp với chương trình giáo học của Ngài. Giả như chúng ta vẫn muốn đeo đuổi mãi theo lần giảng kinh Vô Lượng Thọ năm 1994, tức vẫn còn muốn ở lại lớp Một, lớp Hai... mà cầu ‘đời nghiệp vãng sanh’.

Còn như nếu ta có tinh thần cầu tiến, tinh tấn nơi pháp học và hành, ta nên chuyển tiếp sự học tập theo kinh Vô Lượng Thọ giảng lần thứ mười (2010). Quyết định cầu ‘Thượng Phẩm Vãng Sanh’ như lời Ngài khuyên dạy, như thế mới gọi là học sinh có tiến bộ. Chúng ta theo học và hành chỗ Phật học, phải hiểu cách dụng tâm và phương

tiện của Phật và thầy Tổ, nếu cứ mãi miết chấp vào một pháp hay suy nghĩ nông cạn thì phải luôn chịu đứng ở sau người vậy!

Diệu Âm Trí Thành và Diệu Âm Quảng Hồng



Bồ Tát và Phàm Phu

Chữ “Phật” có nghĩa là giác ngộ. Học Phật là học làm người giác ngộ, tức là “phá mê khai ngộ”. Tâm giác ngộ là tâm Bồ-tát; ngược lại, tâm mê hoặc điên đảo là tâm của phàm phu. Dùng tâm phàm phu mà tu tất cả các pháp thiện thì cũng vô ích, cũng không thể thoát khỏi luân hồi sanh tử.

Kinh Hoa Nghiêm nói: *“Quên mất Bồ-đề tâm, tu chư thiện pháp, thị danh ma nghiệp”*

(Bồ-đề nghĩa là chánh giác, Bồ-đề tâm là tâm giác ngộ)

Dùng tâm phàm phu để tu hành thì cũng có được phước báo. Nhưng phước báo đó vẫn nằm ở trong sáu nẻo luân hồi. Dù cho có đạt được phước báo cao nhất, cũng chỉ có thể sanh vào cõi Đại Phạm thiên. Vua của cõi Đại Phạm thiên vẫn là phàm phu, cũng không có cách gì để có thể thoát khỏi sự trôi lăn trong sáu nẻo. Hưởng hết phước báo rồi lại bị đọa lạc, luân hồi. Cho nên, làm Thượng đế cũng không phải là cứu cánh viên mãn.

Học Phật cần phải có một cái tâm giác ngộ. Tâm giác ngộ là tâm thanh tịnh và bình đẳng. Tâm thanh tịnh và bình đẳng thì không có nghi hoặc, không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Trong cuộc sống hằng ngày

đối vật tiếp người, nếu giữ được tâm thanh tịnh bình đẳng, tức là thành tựu được pháp tu “*lục độ vạn hạnh*”. Bồ-tát tu tập không tách rời cuộc sống, từ trong cuộc sống này mà tu tập thành tựu hạnh nguyện Bồ-tát một cách viên mãn. Không cần phải thay đổi cách sống, làm việc hay sinh hoạt mới có thể thực hành được pháp tu của Bồ-tát, mới gọi là “*lục độ vạn hạnh*”, là tinh thần của Phật giáo Đại thừa.

Trong kinh Đại thừa nói: “*lý sự vô ngại, sự sự vô ngại*”; trong mọi sự khác nhau của tình hình thế giới, hoàn cảnh quốc gia xã hội và gia đình, môi trường làm việc, tính chất công việc v.v..., nếu trong đó mà đều có thể thực hành tu tập được hạnh nguyện của Bồ-tát và thành tựu được đạo hạnh như các bậc Bồ-tát. Thực hành được như vậy chính là thể hiện được tinh thần “*lý sự vô ngại, sự sự vô ngại*”.

Tâm của Bồ-tát là chân tâm, đó là tâm chân thành, thanh tịnh, từ bi. Hạnh của Bồ-tát là lìa tất cả các tướng, tu tất cả các điều thiện. Tu tập được như vậy sẽ được an lạc, hạnh phúc mỹ mãn ngay trong cuộc sống hiện tại. Chỗ khác biệt giữa phàm phu và Bồ-tát, là phàm phu chỉ biết lo cho cá nhân mình, còn Bồ-tát thì trong mỗi một ý niệm đều nghĩ đến việc cứu độ chúng sanh. Nhưng dầu làm tất cả những việc ấy, trong tâm của Bồ-tát vẫn không phân biệt, chấp trước, có nghĩa là “*làm mà như không làm, không làm mà làm tất cả*”. Vì vậy mà tâm của Bồ-tát luôn

luôn thanh tịnh, trong sáng. Đó là chỗ khác biệt giữa phàm phu và Bồ-tát.

Phàm phu làm việc gì cũng đả đo, phân biệt, chấp trước. Trong tâm chỉ có ý niệm mê mờ, tự tư tự lợi, luyến ái và chấp thủ. Vì không thể đoạn được những ý niệm vô minh này, cho nên phàm phu mãi mãi phải bị trôi lăn trong sinh tử luân hồi, không bao giờ thoát khỏi tam giới, không bao giờ tu hành được chứng quả. Đừng nói chi đến quả vị Bồ-tát Đại thừa, mà ngay cả sơ quả của Tiểu thừa cũng không thể đạt được, niệm Phật cũng không thể vãng sinh. Điều kiện cần và đủ để người niệm Phật có thể vãng sinh là thân tâm phải thanh tịnh và bình đẳng. Trong tâm nếu còn một chút tham đắm, luyến ái đối với hoàn cảnh thế giới này, đối với tất cả mọi việc trong sáu nẻo không thể nào buông bỏ được thì không bao giờ được vãng sinh. Chúng ta học Phật để biết rõ, biết thấu đáo những hoàn cảnh khác nhau trong các cõi trong lục đạo, để có thể phát khởi cái tâm chân thành từ bỏ luân hồi, cầu vãng sanh Cực Lạc, một đời thành Phật đạo. Nếu chưa biết rõ và thấu đáo đặc tính của lục đạo luân hồi thì rất khó buông bỏ. Kinh Vô Lượng Thọ, phẩm 14 đến 22, giới thiệu cảnh giới với đầy đủ vô lượng trang nghiêm thù thắng của Tây Phương Cực Lạc; và phẩm 33 - 36, nói rõ những sự xấu ác của cõi Ta-bà mà chúng ta đang sống. Nghe rồi, chúng ta phải sanh lòng ưa thích cầu sanh về Cực Lạc, xa lìa cõi Ta-bà ngũ trược ác thế đầy gian nan này.

Chúng ta đang sống trong thời mạt pháp, Phật pháp suy vi, hạnh đức của người tu hành lại thấp kém và suy nhược. Nếu chúng ta không nương vào pháp môn Tịnh Độ, vào đạo tối thắng của Phật A Di Đà (tức là kinh Vô Lượng Thọ) mà Thế Tôn đã hết lòng khuyên bảo, và đặc biệt gia trì trợ thế thêm 100 năm sau khi tất cả kinh pháp của Phật bị tận diệt, để có thể cầu vãng sanh sang cõi Cực Lạc, thoát khỏi tam giới (Người, A-tu-la, Trời), thì sẽ mãi luân chuyển trong sáu nẻo luân hồi. Trong sáu nẻo luân hồi, không gian cuộc sống rất nhỏ bé, phải chịu đựng nhiều sự khổ đau. Thí dụ: đời nay chúng ta mang thân người, sống trên trái đất nhỏ bé này, dù cho có phước báo to lớn nhất, có tiền đi du lịch khắp nơi trên thế giới, nhưng vẫn không thể ra khỏi quả địa cầu này. Nếu như sinh làm thân con chó, thì phạm vi sinh hoạt lại nhỏ hơn, không ra khỏi ngôi nhà của chủ. Trong lục đạo, địa vị và phạm vi sinh hoạt rất nhỏ bé, rất là không tự tại và đáng thương! Đức Phật dạy chúng ta phải cố gắng tu tập thành Phật, thành Bồ-tát, mục đích là muốn chúng ta có một không gian sinh hoạt bao la không giới hạn, được thần thông tự tại, được Vô Lượng Thọ, và vô lượng phước báo.

Kinh Đại tập nói: ***“Thời đại mạt pháp hàng trăm triệu người tu hành, ít có một người đắc đạo, chỉ nương vào pháp môn niệm Phật sẽ qua được biển sinh tử”***.

Trong thời mạt pháp này, chúng ta chỉ còn một điều duy nhất để nắm giữ, một việc lớn nhất để làm, đó là cầu

nguyện được vãng sinh sang thế giới Tây Phương Cực Lạc. Sau khi sinh sang thế giới Tây Phương Cực Lạc, phạm vi không gian cuộc sống của chúng ta giống như trong kinh “Vô Lượng Thọ” đã nói, là tận cùng hư không biến khắp pháp giới, giống như thế giới của các chư Phật vậy. Trong mười phương quốc độ của chư Phật, nghĩ đi liền đi, nghĩ về liền về, rất tự do tự tại! Còn trong sáu đường luân hồi thì rốt cuộc không thể thoát khỏi quả báo sinh tử ‘*xả thân thọ thân*’.

Được sinh sang thế giới Tây Phương Cực Lạc, tuổi thọ vô lượng vô biên, mãi mãi không bị sinh tử luân hồi. Tướng mạo thân thể thì tùy theo ý niệm của tất cả chúng sanh mà biến hóa ra, giống như trong kinh “Phổ Môn” đã nói: “Chúng sanh muốn được độ bằng thân nào, liền hiện ra thân ấy để độ”. Thần thông biến hóa của chư Phật, Bồ-tát thì vô lượng vô biên, không giới hạn, chúng ta không thể vận dụng sự tư duy, tưởng tượng của con người mà có thể hiểu hết được.

Nếu y theo kinh Vô Lượng Thọ, tu đúng như lý như pháp mà Thế Tôn chỉ dạy thì ngay trong cuộc sống hiện tại này liền có được sự an lạc thù thắng, cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn, lúc lâm chung lại được sanh về cõi nước của Phật A Di Đà, sao lại không muốn? Nếu như thật sự muốn vãng sanh sang thế giới ấy thì nhất định phải đem cái tâm niệm tham luyện thế giới này buông bỏ hết, lấy cái

tâm thanh tịnh chân thành niệm Phật. Trong một đời này nhất định sẽ thành tựu.

Diệu Âm Trí Thành



Tu pháp môn niệm Phật theo kinh Vô Lượng Thọ và 5 Tông Chỉ của Tịnh Tông Học Hội

Nam Mô A Di Đà Phật

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni

Kính thưa chư thiện nam, tín nữ Phật tử các giới.

Trước hết tôi xin tự giới thiệu. Tôi, tục danh Lưu Minh Trí, pháp danh Diệu Âm Trí Thành, pháp hiệu Giác Hiền.

Hôm nay nhờ một đại phước đức nhân duyên thù thắng, tôi được ban tổ chức pháp hội Âu Châu (*tu theo Tông chỉ Tịnh Tông Học Hội*) mời đến nói chuyện trong buổi tọa đàm này, mục đích là giới thiệu đến quý vị Phật tử ở Âu Châu bộ kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác và pháp môn tu niệm Phật theo Tông Chỉ của Tịnh Tông Học Hội.

Trước khi đi vào nội dung của kinh Vô Lượng Thọ và cách thức tu trì theo kinh này, Phật tử chúng ta cũng nên ôn lại mục đích căn bản của Phật giáo là gì. Nếu tu hành theo Phật giáo mà không biết mục đích căn bản của Phật giáo thì rất dễ bị lầm lẫn, lạc vào chỗ mê tín.

Phật giáo là gì?

Trước đây hơn 2500 năm (2556 năm), có một nhân vật vĩ đại, giáng sanh từ cõi trời Đâu Suất đến thế gian này. Ngài sanh ra trong một hoàng tộc, tại thành Ca Tỳ La Vệ ở Ấn Độ, tên Ngài là Tất Đạt Đa Cồ Đàm, cha là vua Tịnh Phạn, mẹ là hoàng hậu Ma Da. Khi Thái tử Tất Đạt Đa lớn lên (19 tuổi) từ chối kế vị ngôi vua, lìa bỏ gia đình đất nước, xuất gia học đạo, thành bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (Phật), pháp hiệu là Thích Ca Mâu Ni Phật (25 tuổi). Sau khi thành Phật, suốt 49 năm Ngài chỉ làm một công việc: đó là giáo hóa chúng sanh. Phật giáo trong thời đại ấy đơn thuần chỉ là một chương trình giáo dục của Phật Đà. Sau khi Phật nhập Niết bàn, Tôn Giả Anan, đệ tử thân cận Phật, đã ghi chép lại lời Phật dạy trên lá cây kết thành những bộ kinh điển. Những kinh điển này sau đó được lưu truyền khắp nhân gian. Trong những giai đoạn đầu của *thời kỳ Chánh pháp*, Phật pháp cũng chỉ đơn thuần truyền bá với tánh cách như một môn giáo học của Phật Đà. Thế nhưng do trải qua nhiều thời đại, Phật giáo đã bị ảnh hưởng nhiều sự văn hiến và tập tục khác nhau, nên đã bị biến dạng theo hoàn cảnh và tâm ý của chúng sanh mà trở thành một tôn giáo. Hòa Thượng Tịnh Không nói: ***“phàm nếu là tôn giáo thì tất có mê tín, vì sự tin tưởng của tín đồ là dựa trên cảm tình tuyệt đối với một bậc sáng tạo”***. Thật vậy, Phật pháp là trí tuệ, là lý tánh, là phá trừ mê tín. Cho nên chữ “tôn giáo” chân thật là không

có ý nghĩa thích hợp với đạo Phật, ngược lại còn có ý tương phản với cốt lõi nền tảng giáo lý của Phật Đà. Trong Phật giáo, Phật Thích Ca Mâu Ni được xưng gọi là Bổn Sư hay Bản Sư⁶ có nghĩa là vị thầy căn bản, cho thấy rõ sự quan hệ giữa chúng ta và Phật chỉ là quan hệ thầy trò; khác hẳn với những tôn giáo khác là sự quan hệ giữa một đấng thần linh tối thượng, và vũ trụ và chúng sanh chỉ là sản phẩm của đấng thần linh này. Ngày nay sự quan hệ giữa chúng ta và các bậc pháp sư giảng pháp cũng chỉ là quan hệ thầy trò⁷. Trong Phật giáo nếu chúng ta xem Phật Bồ-tát như là các đấng thần linh để lễ lạy cầu phước báu, thì đã rơi vào mê tín mất rồi!

Như vậy chúng ta có cần cầu khẩn ở nơi Phật không? Dạ xin thưa rất là cần, tôi cũng mỗi ngày lễ lạy và cầu khẩn Phật Bồ-tát, nhưng cái tôi cầu là “chánh giác”; tức là cầu được giác ngộ, cầu dứt trừ si mê, mau tìm thấy ‘Tự tánh Viên minh thể’ của chính mình. Tôi cũng cầu sự gia hộ, giúp đỡ của Phật Bồ-tát thương tưởng tôi mà chăm sóc chỉ bảo, như một học trò cầu Thầy của mình. Phật Bồ-tát đích thực là Thầy của chúng ta, đó là sự quan hệ thực tế và ý nghĩa nhất giữa Phật và chúng sanh trong Phật giáo.

⁶ *Bổn/bản: căn bản, sư: thầy.*

⁷ *Theo Phạn ngữ gọi là “Hòa thượng”, hay Việt ngữ gọi là “Thầy” đều cùng một ý nghĩa. Hòa Thượng có nghĩa là “Thân giáo sư” (thân nghĩa là thân cận, gần gũi), hay thầy trực tiếp chỉ dạy.*

Giới thiệu kinh Vô Lượng Thọ và Pháp môn niệm Phật

Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác – do Đại Cư sĩ Hạ Liên Cư kết tập – được Hòa Thượng Tịnh Không và Đại Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ tuyên dương tán thán như một bộ kinh viên đốn nhất trong hết thảy các kinh viên đốn.

Sở dĩ được cho là kinh viên đốn nhất, vì nó là bản tóm lược đầy đủ nhất hết thảy những tinh hoa của tất cả các kinh Đại Thừa mà Thế Tôn đã thuyết giảng trong suốt 49 năm. Nó cũng được xem là trung bản (*bản rút ngắn*) của kinh Hoa Nghiêm – một đại kinh mà Phật đã nói lên “***Chư Pháp Thật Tướng***”, tức chân tướng của sự thật về thể tánh của vũ trụ và nhân sinh trong tận hư không biến pháp giới. Và rốt cùng, phẩm cuối của kinh Hoa Nghiêm cũng quy về Tây Phương Tịnh Độ của Phật A Di Đà – qua phẩm Phổ Hiền Thập Đại Nguyên Vương.

Kinh Hoa Nghiêm nói, những Đẳng Giác Bồ-tát như Văn Thù Sư Lợi và Phổ Hiền ở Hoa Tạng thế giới cũng phải cầu sanh Cực Lạc để đắc quả Nhất Thừa, thành bậc Vô Thượng Chánh Giác.

Kinh Vô Lượng Thọ lại nói, Đẳng Giác Bồ-tát như Đại Thế Chí và Quán Thế Âm Bồ-tát cũng phải cầu vãng sanh về Tây Phương để viên thành Phật đạo.

Người lão tu khi đọc kinh Vô Lượng Thọ cũng nhận ra rằng, tuy bộ kinh chẳng đồ sộ nhưng cảnh giới của kinh lại vô cùng rộng lớn, vì nó hàm chứa hết thảy những tinh hoa của các kinh Đại Thừa khác như Hoa Nghiêm, Kim Cang, Pháp Hoa, Thủ Lăng Nghiêm, Đại Tập, A Di Đà, Quán Vô Lượng Thọ, Địa Tạng Vương Bản Nguyên v.v... Cũng vì lẽ đó mà Hòa Thượng Tịnh Không đã gọi kinh Vô Lượng Thọ là “Vô thượng thượng kinh.”

Lại nữa, nếu xét về căn cơ thì kinh Vô Lượng Thọ thích hợp với mọi căn tánh, mọi tầng lớp chúng sanh; vì cả ba bậc thượng, trung và hạ căn đều có thể lãnh hội và tu theo. Tùy theo sức thâm nhập kinh tạng và sự tinh chuyên tu tập thực hành giáo pháp sâu hay cạn, hành giả tu theo kinh giáo này đều đạt được sự lợi ích phước báo chân thật ngay trong đời sống hiện tại, và đến lúc lâm chung sẽ được thành tựu đạo vãng sanh⁸. Nên dưới sự giáo dục của Hòa Thượng Tịnh Không, Tịnh Tông Học Hội đã xem kinh Vô Lượng Thọ là chánh kinh, là cốt lõi để thực hành và tu tập.

Lúc bắt đầu biết đến Phật pháp, tôi may mắn gặp được pháp môn Tịnh Độ do Hòa Thượng Tịnh Không huấn giảng, và kinh Vô Lượng Thọ do Ngài Hạ Liên Cư sĩ kết tập. Kể từ buổi ban sơ học tập đến nay, tôi tuân hành y

⁸ *Vãng sanh phẩm vị cao hay thấp đều do ở bình diện lý trí tin nhận, ở sức tu, trí huệ và thiện căn phước báo của mỗi người, nên khó thể luận bàn.*

theo lời dạy của Hòa Thượng Tịnh Không nên chỉ chuyên tu một pháp môn này, hoàn toàn không xen tạp với pháp môn nào hay cách thức tu hành khác. Tôi thọ trì đọc tụng cũng chỉ một kinh Vô Lượng Thọ, và nhất tâm niệm Phật cầu sanh Cực Lạc. Cách tu của tôi rất dễ dàng và đơn giản, chánh yếu là tập trung mọi năng lực giới-định-huệ nơi nội tâm, chấp trì danh hiệu Phật không gián đoạn không xen tạp, không bám chấp vào hình thức. Nên có thể nói là tôi luôn hoan hỷ và thích nghi với mọi nghi thức khác nhau của các đạo tràng niệm Phật khác.

Hòa Thượng Tịnh Không dạy: muốn chóng thành tựu đạo nghiệp, thì hành giả dù tu bất cứ pháp môn nào cũng không nên xen tạp. Sau khi đã lựa chọn kỹ càng một pháp môn và một quyển kinh, thích hợp với hoàn cảnh căn tánh của chính mình, thì nên chấp giữ lấy pháp môn và quyển kinh ấy làm kim chỉ nam để trường kỳ huân tu, không nên xen tạp. Đó là phương châm chung của người tu đạo Phật. Vì sao? Vì tất cả các pháp của Phật đều là bình đẳng, không có thấp cao. Nên tuân theo tông chỉ của một tông môn mà tu hành, khi đạt đến được chỗ minh tâm kiến tánh thì vạn pháp đều tự nhiên thông, tất cả các giáo pháp sẽ tự nhiên quy về một chỗ. Ví như đường vào đô thị có nhiều nẻo, chỉ chọn một con đường trực chỉ mà tới, thì trước sau cũng sẽ vào được đô thị. Nếu vì ham thích chọn nhiều pháp môn, hoặc thường thay đổi pháp môn, hoặc không biết mình đang tu pháp môn nào, e rằng sẽ bị lạc

đường không chỗ thoát ra. Hòa Thượng cũng dạy: khi tâm thông, thì vạn pháp đều thông; do đó một môn thâm nhập trường kỳ huân tu thì sẽ sớm thành đạo. Tóm lại: trong các pháp tu của đạo Phật, điều tối kỵ nhất là tạp tu.

Phật tử đầu tu theo bất cứ tông phái nào, Thiên Tông, Mật Tông hay Tịnh Độ Tông, điều quan trọng nhất là phải chấp hành ‘tông chỉ’ một cách nghiêm chỉnh. Bởi lẽ Tông chỉ là con đường thẳng tắp dẫn đến chỗ thành đạo. Mỗi Tông môn có Tông Chỉ khác nhau, và cách thức tu hành khác nhau. Do đó ai tu theo Tông phái nào thì phải nghiêm mật tuân theo Tông Chỉ của Tông phái đó, để tránh sự xen tạp và lằng lạng. Tông chỉ của một Tông phái phải do các bậc Tổ Sư Đại Đức, nương theo lời kinh Phật dạy đã giác ngộ và chứng ngộ trong cách thức tu hành, sáng lập và đề xướng theo kinh nghiệm tu hành và thành tựu của các Ngài.

Không nên đi theo cách thức tu hành sáng lập bởi phàm phu chưa chứng ngộ, hoặc bất cứ phương pháp mới lạ nào ngoài kinh Phật dạy. Vì Phật dạy: “***Y pháp bất y nhân***”. Nên phàm phu nếu chưa chứng đắc, ắt có cái pháp riêng nào để tu chăng? Ngay cả các bậc Tổ Sư Đại Đức đã chứng ngộ trong Phật đạo, cũng chẳng thể nói và làm khác lời Phật dạy; vì Phật Phật đại đồng, pháp của ba đời chư Phật: quá khứ, hiện tại, vị lai miên viễn chẳng bao giờ thay đổi; vì pháp của Phật đã vượt khỏi sự giới hạn của không gian và thời gian!

Phật tử nếu học Phật mà không đọc tụng kinh điển của Phật, thì làm sao nhận biết được Phật đã dạy những gì? Nếu không nhận biết được sẽ dễ bị làm mê trước những kiến giải vô minh và cách thức tu hành do phàm phu chưa chứng đắc lập nên; vì vậy chúng ta phải tự mình nên chuyên tâm thọ trì, đọc tụng kinh điển để khỏi bị làm lẫn khi nghe/ đọc những bài pháp hay chú giải.

Ngay khi đã hiểu ý chánh của kinh và cách thức tu hành, nhưng tại sao vẫn phải thường đọc tụng kinh điển? Vì Phật thuyết kinh với vô lượng nghĩa hàm chứa trong kinh văn, nên mỗi chúng sanh với căn tánh khác nhau sẽ nhận biết khác nhau. Và càng đọc kinh thì trí huệ sẽ càng tăng trưởng, có thể khai mở được những thâm mật bí yếu – tức là chân thật nghĩa tạng chứa trong kinh văn. Do đó mỗi lần đọc kinh nên tư duy quán chiếu lời kinh, để khai nhập sâu vào tạng pháp của Như Lai, vượt qua các văn từ trong kinh. Nói cách khác, văn từ trong kinh chỉ là phương tiện giúp khai mở trí huệ có sẵn trong tự tánh. Do đó đọc kinh và quán chiếu ý nghĩa của kinh là pháp tu “Giác Quán Định,” *Định* là pháp sở thuyết của Kinh tạng để tịnh tâm sáng trí, vì trong Định sẽ có Huệ phát sanh; *Huệ* là pháp sở thuyết của Luận tạng để phá u mê, chân lý được tỏ ngời. Nên khi Định Huệ có đủ, sẽ đạt đến minh tâm kiến tánh thành Phật.

Hòa Thượng Tịnh Không dạy: đọc tụng kinh điển là tu định huệ, mà cốt lõi chung của tất cả các pháp môn là

đạt định huệ, nên không có pháp môn nào của Phật mà không cần đọc tụng kinh điển. Trong tất cả các kinh Đại thừa, Phật đều dạy bảo là phải thọ trì đọc tụng kinh điển, từ đó sẽ nhận biết những gì cần phải y theo giáo pháp mà tu tập. Nếu chỉ nghe lời phàm phu chỉ dạy, chẳng chịu đọc tụng kinh điển, thì câu “Y pháp bất y nhân” mà Phật dạy bị biến ngược thành “Y nhân bất y pháp”. Cho nên trong thời mạt pháp này, tự mình phải quán chiếu suy xét cho cẩn thận, kéo bị lạc vào đường tà.

Khi Phật còn tại thế, Ngài chỉ dạy rằng Phật pháp trong thế gian này nơi đời vị lai (sau khi Phật nhập Niết Bàn) sẽ trụ thế 12 ngàn năm, và được chia làm 3 thời kỳ: 1000 năm Chánh Pháp, 1000 năm Tượng Pháp, và 10.000 năm Mạt Pháp. Nhưng theo Luận Tỳ Bà Sa - Q18, vì Phật muốn độ cho nữ giới xuất gia nên Chánh Pháp bị giảm còn 500 năm.

* Thời kỳ Chánh Pháp: là sau khi Phật diệt độ, mới bắt đầu 500 năm Chánh pháp. Chánh pháp có nghĩa là ‘Chứng Pháp’. Thời kỳ này có giáo, có pháp, có hạnh, có người tu và có người chứng được pháp đã tu. Có đủ Giáo Hạnh. Chánh pháp tồn tại 500 năm, hết 500 năm là qua thời tượng pháp.

* Thời kỳ Tượng Pháp: là sau Chánh pháp, Tượng pháp tồn tại được 1.000 năm. Tượng có nghĩa là “Tương tự như Chánh pháp”, cũng có giáo, có pháp, có hạnh, có

người tu nhưng ít người chứng ngộ. Hết 1.000 năm Tượng pháp là bước vào thời mạt pháp.

* Thời kỳ Mạt Pháp: là thời kỳ khởi đầu trước khi chuyển thành “vi mạt” hay “diệt tận”. Mạt Pháp tồn tại 10.000 năm. Lúc ấy vẫn còn có giáo pháp của Phật tồn tại, còn người tu nhưng không còn hạnh! Mạt pháp là thời kỳ Phật pháp bị hao mòn, teo tóp, suy vi, chánh tà lẫn lộn... cho đến khi Phật pháp bị tận diệt trên trái đất này. Khi chánh pháp của Phật bị tận diệt, tà thắng chánh, ác thắng thiện, chúng sanh lầm than khốn khổ, ăn nuốt lẫn nhau tạo ra bao ác nghiệp; cho đến khi Phật Di Lặc thị hiện mở hội Long Hoa trên thế gian này, hóa độ quần mê, tái lập lại Chánh pháp của Phật.

Ngày nay Tượng pháp cũng đã qua lâu rồi. Mạt Pháp cũng trôi qua hơn 1.000 năm, và chỉ còn không quá 9.000 năm nữa thì “Mạt Pháp” cũng chấm dứt. Hiện nay Giáo pháp của Phật tuy còn, nhưng hạnh tu của chúng sanh quá thấp kém, hàng trăm triệu người tu chẳng tìm ra một người chứng ngộ. Chúng sanh thời mạt kiếp như chúng ta thật là kẻ đáng thương!

Trong kinh Đại Tập, đức Phật nói rằng:

“Thời đại mạt pháp hàng trăm triệu người tu hành, ít có một người đắc đạo, chỉ nương vào pháp môn niệm Phật sẽ qua được biển sinh tử”.

Thời đại mạt pháp, căn khí chúng sinh ngu si yếu đuối. Không nương tựa vào sức đại từ, đại nguyện của Đức Phật A Di Đà để có thể vượt qua biển sanh tử, thì trong ức ức vạn người tu khó có một người chứng ngộ. Vậy hãy cẩn thận tuân theo lời chỉ dạy của đức Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật mà hết lòng chuyên nhất niệm hồng danh của Phật A Di Đà cầu sanh về Tịnh Độ.

Nên tôi chỉ biết xin khuyên quý vị đồng tu hãy thành thật niệm Phật, giữ một cửa này mà thâm nhập, bằng không thì khó giải quyết xong việc lớn sanh tử trong thời mạt pháp này!

Diệu Âm Trí Thành



Mục tiêu của Pháp môn niệm Phật - Kinh Vô Lượng Thọ

Đối với những người đã và đang học các kinh Đại Thừa nhiều năm, có thể gọi là lão tu. Quý vị cũng rõ biết mục tiêu của Phật giáo nói chung là gì rồi. Nhưng tôi cũng xin được nói lại cho quý vị vừa mới kết duyên với Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng), để hiểu rõ đặc tính trọng yếu của Phật giáo.

Mục đích tối hậu của Phật giáo là giáo dục chúng sanh theo giáo pháp của Phật Đà, tức là phá mê khai ngộ; cũng có nghĩa là phá trừ mê tín, xây dựng chánh kiến, chánh tư duy, khai mắt trí huệ. Từ đó chúng ta biết sống (hành) như thế nào, nghĩ như thế nào, và nói như thế nào để không bị tạo nghiệp luân hồi sanh tử khổ đau; trong Phật giáo ta gọi là ***Ba Nghiệp Thân Khẩu Ý Thanh Tịnh***.

Trong kinh Đức Phật nói: “***Chư Pháp Thật Tướng***”; có nghĩa quy chung tất cả kinh điển Đại thừa mà Phật thuyết, đều chỉ là nói đến chân thật tướng của vũ trụ nhân sanh. Bốn chữ “***Chư Pháp Thật Tướng***” bao gồm ý nghĩa tất cả các pháp không vượt ra ngoài bốn chữ “***vũ trụ nhân sanh***”. Sự phức tạp của đại vũ trụ so với nhân sanh (chúng ta) thì ngang bằng như nhau. Mỗi chúng sanh là một tiểu vũ trụ, tuy về kích thước vật lý nó nhỏ hơn đại vũ

trụ, nhưng nó vẫn có đầy đủ đặc tính và thể chất như đại vũ trụ. Phật nói đại vũ trụ và nhân sanh có sự tương quan mật thiết với nhau. Vũ trụ là hoàn cảnh sống của nhân sanh, mà nhân sanh lại là nguồn gốc sanh ra vũ trụ. Lục Tổ Huệ Năng nói: “*Năng sanh vạn pháp*”, Phật cũng nói: “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*”.

* Vì mê hoặc điên đảo nên không hiểu được chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sanh, nên cảnh giới của chúng ta là lục đạo luân hồi. Vì mê hoặc điên đảo nên chẳng biết chân tâm bản tánh của mình vốn là Phật, vốn có đầy đủ đức tướng của Như Lai. Vì mê nên nghĩ sai, nói sai và làm sai, tạo ra ba nghiệp không thanh tịnh nơi ý, ngữ và thân; do đó cảnh giới (vũ trụ) của mình biến thành lục đạo luân hồi: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, người, a tu la, trời.

* Nếu hết mê, dù chưa làm được rốt ráo như lời Phật dạy, Tứ Thánh Pháp Giới cũng sẽ hiện ra. Cảnh giới đạt đến cao hay thấp đều là do ở mức giác ngộ và chứng ngộ của mỗi người. Tu được một phần thì được một phần lợi ích, tu được hai phần thì được hai phần lợi ích.

* Đức Phật là người giác ngộ viên mãn, chứng ngộ rốt ráo, giải hành tương ưng, nên cảnh giới của các Ngài là Thường Tịch Quang, thanh tịnh và sáng suốt không trở ngại. Các Ngài đem những hiểu biết của các Ngài dạy lại, giúp chúng ta phá mê khai ngộ, thoát ra khỏi luân hồi sanh

tử, thăng tiến lên cảnh giới tốt đẹp hơn, cho đến khi thành Phật như các Ngài. Đây là mục đích của nền giáo học của Phật Đà. Trong sự giáo dục của Phật Đà không có giới hạn, không có điều kiện, do đó nói lên thể tánh vô ngại của các Ngài đối với vũ trụ nhân sanh. Điều này có thể chứng nghiệm qua ‘Tứ Hoảng Thệ Nguyên’ như sau:

Chúng sanh vô biên thệ nguyên độ

Phiền não vô tận thệ nguyên đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyên học

Phật đạo vô thượng thệ nguyên thành

Trong kinh Hoa Nghiêm Phật dạy: “**mỗi chúng sanh đều có đầy đủ đức tướng của Như Lai**”; nhưng tại sao hiện nay chúng ta xảy ra cái nông nổi như thế này, vẫn chỉ là một phàm phu đầy dẫy nghiệp chướng! Phật nói, chỉ vì chúng ta vọng tưởng phân biệt chấp trước, mê hoặc điên đảo mới sanh ra cái cảnh giới khốn cùng này. Phật và chúng sanh đích thực chỉ khác nhau ở chỗ “Giác ngộ” và “Mê hoặc” mà thôi. Với cái ý này, Phật đã nói rõ căn bệnh chung của chúng ta rồi! Căn bệnh đó là mê hoặc, điên đảo, vọng tưởng, phân biệt và chấp trước.

Chúng ta đều là phàm phu, nhưng nếu không có đại tâm thì cũng chẳng thể lãnh hội nổi Đại kinh này của Như Lai. Lại nữa nếu nhân duyên, thiện căn và phước đức chưa đầy đủ, thì cũng không thể gặp được Đại pháp này của Phật. Vì vậy ngày nay gặp được kinh Đại Thừa Vô Lượng

Thọ mà tin ưa, thọ trì và đọc tụng, là việc khó trong các điều khó. Tại sao nói là việc khó trong các điều khó? Vì chúng ta không tận mắt nhìn thấy Như Lai, không tận tai nghe Như Lai nói pháp, mà vẫn tin được pháp vi diệu khó tin của Như Lai, việc này quả thật không phải là chuyện dễ làm, là việc khó nhất trong các điều khó trong thời mạt pháp này. Việc khó khăn đến mức như vậy mà chúng ta cũng đã vượt qua, rốt cùng đã tin được lời Phật nói, tin pháp môn niệm Phật của Phật. Cái “*Tín*” này đã viên mãn rồi, thì cái “*Nguyện*” vãng sanh Cực Lạc cũng từ đó mà tự nhiên phát khởi.

Nếu bảo là tin Phật mà chẳng chịu y giáo phụng hành, thì cái “*Tín*” này không chân thật, vì vẫn còn nghi ngờ lời Phật dạy trong kinh Vô Lượng Thọ và cả những kinh khác của Tịnh Độ. Nếu tin rồi thì phải phát đại thệ nguyện vãng sanh Tây Phương, y giáo phụng hành, chân thật niệm Phật, lão thật niệm Phật, buông xả vạn duyên mà niệm Phật, từng bước tinh tấn tiến lên, thì không cần e ngại gì hết đời này chẳng thể không vãng sanh Cực Lạc, một đời này chẳng thể liễu sanh thoát tử để liễu phàm nhập Thánh, trụ bất thoái chuyển cho đến khi thành Phật.

Ngày xưa lúc Hòa Thượng Tịnh Không còn trẻ, đã xuất gia nhiều năm và cũng từng giảng kinh thuyết pháp vài ba năm. Thế mà Ngài còn bị sư phụ của Ngài, là Cư sĩ Lý Bình Nam nói một câu: “ông chưa tin Phật”, làm Ngài

tĩnh ngộ rằng: nếu chưa y theo giáo phụng hành tức là chưa tin Phật.

Chúng ta đều là đệ tử Phật, vậy chúng ta có tin Phật chưa? Chúng ta có y giáo phụng hành chưa? Nếu chưa thì xin suy nghĩ lại những lời Phật nói trong kinh Pháp Hoa: “Người tin ta mà không làm theo lời ta dạy là phỉ báng ta, người không tin ta mà làm đúng theo lời ta dạy là người thành tựu được vô lượng công đức!”

Kinh Vô Lượng Thọ bao gồm cả hai pháp Thế gian và Xuất thế gian. Do đó khi lãnh hội được ý nghĩa và cảnh giới của kinh, theo đó mà tu hành, chúng ta sẽ có thể giải quyết được mọi khó khăn, đạt được hạnh phúc và phước báu mỹ mãn ngay trong cuộc sống hiện tại ở thế gian này; đến lúc lâm chung lại được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, chuyển phàm thành Thánh. Nếu không tin lời Phật dạy trong kinh Vô Lượng Thọ thì tự mình làm mất nhân duyên quý báu to lớn, phải chịu thua kém người ta vậy!

Kinh Vô Lượng Thọ nói lên chánh báo và y báo vô cùng trang nghiêm thanh tịnh của Phật A Di Đà. Nghe xong thế rồi chúng ta liền sanh tâm hoan hỷ cũng muốn được giống như Phật A Di Đà. Từ đó hạ huyết tâm y theo giáo pháp của Phật mà tu hành, để được cái quả báo giống như Phật A Di Đà. Tức là chúng ta cũng mong muốn được thành Phật giống như Phật A Di Đà; đó là chỗ chủ yếu và

mục đích tột cùng của kinh Đại Thừa Thọ Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác.

Ở phẩm thứ 10, “*Điều Nguyện Làm Phật*”, Đức Thế tôn thuyết giảng việc Vương tử A Xà Thế - con của vua Tần Bà Sa La và 500 vị đại trưởng giả khác, khi nghe Đức Phật thuyết Kinh Vô Lượng Thọ và cõi nước của Đức Phật A Di Đà thì đều phát nguyện muốn được như Phật A Di Đà. Phật nói các vương tử này, do phước báu trong nhiều đời kiếp trước đã từng hành đạo Bồ-tát, đã từng cúng dường 400 ức Phật, nên bây giờ mới có nhân duyên nghe Phật thuyết kinh Vô Lượng Thọ. Còn chúng ta, tuy ở trong thời mạt pháp mà lại gặp được kinh điển này, rồi tin ưa và thọ trì, thì xem ra phước báu của chúng ta cũng chẳng thua kém gì các vị vương tử ấy.



***Tu Pháp môn niệm Phật theo
kinh Vô Lượng Thọ và Ngũ Khoa Tịnh Độ
của Tịnh Tông Học Hội***

Đại cương lãnh của kinh Vô Lượng Thọ là Phát vô thượng Bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật, cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc. Điều kiện để được vãng sanh là Tín-Nguyện-Hành.

Trong Pháp tu niệm Phật của Tịnh Tông Học Hội có Chánh tu và Trợ tu

- (1) ***Chánh tu là phát vô thượng Bồ-đề tâm nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật.***
- (2) ***Trợ tu là thực hành 5 Tông Chỉ của Tịnh Tông Học Hội, do lão Hòa Thượng Tịnh Không đề xướng.***

Ngày nay người niệm Phật thì nhiều, người chứng đạo thì ít. Vì sao? Vì miệng niệm Phật mà tâm chẳng có Phật. Không có Phật ở đây có nghĩa là Phật tánh không thể hiển lộ. Vì sao Phật tánh không thể hiển lộ? Vì hữu khẩu vô tâm, miệng niệm Phật mà tâm vẫn vọng tưởng mê hoặc điên đảo.

Vì vậy pháp Chánh tu vẫn chưa thể bảo đảm việc vãng sanh, đòi hỏi phải kết hợp song song với pháp Trợ tu, mới có thể phát được Bồ-đề tâm chân chánh.

Kinh Duyên Giác nói: “*Bồ-tát không tu hạnh Phổ Hiền, không thể chứng được vô thượng Bồ-đề*”. Nói cách khác, không tu hạnh Phổ Hiền, không thể thành Phật. Tu hạnh Phổ Hiền dù chưa tới mức viên mãn thành Phật, cũng trợ giúp cho việc niệm Phật vãng sanh được thành tựu.

Khi xưa Nhị tổ liên tông Thiện Đạo Đại sư, người đời nhà Đường, tục truyền Ngài là ứng thân của A Di Đà Phật, đề xướng ra 5 khoa mục cho người tu pháp môn niệm Phật.

Ngày nay Hòa Thượng Tịnh Không dùng năm khoa mục này làm ‘*Tông Chỉ cho Tịnh Tông Học Hội*’. Hòa Thượng Tịnh Không nói, nếu ai tu đúng theo 5 tông chỉ sau đây bảo đảm sẽ được vãng sanh Cực Lạc.

1. *Tịnh Nghiệp Tam Phước,*
2. *Lục Hòa Kính*
3. *Tam Vô Lậu Học,*
4. *Lục Độ Ba La Mật,*
5. *Phổ Hiền Bồ-tát thập đại nguyện vương.*

Chiếu theo kinh Vô Lượng Thọ, 5 khoa mục này mỗi mỗi đều được Thế Tôn đề cập và khai thị rõ ràng trong kinh Vô Lượng Thọ. Do đó tu theo 5 khoa mục này của Tịnh Tông Học Hội là tu theo kinh Vô Lượng Thọ. Hay nói cách khác 5 khoa mục này đích thực là bản tóm

tất của kinh Vô Lượng Thọ, mà Ngài Thiện Đạo Đại Sư, cũng là A Di Đà Phật đã đề xướng. Do đó người tu theo 5 tông chỉ của Tịnh Tông Học Hội, cũng là tu theo phương pháp của Phật A Di Đà. Muốn sanh về cõi nước của Phật A Di Đà, tu theo phương pháp của Phật A Di Đà, có phải là cũng thẳng tắp lắm chăng! Có chi phải tu theo đường lòng vòng.

Hỏi: Nếu tôi tu pháp môn Tịnh độ, nhưng tụng kinh Đại thừa khác với kinh Tịnh Độ, rồi lấy công đức đó hồi hướng Tây Phương, có được không?

Trả lời: Được chứ, trong kinh Phật cũng nói thế mà! Thế nhưng tại sao bạn lại thích tu xen tạp lòng vòng? Bạn tu pháp môn Tịnh Độ thì tụng kinh Tịnh Độ để nhớ pháp mà tu hành, tại sao bạn lại tụng kinh khác mà trong đó không có phương pháp chỉ dẫn làm thế nào để được vắng sanh.

Tôi xin phân tách rõ cho bạn nghe: Ví như bạn học môn Toán, lại không đọc sách Toán như Thầy căn dặn, bạn tự theo ý thích riêng của mình đọc sách Vật Lý. Bạn làm khác lời Thầy dạy thì tùy ý bạn, nhưng bạn thi rớt là do bạn chẳng nghe lời dạy của Thầy mà thôi. Ngược lại, nếu bạn y theo lời Thầy dạy: bạn học Toán, đọc sách giáo khoa Toán mà Thầy cho và siêng năng thực tập những bài toán trong sách giáo khoa Toán này, đúng theo cách thức chỉ bảo của Thầy, một ly một tí cũng không sai, thì làm

sao bạn có thể rớt khi Thầy ra bài thi chứ! Nếu bạn y theo lời chỉ bảo của Thầy, siêng năng thực hành mà bạn bị thi rớt, tức Thầy cũng phải gánh trách nhiệm vì chỉ dạy bạn sai. Phật là bậc Vô thượng Đạo sư, là Thầy của Trời và Người, chẳng lẽ lại dạy sai cho bạn!

Kinh Vô Lượng Thọ, phẩm thứ 46: *“Thường niệm chẳng dứt, chóng đắc đạo quả. Pháp của Ta như thế, nói như thế. Nên hành theo hạnh Như Lai đã hành. Vun bồi phước thiện, cầu sanh về cõi Tịnh Độ”*.

Tông chỉ thứ 1: Tịnh Nghiệp Tam Phước/Tịnh Nghiệp Chánh Nhân

Trong giai đoạn sơ tu pháp môn niệm Phật, hành giả chỉ cần chú trọng hai pháp tu:

- Chánh tu là Phát Bồ-đề tâm & nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật.
- Trợ tu là Tịnh Nghiệp Tam Phước. Khi hành giả viên mãn pháp tu này sẽ thành người chánh nhân vãng sanh, như đã nói trong kinh Vô Lượng Thọ - phẩm 25.

Trong Phật môn, đệ tử của Phật phải xem cha mẹ và Phật là bình đẳng. Nuôi dưỡng cha mẹ vẫn chưa đủ, còn phải quan tâm đến tâm tư tình cảm và huệ mạng của cha mẹ nữa. Nếu bạn làm cho cha mẹ đói rách hay buồn lòng thì dù bạn có tu pháp môn cao siêu nào đi nữa, bạn có

niệm Phật đến bề cuống họng đi chẳng nữa, bạn cũng không thể vãng sanh. Vì sao? Vì Tây Phương Cực Lạc là nơi tập hội của chư đại thiện nhân, không phải là nơi cho những hạng phàm phu tầm thường, hay những người thất lễ, bất hiếu, thiếu lòng từ bi mà có thể đến cõi nước này. Do đó chúng ta nhận thấy chánh hay trợ đều phải song tu, mới có thể tu đúng như lý như pháp.

Vậy phải bắt đầu tu từ đâu? Phật dạy, phải bắt đầu tu từ Địa Tạng, tức từ nơi tâm địa của chính mình (địa tạng nghĩa là tâm địa), nơi đức tướng trí huệ Như Lai của chính mình, chứ không từ nơi nào khác.

Phật nói, mọi chúng sanh đều có sẵn đầy đủ trí tuệ, đức năng và tài nghệ của Như Lai. Nhưng tạm thời những trí huệ, đức năng và tài nghệ này đều bị bao phủ bởi màn vô minh dày đặc nên chẳng thể khởi tác dụng.

Pháp môn của Địa Tạng là gì? Pháp môn Địa Tạng là khai quật bảo tàng tự tánh, bắt đầu từ sự giáo dục hiểu thân tôn sư. Hiếu kính của Phật môn là Địa Tạng Bồ Đề Nguyên Kinh. Địa Tạng Bồ-đề-xương hiếu thuận cha mẹ, tôn kính sư trưởng, hay nói chung là tôn sư trọng đạo. Đồng với kinh Quán Vô Lượng Thọ, Thế Tôn cũng dạy Vi Đề Hy phu nhân tu “Tĩnh Nghiệp Tam Phước” hay “Tĩnh Nghiệp Chánh Nhân” mà ba đời chư Phật đều lấy đó làm nền tảng tu đạo.

Tịnh Nghiệp Tam Phước:

- 1. Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp.***
- 2. Thọ trì tam quy, giữ đủ các giới, không phạm oai nghi.***
- 3. Phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh Đại Thừa, khuyến tấn hành giả.***

Tịnh Nghiệp Tam Phước là nền móng, là cốt lõi của tất cả các pháp môn tu. Trong 8 vạn 4 ngàn pháp môn của Phật, không có một pháp môn tu nào có thể bỏ qua pháp này. Ví như muốn xây nhà trước hết phải xây nền móng cho thật vững chắc, nhà càng lớn càng cao thì nền móng lại càng phải vững chắc. Khi nền móng đã vững chắc rồi có muốn xây nhà nhỏ, nhà lớn, hay cung điện lầu các gì cũng được. Còn nếu nền móng không vững chắc, thì dầu chỉ căn nhà lá nhỏ cũng có ngày bị sụp đổ.

Vì nền tảng này chính là đức hạnh trong tự tánh trong mỗi chúng sanh. Nếu quán chiếu cặn kẽ, sẽ thấy Tịnh Nghiệp Tam Phước đã bao gồm đầy đủ các hạnh đức của Tứ Đại Phật Tâm: (1) Địa Tạng (*Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng*), (2) Quán Thế Âm (*lòng từ không sát, tu thập thiện nghiệp*), (3) Văn Thù Sư Lợi (*Căn bản trí huệ: tin sâu nhân quả, thông hiểu kinh Đại Thừa*), (4) Phổ Hiền (*Phát Bồ-đề tâm, khuyến tấn hành giả, giữ đủ giới cấm, không phạm oai nghi*).

Con gái thứ nhì của tôi và các bạn cùng trường trung học (Robert Bateman High School, Burlington, Ontario), mỗi năm đều tổ chức quỹ ủy lạo cứu tế thiếu nhi bị đói khát, bệnh tật ở Phi Châu. Các cháu xin tiền của phụ huynh bằng cách tuyệt thực, không ăn trong 30 giờ đồng hồ, chỉ uống nước lã, không uống sữa hay nước trái cây. Các cháu làm vậy với những mục đích giáo dục như sau:

1. Các em không ăn trong 30 giờ, mục đích để cho cha mẹ, phụ huynh đau lòng khi thấy con em mình phải bị nhịn đói trong suốt 30 giờ đồng hồ, sẽ cảm thông được với nỗi lòng của các bậc cha mẹ nghèo trên khắp thế giới, không có khả năng kiếm tiền nuôi con như ở Phi Châu, Campuchia, Lào, Việt Nam, Ấn Độ v.v... Thậm chí có những em bé ở Phi Châu đã không được ăn và uống, đến không thể đi đứng nổi, chỉ nằm một chỗ chờ chết vì đói khát và bệnh tật.

2. Các em không ăn trong 30 giờ là để cho tự mình cảm nhận được cái khổ đau của sự đói (chưa nói đến khát và bệnh tật), mà thông cảm được sự khổ của những trẻ em nghèo khổ ở Phi Châu (hay các quốc gia nghèo khác), từ đó mà phát lòng từ bi cứu giúp những người bất hạnh hơn mình.

Chúng ta nhận thấy các cháu đã thể hiện được Tứ Đại Phạt Tâm: (1) Tâm địa hiếu kính chúng sanh như Địa

Tạng, (2) Lòng từ bi như Quán Âm, (3) Trí tuệ sáng suốt trong suy nghĩ và việc làm như Văn Thù và (4) Hằng thuận chúng sanh như Phổ Hiền.

Các cháu không có học Phật, cũng chẳng phải là Phật tử, mà đã biết cách phát huy Tứ Đại Phật Tâm qua sự suy nghĩ và việc làm đầy trí tuệ và lòng từ bi này, phát xuất tự nhiên từ trong Phật tánh của các cháu, không do ai chỉ bảo cả.

Phật dạy, Tứ Đại Phật tâm là tánh đức sẵn có trong ‘tự tánh’ của mỗi chúng sanh. Tu Phật đạo là để khởi phát tánh đức, bằng những việc làm cụ thể ngay trong cuộc sống hằng ngày đối vật tiếp người, không phải chỉ nói bằng miệng hay vào chùa đạo tràng mới cho đó là thật sự tu.

Ở Trung Hoa có Tứ Đại Danh Phật Sơn, tức năm ngọn núi hùng vĩ, phong cảnh rất thanh tịnh và thoát tục, cũng là thánh địa của bốn vị Đại Bồ-tát tượng trưng cho ‘Tứ Đại Phật Tâm’; bao gồm Cửu Hoa sơn của Địa Tạng Bồ-tát, Phổ Đà sơn của Quán Âm Bồ-tát, Ngũ Đài sơn của Văn Thù Bồ-tát, và Nga Mi sơn của Phổ Hiền Bồ-tát. Tứ Đại Bồ-tát thị hiện nơi thế gian này đã chọn bốn danh sơn hùng vĩ làm đạo tràng, để biểu tượng cho Tứ Đại Phật Tâm mà mỗi chúng sanh đều vốn có sẵn.

Khi tôi đến thăm Tứ Đại Danh Phật Sơn, thánh địa của chư Đại Bồ-tát, cũng phải chạnh lòng nhớ đến câu thơ:

*“Bạch vân phi khứ thanh sơn tại
Thanh sơn thường tại bạch vân trung”*

Mây trắng che lấp núi non xanh, nhưng chẳng phải núi xanh chẳng có. Mây trắng bay rồi, núi xanh liền hiển lộ rõ ràng. Mây trắng kia tượng trưng cho *vọng tâm* vô thường, lúc đến lúc đi. Núi xanh kia tượng trưng cho *chân tâm* thường hằng, không bao giờ biến mất. Khi vọng tâm vừa tan biến thì chân tâm liền hiển lộ rõ ràng. Tứ Đại Phật Tâm là ‘chân tâm’ của mỗi chúng sanh; dù từ vô thủy kiếp thường bị vọng tâm che lấp, lúc ẩn lúc hiện, nhưng nó vẫn luôn hiện hữu nơi đó như ngọn núi hùng vĩ sừng sững dưới trời xanh.

Tông chỉ thứ 2: Lục Hoà Kính

- 1. Thân hòa đồng trụ***
- 2. Khẩu hòa vô tranh***
- 3. Ý hòa đồng duyệt***
- 4. Lợi hòa đồng quân***
- 5. Giới hòa đồng tu***
- 6. Kiến hòa đồng giải***

Hòa Thượng Tịnh Không dạy, tăng đoàn là một đoàn thể cộng tu thanh tịnh tuân theo Lục Hoà Kính; một

đoàn thể cộng tu nếu có từ bốn người trở lên đã có thể gọi đó là một tăng⁹ đoàn. Nếu một tăng đoàn y theo Lục Hòa Kính mà xây dựng thì được mọi người tôn kính, chư Phật Bồ-tát gia hộ. Nếu không tuân theo Lục Hòa Kính, thì đoàn thể này khó có sự thanh tịnh vì không có hòa kính, chỉ có ganh tỵ thị phi và đấu tranh thì không thể tạo thành tăng đoàn, và không được Phật Bồ-tát gia trì.

Có nghĩa trong một tăng đoàn thì mọi người phải buông bỏ hết những kiến giải, cách nghĩ hay cách nhìn riêng của mình. Phật nói: “không nên tin vào cái ý của mình”. Vì sao? Vì còn là phàm phu tức còn vô minh, do đó ý nghĩ của mình chưa chắc chính xác, lại thêm tâm ý vô thường nay nghĩ này mai lại nghĩ khác. Chỉ khi chứng được quả A La Hán trở lên, đã đoạn được kiến tư phiền não, mới có thể tin nơi được ý nghĩ của mình.

Chúng ta khi tập hợp với nhau, có mâu thuẫn là có tranh cãi, muốn đạt những tương đồng kiến giải thật không phải chuyện dễ làm. Phật giáo cũng phải chia ra làm nhiều Tông phái. Ngay trong Tịnh Độ tông cũng chia nhiều nhóm chỉ vì sở thích không đồng, căn tánh không đồng... Người thích tụng kinh A Di Đà, người thích tụng kinh Vô Lượng Thọ, người thích niệm Phật không thích tụng kinh... đưa đến không đồng ý kiến rồi tranh cãi đúng sai, khó thể có được giới hòa đồng tu.

⁹ Tăng có nghĩa là thanh tịnh.

Do đó khi muốn thành lập nhóm cộng tu, nên quy hợp những người có cùng chung sở thích tu hành, lập ra quy luật (dựa trên Lục Hòa Kính) để mọi người nghiêm chỉnh tuân theo, như vậy đạo tràng mới có thể giữ được sự trang nghiêm thanh tịnh.

Tông chỉ thứ 3: Tam Vô Lậu Học

(1) Giới,

(2) Định,

(3) Huệ.

Tụng kinh và niệm Phật là tu Giới, Định, Huệ. Thường đọc kinh, nhớ kinh, tức nhớ lời Phật dạy, sớm được mở mang trí huệ, chánh kiến luôn được duy trì, dễ buông xả, không bị thoái chuyển... Luôn thường niệm Phật sẽ đạt được định, tâm định thì huệ cũng sẽ phát sinh.

Kinh Vô Lượng Thọ nói: *“Thường nhớ (kinh) không dứt, mau chứng đạo quả.”*

Thiền Đạo Đại Sư dạy: *“Đọc kinh và niệm Phật mỗi ngày không gián đoạn là duyên giúp một phàm phu như chúng ta có thể vãng sanh thượng phẩm.”*

Hòa Thượng Tịnh Không nói: *“Đọc tụng kinh điển là tu giới-định-huệ... Vì trong định có giác quán nên mau chóng được minh tâm kiến tánh thành Phật.”*

Tông chỉ thứ 4: Lục Độ Ba La Mật của Bồ-tát

1. ***Bồ thí,***
2. ***Trì giới,***
3. ***Nhẫn nhục,***
4. ***Tinh tấn,***
5. ***Thiền định,***
6. ***Trí huệ.***

Tu Lục Độ Ba La Mật là tu đạo Bồ-tát.

Muốn thực hiện đạo Bồ-tát thì phải kết thiện duyên rộng lớn với hữu tình khắp nơi. Muốn kết pháp duyên với chúng sanh trước hết phải tu pháp bồ thí. Kiêng sát sanh và ăn chay là bồ thí vô úy, quả báo được vui vẻ khỏe mạnh. Ấn tống kinh sách, mở pháp hội cho pháp sư thuyết kinh là bồ thí tài và pháp, sẽ được giàu có và trí tuệ. Bồ thí cho hữu tình sẽ mở rộng pháp duyên với hữu tình, sẽ độ được vô lượng chúng sanh. Vì Bồ-tát khó độ được người vô duyên, do đó để độ chúng sanh Bồ-tát phải kết thiện duyên với chúng sanh bằng pháp bồ thí. Bồ thí là cách tu phước. Bồ-tát lấy phước điền của mình làm mảnh ruộng cho chúng sanh nương tựa.

Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn là nền tảng, là căn bản để cho Bồ-tát tu định; khi có định, huệ sẽ tự nhiên phát sanh. Nói chung trì giới, nhẫn nhục và tinh tấn là đoạn ác tu thiện.

*Chư ác mạc tác
 Chúng thiện phụng hành
 Tự tịnh kỳ ý
 Thị chư Phật giáo*

*(Điều ác phải tránh,
 Việc thiện gắng làm,
 Giữ tâm thanh tịnh,
 Ấy là lời Phật dạy.)*

Chỉ cần nhớ và làm theo 4 câu kệ trên, thì đã hoàn thành được pháp tu BỒ-tát, Lục Độ Ba La Mật.

(Chúng ta cũng chỉ nói sơ qua tông chỉ này để có thời gian đi sâu vào chỗ trọng yếu của tông chỉ thứ 5 của Tịnh Tông Học Hội, đó là Phổ Hiền Thập Đại Nguyên Vương, hay gọi tắt là Phổ Hiền Hạnh. Tông chỉ này rất là quan trọng trong Pháp Sư Tam Thời Hệ Niệm sắp tới)

Tông chỉ thứ 5: Phổ Hiền BỒ-tát Thập Đại Nguyên Vương và Pháp Sư Tam Thời Hệ Niệm

Sự tu hiểu kính, lòng từ bi và trí huệ của Đấng Giác BỒ-tát vẫn chưa thật sự viên mãn nên chưa thể thành Phật, bởi còn một phẩm vô minh chưa đoạn. Muốn tu được tâm hiểu kính như Địa Tạng BỒ-tát, tâm từ bi như Quán Âm BỒ-tát, hay trí tuệ như Văn Thù Sư Lợi đến mức viên mãn, thì BỒ-tát phải tu hạnh Phổ Hiền. Có nghĩa là chúng ta

phải xem hết thấy chúng sanh là cha mẹ, là sư trưởng, là Phật và cũng là chính mình thì mới đạt được sự hiếu kính, lòng từ bi và trí tuệ viên mãn, không phân biệt của Phổ Hiền.

Vì không có phân biệt nên không có thước để đo, không giới hạn. Kinh Hoa Nghiêm nói tâm này là “*Tâm bao thái hư lượng chu sa giới*”, không gian của nó tận hư không biến pháp giới. Sự hiếu kính, lòng từ bi và trí tuệ viên mãn này chỉ có thể tìm được ở nơi Phật.

Phổ Hiền Hạnh là đem Lục Độ Ba La mật mở rộng ra, trải khắp đến khắp tận hư không biến pháp giới. Hạnh Bồ-tát trong Lục Độ Ba La Mật không lớn lắm, có giới hạn về mặt không gian và thời gian. *Nếu đem trải rộng đến không hạn lượng, thì đấy chính là Phổ Hiền Hạnh.*

Nếu còn có phân biệt thì chưa thể viên mãn hạnh tu Phổ Hiền. Bồ-tát viên mãn pháp tu Lục Độ vẫn còn phân biệt, Bồ-tát viên mãn pháp tu Phổ Hiền Hạnh thì phân biệt đã tận dứt.

Phổ Hiền Bồ-tát Thập Đại Nguyện Vương

1. ***Một là Lễ kính chư Phật,***
2. ***Hai là Xưng tán Như Lai,***
3. ***Ba là Quảng tu cúng dường,***
4. ***Bốn là Sám hối nghiệp chướng,***

5. *Năm là Tùy hỷ công đức,*
6. *Sáu là Thỉnh chuyển pháp luân,*
7. *Bảy là Thỉnh Phật trụ thế,*
8. *Tám là Thường tùy Phật học,*
9. *Chín là Hằng thuận chúng sanh,*
10. *Mười là Phổ giai hồi hướng.*

Lễ Kính Chư Phật, Xưng Tán Như Lai: Phật và Như Lai có ý nghĩa khác nhau. Phật nói về tướng, Như Lai nói về tánh. Chúng ta có thể kính lễ tất cả chúng sanh cùng giống như Phật, nhưng không xưng tán chúng sanh. Vì sao? Vì chúng sanh còn vô minh tham sân si chưa đoạn, cho nên không thể tán thán chúng sanh.

Con số và thể loại của chúng sanh là vô lượng vô biên không thể tính kể nổi. Chúng sanh nghĩa là “chúng duyên hòa hợp”. Do đó tất cả hữu tình (động vật hữu hình và vô hình), vô tình (cây, đá, cát, khoáng chất... cho đến hư không) đều là chúng sanh. Trong mắt Phật ngay cả đến Đẳng Giác Bồ-tát vẫn còn là chúng sanh, vì các Ngài còn một phẩm vô minh chưa đoạn, mà vô minh vọng tưởng cũng là chúng sanh.

Trong Pháp hội Tam Thời Hệ Niệm sắp tới, chúng ta sẽ một lòng chân thành kính lễ chư Phật và tuyên dương tán thán Như Lai theo đúng như lý như pháp của Phổ Hiền Hạnh. Trong nhục nhãn của phàm phu, thấy có Phật quá

khứ, hiện tại và vị lai. Trong Phật nhãn, tất cả chúng sanh đều là Phật, không có Phật quá khứ, hiện tại và vị lai. Nếu Bồ-tát xả bỏ được tâm phân biệt, tức là một phẩm vô minh còn sót lại, Bồ-tát liền thành Phật. Khi ấy Bồ-tát sẽ thấy tất cả chúng sanh đều là Phật, như thật mà thấy.

Chúng ta cũng thường nghe những lời nguyện của các vị Đẳng Giác Bồ-tát, như Quán Thế Âm, Phò Hiền, Địa Tạng: *“khi còn có một chúng sanh chưa được độ, tôi nguyện không thành Phật”*, nhưng tại sao các Ngài đều đã thành Phật trong vô lượng kiếp lâu xa về trước? Ý trong kinh rất là cao siêu, nếu chấp vào văn tự thì chẳng thể hiểu nổi chân thật nghĩa của Như Lai.

Theo tinh thần của kinh Kim Cang, ta có thể diễn giải ý này như sau: *Nếu Bồ-tát thấy tất cả chúng sanh đều là Phật, không phải là chúng sanh, tức không còn có một chúng sanh để độ, thì Bồ-tát đắc được quả vị Phật.* Nói cách khác theo kinh văn của kinh Kim Cang là: *“Bồ-tát độ vô lượng chúng sanh, mà không thấy một chúng sanh được độ”*, thì Bồ-tát mới có thể đoạn được một phẩm vô minh cuối cùng mà thành Phật.

Thế nên trong Tam Thời Hệ Niệm pháp sự, chúng ta cũng tập sự tu pháp tu này, sẽ kính lễ tất cả chư Phật và chúng sanh đồng như nhau theo hạnh Phổ Hiền. Nếu không có chúng sanh thì không có Bồ-tát, vì không có chúng sanh thì làm gì có hạnh Bồ-tát để tu hành? Nếu có

thể giữ được tâm thanh tịnh bình đẳng như vậy, chúng ta chính là hiện thân của Bồ Hiền Bồ-tát kính lễ chư Phật, và có thể chuyển hóa được tâm ý của tất cả chúng sanh, vô hình hữu hình, đồng quy hướng Nhất thừa, phát tâm niệm Phật, vãng sanh Tây Phương viên thành Phật đạo.

Quảng tu cúng dường: là sự cúng dường pháp rộng lớn cho khắp tất cả chúng sanh và Phật. Tất cả chúng sanh từ địa ngục cho đến Phật, chúng ta đều cung kính cúng dường như nhau, không có phân biệt. Trong các pháp cúng dường, cúng dường pháp là thù thắng nhất. Trong cúng dường pháp, bao gồm trọn cả bố thí vô úy, tài và pháp. Do đó cúng dường pháp sẽ được tất cả các phước báo như sức khỏe, tiền tài và trí tuệ. Ấn Quang Đại Sư và Hòa Thượng Tịnh Không dùng phần lớn tiền cúng dường của các Ngài để ấn tống kinh điển, có thể nói là 90% tiền cúng dường của các Ngài đều dùng trong công việc ấn tống kinh điển. Phần tịnh tài còn lại các Ngài chỉ dùng trong các việc cứu tế, phước thiện... Các Ngài làm một tấm gương rất tốt cho chúng ta suy nghĩ về tầm quan trọng của cúng dường pháp, truyền trì kinh điển Phật thường trụ ở thế gian.

Trong Tam Thời Hệ Niệm pháp sự, chúng ta sẽ cúng dường pháp cho hết thầy chúng sanh. Tổ chức pháp hội, làm các pháp sự như kính lễ chư Phật, xung tán Như Lai, quảng tu cúng dường, đọc tụng kinh A Di Đà, niệm Phật, thỉnh pháp sư khai thị pháp môn niệm Phật, sám hối

ngiệp chướng, hồi hướng công đức v.v... là sự cúng dường pháp tối thượng, tạo nhân duyên thành Phật cho mình và người, âm dương đồng lợi lạc.

Phật thuyết pháp là 3 nghiệp thuyết pháp cúng dường, Ngài dùng cả ba thứ thân, khẩu và ý để thuyết pháp: thân làm tấm gương, miệng nói pháp, ý niệm pháp:

- Tự mình tu hành thành tựu đạo: “*Như thuyết tu hành cúng dường*”.
- Giúp cho chúng sanh biết đến Phật pháp: “*Nhiếp thọ chúng sanh cúng dường*”.
- Ăn chay, sống cuộc sống thanh bản, để dành tiền làm Phật pháp là thực hành hạnh: “*Thay chúng sanh thọ khổ bố thí cúng dường*”.
- Không tham, không sân, không si: “*Thiện căn cúng dường*”.

Toàn tâm toàn lực rộng truyền bá Phật pháp là pháp tu theo hạnh quảng tu cúng dường của Phổ Hiền.

Trong pháp sự Tam Thời Hệ Niệm sắp tới, chúng ta cũng học theo gương Phật, cùng nhau thực hành 3 nghiệp thuyết pháp cúng dường của Phổ Hiền như đã nói trên, cho hết thầy chúng sanh trong tận hư không biến pháp giới. Pháp cúng dường này có đầy đủ Phước và Huệ song tu.

Sám hối nghiệp chướng: là tu huệ. Tội do tâm tạo, tâm chuyên tội tức liền tiêu. Khi tội chướng hết, thì phước và huệ trong tự tánh liền hiện tiền. Khi có đầy đủ phước và huệ thì có thể rộng kết thiện duyên với chúng sanh khắp nơi, và mới xiển dương và rộng truyền Phật pháp giáo hóa chúng sanh. Chân sám hối là tự mình luôn quán chiếu lấy tội lỗi của chính mình mà tu, chớ nên xét lỗi người. Phật giáo gọi Sám Hối là Tu Hành. Vì Tu nghĩa là tu chính sửa đổi, Hành nghĩa là hành vi. Vậy Tu Hành có nghĩa là tu chính và sửa đổi lại hành vi nơi 3 nghiệp thân khẩu và ý của chính mình; ý nghĩ sai, miệng nói sai và thân hành sai sẽ tạo ra 3 nghiệp bất tịnh và lục đạo luân hồi.

Mỗi ngày sáng tối hai thời đến bàn thờ Phật cầu sám hối là nhắc nhở chính mình lỗi cũ phải chữa, lỗi mới không phạm. Nếu sáng tối đều kim đôi Phật tiền tụng kệ sám hối mà tội cũ vẫn tiếp tục phạm, tội mới lại cứ sanh ra thì có khác nào buổi sáng tới nói láo với Phật Bồ-tát một thời, buổi tối lại đến nói láo với Phật một thời nữa. Mỗi ngày 2 thời đến lừa gạt Phật. Sám hối như vậy thì tội nghiệp ngày càng nặng thêm. Trong kinh Pháp Hoa Phật nói, *người tin Phật mà không làm theo lời Phật dạy là phi báng Phật*. Dối sám hối là lừa dối Phật, đồng với tội phi báng Phật.

Vì vậy phải cẩn thận sáng suốt mà tu trì, chớ nên vì mê tín mà chỉ tu trên hình thức. Tâm sám hối phải lưu

xuất từ trong trí tuệ sáng suốt nhận định, tâm địa chân thành cung kính trong ngoài tương ứng, thì mới gọi là chân sám hối.

Trong mỗi cuối thời của Tam Thời Hệ Niệm pháp sự, chúng ta cùng nhau đến trước Phật Bồ-tát đánh lễ cầu sám hối với cái tâm sáng suốt, chân thành và cung kính như trên đã nói. Nghi thức sám hối trang nghiêm thanh tịnh, kết hợp cùng âm thanh và nội dung của bài kệ sám hối giúp chúng ta cảm ứng được Phật Bồ-tát, khai giải được tâm ý của vong linh, giúp cho vong linh nhận ra được 3 nghiệp bất tịnh của họ mà cùng nhau cầu sám hối. Sự sám hối chân thật nhất là buông xả vạ duyên, phát lòng Tín-Nguyện-Hạnh niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc. Nếu các vong linh hữu duyên, hữu thiện căn phước đức, thì nương vào nhân duyên này mà vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, thành tựu A Duy Việt Trí Bồ-tát.

Thỉnh Phật chuyển pháp luân/Thỉnh Phật trụ thế:

Theo cách nghĩ của phàm phu, thỉnh Phật là thỉnh vị Phật đã thành, tức là Phật quá khứ. Phật vị lai là hết thấy chúng sanh chưa thành Phật. Nhưng theo tinh thần của Phổ Hiền Hạnh thì khác, Ngài không có tâm phân biệt nên tất cả chúng sanh đều là Phật. Phổ Hiền thỉnh tất cả chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai đồng như nhau. Mỗi người trong chúng ta ai cũng có Phật tánh, nếu mỗi người có thể thỉnh

được vị Phật trong tự tánh của mình hiện ra, thì cũng đồng với thỉnh vị Phật bên ngoài.

Vậy trong Tam Thời Hệ Niệm pháp sự, chúng ta cùng nhau thỉnh vị Phật trong tự tánh của chính mình, và tất cả các vị Phật bên ngoài đồng trụ thể để chuyển pháp luân, tức là mang Phật pháp giáo hóa chúng sanh còn si mê, đọa lạc, chưa được độ, để họ giác ngộ Tự tánh vốn là Phật của họ, mà được vĩnh viễn giải thoát – *Tu ngàn vạn kiếp, thành Phật trong một sát na, vì Phật và chúng sanh chỉ khác nhau bởi một niệm “Giác” hay “Mê”*.

Thường tùy học Phật: là không ngừng học Phật từ nơi các kinh điển, Sư trưởng Đại Đức, Thiện trí thức và hết thầy chúng sanh trong pháp giới. Tất cả mọi chúng sanh đều là Thiện trí thức của mình, không phân biệt kẻ xấu người tốt, vì tất cả ở nơi họ đều là những bài học quý giá giúp chúng ta giác ngộ – Phật pháp vốn do từ tâm của chúng sanh mà có nên tất cả pháp đều là Phật pháp. Trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài Đồng Tử là bậc thượng căn thượng trí, nhưng vẫn phải cầu học ở 53 vị Thiện trí thức.

Vậy 53 vị Thiện trí thức này là ai? Là tất cả mọi thành phần giai cấp và phẩm vị khác nhau, từ Phật Bồ-tát cho đến những kẻ xấu ác thấp hèn, dù giác ngộ hay si mê, dù phước huệ đầy đủ hay bé mọn ngu si... cho thấy đức tính khiêm nhường, thanh tịnh và bình đẳng của Ngài. Là Phật tử nếu muốn sớm chứng ngộ Chân Như cũng phải

buông lòng kiêu mạn để cầu học, vì mỗi mỗi hoàn cảnh đều có thể ban bố cho ta những bài học chứng thực, giúp ta mau giác ngộ tự tánh.

Hằng thuận chúng sanh: Với Phật Nhãn đức Phật thấy tất cả chúng sanh đều cùng một thể không hai, không một. Đối với phàm phu thì thấy có sai biệt giữa mình và người, vì thế mới có các tướng nhân, ngã, chúng sanh và thọ giả? Chúng ta tu tập hạnh Phổ Hiền hằng thuận chúng sanh, thì được thành tựu cả hai mặt: tự lợi và lợi tha. Ở nơi mình có thể diệt được 4 cái tướng hư dối (nhân, ngã, chúng sanh, thọ giả), mở rộng tâm lượng đến tận cùng hư không biến pháp giới, tâm càng lớn cảnh giới càng cao rộng – Tâm bao thái hư, lượng chu sa giới. Ở nơi người có thể gieo duyên với vô lượng chúng sanh trong khắp cùng pháp giới. Đây cũng là cách thức nhiếp hóa chúng sanh do từ pháp duyên đại từ của Bồ-tát. Như kinh Phổ Môn nói, nếu đáng dùng thân nào để độ thì Phật Bồ-tát dùng thân đó để vì chúng sanh ấy mà nói pháp. Đây cũng là cách hằng thuận theo tâm ý của chúng sanh mà hóa độ, thật vô cùng thanh tịnh và từ bi, một chút phân biệt cũng chẳng có. Vì không còn phân biệt, chấp trước, vô minh, nên Bồ-tát tùy hỷ với mọi ý thích và ý nguyện của chúng sanh.

Vì thế trong Tam Thời Hệ Niệm pháp sự, chúng ta cũng sẽ thực hành pháp hằng thuận chúng sanh của Phổ Hiền, để gieo kết pháp duyên với hết thảy mọi loài chúng sanh.

Như trong kinh Vô Lượng Thọ nói: “*người chưa được độ sẽ được độ, người được độ rồi khiến thành Phật*”.

Chúng ta sẽ bước vào pháp hội Tam Thời Hệ Niệm với tâm đại từ đại bi, xem hết thấy chúng sanh như chính mình để cùng nhau làm pháp sự. Phải quán chiếu rằng tất cả mọi người, mọi chúng sanh hữu hình hay vô hình trong pháp hội đều là Bồ-tát Phổ Hiền và ta cũng là Bồ-tát Phổ Hiền, thì không còn gì là phân biệt nữa. Mọi người đều là Phổ Hiền Bồ-tát hết sức là từ bi, thanh tịnh và cung kính thì không gian của pháp hội này sẽ biến thành Tịnh Độ Di Đà; tất cả các vong linh, người, trời, rồng và quỷ thần dự trong pháp hội đều được cảm ứng mà phát lòng Tín-Nguyện-Hạnh niệm Phật, đồng được Phật A Di Đà thọ ký vãng sanh Cực Lạc. Tất cả đều sẽ thành Phổ Hiền Bồ-tát ở cõi Tây Phương.

Phổ giai hồi hướng: công đức hồi hướng khó nghĩ bàn. Công đức có thể ví như là ánh sáng của đèn cây, đèn dầu hay ngọn đuốc... nếu ta cho một người chút lửa để thắp sáng ngọn đèn của họ, thì sẽ có hai ngọn đèn thắp sáng căn phòng mà ngọn đèn của mình cũng chẳng hề bị lu mờ. Tiếp tục như thế từ 2 thành 4 ngọn đèn, từ 4 thành 8, từ 8 thành 16... cứ triển chuyển như thế cho đến khi mọi người trong căn phòng đều có ngọn đèn thắp sáng trên tay. Chúng ta hình dung căn phòng lúc ấy sẽ sáng rực như thế nào không? Mỗi người đều chỉ có một ngọn đèn mà sự thụ hưởng ánh sáng của mỗi người trong căn phòng

không phải chỉ là một, mà là số lượng bằng số người trong phòng.

Trong Tam Thời Hệ Niệm pháp sự, tất cả chúng sanh cùng làm pháp sự và hồi hướng công đức cho nhau. Mà số lượng của chúng sanh đến dự pháp hội là vô số không thể tính kể, họ từ những thế giới phương khác nhau cùng đến dự hội. Con số chúng sanh trong các loài vô hình và hữu hình đến dự pháp hội sẽ là vô lượng vô biên. Vô lượng vô biên chúng sanh đồng hồi hướng công đức cho nhau, cộng thêm công đức của vô lượng vô biên Phật Bồ-tát hồi hướng cho chúng sanh trong pháp hội. Vậy công đức của mỗi người trong pháp hội được hưởng sẽ là bao nhiêu?

Do nghĩa lợi của công đức hồi hướng này, Hòa Thượng Tịnh Không đã kêu gọi mọi người khắp nơi trên thế giới, hãy cùng nhau làm pháp sự Tam Thời Hệ Niệm. Nếu Tam Thời Hệ Niệm pháp sự được tổ chức khắp nơi như vậy có thể cứu vãn hay dập tắt được những thiên tai động loạn, chiến tranh tranh cướp phá, bệnh dịch hoành hành đang xảy ra khắp nơi [do lòng tham sân si của chúng sanh trên trái đất này tạo ra], có thể đưa đến hủy hoại đời sống thế giới này.

Nên công đức hồi hướng thật khó nghĩ bàn!



Niệm Phật Như Lý Như Pháp

Chư cổ đức nói niệm Phật như pháp là “***buông xuống thân, tâm, thế giới, nhất tâm chuyên niệm.***”

Hòa Thượng Tịnh Không dạy: “*Tín nguyện trì danh là mấu chốt trong sự tu học của Tịnh Tông, nguyên tắc tu học là nhất tâm chấp trì danh hiệu thì có thể hoàn toàn biến công đức từ vô lượng kiếp của A Di Đà Phật thành công đức của chính mình.*” Như vậy, hễ chúng ta phát tâm niệm Phật là chúng ta được hưởng sự phước đức to lớn nhất, không gì sánh bằng trong thế gian lẫn xuất thế gian.

Kinh Vô Lượng Thọ nói tín sâu, nguyện thiết chính là Vô Thượng Bồ Đề. Gộp hai thứ Tín và Nguyện, đó là kim chỉ nam của pháp môn Tịnh Độ. Chân thật từ hai điều này, chấp trì danh hiệu đó chính là ***Chánh Hạnh***. Nên 3 điểm trọng yếu của pháp môn này là: (1) lòng tin chân thành, (2) chí nguyện vãng sanh chân thật và (3) tinh tấn thực hành (niệm Phật) đúng như lý như pháp.

Trong kinh A Di Đà, đức Phật dạy: “Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào nghe nói đức Phật A Di Đà, rồi chấp trì danh hiệu, hoặc trong một ngày, hoặc hai ngày, ... nhẫn đến bảy ngày, một lòng không tạp loạn. Thời người đó đến lúc lâm chung, đức Phật A Di Đà cùng hàng Thánh

chúng hiện thân ở trước người đó. Người đó lúc chết tâm thần không điên đảo, liền được vãng sanh về cõi nước Cực Lạc của đức Phật A Di Đà.” Lúc ấy, do nhờ vào *sức tự lực niệm Phật* vững vàng, cùng với *tha lực tiếp dẫn* của Phật và Thánh chúng, tâm không sợ hãi và điên đảo, sẽ được sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Hòa Thượng Trí Tịnh dạy: “Chấp trì danh hiệu Phật A Di Đà” không phải là chuyện dễ làm. “Chấp” nghĩa là nắm, “trì” nghĩa là giữ, người niệm Phật thì trong tâm phải luôn nắm giữ câu Phật hiệu, tức là phải thường luôn niệm Phật không gián đoạn. Muốn được như vậy thì trong bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi, bất cứ nơi nào, chốn nào cũng đều nên nhớ nghĩ niệm Phật, nhắc nhở trong tâm tưởng nhớ đến Phật. Mỗi thời, mỗi khắc tâm cũng không xa rời Phật, Phật không rời tâm thì mới gọi là thường luôn niệm Phật, mới gọi là chấp trì danh hiệu Phật. “Chấp trì danh hiệu Phật” cũng có nghĩa là dù mình không nghĩ niệm mà trong tâm vẫn luôn tự niệm Phật (bất niệm tự niệm), hoặc niệm Phật có sức mạnh thường luôn niệm, không lúc nào dừng dứt, không gián đoạn (niệm lực tương tục).

Nên lập một thời khóa thường nhật rõ ràng để giữ cho tâm có thủy chung, đừng nên lúc đầu thì thật hăng hái quá về sau lại giải đãi. Thời khóa cũng nên lượng sức, dung hòa với hoàn cảnh công việc của mình để tránh lúc dày lúc mỏng, mà dễ nản lòng.

Niệm Phật như thế nào cho đúng như pháp, và cách niệm Phật như thế nào cho có hiệu quả, xưa nay chưa có đức như Đại sư Ấn Quang cho đến các vị cao tăng hiện tại như Hòa Thượng Thích Trí Tịnh, đã có những lời di giáo huấn rất nổi tiếng. Ở đây tôi chỉ xin phép được trình bày kinh nghiệm của bản thân tôi: là lúc niệm Phật thì tâm phải nhận biết rõ ràng mình bạch được từng tiếng niệm, khi miệng niệm thì tâm phải nhớ Phật, không được suy nghĩ đến những việc khác. Khi niệm Phật thì *tâm và tiếng phải hiệp khăng với nhau*. Tiếng ở đâu thì tâm ở đó, tâm ở đâu thì tiếng ở đó. Niệm thầm hay ra tiếng cũng đều như vậy. Nếu cảm thấy khó nhiếp tâm niệm Phật thì nên dùng râu chuối để lần, nhờ lần chuối sẽ trôi buộc cái tâm loạn tưởng lại; và khi lần chuối nên lần chậm rãi theo từng tiếng niệm Phật, không nên lần quá lẹ, hột này qua hột khác, và niệm một cách cho qua loa có lệ.

Hãy *thật vì sanh tử* mà tu hành và phải cầu cho được sự *thành tựu vãng sanh*. Muốn thành tựu thì chúng ta cần phải thân chứng, vậy thân chứng bằng cách nào đây? Ngay tại bây giờ, hãy “*nhìn thấu, buông xuống, tự tại, tùy duyên, niệm Phật!*”

Diệu Âm Trí Thành



Văn-Tư-Tu & Tín-Giải-Hành-Chứng

Văn Tư Tu còn gọi là Tam Học

- Văn Học: Văn là học hỏi. Đọc tụng kinh điển, nghe giáo lý và pháp đàm là thực tập văn học. Học Phật nên có tinh thần cởi mở, muốn hiểu thấu và chịu thực hành. Nếu nghe pháp chỉ để đem đàm luận, phê phán, chỉ trích, hay chắt chứa kiến thức để khoe khoang, để tranh cãi đúng sai, thì đó không phải là văn học.

- Tư Học: Tư là suy gẫm, tư duy, quán chiếu những điều mình nghe. Ngay những điều Phật dạy cũng phải suy nghĩ và thẩm xét cho kỹ rồi đem ra ứng dụng cho đúng. Vì Phật không dạy chúng ta tu mù quáng, vô điều kiện, chỉ nhắm mắt nghe lời Phật dạy. Cách tốt nhất trong lúc đọc, tụng kinh hay nghe pháp Phật; không nên tư duy, chỉ định tâm đọc tụng và lắng nghe. Khi đã đọc và nghe xong rồi hãy quán chiếu, suy nghĩ.

Tư duy là đem văn học, kinh nghiệm và trí tuệ hiểu biết của mình về vũ trụ nhân sanh; mà xét nghiệm, thẩm thấu lại những điều mình đã học và nghe có giúp ích hay thỏa mãn được những thắc mắc và đau khổ của mình không.

- Tu Học: Tu học là thực tập. Nếu không đem cái học & tư duy ra thực tập thì việc nghe và tư duy chẳng có ích lợi gì. Trong quá trình văn, tư, tu về đạo Phật thì nên hiểu rằng Phật thị hiện ở thế gian này là để cứu khổ. Nói cách khác là những sự khổ đau của thế gian này chính là chất xúc tác để đạo Phật ra đời. Trong quá trình văn, tư và tu chúng ta thấy Khổ và Tập ở trong đạo. Tập là những nguyên nhân sanh ra Khổ, chuyển hóa được Tập thì Khổ sẽ chấm dứt. Nếu chúng ta hiểu rõ được bản chất của đạo Phật, đem văn tư & tu học được áp dụng trong cuộc sống hằng ngày đối nhân xử thế, thì có thể chuyển hóa được Tập.

Chuyển hóa Tập có nghĩa là “ngừng lại” không khởi tâm động niệm nữa, thì Khổ tự nhiên bị tiêu diệt. Vì sao? Vì nhờ thực hành văn, tư và tu mà Thân Khẩu và Ý của chúng ta được chuyển hóa thay đổi theo hướng thiện lành, cho đến khi hoàn toàn thanh tịnh - không còn nhiễm ô, không còn vọng tưởng phân biệt, chấp trước. Khi ấy kiến tư phiền não (sanh ra bởi tâm chấp trước) và trần sa phiền não (sanh ra bởi tâm phân biệt) sẽ đoạn diệt. Và khi Khổ (phiền não) được diệt có nghĩa chúng ta sẽ thẳng tiến đến cứu cánh Niết Bàn.

Tín-Giải-Hành-Chứng

Trong tất cả các pháp môn của Phật đều nói đến Tín-Giải-Hành-Chứng. Phật dùng pháp hữu vi làm

phương tiện giúp chúng sanh phát khởi Tín tâm (Tín) và có kiến thức (Giải) để hiểu biết về pháp môn mà mình tu. Một khi Tín-Giải đã vững vàng rồi, thì phải Hành. Hành trong Phật giáo tức là ‘Buông Xả’: buông xả tất cả các pháp, buông xả tự tư tự lợi, vọng tưởng phải quấy, nhân ngã, thị phi v.v..., ngay đến Phật pháp cũng phải buông bỏ xuống, thì Tự tánh thanh tịnh viên minh thể mới hiện tiền. Khi đó ta gọi là chứng đắc, tức là ‘minh tâm kiến tánh’. Minh tâm kiến tánh cũng không có nghĩa là thành Phật, vì mức độ của minh tâm kiến tánh vẫn có sự khác nhau:

- Thanh Văn chưa phá được hết chấp trước vi tế, nên chỉ chứng được *Nhất thiết trí*.
- Bồ-tát chưa phá được hết phân biệt vi tế, nên chỉ chứng được *Đạo chủng trí*.
- Phật rốt ráo phá được hết vọng tưởng phân biệt chấp trước, nên đắc được *Nhất thiết chủng trí*.

Trong kinh Kim Cang, Phật dạy chúng ta phải xả bỏ bốn tướng: nhân, ngã, chúng sanh và thọ giả để thể nhập Như Lai tánh.

Vì sao phải xả bỏ bốn tướng?

“*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*”: Tất cả vật chất, tinh thần, hiện tượng của vật chất và tinh thần đều có sanh diệt, đều là pháp hữu vi. Phật dùng pháp hữu vi làm

phương tiện giúp chúng ta nhìn thấy hết mọi chướng ngại của mình, để có thể quán nhập vào pháp vô vi vô tướng. Pháp vô vi vô tướng là pháp không thể dùng ngôn từ để diễn đạt được; pháp này chỉ có một, đó là Chân Như Vô Vi, tức Tự tánh Thanh Tịnh Viên Minh Thể (chân như bản tánh). Pháp này chỉ tìm được trong tự tánh, không thể tìm thấy trong sách vở hay kinh sách. Do đó nhà Thiền mới gọi chân thật kinh là “Vô tự Chân kinh”.

Tất cả pháp môn của Phật đều phải quy về ‘Thiền Định’ mà giác ngộ. Thiền định không phải chỉ nói riêng cho pháp Thiền tông; vì niệm Phật, trì chú cũng là Thiền Định. Thiền nghĩa là Quán, Định nghĩa là Chỉ. Thiền Định có nghĩa là Chỉ Quán. Thiền Định hay Chỉ Quán đều là phương pháp để an trụ tâm để phát sanh trí tuệ, vì Tâm định và thanh tịnh thì trí tuệ phát sanh. Có định và tuệ thì vạn pháp tự nhiên sẽ được thông rõ một cách sáng suốt. Sự thông rõ này không thể do tri thức học từ kinh sách mà có được. Ngược lại, nếu chỉ chấp cứng ngắc vào kinh sách văn tự sẽ bị chướng ngại cho việc tu định và tuệ (huệ); vì vậy nhà Thiền thường nói “Tâm là kinh, kinh là tâm” là vậy!

Diệu Âm Trí Thành



***Đôn Luân Tận Phận, Nhàn Tà Tồn Thành, Lão
Thật Niệm Phật, Cầu Sanh Tịnh Độ***

Hỏi:

Có người bạn Phật tử nói với cháu là chỉ biết niệm Phật theo đó mà tu, nếu thắc mắc là tâm bị vướng, mà vướng thì làm sao mà tâm không bị vọng tưởng, làm sao mà vãng sanh giải thoát ?

Trả lời:

Thân gửi DA HD:

Ấn Quang đại sư suốt một đời chỉ để dạy người, đã để lại lời giáo huấn rằng: “***Đôn luân tận phận, nhàn tà tồn thành, lão thật niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ***” (Giữ trọn luân thường, tận hết trách nhiệm, ngăn lòng tà vạy, giữ lòng thành kính, tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ).

Hòa Thượng Tịnh Không khẳng định lời dạy này đã được lưu xuất từ *tánh đức*, người bình thường trong chín pháp giới chẳng thể nói ra nổi! Và Hòa Thượng cũng cho rằng, 16 chữ “***Đôn luân tận phận, nhàn tà tồn thành, lão thật niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ***” này, chính là đại sư

Ân Quang đã “*truyền tâm pháp ấn*” tự hành, hóa tha của Ngài cho chúng ta. Đây là nguyên tắc giáo dục tối cao, là tổng cương lĩnh. Và ngay trong chín ngàn năm của thời Mạt Pháp, nguyên tắc này cũng sẽ không bao giờ biến đổi. Nếu chúng ta nhất định nhiếp thủ nguyên tắc giáo dục này, chắc chắn trong một đời sẽ được vãng sanh về Tịnh Độ.

Vì sao gọi đó là nguyên tắc giáo dục tối cao? Suy xét tận cùng thấu đáo lời dạy của đại sư Ân Quang, nếu muốn đạt được tâm thanh tịnh bình đẳng và đạo đức toàn thiện (không tà vạy) không phải một chuyện dễ làm. Nó đòi hỏi chúng ta phải sống đời sống phạm hạnh để chế ngự vượt qua những kiết sử¹⁰, phải có đủ nghị lực để kích hoạt chống lại sự hấp dẫn, lôi cuốn nơi đời ác ngũ trược này. Vì những quan niệm sai lầm, huyễn hoặc, dối trá... sẽ như ngọn gió thổi trên mặt hồ nước làm dậy sóng lăn tăn, khiến ta không thể soi tỏ ‘tự tánh’ của mình ở dưới đó. Chỉ khi vô minh đoạn được, tâm mới như lý tác ý, thì minh tánh mới sanh khởi được.

Muốn được vậy chúng ta phải có Văn-Tư-Tu và Tín-Giải-Hành-Chứng. Vì sao? Vì đôn luân tận phạm (*trì Giới*), nhàn tà tồn thành (*Định & Huệ*), 2 câu này xem như

¹⁰ *Kiết sử*: là sự ràng buộc, sai khiến chúng sanh, khiến chúng sanh toan tính, hành động không đúng với chánh Pháp và mãi chịu luân hồi sinh tử.

được kiến lập trên nền tảng đạo đức của thế gian pháp. Nếu không thể Tín-Giải-Hành-Chứng, tức chứng thực và thành tựu việc làm đạo đức trong thế gian, thì không thể thiết lập được niềm tin kiên cố đối với Phật pháp, làm sao có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc cho được? Nếu Văn-Tur-Tu chưa làm được thì không thể giúp đỡ chính mình đoạn các kiết sử; vì không có đủ năng lực tư duy cũng không có thể khuyến tấn, thuyết phục và giác ngộ quảng đại chúng sanh thì cũng chẳng thể hành việc ‘tự lợi, lợi tha’! Do đó, Phật pháp chính ngay tại thế gian pháp, giác rồi thì pháp nào cũng là Phật pháp. Không giác thì việc gì cũng là ma pháp, vậy làm sao có thể đem cái tâm mê mờ tà vạy mà dụng công niệm Phật cho được! Do vậy mà đạo tràng Tịnh Tông Học Hội đòi hỏi phải thành tựu cho được 2 câu đầu, lấy Giới-Định-Huệ làm căn bản, sau đó đến tín nguyện trì danh niệm Phật thì mới mong được vãng sanh.

Ngày nay chúng ta sống trong thời mạt pháp, hoàn cảnh tâm lý xã hội đầy tà tri tà kiến, tranh đấu quyết liệt. Nếu có chút ít thành tựu liền bị người khác ganh tỵ, đố kỵ, phê bình, chỉ trích v.v... Ngược lại, hành vi tạo tác của chúng ta cũng bất thiện, ô nhiễm chẳng khác hơn gì họ. Ngay trong đạo tràng tu hành cũng không ngoại lệ. Vì thế để thành lập kỷ cương cho một đạo tràng niệm Phật được thanh tịnh, thì nên kết hợp những người có cùng chung quan điểm, ước vọng và sở thích, để có thể cùng nhau cộng tu và kết thành đạo lực. Chúng ta nên hiểu, chúng ta

tu vì thuận theo chỗ cầu và sở thích của mình, nên tuyệt đối cũng không chê bai phá hoại cách tu của người khác, dầu bằng ý nghĩ, lời nói, hay hành động, được như vậy mới đúng như ý “*đôn luân tận phận, nhàn tà tồn thành*”.

Thời xưa, đại sư Ấn Quang chủ trương đạo tràng niệm Phật không nên quá 20 người, không đi hoá duyên, không làm pháp hội, không giảng kinh, nói pháp, chỉ lão thật niệm Phật là đủ. Thế nhưng Hòa Thượng Tịnh Không lại nói, mục đích lý tưởng của đại sư Ấn Quang rất thích hợp cho người của thời đại ấy, còn người thời nay chẳng thể làm được. Vì sao? Vì muốn niệm Phật cho có công phu đắc lực thì chúng ta phải thông hiểu và nhận biết rõ ràng giáo lý của Phật dạy. Mà người thời nay tâm chẳng thanh tịnh hiền lương, hiểu kinh pháp không nhiều, thấu rõ lời Phật dạy thì quá ít. Chính vậy mà Hòa Thượng Tịnh Không chủ trương cần phải học kinh, tụng kinh và liên tục giảng kinh, để liễu giải những tinh hoa của pháp môn Tịnh Độ. Trong những khóa cộng tu của Tịnh Tông Học Hội, trước thời khóa niệm Phật đều nghe giảng pháp và tụng kinh, sau đó mới niệm Phật; vì sau khi tụng kinh hoặc nghe pháp có thể đối trị được những mối nghi, những phiền não; tín tâm tràn trề thì lực niệm Phật cũng theo đó vượt tăng cao.

Đặc biệt là đối với pháp hội Tam Thời Hệ Niệm. Nếu ý nghĩa và mục đích của Tam Thời Hệ Niệm được

giảng giải và được nhận biết rành mạch thấu đáo, thì hiệu quả của pháp sự mới có thể đạt đến mức cứu cánh viên mãn. Bởi lẽ Tam Thời Hệ Niệm Pháp sự đòi hỏi Phật tử đến tham dự phải có sự nhận biết thấu triệt, có vậy trong lúc làm pháp sự mới có thể tùy văn nhập quán, mới có thể khế nhập vào cảnh giới, mới có thể đạt được mục tiêu ‘*âm dương lưỡng lợi*’. Lợi ích này đích thực là “*minh dương đại lợi*,” mới thật là một pháp hội thù thắng khó nghĩ bàn.

Trong kinh Địa Tạng Bốn Nguyên nói, trong 7 phần lợi ích của công đức hồi hướng, 6/7 chính mình hưởng, vong linh chỉ hưởng được 1/7. Nếu pháp sự Tam Thời Hệ Niệm được vài ba trăm người, nghìn đến ngàn người cùng nhau hệ niệm thì lợi ích thời sẽ thù thắng vô cùng. Và người đến dự pháp hội tâm ý cũng phải tương ứng, những nghi lễ như việc: tán tụng, sám hối, hồi hướng cũng vậy; đặc biệt nhất là phân khai thị của Trung Phong Đại Sư – một Pháp Thân Đại Sĩ tái lai, một thiên sư đã minh tâm kiến tánh. Vì sao? Vì tâm nguyện, tư tưởng, hành trì của chúng ta nếu tương ứng với kinh giáo, tức là tương ứng với Phật. Có tương ứng với Phật thì mới có thể giúp cho vong linh tâm khai ý giải, lìa khổ được vui, hốt nhiên tỉnh ngộ. Có tương ứng với Phật, thì pháp hội mới được sự minh chứng và hộ niệm của hết thảy 10 phương chư Phật Bồ-tát, mới được chư thiên gia hộ và thiện thần bảo vệ.

Cổ đức nói: “*Nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Nhưng chỉ có người hoàn toàn chân chánh thật thà, mới có thể thành tựu đến mức “*nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật,*” mà không cần học Phật. Cũng có nghĩa nếu không thông rõ giáo lý, thì công phu niệm Phật chỉ đạt được đến mức giới hạn nào thôi, vì niệm niệm không có tương ứng. Vì sao? Vì người hoàn toàn chân chánh thật thà, họ không có hoài nghi, không có xen tạp, không có vọng tưởng phân biệt chấp trước như đa số chúng ta đây!

Chân thật mà tự xét, chúng ta có phải là những người hoàn toàn chân chánh thật thà như vậy hay không? Nếu phải thì hãy theo cách dạy bảo của đại sư Ấn Quang, còn nếu không thì nên y theo sự giáo huấn của Hòa Thượng Tịnh Không, mới hy vọng niệm Phật được “*Nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”.

Hòa Thượng Tịnh Không lại dạy: “*Giáo lý có thông đạt, thì việc niệm Phật mới tương ứng*”. Vì sao? Nhờ thông đạt giáo lý thì chúng ta có thể phá mê khai ngộ, biến những lời đạo lý Phật dạy trong kinh giáo thành tư tưởng của chính mình làm đoạn mất những thành kiến, tà kiến; và ngôn ngữ, hành động của chính mình cũng tùy thuận lời giáo huấn của Phật, tùy thuận nơi kinh giáo mà như lý tác ý. Học Phật như vậy tự nhiên bạn sẽ có một đời sống

an lạc, bớt khổ đau, và hoan hỷ trong câu niệm Phật; đây chính là nhờ ở nơi **từ lực của Phật gia trì**. Bạn đổi mê thành ngộ, sám hối, làm lành... chẳng phải là được Phật gia trì đó ư? Vậy từ lực nào của Phật gia trì bạn? Ngay chính những lời trong kinh giáo của Phật, chẳng có ở đâu xa! Nên kinh nói: “Nương từ lực Phật, các tội tiêu diệt, thiện căn tăng trưởng” chính là như vậy.

Diệu Âm Trí Thành



Phật Thị Môn Trung Hữu Cầu Tất Ứng

Thân gửi HT:

Một đời hoằng pháp lợi sanh của Ấn Quang Tổ Sư đều chú trọng đến vấn đề ‘Nhân Quả’. Số lượng sách Ngài ấn tống nhiều nhất không phải là kinh Phật, mà là những sách nho giáo dạy làm người thiện như Liễu Phàm Tứ Huấn, Cảm ứng Thiên, Âm Cách Vãn, An Sĩ Toàn Thư v.v... Ngài đã cho ấn tống hơn 3 triệu quyển. Mục đích của Ấn Tổ là giáo hóa chúng sanh coi trọng nhân quả, vì người thiếu phước báu khó gặp được Phật pháp.

Đạo lý của thế gian và xuất thế gian pháp không ngoài tâm tánh, và mọi sự tương lành dữ phúc họa đều từ nhân quả hiện ra. Đặc tính và hoàn cảnh sống của mỗi cá nhân, xã hội, quốc gia, thậm chí đến mỗi hành tinh đều do sự ảnh hiện của tâm tánh và nhân quả của chúng sanh nơi ấy. Nếu mọi người đều coi trọng nhân quả, kiểm soát kỹ lưỡng các hành vi tạo tác của mình thì trái đất này cũng bớt thiên tai, xã hội giảm động loạn, và người người sẽ được sống an vui hạnh phúc. Vì vậy tâm tánh và nhân quả là hai yếu tố rất quan trọng trong Phật giáo, vì nó bao gồm hết cả các pháp thế gian và xuất thế gian.

Mọi người ai cũng mong muốn có được nhiều tiền tài, danh lợi, sức khỏe và mạng sống dài lâu. Vì tranh đấu

để sở hữu những thứ này nên con người đã không ngần ngại tạo ra mọi thủ đoạn hiểm ác để chiếm đoạt. Nhìn trên mặt lý thì hoàn toàn trái ngược với tâm tánh của con người, trên mặt sự cũng trái nghịch với định luật nhân quả, nên lý và sự đều không thuận với vũ trụ tự nhiên do đó sanh ra những biến động trái nghịch với ý nguyện của mình, ta gọi đó là nghiệp chướng hay ma chướng. Với những hành vi lợi mình hại người, chúng ta đi cầu khẩn Phật giúp cho, thì liệu có thể đạt được những điều mà mình mong muốn không? Tất nhiên không thể được! Phật dạy, “*Phật thị môn trung hữu cầu tất ứng*”, nhưng tâm có chân thành, ý có chánh đáng, lý sự có tương ứng thì sự cầu khẩn mới thành tựu được.

Phật nói tất cả các pháp luôn bao gồm ba thứ: Thể, Tướng và Dụng. “Thể” của chữ “Phật” là trí huệ (chân thật trí huệ tức là giác ngộ). “Dụng” là giác mà không mê hoặc điên đảo.

Khi hiểu rõ ý nghĩa của chữ “Phật” rồi thì tự nhiên sẽ nhận biết rằng câu “*Phật thị môn trung*” không có nghĩa là vào chùa thắp nhang thỉnh cầu Phật ban bố ân huệ phước báo thế gian, vì những sự cầu nguyện dạng này không phải là hữu cầu, nó trái nghịch với tâm tánh và định luật nhân quả.

“Giác ngộ” cùng với tâm tánh và nhân quả đều tương ứng, do đó cầu “giác ngộ” thì hoàn toàn đúng với ý

nghĩa “*Phật thị môn trung hữu cầu tất ứng*”, sẽ được cảm ứng đạo giao và được toại nguyện.

Phật pháp xem trọng thật chất, không trọng hình thức và hình tướng. Trí giác mới là thật chất, cho nên tu hành phải xem trọng Trí giác, đừng nên quá xem trọng hình thức. Hình thức và nghi thức chỉ là phương tiện tạm dùng, chớ nó không có thực tướng. Trong kinh Đại Thừa nói, tất cả chúng sanh đều có đầy đủ trí huệ, phước báu và đức năng của Như Lai. Phạm vi, số lượng và thể loại của tất cả chúng sanh thì quá đồ sộ, chúng ta không thể nói hết được, chỉ có thể giới hạn trong phạm vi nhỏ hẹp là con người trên quả địa cầu này mà thôi.

Mỗi người chúng ta đều có đầy đủ vô lượng trí huệ, phước báu và đức năng của Như Lai. “*Nhu*” nghĩa là Chân Như (không hề thay đổi, không sanh không diệt) – đây là nói về Thể. “*Lai*” nghĩa là kiến tánh – đây nói về Dụng và Tướng, khi kiến tánh thì thành Phật. Vậy Như Lai có nghĩa là Chân Như Bản Tánh, là Tự tánh của mình, và nó vốn đồng một thể tánh với tất cả chúng sanh và 10 phương chư Phật, nó vốn có đầy đủ vô lượng trí huệ, phước báu và đức năng.

Tuy nhận biết rằng chúng ta có Như Lai tánh đồng giống như Phật, nhưng tại sao chúng ta vẫn chưa tìm thấy được nó; những trí huệ, phước báu và đức năng kia tại sao vẫn chưa thể khởi tác dụng? Là do bị ba thứ phiền não che

lập (chương) Như Lai tánh của mình. Ba thứ phiền não này là: Vô minh phiền não, Kiến tư phiền não và Trần sa phiền não - Vọng tưởng là Vô minh phiền não, chấp trước là Kiến tư phiền não, và phân biệt là Trần sa phiền não.

Do đó khi ta nói đến vọng tưởng, phân biệt và chấp trước cũng là nói đến ba thứ phiền não chương này. Chỉ cần đem ba thứ phiền não chương này buông xuống, thì trí huệ phước báu và đức năng trong Tự tánh liền hiện tiền. Chỉ cần buông xả được tất cả thế gian và xuất thế gian pháp thì không còn vọng tưởng, phân biệt và chấp trước nữa, cảnh giới của chúng ta liền biến thành Nhất Chân Pháp Giới. Nói cách khác, khi còn phiền não thì còn có Lục Đạo, khi giác ngộ rồi chẳng có Đại Thiên, mà chỉ có Nhất Chân Pháp Giới hay Thường Tịch Quang Độ.

Lại nữa vì nhận biết rằng tất cả Phật và chúng sanh đều có đồng Như Lai tánh, không có sai biệt; do đó đối với hết thảy chúng sanh, chúng ta không nên xem thường, luôn đối đãi với họ một cách cung kính và bình đẳng. Chúng ta cung kính Phật như thế nào thì phải cung kính tất cả chúng sanh như thế đó, mới gọi là chân thật thanh tịnh bình đẳng. Vì thế cho nên, tâm thanh tịnh bình đẳng cũng đích thực là tâm giác ngộ.

Khi chúng ta ở nơi Phật pháp mà cầu sự giác ngộ, cũng đồng nghĩa với cầu dứt sạch ba thứ phiền não chương trên; khi thành tựu rồi chúng ta tự nhiên sẽ có đầy

đủ vô lượng trí huệ, phước báu và đức năng (tài nghệ), một tư hào cũng không thua kém so với vô lượng vô biên chư Phật Như Lai trong 10 phương pháp giới.

Phước báu của chúng sanh trong thập phương pháp giới nhờ do tu phước mà có, không phải do từ trong Tự tánh hiển lộ ra; do đó có giới hạn về không gian (số lượng) và thời gian (vô thường, không thường hằng). Phước báu của chư Phật Như Lai do trong Tự tánh hiển lộ một cách tự nhiên, cho nên nó luôn đầy đủ và thường hằng. Hai loại phước báu này không giống nhau, chúng ta phải phân biệt cho rõ ràng, thì mới có một sự hiểu biết trung thực rằng, chỉ nên cầu giác ngộ mới đích thực được “*Phật thị môn trung hữu cầu tất ứng*”.

Muốn giác ngộ thì mỗi ngày đều phải đọc tụng kinh điển và nghe pháp. Vì đọc kinh và nghe pháp sẽ giúp cho cảnh giới trí tuệ tăng trưởng nhanh chóng. Do nhờ thông đạt giáo lý của Phật và trí tuệ tăng trưởng, nên công phu niệm Phật được tương ứng, mỗi câu niệm Phật sẽ là chánh niệm (niệm giác ngộ), mỗi ý nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc đều mong cầu nơi sự giác ngộ (chánh kiến); khi ấy hữu cầu thì tất nhiên sẽ có cảm ứng đạo giao với đức Phật A Di Đà.

Diệu Âm Trí Thành



Tâm Ngã Mạn

Phàm phu chúng ta vì quên mất tự tánh, nên tự tánh liền biến thành A-lại-da thức, trong A-lai-da-thức có Mạt-na thức sanh ra bốn thứ phiền não là ngã kiến, ngã ái, ngã si và ngã mạn. Trừ các vị đã chứng được quả A La Hán trở lên mới không còn tâm ngã mạn, tất cả các loài từ Trời trở xuống đều còn có tâm ngã mạn. Ngã mạn là vọng tưởng sanh sanh diệt diệt trong tâm của chúng ta không ngừng; theo như lời dạy của đức Di Lặc Bồ-tát: vận tốc sanh diệt của vọng tưởng trong tâm chúng sanh nhanh như thời gian của khoảng khảy móng tay. Chúng ta là phàm phu, do đó ai cũng có lòng ngã mạn, nhưng cường độ ngã mạn có khác nhau, có thô và có vi tế.

Người tu hành mà có lòng ngã mạn thì thường gặp ba thứ chướng ngại như sau:

- Người ngã mạn, dù cho thường đọc tụng kinh điển Phật, nhưng không thực hành được bởi do tâm ngã mạn. Tại sao? Vì họ không y giáo phụng hành, không làm theo đúng lời Phật dạy, tức là còn ngã mạn, còn chưa tin lời Phật dạy. Trong kinh Pháp Hoa Phật nói: “người tin ta, mà không làm theo lời ta dạy là người phỉ báng ta”.

- Người ngã mạn thường sanh tâm đố kỵ, ganh ghét người giỏi hơn mình và thành công hơn mình, hay phá hoại việc làm của người khác bằng lời nói và hành động. Họ tự ngăn ngại tâm thanh tịnh và từ bi của chính mình.
- Người ngã mạn thường sanh lòng tham dục vì muốn hơn người.

“Hòa thuận” là hai pháp dùng để đối trị tâm ngã mạn. Để có thể thực hiện được pháp “hòa thuận”, đức Phật lại dạy ta bốn pháp để nhiếp thọ chúng sanh, được gọi là Tứ nhiếp pháp. Tứ nhiếp pháp gồm có: Bố thí nhiếp, ái ngữ nhiếp, lợi hành nhiếp và đồng sự nhiếp.

1. Bố thí nhiếp có nghĩa là sự quan tâm, sự bố thí vô úy, khác với ý nghĩa của bố thí trong Lục Độ. Thí dụ: hiếu khách, tán thán, cảm ơn, khuyên lơn, an ủi, tặng quà .v.v... là cách bố thí trong Tứ nhiếp pháp.
2. Ái ngữ nhiếp không phải là lời nói ngọt ngào nịnh bợ, mà là lời nói chân thật, thương yêu và từ bi.
3. Lợi hành nhiếp là làm những việc làm có lợi ích chung cho mọi người, lợi ích cho xã hội, lợi ích cho chúng sanh, không tự tư tự lợi. Tự tư tự lợi là tham, xem ra như có lợi ích trước mắt, nhưng đến lúc phải thọ quả báo, rơi vào chốn hỏa ngục, thì hối hận cũng không kịp. Lợi người mới là lợi mình. Tự lợi cho riêng mình là ác pháp, tự làm hại lấy chính mình.

4. Đồng sự nhiếp có nghĩa là làm cùng sự nghiệp với chúng sanh hữu tình, cùng lợi ích như nhau, cùng công việc khổ vui (nghiệp); gần gũi chúng sanh, dùng pháp nhãn thấy rõ căn tánh chúng sanh như thế nào, rồi tùy thuộc vào những thân căn y báo chánh báo cùng cái khổ cái vui của họ mà thị hiện thân hình ứng vào những thân căn đó mà hiện thân cứu vớt đưa họ vào chánh đạo, khiến cho họ cũng được những lợi ích. Cách thức Đồng sự nhiếp này chỉ có Phật Bồ-tát mới có thể làm được, phàm phu chúng ta không làm nổi. Chúng ta nhận biết cách làm này qua lịch sử của Phật Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngài thị hiện ở thế gian này với thân của chúng sanh và phải chịu các thứ khổ như chúng sanh để giáo hóa chúng sanh... Chúng sanh thấy Ngài có cần khổ tu hành và thành đạo, nhưng đối với Ngài thì không có vui và cũng chẳng có khổ, vì Ngài đã vượt qua tất cả các pháp đối đãi của thế gian.

Trong cuộc sống gia đình, đối với cha mẹ, vợ chồng, con cái, nếu chúng ta biết dùng Tứ nhiếp pháp để ứng xử, thì gia đình sẽ được an vui và hạnh phúc mỹ mãn. Trong đoàn thể cộng đồng xã hội, tăng đoàn hay đạo tràng .v.v... nếu chúng ta thực hành Tứ nhiếp pháp theo lời Phật dạy, thì tập thể này sẽ được đoàn kết và có sức mạnh thành tựu mọi việc làm. Tóm lại, Tứ nhiếp pháp là pháp tu giúp chúng ta phá trừ tánh ngã mạn để có thể hằng thuận với chúng sanh.

Bồ-tát luôn thị hiện ở thế gian, luôn biểu diễn Tứ nhiếp pháp một cách viên mãn để cho chúng ta nương theo mà học tập. Các Ngài thị hiện với thân người giống như chúng ta, sinh sống lẫn lộn với chúng ta để dẫn dắt chúng ta vào Phật đạo. Việc này được Phật Thế Tôn nói trong kinh Vô Lượng Thọ như sau: “Trong cõi Phật đó, tất cả Bồ-tát, hiện tại vị lai, đều đang rớt ráo, nhất sanh bổ xứ. Duy trừ nguyện lớn, vào cõi sanh tử, vì độ quần sanh, làm sư tử hồng, khoác đại giáp trụ, công đức hoằng thệ, dùng tự trang nghiêm. Tuy rằng sanh vào, đời ác năm trước, *thị hiện giống họ*, thẳng tới thành Phật, không thọ hưởng ác, sanh đâu cũng thường biết mạng đời trước”.

Bồ-tát thị hiện ở thế gian, có lúc là người hiền minh làm gương mẫu cho chúng sanh, có lúc là người xấu ác để cảnh tỉnh chúng sanh, để chúng sanh nhận ra lý nhân quả mà làm lành tránh ác. Do đó, đối với người hiền hay dữ, tốt hay xấu, khiêm nhường hay ngã mạn, chúng ta đều phải chân thành và bình đẳng cung kính họ, chớ nên xem thường khinh dễ họ. Nếu chúng ta có lòng khinh thường người làm ác, chúng ta cũng chính là người có tâm ngã mạn. Có một điều mà chúng ta phải nên luôn hết sức thận trọng là: chớ nên vọng tưởng tự xem mình là Bồ-tát hay Nhất Sanh Bồ Sĩ thị hiện cứu độ chúng sanh; bởi lẽ, khi chúng ta khởi lên cái tâm này, thì chúng ta đích thực là người ngã mạn. Cái vọng tưởng này rất là thường xảy ra với những người làm được các pháp lành, rồi xem thường

người khác chưa làm được ... Lại nữa, Bồ-tát có thể thị hiện là người xấu để giáo hóa chúng sanh, nhưng chúng ta không phải là Bồ-tát, nên không thể bắt chước các Ngài mà làm như vậy. Chúng ta chỉ có thể bắt chước những điều tốt lành mà các Ngài mà thôi. Chúng ta chỉ nên âm thầm quán chiếu những việc xấu ác để không bị phạm.

Phật dạy chúng ta Tứ nhiếp pháp để đoạn trừ tâm ngã mạn, nếu chúng ta thường áp dụng pháp này trong cuộc sống hằng ngày, tâm ngã mạn của chúng sẽ dần dà giảm bớt, tánh đức và phước báu sẽ được hiển lộ. mọi nguyện ước sẽ được thành đạt mà không cần phải mong cầu ở bất cứ nơi nào khác.

Vì thế, trong kinh Vô Lượng Thọ, Phật dạy rằng:

“Tự tánh bản nhiên vốn sẵn thanh tịnh, chí nguyện vô thượng, thân tâm tịch định an lạc. Hốt nhiên khai đốn, minh bạch triệt ngộ, thấu được Thật Tướng các pháp, bản thể vũ trụ. Tự nhiên quang sắc xen nhau biến hiện như như, chuyên biến tối thắng. Uất Đan Việt tự nhiên thành bảy báu, từ hư không tự nhiên hiện ra vạn vật, hiển lộ từ Quang Minh tạng tinh diệu sáng sạch, tốt lành thật khôn sánh, tỏ soi không trên dưới, thông suốt không ngăn mé. Nỗ lực tự cầu đạo, tự thân siêng tinh tấn, ắt quyết được siêu tuyệt, vãng sanh cõi vô lượng thanh tịnh của Phật A Di Đà. Chặt ngang dứt năm đường, ác đạo tự đóng lấp.”

Trong kinh Vô Lượng Thọ, phẩm 20, Gió đức mưa hoa, có đoạn kinh văn: “Gió lại thổi qua rừng cây bảy báu, cuốn hoa rơi kết lại thành vàng, từng sắc từng quang, trải khắp cõi Phật. Hoa lần lượt tụ lại, riêng biệt từng màu, chẳng xen tạp loạn, nhu nhuyễn sáng sạch, như Đâu La Miên. Chân bước trên hoa, lún sâu bốn ngón, khi giở chân lên, hoàn phẳng như cũ. Quá khỏi giờ ăn, hoa ấy tự mất, mặt đất thanh tịnh, lại mưa hoa mới. Tùy thời tùy tiết, tuần hoàn trọn khắp như trên chẳng khác, như vậy sáu thời cho mỗi ngày đêm.”

Chúng ta biết Phật học là nội học; do đó, tất cả những gì Phật dạy đều quy hướng về Tâm: cảnh cũng là tâm, tướng cũng là tâm, âm thanh cũng là tâm, hương thơm cũng là tâm.

Tánh Tướng Đồng Nguyên: trong Tướng thấy Tánh, trong Tánh thấy Tướng, sự sự vô ngại. Lại nữa, cảnh giới Tây Phương thù thắng, từng thứ từng thứ một đều là Pháp của A Di Đà Phật dùng để giáo hóa chúng sanh trong cõi nước ấy. Dựa trên căn bản hiểu biết này, khi ta thấy tướng mà không dính mắc vào tướng thì liền hiểu được bí tạng (mật tạng) của kinh Phật và liễu ngộ được tự tâm. Pháp Phật nhiệm màu, thâm sâu và vi diệu vô cùng tận, không thể dùng lời nói văn tự mà diễn tả cho hết, chỉ phải dụng tâm mà quán niệm. Vài đặc điểm của đoạn kinh văn trên xin được trình bày dưới đây, để chúng

ta nhận biết Phật nói cảnh sắc, cũng là nói tâm, và tâm cũng là cảnh sắc:

- “Gió lại thổi qua rừng cây bảy báu, cuốn hoa rơi kết lại thành vàng, từng sắc từng quang, trải khắp cõi Phật”: nghĩa bóng là trong cõi Cực Lạc có vô số Thánh Chúng, mỗi vị đều có tánh đức (giới, định và huệ) như hoa thơm đầy khắp nước Phật.
- “Hoa lần lượt tụ lại, riêng biệt từng màu, chẳng xen tạp loạn, nhu nhuyễn sáng sạch, như Đâu La Miên”: nghĩa bóng là mỗi vị thánh chúng trong cõi Cực Lạc trí huệ sáng suốt, thần thông tự tại, họ uyển chuyển và thích nghi trong Trung đạo đối với tất cả pháp, không vọng tưởng, không phân biệt và chấp trước, không chấp pháp, không dính mắc, không buộc, không mở, không xen tạp v.v...
- “Chân bước trên hoa, lún sâu bốn ngón, khi giở chân lên, hoàn phẳng như cũ”: Vì các thánh chúng vẫn chưa thành Phật, nên tâm của họ vẫn còn có những vọng tưởng vi tế chưa đoạn; thế nhưng khi nó vừa khởi lên, chưa lún sâu lắm, thí dụ như chỉ vừa lún sâu bốn ngón, thì các Ngài liền nhận biết và nhanh chóng an trụ tâm trở lại trong chánh định, trở lại phẳng lặng thanh tịnh như trước.
- “Quá khỏi giờ ăn, hoa ấy tự mất, mặt đất thanh tịnh, lại mưa hoa mới. Tùy thời tùy tiết, tuần hoàn trọn khắp như trên chẳng khác, như vậy sáu thời cho mỗi ngày

đêm”: Sự tu tập của các Ngài mỗi bữa, mỗi thời đều là như vậy, đều là an trụ tâm trong chánh định, phá trừ vọng tưởng, phân biệt và chấp trước cho đến khi chứng đặng quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Trong kinh Vô Lượng Thọ Phật cũng nói: đây là cái quả thù thắng Tối Cực của người được sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc. Nếu là những người có tà kiến và tà định, tức là những người có lòng ngã mạn không tin lời Phật dạy, thì chẳng thấu triệt nổi cái nhân tối cực này.

Diệu Âm Trí Thành



Tâm Sân Giận

Trong kinh Sân giận, Đức Phật có nói đến những điều xảy ra đến với một người hay sân giận: “*Này các Tỷ-kheo, hạng người nào phẫn nộ, bị phẫn nộ chinh phục, bị phẫn nộ chi phối: dầu cho người ấy khéo tắm rửa, khéo chải chuốt, rồi người ấy cũng trở thành xấu xí; dầu có nằm trên giường nệm, chăn len, họ vẫn ngủ một cách khổ sở; thâu hoạch bất lợi, lại nghĩ rằng: “Ta được lợi ích”, thâu hoạch điều bất lợi ích, lại nghĩ rằng: “Ta không được lợi ích”. Những pháp này được nắm giữ khiến người khác trở thành thù địch, đưa đến không hạnh phúc, đau khổ lâu dài; những tài sản nào của họ thâu hoạch do sự phẫn chán tinh cần, cất chứa do sức mạnh của cánh tay, chông chát do những giọt mồ hôi, đúng pháp, thâu hoạch hợp pháp. Các tài sản ấy được nhà vua cho chở về ngân khố nhà vua; nếu có được danh tiếng gì nhờ không phóng dật thâu hoạch được, danh tiếng ấy lánh xa họ; nếu người đó có những bạn bè thân hữu, bà con huyết thống gì, họ sẽ xa lánh, từ bỏ người đó, vì người đó bị phẫn nộ chinh phục; người đó làm ác hạnh với thân, người đó nói lời ác hạnh với lời, người đó nghĩ đến điều ác hạnh với ý, khi thân hoại mạng chung, người đó sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.”*

Nguyên nhân và hậu quả của tâm sân giận:

Trong thế gian này, ai có thể bảo là mình chưa hề sân giận? sân giận là một tập khí chung khó hàng khó chuyển của phàm phu chúng ta. Khi chúng ta đối diện trước một người hay một sự kiện nào đó không vừa lòng, liền khởi lòng sân giận, hoặc khi ta tham muốn một thứ gì mà không được, tâm sân giận cũng sanh ra. Sân giận là cánh cửa mở vào địa ngục!

Khi một người gặp phải sự chống đối, sự cản trở, hay bị đánh bại bởi một người nào đó, liền trở nên giận dữ. Sân giận là biểu hiện cho năng lượng của tâm khi tham ái không được thỏa mãn. Người đang sân giận, thường có cảm giác nóng nảy, chống đối, thù địch, hung dữ, lỗ mẫn thiếu suy nghĩ và đưa đến những hành động tạo ác. Vì vậy, giận dữ không phải là cách để thỏa mãn tâm tham ái; ngược lại, nó luôn đưa đến cho ta những kết quả của đau khổ, buồn bực, sợ hãi và lo lắng. Người hay sân giận thường hiện ra các tướng rất xấu xí như: cặp mắt đỏ ngầu, mặt mày nhăn nhó dữ tợn, nghiêng răng, bặm môi, siết tay, đấm ngực, la hét, đập phá, gây gỗ, đâm chém, giết chóc v.v... Cũng có một số người biểu hiện sự giận dữ một cách thâm trầm bằng cách im lặng mặc dù lửa nóng đang sôi sục trong lòng. Đó cũng không phải là biểu tượng tốt, những người sân giận thâm trầm này thường ôm kín trong lòng những cảm giác thù hận thâm sâu không thể giải tỏa. Do đó, nó cứ âm thầm tăng trưởng trong nội tâm cho đến khi đến một cường độ tột cùng nào đó, nó sẽ bùng

nổ ra một cách khủng khiếp như một quả bom, và tai hại của nó có thể đưa đến chỗ trả thù, giết chóc, án mạng thảm khốc v.v... Đối với pháp luật thế gian, người này sẽ bị bỏ vào ngục tù hay bị xử tử; còn đối với định luật nhân quả, họ đã gieo những chủng tử địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Lúc lâm chung, khó tránh khỏi rơi vào ba đường ác đạo.

Cách đối trị tâm sân giận:

Sân giận không phải là vũ khí tốt để đấu tranh cho sự công bằng, bởi nó sẽ đem đến cho bản thân ta và mọi người xung quanh nhiều tai hại khó lường. Muốn cho những vấn đề bất công, trái ý, sai trái v.v... có thể được điều chỉnh và sửa đổi một cách tốt đẹp và hiệu quả nhất. Chúng ta phải biết áp dụng Phật pháp, trong mọi hành xử đối trị với tâm sân giận, với sức mạnh của trí tuệ, tâm từ bi và thanh tịnh bình đẳng không phân biệt nhân ngã. Trong mọi trường hợp của mâu thuẫn chúng ta phải dụng tâm xây dựng, sám hối và hòa kính chứ không phải với tâm phá hoại. Đôi lúc chúng ta cũng có thể dùng biện pháp mạnh, nhưng phải thể hiện nó trong tư thế ổn định, công bằng, không ác ý và thù hận. Sự bộc lộ cơn giận dữ có thể đem lại sự thỏa mãn nhất thời, nhưng không thể xua tan cơn giận; ngược lại, nó kích thích làm tăng thêm những khuấy động và kéo dài. Sân giận thường dẫn đến bệnh hoạn trong tâm lẫn ngoài thân.

1. Người Phật tử phải luôn giữ tâm an định và phải biết quán tất cả pháp đều như hóa, như huyễn. Lấy sức định huệ hàng phục ma oán ở trong tâm của chính mình, không phải tâm của người khác. Phải biết lánh xa những đối tượng và hoàn cảnh diễn hiện ra ở trước mắt có thể khởi động tâm sân giận của mình. Dù đây là một cách khá dễ dàng nhưng không phải khi nào chúng ta cũng làm được. Lại nữa, biện pháp này cũng không phải là biện pháp tốt nhất để diệt trừ tâm sân giận. Phương pháp tốt nhất là chúng ta nên học cách làm sao để có thể sống chung hòa bình với những gì chúng ta không thích, nếu ai làm được như vậy, người ấy đã xả bỏ được ái trước, hằng lia được ba độc (tham, sân, si); tâm của người ấy lúc nào cũng có cảm giác vui sướng ví như tỳ kheo dứt sạch các lậu.

2. Thông thường, ta sân giận vì cảm thấy mình đúng, người khác sai. Ngã kiến của ta lúc đó đang lớn dần và che lấp tánh thanh tịnh bình đẳng của mình. Lúc này, chúng ta nên cố gắng an trụ tâm trong danh hiệu “A Di Đà Phật”, lấy tâm mình đồng hóa với tâm Phật thanh tịnh, và nhờ đó nó không bị đồng hóa với cơn giận. Tâm không khởi sân giận; tức nhiên, thân và khẩu sẽ được thanh tịnh. Chúng ta, có thể đứng trên phương diện khách quan, quán chiếu những đặc tính và trạng thái tiến triển của cơn sân giận khởi đầu từ nguyên nhân gây ra cơn sân giận, rồi lớn dần và biến mất như thế nào. Phương pháp này giúp cho

chúng ta phát khởi được chánh niệm và trí tuệ, chuyển các thức thành trí, đối trị với tâm sân giận, trong trong cuộc sống hiện tại một cách lâu dài. Khi sắp nổi lên cơn giận, chúng ta nên như một người khách, lập tức dừng lại và quán sát nó, không đồng hóa với nó. Chúng ta không đè nén và cũng không bộc phát cơn sân giận, chúng ta chỉ quan sát và để cho nó tự nhiên biến mất.

3. Chúng ta cũng nên hỏi chính mình rằng: Nếu ta giận một người nào, ta sẽ có thể làm gì được họ? Nếu ta không làm gì được họ, thì sự giận dữ này chỉ là ngọn lửa lớn tự đốt chết lấy chính mình. Chúng ta phải nên tự trọng vì khi ta nổi cơn sân giận, ta sẽ tự hủy hoại đức hạnh, phẩm tính tốt, thân mạng và tuệ mạng của chính mình. Dù cho ta có tinh tấn trồng bao nhiêu ruộng phước lớn, những công đức này đều bị ta đốt sạch hết bằng ngọn lửa sân giận của chính mình.

4. Là người học Phật, chúng ta phải thực hiện cho được giáo pháp của Ngài, phải biết xả ly vọng tưởng, phân biệt chấp trước, hằng thuận với chúng sanh, đem chúng sanh xem như chính mình. Có nghĩa là đem tâm của mình đồng cảm với người khác, cảm nhận được những gì người khác đang cảm nhận. Từ đó, chúng ta sẽ tăng trưởng trí huệ, rõ biết tánh tướng của chúng sanh là thường hay vô minh sân giận làm tổn thương nhau. Cũng từ đó, ta phát tâm đại bi thương xót cho những nỗi sân giận, đau khổ, không an và lo sợ trong lòng của họ. Đối với các người

hay sân giận, ta nên phát lòng từ nhẫn, dùng những lời dễ thương, cử chỉ an hòa từ tốn để khuyên lơn, an ủi và xoa dịu những vết thương trong tâm của họ. Không nên buộc tội họ và chống trái với họ.

5. Để ngăn ngừa tâm sân giận một cách tích cực, chúng ta nên thay đổi cách suy nghĩ và luôn giữ chánh kiến với mọi sự việc và mọi người. Chúng ta nên bình thản trước những sự kiện đối lập không vừa lòng mình, nên phá trừ những yếu tố tiêu cực và nhìn vào những khía cạnh tích cực của một vấn đề. Khi một việc gì không được xuôi theo ý muốn hay sở thích, ta phải nên bình tĩnh tìm xem có biện pháp nào để khắc phục được không; nếu có, theo đó hành động, bằng không, cứ chấp nhận và cho qua.

Phải biết lấy tâm từ bi, tâm thanh tịnh bình đẳng (không vọng tưởng, phân biệt và chấp trước), tâm nhẫn nhục, tâm giác ngộ làm liều thuốc tốt nhất để chữa trị độc sân giận. Khi ta làm được điều này, ở nơi người không sanh tâm sân giận, ở nơi ta hoàn thành được đạo cả.

Diệu Âm Trí Thành



Ngã Chấp và Ngã Sở Chấp

Theo từ điển, Ngã: nghĩa là “Ta”, Sở: nghĩa là sở hữu hay “của Ta”, Chấp: nghĩa là cầm giữ, cố chấp, không buông ra. Ngã chấp: nghĩa là cố chấp cái Ta, Ngã Sở chấp: nghĩa là cố chấp vào cái của Ta.

Phàm phu chúng ta thường hiểu Ngã là Ta, được lập thành bởi năm uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành và Thức. Ngã là tổ hợp của năm uẩn, nghiệp và ái. Phật bảo cái Ngã đó là vọng Ngã, nhưng phàm phu chúng sinh mê chấp thân là thật cho nên yêu thích thân mình, bênh vực ý tưởng của mình, bảo vệ những sở hữu của mình như nhà cửa, ruộng vườn, cha mẹ, vợ con, họ hàng quyến thuộc, dân tộc .v.v... Ngã sanh ra Tham ái; Vì tham ái nên muốn chiếm hữu, do đó, nên có thị phi, ganh tỵ và đấu tranh, từ đó sanh ra sân giận. Khi tâm sân giận thì mất đi trí tánh sáng suốt thường minh (tự tánh) và trở nên ngu si tạo ra nghiệp luân hồi sanh tử.

Đức Phật nhìn thấy các yếu tố lập thành Ngã đó, từ sắc đến thức của năm uẩn, đến nghiệp và ái đều chẳng phải là Ngã, mà chỉ là vọng tưởng của chúng sanh. Ngài dạy rằng: Ngã chấp và Sở chấp là nguồn gốc của phiền não khổ đau tạo ra lục đạo luân hồi sanh tử. Người giác ngộ là người không còn chấp vào “cái ta” và “cái của ta”, người này sẽ chứng được quả vị A La Hán, vĩnh viễn

thoát ra khỏi lục đạo luân hồi sanh tử, an vui trong cảnh giới Niết Bàn.

Theo lời giáo huấn của Phật, chúng ta biết rằng: cái thân thể của ta (Ngã Sở) chỉ là giả tạm do nhân duyên kết hợp, hết duyên thì nó cũng sẽ trở thành cát bụi. Do đó, chúng ta không nên cố chấp vào cái xác thân của ta. Vậy, điều chủ yếu của học Phật là phá Ngã chấp vì nó là nguồn gốc của phiền não, sanh tử luân hồi. Một khi Ngã chấp không còn, thì bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu cũng là Niết Bàn. Vì vậy, đức Phật nói: “Ngã và Ngã Sở là cha mẹ sanh ra luân hồi sanh tử, cần phải diệt bỏ mới có thể thoát ra khỏi lục đạo luân hồi sanh tử”.

Ngã chấp lại được chia ra làm bốn loại:

1. Chấp thân ngũ uẩn này là “Ta”,
2. Chấp thân ngũ uẩn này là “Của Ta”,
3. Chấp thân ngũ uẩn này không phải là “Ta”, cũng không phải là “Của Ta”, mà trong cái “Ta” có cái thân và trong cái thân có cái “Ta”,
4. Chấp vũ trụ là “Ta”, “Ta” là vũ trụ. Vũ trụ là thường trụ, là vĩnh cửu.

Khi nói đến Chấp, lại có hai thứ chấp: Ngã chấp và Pháp Chấp. Vì hai thứ chấp này mà con người không được sáng suốt:

- Ngã chấp là không nhận biết cái thân này là do ngũ uẩn tạm thời hòa hợp do một nhân duyên, hết duyên nó sẽ tan rã, nên nhận lầm cái thân này là thật; do đó, sanh ra các thứ phiền não, mê vọng và đau khổ.
- Pháp Chấp là không biết rằng tất cả vạn sự, vạn pháp đều do nhân duyên sanh. Tất cả các pháp đều như ảo ảnh, như bọt bèo, như hóa, như sương, như điện chớp ... thoát có, thoát không, không trường tồn vĩnh hằng. Đức Phật nói trong kinh Vô Lượng Thọ: “Liễu triệt tất cả pháp như dư vang mộng huyễn... biết các cõi đều chỉ là như bóng ảnh”.

Lại nữa, cái Ngã của phàm phu có đủ bốn tính xấu: Vô thường, Vô lạc, Vô ngã và Bất tịnh. Khi phá hết ngã thì sẽ được đại tự tại an vui. Đại Tự Tại gồm có tám điều tự tại: (1) có thể thị hiện vô lượng diệu sắc thân, (2) có thể thị hiện đầy khắp các cõi trong tam thiên đại thiên thế giới không có chướng ngại, (3) có thể đem thân khắp cõi đại thiên này bay trên hư không nhẹ nhàng đến nơi hằng hà sa thế giới mà không có chướng ngại, (4) thân Như Lai thường ở một cõi mà làm cho tất cả chúng sinh ở các cõi khác đều thấy, (5) sáu căn đều tự tại, (6) chứng được tất cả các pháp (7) diễn thuyết tự tại, và (8) Như Lai khắp đầy tất cả chỗ như hư không. Phật gọi cảnh giới của Tám Đại Tự Tại này là Đại Bát Niết Bàn.

Theo quan điểm của Phật Giáo Đại Thừa, Ngã cũng không mà pháp cũng không. Đức Phật dạy: “Này thiện

nam tử! Như người đời nói: có biển, có biển lớn; có sông, có sông lớn; có núi, có núi lớn... Niết bàn cũng như vậy: có Niết Bàn và có Đại Niết Bàn. Thế nào là Niết Bàn? Như người đói được chút ít cơm ăn thời gọi là được an vui. Như người bệnh được lành thời được gọi là an vui. Như người kinh sợ được chỗ nương tựa thời được an vui. Như người nghèo cùng được châu báu thời được an vui ... Tất cả sự an vui trên đây cũng gọi là Niết Bàn, nhưng chẳng được gọi là Đại Niết Bàn, vì còn trong phạm vi tương đối”.

Vì vậy, Niết bàn mà Thanh Văn chứng được khác với Niết Bàn của Bồ-tát, và Niết bàn mà Bồ-tát chứng được khác với Đại Niết bàn của Phật. Vì Đại Niết Bàn có tám thứ tự tại như trên đã nói, nên còn gọi là Đại Bát Niết Bàn.

Đại Bát Niết Bàn cũng là Phật tánh, là Trung Đạo. Bởi chúng sanh không thấy được Phật tánh nên cảnh giới là vô thường, vô lạc, vô ngã và vô tịnh. Thế nhưng, cái Phật tánh đó, cái Đại Niết Bàn đó vẫn luôn thường hằng ở nơi mỗi chúng sinh, từ vô thủy kiếp đến nay không hề thay đổi, nhưng vì do vô minh phiền não che phủ cho nên không thể nhận ra nó, mà nguồn gốc của vô minh phiền não này chính là Ngã chấp.

Như vậy để đạt đến cảnh giới Niết Bàn thực sự? Chúng ta phải lià tất cả các khái niệm về: ngã và ngã sở,

có và không, thường và đoạn, trong và ngoài, trước và sau v.v... và phải vượt thoát ra khỏi mọi đối đãi của thế giới hiện tượng như thiện ác, tốt xấu, đúng sai, có không, sanh tử, niết bàn để đạt được trạng thái tịnh chỉ an định của tâm.

- Chấp có tức là thường kiến.
- Chấp không tức là đoạn kiến.
- Chấp cũng có cũng không tức là biên kiến
- Chấp chẳng có chẳng không tức là không kiến.

Xả bỏ hết tất cả các chấp, tâm liền được thông, tâm thông thì vạn pháp đều thông. Trong bài giảng của Hòa Thượng Tịnh Không, “Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên”, Hòa Thượng nói lên cái ý nghĩa là: *“Buông bỏ hết được tất cả các Ngã Chấp và Pháp Chấp do vọng tưởng, phân biệt và chấp trước sanh ra, tâm liền được thông, tâm thông thì vạn pháp đều thông”*.

Do đó, chúng ta nhận thấy tất cả những kiến giải của xuất thế gian hay thế gian pháp đều là chướng ngại của tâm trên con đường tu Phật đạo. Pháp của Phật cũng chẳng nên chấp, vì nó chỉ là phương tiện giúp chúng sanh nhận ra bản thể của vũ trụ nhân sanh, khi biết rõ rồi thì là giác ngộ. Thế nhưng giác ngộ vẫn chưa thể giải thoát, phải làm được viên mãn thì mới có thể chứng đắc. Ngay cả danh từ chứng đắc cũng là giả danh mà Phật dùng để khai thị chúng sanh còn đang mê chấp. Chứ trên nghĩa của

Chân đế, thì chẳng có chứng đắc vì không có sở đắc. Vì Như Lai tự tánh của mỗi chúng sanh là tự nhiên có sẵn, chúng sanh giác ngộ tự tánh là quay trở về với chân tâm của chính mình, chứ đâu phải là thu nhận được từ bên ngoài, thì làm gì có chứng đắc hay không chứng đắc. Từ nhận xét này, ta thấy các pháp mà Phật nói suốt 49 năm chỉ là phương tiện tạm dùng để đưa chúng sanh trở về với Như Lai tự tánh; Phật ví dụ nó như là chiếc thuyền dùng để đưa ta qua sông, qua sông rồi thì thuyền này phải xả bỏ cho được hoàn toàn tự tại và nhẹ nhàng. Chư Tổ Đại Đức dạy: Phật pháp còn phải bỏ huống nữa là phi pháp, cho ta thấy muốn đạt được cứu cánh Niết Bàn thì vạn pháp đều phải xả bỏ.

Trong Trung Quán Luận có đoạn văn viết và được dịch nghĩa rằng:

*Các pháp do duyên sanh
Ta nói tức là không,
Cũng gọi là giả danh
Cũng là nghĩa trung đạo
Chưa từng có một pháp
Chẳng từ nhân duyên sinh
Thế nên, tất cả pháp
Đều là Không hết thảy.*

Tất cả pháp trong thế giới này đều do nhân duyên sanh khởi, và do nhân duyên sanh nên cũng do nhân

duyên mà hoại diệt, nên không có tự tánh, không có cố định, nên được gọi là “Không”. “Không” ở đây chẳng có cái nghĩa là tất cả rỗng không, không có gì hết. Vạn pháp sanh diệt lệ thuộc bởi nhân duyên, mà nhân duyên sanh và diệt đều không thật, chỉ tạm gọi là như thế, chỉ là giả danh, chỉ là giả có. Vì chúng sanh còn chấp nên Phật phải tùy thuộc vào căn tánh của chúng sanh mà nói vậy để chúng sanh có thể dùng sức định huệ mà quán niệm nhận ra nó trong Trung Đạo. Trung Đạo nghĩa là siêu việt ý niệm có và ý niệm không.

Nếu phàm phu chúng ta thấy được bản chất của Ngã, Ngã Sở và Ngã Chấp là Không, tức là cũng thấy được bản chất của Niết Bàn cũng là Không, tức là thấy được bản thể của Trung Đạo. Trí tuệ Bát Nhã của Trung Đạo này có thể phá trừ được tất cả kiến chấp, thiên kiến và tà kiến, vượt thoát ra khỏi mọi thứ Ngã chấp và Pháp chấp, là nguyên nhân của phiền não, khổ đau và sanh tử luân hồi.

Vậy, con đường của Phật đạo là con đường Trung Đạo: Thấy chúng sinh chấp vào Ngã tức là chấp vào thường, Phật nói đừng chấp vào thường. Khi nghe Phật nói vậy, chúng sinh lại chấp vào đoạn và cứ như thế Phật phải phá hết tất cả kiến chấp của chúng sinh để dẫn dắt chúng sinh đến một cái không thể nghĩ bàn được, mà cái đó chính chúng sinh phải tự mình nghiệm chứng qua sự giác ngộ trong nội tâm của mình, không thể dùng các

tướng của sắc hay âm thanh (cũng nghĩa là ngôn từ hay văn từ) để tìm ra nó. Nếu chúng ta phóng tâm ra ngoài đeo đuổi theo các tướng của sắc và âm thanh (văn từ và ngôn ngữ) mà hiểu ý Như Lai, thì như lời Ngài nói trong kinh Kim Cang rằng chúng ta đang hành tà đạo.

Bởi vì căn tánh của chúng sanh trong thời mạt pháp này không thể nào phá trừ được Ngã chấp và Ngã Sở, sanh ra ba thứ phiền não chướng: vọng tưởng, phân biệt và chấp trước, khó đạt đến Niết bàn tịch tĩnh. Đức Phật đã từ bi chỉ bày cho chúng ta pháp môn niệm Phật, tức là dùng lòng Tín và Nguyện mà nhất tâm trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà Phật để có thể được đơi nghiệp vãng sanh về Phàm Thánh Đồng Cư Độ ở cõi Tây Phương Cực Lạc, để có thể được sống trong môi trường thuận lợi, được gần gũi Phật và làm bạn với chư vị Thánh chúng và Bồ-tát tu tập các pháp công đức. Đây là phương tiện vô cùng cứu cánh, là vô thượng thượng pháp môn của A Di Đà Phật, đưa chúng sanh rớt vào pháp Nhất Thừa, tức là Phật Thừa. Vì thế Phật A Di Đà còn có danh hiệu là “Vô Thượng Y Vương,” có thuốc hay nhất để chữa căn bệnh khó trị của chúng sanh, đó là Ngã chấp và Ngã Sở Chấp, là nguồn gốc sanh ra luân hồi sanh tử khổ đau.

Điều Âm Trí Thành



Tâm Từ Bi

Đạo Phật lấy từ bi làm gốc, nhẫn nhục làm hạnh. Do đó, khi nói đến đạo Phật, người đời đều nghĩ đến hai pháp “từ bi” và “nhẫn nhục”. Lại nữa, khi nói đến từ bi, Phật tử chúng ta đều liên tưởng đến Bồ-tát Quán Thế Âm, vì Ngài là đại biểu cho lòng đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn.

Vì từ bi là căn bản của đạo Phật, do đó, tất cả các pháp, tất cả các hạnh tu của đạo Phật đều quy hướng về “phát khởi tâm từ bi”.

Trong Thập Địa kinh luận, Bồ-tát Thiên Thân nói rằng: “từ là đồng với nhân quả hỷ lạc; bi là đồng với nhân quả ưu khổ”. Bồ-tát không những chỉ sanh tâm hỷ lạc với chúng sanh, mà còn phải đem đến cho chúng sanh quả hỷ lạc, đó mới gọi là từ. Thấy chúng sanh ưu bi khổ não không những chỉ khởi tâm thông cảm, mà còn phải tạo cho chúng sanh những quả lành khiến cho họ bớt đi sự thống khổ, đó mới gọi là bi.

Kinh Bồ-tát niệm Phật tam muội nói: “từ tâm quán chúng sanh, như mẫu niệm nhút tử. Vu thù bất truy ác, cánh sanh lân mẫn tâm,” nghĩa là dùng tâm từ quán sát chúng sanh như người mẹ nghĩ nhớ đến con, đối với kẻ thù không sanh khởi tâm ác, ngược lại phải sanh tâm thương xót họ.

Trong Đại Trí Độ luận, Bồ-tát Long Thọ nói: “đại từ là vui với tất cả chúng sanh, đại bi là làm cho chúng sanh thoát khổ. Đại từ là đến với chúng sanh bằng tâm hỷ lạc, đại bi là cùng với chúng sanh chia sẻ những nỗi thống khổ. Thí như có người giam những người con mình trong ngục. Lúc nó bị tử hình, lòng từ của người cha vì xót thương con nên dùng vô số phương tiện, khiến cho các con được thoát khổ, lòng đại bi ấy chính là khiến cho con lìa khổ; yêu con mà cung cấp cho chúng các thứ yêu thích, ấy là lòng đại từ”.

Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Bồ-tát đối với chúng sanh đem từ bi lớn, xả ly chấp trước, lợi ích quần sanh, thành tựu vô lượng vô biên công đức”. Nghĩa là Bồ-tát có lòng đại từ bi, nên đối với hết thảy chúng sanh đều bình đẳng, không phân biệt kẻ oán người thân, và đến với họ bằng tấm lòng thương yêu chân thành và thông cảm.

Kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn lại nói hạnh từ bi của Bồ-tát đối với chúng sanh như sau: “Phát rộng lòng đại bi, thương xót hữu tình, nói lời từ ái, trao pháp nhãn, đóng đường ác, mở cửa lành. Chẳng bỏ chúng sanh giữ gìn không nghĩ, như thể thân mình, cứu vớt phò trợ, khiến độ chúng sanh đến bờ giác ngộ.” Vì muốn chúng sanh được cái lợi chân thật vĩnh viễn thoát ra khỏi bờ mê, Bồ-tát không ngừng đem Phật pháp giáo hóa chúng sanh, khiến cho chúng sanh được giác ngộ rốt ráo thành Phật.

Luận ngữ có câu: “bậc quân tử phải lo trước nỗi lo âu của thiên hạ, vui sau niềm vui của muôn dân”. Nghĩa là bậc hiền nhân đến với mọi người bằng tấm lòng “quên mình để cứu người” và “vô tư phụng sự”.

Pháp từ bi của đạo Phật được phân ra làm ba thể loại như sau:

1. Vì muốn cho tất cả chúng sanh thoát khổ được vui mà khởi tâm từ bi, gọi là “chúng sanh duyên từ bi”, hoặc “hữu tình từ bi”.
2. Vì chúng sanh có vô tận phiền não, nên đem Phật pháp giáo hóa chúng sanh, gọi là “pháp duyên từ bi”.
3. Vì quán tất cả pháp đều không tịch, sanh ra tâm phiền não, mà khởi tâm từ bi cứu khổ chúng sanh, gọi là “vô duyên từ bi”.

Bởi từ bi được phân ra thành ba thể loại: chúng sanh duyên từ bi, pháp duyên từ bi và vô duyên từ bi, nên Phật vì chúng sanh mà nói ba pháp: Vô thường, Vô ngã và Tính không, để dẫn dắt chúng sanh tiến lên dần dần thâm nhập vào Như Lai tánh.

Pháp từ bi có tiểu, trung và đại:

- Tiểu từ bi: chỉ khởi tâm vui cùng với cái vui của chúng sanh và muốn cho họ thoát khổ, như tâm từ, tâm bi trong từ bi hỷ xả (tứ vô lượng tâm) của bậc Tiểu thừa. Tứ

vô lượng tâm là “bốn trạng thái tâm thức vô lượng”, còn được gọi là Tứ phạm trú, “bốn cách an trú trong cõi Trời Phạm Thiên”. Bốn tâm vô lượng là: (1) Từ vô lượng, (2) Bi vô lượng, (3) Hỷ vô lượng và (4) Xả vô lượng.

Bốn tâm này là phương pháp đối trị bốn phiền não là sân hận, ganh tị, buồn bực và tham muốn: nếu có tâm từ thì sẽ không bao giờ sân hận, nếu có tâm bi sẽ không bao giờ ganh tỵ, nếu có tâm hỷ thì sẽ không giờ buồn bực, và nếu có tâm xả thì sẽ không bao giờ tham. Người thực hành được Tứ vô lượng tâm, khi lâm chung sẽ được tái sinh tại cõi Thiên.

Đức Phật Thích Ca Mâu-ni dạy: “Có bốn vô lượng: Hỡi các tỳ kheo, một người tràn đầy tâm từ (bi, hỷ, xả) sẽ phóng tâm đó đi một phương, hai phương, ba phương, bốn phương, rồi phía trên, phía dưới, xung quanh mình. Người đó phóng tâm đi khắp thế giới, chiếu rọi khắp nơi với tâm từ (bi, hỷ, xả), tâm thức vô lượng của người đó sẽ vắng bóng sân hận và phiền não.”

- Đại từ bi: không những chỉ khởi tâm vui cùng với cái vui của chúng sanh và muốn cho họ thoát khổ, mà còn có khả năng làm cho họ thoát khổ được vui, như tâm đại từ bi của Phật.
- Trung từ bi: Đại từ bi và Tiểu từ bi cũng chỉ là pháp tương đối; nên có Tiểu, có Đại, thì phải có Trung. Thí dụ: lòng từ bi của Bồ-tát so sánh với lòng từ bi của Thanh Văn và phàm phu chúng ta là Đại; nhưng nếu đem so sánh với

lòng từ bi của đức Phật thì chỉ là Tiểu. Vì vậy, chữ “Đại từ bi” của bậc Bồ-tát vẫn là giả danh; nói cho đúng lý chân thật chỉ là Trung từ bi. Từ mức độ, phân loại và đẳng cấp của từ bi như trên, ta thấy “vô duyên từ bi” là từ bi ở mức độ từ bi cao nhất mà chỉ tìm thấy ở nơi Phật; vì vô duyên từ bi là “vô duyên đại từ và đồng thể đại bi”. Nguyên nhân của sự khác biệt nơi tâm từ bi?

Tiểu Thừa Thanh Văn chưa phá được hết tất cả những phân biệt và chấp trước vi tế, nên chưa thể phát khởi được “vô duyên từ bi”. Bồ-tát chưa phá được hết tất cả những phân biệt vi tế, nên vẫn chưa thể phát khởi được “vô duyên từ bi”. Chỉ có Phật mới phá hết tất cả mọi phân biệt và chấp trước một cách rốt ráo. Do đó, trong “vô duyên đại từ” của Phật hoàn toàn không có sự phân biệt của các đối tượng quan hệ như: cha mẹ, vợ chồng, con cái, anh em, bạn bè, người oán kẻ thân, người xấu kẻ tốt, người hiền kẻ dữ v.v... Nói cách khác, Phật đối với chúng sanh với tâm hỷ lạc và phúc thiện, mà trong đó không có điều kiện, không có nguyên nhân, vô tư vô tướng (vô ý thức) v.v... Phật ban cho chúng sanh sự hỷ lạc phúc thiện mà tâm không khởi một chút phân biệt, tuyệt đối thanh tịnh bình đẳng đối với tất cả chúng sanh. Vậy, đặc điểm của “đồng thể đại bi” là dùng tâm tuyệt đối bình đẳng, không phân biệt, tâm quảng đại vô tận, tâm như hư không; cho nên tâm này cũng được gọi là “vô tận đại bi”; có nghĩa là không còn có tâm nào rộng lớn hơn

tâm này. Nói đến đây chúng ta cũng nên biết các vị Đại Bồ-tát như Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Địa Tạng .v.v... đều là các cổ Phật thị hiện với thân Bồ-tát, do đó tâm từ bi của các Ngài đều là “vô duyên đại từ, đồng thể/vô tận đại bi”.

Phật dạy chúng ta phải phát khởi tâm từ bi trong phạm vi lớn nhất, không có hạn lượng, từ cả hai mặt không gian và thời gian, bao trùm hết cả thập phương pháp giới, và đối tượng để cứu độ là vô lượng vô biên vô số các loài chúng sanh không phân biệt chủng loại.

Dựa trên tư tưởng căn bản của tâm từ bi trong Phật giáo, “kiêng sát sanh” là việc cấm đầu tiên và “phóng sanh” việc nên làm đầu tiên. Không sát sanh là ngăn ngừa đoạn dứt sự sát hại, làm thương tổn đến sanh mạng của các loài hữu tình. Phóng sanh các loại động vật có tri giác, có tình cảm, có cảm thọ khổ vui, là thực hành hạnh từ bi cứu khổ và ban vui cho chúng sanh. Trong tất cả các pháp môn tu của Phật giáo, lòng từ bi hỷ xả là một nghĩa cử cao đẹp, với trí tuệ hiểu biết rằng ta và các loài chúng sanh cùng nhau chia sẻ sự sống trên quả đất này, do đó ta không nên vì lợi ích cá nhân của mình hoặc của chủng loại mình mà sát hại các loài chúng sanh khác. Ngược lại, ta phải hết lòng bảo vệ lợi ích mọi loài, hết lòng cứu tế chúng sanh khi họ gặp hoạn nạn. Nếu mọi người, từ trong mỗi gia đình, làng xóm, thành phố, quốc gia cho đến toàn thế giới đều mở rộng tâm từ bi, thương yêu, hăng thuận và

hỗ trợ lẫn nhau, đoàn kết cùng nhau phấn đấu khắc phục khó khăn, cùng nhau tạo ra tài sản, cùng nhau làm phong phú cho cuộc sống nhân sanh; thì thiên hạ sẽ được thái bình, tai dịch chẳng khởi, nước thịnh dân an, binh đao chẳng động, mọi người đều trọng sùng nhân đức, không có trộm cướp, không có oan uổng, người người đều sống trong hỷ lạc và đắc ý. Nếu được như vậy, thì Tịnh Độ có thể được thiết lập ngay trong thế gian này.

Trong pháp môn Tịnh Độ, niệm Phật A Di Đà nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, điều kiện tối yếu cần thiết để được vãng sanh là Phát vô thượng Bồ Đề tâm và nhất hướng chuyên niệm hồng danh A Di Đà Phật. Phát vô thượng Bồ Đề tâm cũng có nghĩa là phát tâm “vô duyên từ bi” hay “vô duyên đại từ và đồng thể đại bi”. Niệm “Nam Mô Đại Từ Đại Bi A Di Đà” hay rút ngắn nó lại thành “Nam Mô A Di Đà Phật” hay “A Di Đà Phật” đều là niệm cái tâm Đại Từ Đại Bi của chính mình, niệm niệm không gián đoạn cho đến khi tâm của mình đồng hóa với tâm của Phật A Di Đà, thì mọi vọng tưởng, phân biệt và chấp trước sẽ được phá trừ, và tâm “Đại từ đại bi” của ta sẽ tự nhiên được khởi tác dụng. Do đó, ta thấy Tịnh Độ Di Đà chẳng phải là ở ngoài tâm mà có thể tìm thấy.

Diệu Âm Trí Thành



Nỗi Khổ của Tham Ái

Trong cuộc sống ở thế gian này, chúng ta thường không sống chân thật với chính mình, luôn hướng ra ngoài để tìm cầu hay tìm bắt hạnh phúc, tìm mong sự ban bố của người khác đến cho mình chỉ cốt nhằm thỏa mãn cái dục vọng. Khi đạt được những khát khao thì vui sướng, không được thì buồn khổ. Tâm cảnh và tánh khí không ngừng thay đổi lệ thuộc vào những đối tượng tiếp xúc. Phật gọi đó là vọng tưởng điên đảo!

Nếu quán sát cặn kẽ và sâu sắc những sự việc xảy ra trong thế gian, thì niềm vui nhận được từ những đối tượng của giác quan (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý) đều là huyền hoặc và có hạn chế, như thấy hình sắc thì phân tích đẹp xấu, nghe âm thanh thì phân tích tiếng hay dở; khi có được điều mong muốn thì tưởng như có mình, khi mất sự vật ấy thì lại tưởng như mất mình. Mà không nhận ra rằng tất cả những thỏa mãn, niềm vui và hạnh phúc tiếp nhận bởi các thức ấy không có bền lâu, không thể nào nắm giữ được mãi mãi, nên mê lầm này chính là nguồn gốc sanh ra khổ đau trong tương lai. Cái mê lầm này thật là đáng thương thay!

Đối với tình cảm gia đình, Phật không bảo phải xả bỏ mà Phật dạy chúng ta không nên dính chấp sâu nặng vào đó. Vì sao?

- Quan hệ tình cảm gia đình quá sâu nặng, sẽ càng mang đến sự khổ đau sâu thẳm khi phải chia ly, vì nhớ nghĩ đến những thương yêu xưa thì phiền não càng thất buộc không thể nào tháo gỡ nổi, tất cả cũng không ngoài cái tình dục vướng vít nên sanh tử bị buộc ràng. Do đó kinh Vô Lượng Thọ dạy: *“Cùng nhau quán sát: Nào cha khóc con, con khóc cha, anh em, vợ chồng than khóc lẫn nhau. Một đời sanh tử tiền đưa thương tiếc, buồn thương trôi buộc, không sao tháo nổi. **Nghĩ nhớ ân xưa cũng không lia tình dục.** Sao chẳng suy cùng, chuyên tâm hành đạo. Vô thường chợt đến, biết làm sao đây?”*

- Trong gia đình, nếu không biết tương kính lẫn nhau thì gia đình ấy chưa hẳn là thiên đàng hạnh phúc. Kinh Vô Lượng Thọ nói: *“Thế nên ở đời cha con, anh em, vợ chồng, thân thuộc nên thương kính nhau, không nên ganh ghét nhau. Kẻ có tương thông, chia sẻ người không, chẳng nên tham tiếc. Nói năng hòa nhã, đừng chống trái nhau. Lỡ khi tranh chấp, liền sanh sân khuể, nhiều kiếp về sau chuyển thành dữ dội, kết thành đại oán.”*

- Phật cũng khuyên dụ người đời bỏ ác tu thiện, đừng tham đắm trong ái dục mà chịu luân hồi không hạn kỳ ngưng nghỉ. Ngay dầu quyền thuộc có đầy nhà, khi chết thời riêng một mình ra đi, không ai có thể thay thế được. *“Con người vì ái dục, nên phải sống chết qua lại sáu nẻo, tự chịu khổ vui, không ai thay thế được. Thiên ác biến*

hóa, nghiệp báo theo đuổi đến từng kiếp sống. Thọ sanh không đồng, không hạn kỳ gặp gỡ.”

Chúng ta học Phật là để lìa khổ được vui. Cái vui trong đạo Phật là thường lạc, ngã, tịnh. Đạo Phật đưa chúng ta đến với hạnh phúc tối thượng, vốn chỉ đạt được khi trí tuệ của chúng ta phát sanh và nội tâm được chuyển hóa (chuyển tám thức thành bốn trí). Vì vậy chúng ta cần phải quán chiếu kỹ càng đối trước tất cả những hạnh phúc nơi thế gian – hạnh phúc đó là gì và nguyên nhân nào đưa đến. Phải nên giác ngộ rằng, tất cả những lạc thú và thỏa mãn của giác quan đối với sự vật mà ta ưa thích đều chỉ là vọng tưởng, huyền hoặc.

Kinh Hoa Nghiêm nói, tất cả thế gian đều là huyền ảo, do vô minh, hữu, ái xoay vần làm duyên sanh khởi.

Đức Phật quán sát thấy rằng, khi tham đắm các đối tượng của giác quan thì rốt cuộc ta sẽ phải khổ đau.

Tham ái là nguyên nhân làm cho con người sanh ra vọng tưởng, mê đắm và dính mắc vào đó. Tham ái khiến ta si mê, lầm lạc, nên người tham ái thường hay vẽ vờ, phóng đại những gì không thật có, không đúng sự thực. Nói cách khác họ đang sống trong vọng tưởng, mộng ảo, xa rời chân thật tế.

Hãy quán xét kinh nghiệm tự thân, khi chúng ta ưa thích một sự vật hay một người nào, chúng ta hay thường

thần thánh hóa những điều mà mình ưa thích ấy. Vì không dùng lý trí để phán đoán, phân tích để nhận biết cái chân thật sự tướng của nó, đến khi thấy rõ thật tướng lại sanh tâm thất vọng, đau khổ, có khi lại trở thành oán ghét ngược; vì thế không nên mặc nhiên thừa nhận việc gì mà không quán xét một cách kỹ càng.

Cũng bởi tham ái mà ta thường đánh mất tánh trung thực và lý trí, hay cách hóa thái quá các phẩm tính những điều gì ưa thích để rồi tham đắm vào đó, khi được thì cố nắm giữ lấy, khi không được hay mất đi thì sanh ra hận thù, oán ghét và khổ đau.

Trong kinh Pháp Cú, Đức Phật dạy:

*Gốc sinh ra tham ái,
Đó chính là tà kiến.
Tà kiến nếu không còn,
Tham ái được đoạn tận.*

Tà kiến nghĩa là nhận thức sai lầm, không có chánh kiến. Chúng ta thường nuôi dưỡng lòng tham ái trong tâm nên tự mình làm khổ lấy mình, bởi do nhận thức sai lầm mà không thấy tham ái chỉ là những thứ ảo vọng chóng đổi thay.

Để diệt lòng tham ái, Phật dạy chúng ta: *Quán thân vô thường, Quán thân khổ, Quán thân bất tịnh, Quán Vô ngã.*

Kinh Pháp cú nói:

*Mọi sinh vật vốn “vô thường”
Trí người nếu hiểu tận tường như trên
Thoát ly ngay mọi não phiền
Theo đường thanh tịnh vào miền sạch trong.*

...

*Mọi sinh vật có thật đâu
Thầy đều “vô ngã”, “ta” nào là “ta”
Trí người nếu hiểu rõ ra
Thoát ly phiền não cho xa tức thời.*

Suy nghĩ kỹ sẽ thấy các pháp hợp tụ hay ly tán cũng không làm cho chúng ta khổ mấy, mà chính cái tâm tham ái chấp trước mới làm cho sự khổ đau kia chẳng đoạn tận. Tham ái cũng là nguyên nhân căn bản tạo ra sự bất mãn không ngừng vì tham ái không bao giờ thỏa mãn, vì vậy mới có chiến tranh, mâu thuẫn xung đột, bức hiếp cưỡng đoạt... Tham ái cũng là nhân tạo ra lo sợ, vì sợ bị mất đi những gì mình đang sở hữu và ưa thích.

Xã hội hiện nay khát muốn giàu có về mặt vật chất, nên phải gia tăng sản xuất, phát triển kinh tế kỹ thuật không ngừng, bên cạnh đó vì phải khuyến khích tiêu thụ nên càng phải khai thác lòng tham muốn của con người. Trường học được sử dụng như một bộ máy sản xuất những con người có thể sáng tạo ra vật chất, chớ không phải là nơi giáo dục về nhân sanh quan và đạo đức. Họ

đem giá trị tinh thần đặt trên vật chất, có khi còn tuyên bố rằng có tiền mua tiên cũng được, có thật vậy hay không? Vì thế con người thời nay chỉ biết chú trọng nơi tiền tài, danh vọng, sức khỏe, sắc đẹp v.v... đã lãng quên, không còn xem trọng cái giá trị chân thật đời sống tâm linh và đạo đức nữa.

Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Đời trước ngu muội, không biết đạo đức, không ai chỉ bảo, chẳng có lạ gì! Sanh tử luân hồi, thiện ác báo ứng đều chẳng tin tưởng, cho là không có.”

Người đời nay chẳng chịu tin lời Phật dạy rằng, khổ đau sanh ra là bởi tham ái. Muốn giảm bớt khổ đau thì phải biết thiếu dục tri túc, phải buông bỏ tham ái.

Đức Phật dạy:

*Nếu muốn được an lạc
Phải đoạn trừ tham ái
Tham ái đoạn tận rồi
Hỷ lạc vô biên đến
Chạy đuổi theo tham ái
Chỉ thấy lòng bất mãn
Ai ngược dòng tham ái
Trí tuệ đạt an ổn*

Vì quên mất đi tự tánh từ kiếp lâu xa, nay lại tích lũy sự tham đắm trong tâm thức, rồi nhận lầm tham ái là

bản tánh tự nhiên; chẳng hay biết rằng tham ái chỉ là vọng tưởng do vô minh sanh ra. Do đó, chẳng những không chịu đoạn tham ái mà ngược lại còn khuyến khích và tạo mọi phương tiện để phát triển lòng tham ái nữa. Những điều này chúng ta đều thấy rõ qua những quảng cáo, báo chí, TV, phim ảnh, âm nhạc v.v... vậy mà đối trước hoàn cảnh này vẫn không một quốc gia, xã hội hay cơ quan giáo dục nào trên thế giới chịu lên tiếng giáo dục, ngăn ngừa hay khuyến cáo dân chúng về hậu quả, nỗi lo âu và sự hoảng loạn của con người.

Buông xả tham ái là một trạng thái tâm thức cân bằng (trung đạo), không vương mắc bám chấp vào sự vật, nên tâm được tự tại, thanh tịnh để có thể chú tâm (định) vào những gì thật sự có giá trị. Buông xả tham ái không có nghĩa là vứt bỏ mọi tài sản vật chất và tình cảm đối với gia đình, chỉ là không tham đắm hay bám chấp vào đó mà thôi. Khi buông xả được tham ái, ta có thể sống thích hợp với mọi hoàn cảnh, điều kiện, cho dầu nó có thay đổi theo lẽ vô thường mà vẫn hỷ lạc, không cần bất cứ một thúc đẩy nào ở bên ngoài mang đến cho ta.

Người buông bỏ được tham ái cũng dứt trừ được các tập khí hay hạnh kiễm xấu như sân giận, ganh tỵ, mâu thuẫn, thị phi, xung đột, đấu tranh v.v... nhờ đó có thể sống hài hòa với mọi người xung quanh. Hơn nữa, người không tham ái thường dễ phát rộng tứ vô lượng tâm - từ bi hỷ xả, dễ dàng mang đến hạnh phúc niềm vui cho người

khác (tâm từ) hoặc giúp người khác bớt khổ đau (tâm bi). Vì vậy xả bỏ tham ái sẽ mở ra cánh cửa đưa ta đến sự giao tiếp chân thành cùng với người khác, đến với tình thương yêu bao la và lòng bi mẫn rộng lớn.

Diệu Âm Trí Thành



Buông Xả là Đại Bồ Thí

Kính gửi đến chú L:

Chúng ta sống ở thế gian này, đối với tất cả mọi việc dù mắt thấy tai nghe đều không nên giữ ở trong lòng, thấy như không thấy, nghe như không nghe, mỗi giờ mỗi phút cần nên gìn giữ tam nghiệp, thân khẩu ý, thanh tịnh. Nếu đã lỡ nghe hay thấy biết những chuyện nghịch ý không vừa lòng thì nên buông bỏ, không nên đào sâu vào vấn đề và cũng đừng nên đem ra loan truyền gây mâu thuẫn, xáo trộn và đấu tranh. Không nên tranh đấu hơn thua nhau trên từng ý nghĩ, hành động và lời nói. Đối với pháp thế gian và xuất thế gian, những sự đấu tranh không mang lại lợi ích gì, ngoài việc tạo thêm nghiệp oán thù. Những lý luận hay dở, đúng sai, cao thấp không phải là Phật tri kiến, nó chỉ là “sở tri chướng kiến”.

Sở tri chướng là thứ chướng ngại thuộc về tri kiến do bộ óc nhận thức được điều gì rồi chấp dính vào đó, cho đó là chân lý bất biến làm chướng ngại sự kiến tánh. Khi một người học Phật chấp chặt vào pháp đã học, cho đó là thật pháp, chân trí tuệ như căn bản trí của họ liền bị ngăn che. Trong Phật pháp, ta gọi đó là vô minh căn bản, nó làm ta mờ mịt đối với cảnh giới sở tri, che lấp pháp tính mà trở thành chướng ngại cho chủng trí trung đạo, cho nên nó cũng được gọi là Trí ngại. Do đó, Phật dạy: “y trí, bất y

thức”. Những kiến thức mà chúng ta học được từ trong kinh sách hay những lời giảng dạy của chư Tổ Sư và đại đức cũng chỉ là những kiến thức phổ thông giúp chúng ta làm phương tiện để nhận ra tự tánh của vũ trụ nhân sanh, không nên bị chấp dính vào đó. Vì thế, trong kinh Kim Cang, Đức Thế Tôn bảo rằng: “Ai nói ta có cái pháp để nói là phỉ báng ta”. Thật vậy, nếu Phật có cái pháp để nói, tức là còn có “Thức”, còn có “Trí ngại” thì Phật đâu phải là Phật nữa.

Người học Phật dùng tri thức làm phương tiện để nhận biết chân thật pháp để đi vào chỗ vô tướng, vô thức, thì mới thấy rõ “vạn pháp vốn giai không, nhân quả thì bất không”. Người chấp pháp, chấp ngữ, chấp thức (kiến thức) thì liền rơi vào chướng ngại trong sự tu đạo, vì chưa phá được “căn bản vô minh phiền não” do ý thức phát động. Do đó, Phật dạy trong kinh Kim Cang rằng người này “hành tà đạo”. Tà ở đây có nghĩa là không Chánh, không đúng với pháp Trung Đạo mà Phật dạy, chấp có cái pháp để chứng, có cái trí để đạt, có cái đạo để thành, không nhận biết được cái gì là “hư huyền”, cái gì “quyền”, cái gì là “thật”. Người này càng học Phật, ngã tướng càng lớn, vọng tưởng càng tăng, sanh ra thêm nhiều phiền não.

Những người bị tri thức chướng ngại (sở tri chướng) thường hay tranh lý trong sự học Phật, làm cho tâm mình trở nên bất tịnh, ngã ngại che mờ chân thật trí. Lúc lâm chung thân thức mê muội, hoặc ở trên thân xác

của người bệnh, hoặc ở trong thân trung ấm, tâm trí của họ thường bị rối loạn bởi những tập khí vọng tưởng hằng ngày. Do đó sở tri chướng cũng là những chướng ngại cho sự nhất tâm niệm Phật cầu vãng sanh. Trong kinh Vô Lượng Thọ Phật dạy: *“Liễu triệt tất cả pháp như tiếng vang mộng huyễn”*, đã là huyễn và giả thì chẳng có gì để bàn cãi và tranh lý nữa. Chính lẽ đó, người lão tu thông thuộc kinh điển lại thường ít thích nói pháp, bởi nói cách chi cũng chẳng vẹn toàn. Vì sao? Bởi muốn nói cho đầy đủ vẹn toàn phù hợp với mọi căn cơ và cảnh giới của chúng sanh, cùng kiếp nói cũng chẳng hết. Lại nữa khi các Ngài nói pháp, các Ngài cũng rõ biết là đang nói “huyễn pháp” hay “quyền pháp”, chẳng phải “thật pháp”. Thật pháp chẳng có ngôn từ để nói; vì vậy, trong kinh Kinh Cang, Phật nói: Ngài chưa hề nói pháp.

Trong Đại Trí Độ Luận, có một đoạn khai thị rằng: *“Lâm chung khoảnh khắc tối thắng hơn sức tu cả đời”*. Tất cả những gì chúng ta tu tập trong suốt cuộc đời này, chẳng khác nào những người lính đang tập trận. Khi giáp trận thật sự rồi mới biết công phu luyện tập của mình như thế nào trước sức mạnh tấn công vô cùng hùng hậu và tới tấp của quân địch. Vào lúc lâm chung, hoàn cảnh của chúng ta cũng y như thế, oán thân trái chủ kéo tới trả thù vô cùng mãnh liệt và liên tục, tâm thần của chúng ta lúc đó hoang mang, hốt hoảng; phản ứng tự nhiên là chạy trốn, ra sức đánh trả hay mê lầm đi theo, khó thể nhớ ra

câu Phật hiệu. Cho nên với thời gian ngắn ngủi lúc lâm chung, chúng ta phải cố gắng làm cho nó trôi qua một cách êm đẹp và thanh tịnh, buông bỏ và nhất tâm niệm Phật. Người có Tín-Nguyện kiên cố và công phu niệm Phật đắc lực trong hiện đời, nhờ vào sự dũng mãnh tinh tấn và tâm thanh tịnh sáng suốt, sẽ vượt qua khỏi mọi chướng ngại. Buông bỏ vạn duyên, quy tụ tất cả năng lực vào việc niệm Phật trong thời điểm này sẽ là điều duy nhất có thể giúp ta liễu thoát luân hồi vãng sanh Cực Lạc.

Điều đáng sợ nhất là vào lúc lâm chung, tâm còn bị dính mắc, không buông bỏ được. Đối với những người hay nghiên cứu Phật pháp, hoặc những người trong đời thường làm công việc hoằng pháp lợi sanh cũng không ngoại lệ, nếu quá chấp vào các công việc thường làm, cho đó là những việc quan trọng không thể dứt bỏ, tâm sẽ chẳng thể tự tại mà niệm Phật để được vãng sanh. Chúng ta phải nên cố gắng tu tập hạnh hỷ xả, đừng nên cố chấp vào bất cứ việc gì; Phật pháp cũng phải xả, huống chi là phi pháp, thì tâm mới nhẹ bớt phiền não, không bị dính mắc và sự niệm Phật mới có thể đạt được sức an định.

Hạnh buông xả:

- * Tùy duyên, không phan duyên, là hạnh buông xả: đối với thế gian hay xuất thế gian pháp, tuyệt đối không được phan duyên. Tùy duyên có nghĩa là hằng thuận với chúng sanh và hoàn cảnh, nếu có cơ hội tốt, có sẵn

điều kiện thuận, thì chúng ta nghiêm chỉnh quyết tâm mà thực hiện, còn nếu không có duyên tốt, thì vẫn phải tùy hỷ, không nên khởi tâm động niệm vì lòng ham muốn của mình. Biết tùy duyên là biết buông xả, phan duyên là chấp trước. Có rất nhiều người dù biết không có cơ hội, không có điều kiện tốt, nhưng lại vẫn tìm đủ mọi cách để tạo điều kiện, cơ hội, thế là phan duyên rồi! Thế là tự gây phiền não và khó khăn cho chính mình, vậy thì làm sao có thể giữ cho tâm được luôn an nhiên tự tại mà niệm Phật? Người hay phan duyên thì dù cho niệm Phật nhiều, nhưng khó đạt được sự định tâm.

- * Buông xả vọng tưởng tham sân si: tất cả nghiệp chướng đều phát sanh từ vọng tưởng tham sân si. Tự tư, tự lợi, thị phi, nhân ngã, ngũ dục lục trần, tham sân si mạn v.v... nếu không đoạn cho hết, không nhỏ cho tận gốc, thì dù có niệm Phật cách gì cũng không thể vắng sanh! Cũng nên biết tham pháp cũng là tham, những người thích nghiên cứu, tranh lý trong Phật pháp cũng là do từ tham pháp và tâm ngã mạn mà hiển diện. Nếu chúng ta có thắc mắc gì trong pháp học, nên tìm câu giải đáp mà thực hành là việc cần phải làm. Nhưng không luận kẻ đúng, người sai v.v... mà tạo ra nhiều chủng tử không thanh tịnh. Nghiệp bất tịnh khi đã thành hình trong A-lại-da-thức của ta rồi, thì nó sẽ theo ta mãi như hình với bóng, rất khó mà đoạn trừ cho

sạch. Bây giờ, ta chưa thấy rõ tác động của nó, nhưng đến lúc lâm chung chúng hiện ra không ngừng nghỉ, làm cho ta mất đi chánh niệm, nhẫn đến làm cho ta điên đảo quên luôn câu Phật hiệu; đến lúc đó rồi, chúng ta sẽ đối phó sao đây?

Chúng ta nơi tự bản thân mình phải luôn kiểm soát, đừng nên để ý đến chuyện bên ngoài, dù một vọng niệm bất tịnh sanh ra, phải tự mình có sự huân tập nghiêm khắc và chặt chẽ mới có thể đoạn được các thứ nghiệp chướng và phiền não. Được như vậy, lúc lâm chung, dù trong hoàn cảnh không được người trợ niệm, chúng ta cũng có thể nắm vững được phần vãng sanh.

Chúng ta nên tự mình thật sự sửa lỗi, thay đổi hành vi và tập khí xấu của mình, nỗ lực tiến tu, phát tâm chân thật “thường niệm Phật không gián đoạn”, giữ câu Phật hiệu canh cánh trong lòng như gà ấp trứng. Lúc lâm chung, Phật đến tiếp dẫn, từ bi gia hộ, khiến tâm trí sáng suốt, chẳng bị hôn mê, loạn động và điên đảo; như thế mới được vãng sanh.

Nghiệp lực là sức mạnh của những thói quen và tập khí xuất phát từ thân, khẩu và ý của chính mình trong sinh hoạt đối vật tiếp người hằng ngày, chứ chẳng phải từ nơi đâu xa mà tới. Những chủng tử tranh đấu, lỗi phải, đúng sai, oán hận, ganh ghét v.v... trong A-lại-da-thức mà chúng ta tích trữ và mang theo từ nhiều đời nhiều kiếp,

thật sự là khó đoạn. Tất cả đều do từ tình chấp mà sinh ra oán hận. Nếu chúng ta không lo hóa giải những oán thù cũ, lại muốn gây thêm nhiều oán thù mới thì thật là phiền phức; đòi đòi kiếp kiếp phải luôn đối phó với oan gia trái chủ, không hề ngừng dứt, đôi bên đều phải lãnh chịu sự thống khổ. Đến lúc lâm chung, kẻ thù đến bên thân chúng ta để báo oán, không để chúng ta vãng sinh, đó chính là ma chướng cùng sinh, là cận tử nghiệp. Cho nên sống ở đời, chúng ta nên “hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức,” chúng sinh muốn thứ gì, tất cả đều tùy thuận, không nên hơn thua tranh luận thì lúc lâm chung mới có thể đi vãng sanh được dễ dàng.

“Người chân thật niệm Phật, buông bỏ cả thân tâm thế giới là đại bố thí.”

Diệu Âm Trí Thành



Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát

KN thân,

Trước hết chúng ta cũng biết rằng Phật Bồ-tát thật chẳng hề có tên hay danh hiệu! Danh hiệu các Ngài đặt ra hay tự xưng, chỉ nhằm cho chúng ta biết các hạnh nguyện mà Phật, Bồ-tát đang thực hành để hóa độ chúng sanh ở một góc độ không gian, và thời gian nào đó; nói cách khác những danh hiệu này chỉ nhằm để biểu thị pháp, bởi do duyên sanh, không là thật có.

Chúng ta thường thấy biểu tượng của vị Bồ-tát ngồi trên lưng con voi trắng 6 ngà, là vị Bồ-tát giáo hóa chúng sanh theo phương pháp Phổ Hiền Thập Đại Nguyện Vương. Thế Tôn gọi Ngài là “Phổ Hiền”. Trên lễ thật thì vị Bồ-tát này không có tên. Nếu cũng là vị Bồ-tát này thị hiện ở thế giới phương khác, thực hành hay áp dụng phương pháp khác để hoá độ chúng sanh, thì Ngài lại sẽ có cái tên khác. Thí dụ: nếu KN dạy môn toán, học trò gọi là “cô giáo toán học”, nếu KN cũng dạy môn Hoá Học, học trò sẽ gọi là “cô giáo Hoá Học” v.v... KN dạy bao nhiêu môn học thì được gọi bấy nhiêu cái tên. Lại nữa đâu chỉ có riêng KN là có cái tên này, cũng có vô số các thầy/cô giáo khác cũng được gọi cùng tên như thế!

Trong các thời quá khứ, hiện tại, vị lai, có vô lượng vô biên Bồ-tát ở trong tam thiên đại thiên thế giới có cùng đồng một danh hiệu Bồ-tát Phổ Hiền, Văn Thù, Quán Âm, Địa Tạng v.v... Nên khi Phật, Bồ Tát xuất hiện ở thế gian, các Ngài sẽ tùy thuận theo Nhân, Quả, Tánh, Tướng của chúng sanh, mà chọn một đức năng, trong vô lượng đức năng ấy để lập nên danh hiệu.

Trong mắt Phật, các vị Bồ-tát Phổ Hiền nơi các thời quá khứ, hiện tại và vị lai đều giống như nhau. Chính vậy, hạnh Phổ Hiền mà Pháp Tạng Tỳ Kheo nói trong kinh Vô Lượng Thọ là hạnh của tất cả các vị Bồ-tát thực hành hạnh như thế trong các thời quá hiện vị lai, chứ không phải chỉ có một vị Bồ-tát Phổ Hiền ngồi trên con voi trắng 6 ngà, như hình ảnh biểu tượng trong Phật giáo Đại Thừa.

Trong kinh Kim Cang, Phật dạy: *“Bồ-tát tuy độ vô lượng vô số chúng sanh như vậy, nhưng không thấy có một chúng sanh nào được độ. Tại sao vậy? Nếu Bồ-tát còn thấy có mình độ và chúng sanh được độ, tức là Bồ-tát còn chấp bốn tướng thì không phải là Bồ-tát!”* Nên như lời Thế Tôn dạy trong kinh Vô Lượng Thọ, Thế Gian Tự Tại Vương biết Pháp Tạng Tỳ Kheo là bậc cao minh, trí tuệ vượt xa đời... Theo ý này, huynh nghĩ rằng Ngài Tỳ Kheo Pháp Tạng, lúc ấy đã chứng nhập vào pháp môn Không, xả lìa được mọi phân biệt, nên khả năng thấy biết của Ngài không còn bị lệ thuộc vào hoàn cảnh của không gian và thời gian.

Hạnh Phổ Hiền mà Pháp Tạng Tỳ Kheo đề cập đến trong 48 đại nguyện là phi thời xứ (không dính mắc vào không gian và thời gian), như thế mới đúng với ý nghĩa “*Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác.*”

Trong kinh Hoa Nghiêm, Đức Thế Tôn nói, có vô lượng Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát, có vô lượng Phổ Hiền Bồ-tát v.v... đến dự pháp hội Hoa Nghiêm chính là ý này. Thế Tôn cũng nói: khi ấy Đức Phật Tỳ Lô Xá Na phóng đại quang minh đến Ngài Văn Thù Sư Lợi làm cho trí tuệ của Ngài Văn Thù đồng với trí tuệ của Phật, cũng trong cùng lúc đó có vô lượng vô biên Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát ở trong vô lượng vô biên thế giới cũng đồng nhận ánh sáng này, và có đồng trí tuệ này... Ý nghĩa của sự việc này phàm phu chúng ta không thể hiểu nổi, đến cả hàng Thanh Văn, nhị thừa cũng còn không hiểu nổi; chỉ đến hàng thập địa Bồ-tát và Phật mới biết rõ nhờ ở thân thông tự tại, cái trí vô ngại, vô đẳng, vô luân, oai đức rộng lớn, và thù thắng tối thượng của Phật.

Do đó học Phật phải liả các tướng, âm thanh, ngôn từ, văn tự, thức... để thấu suốt hết thảy cái ý nghĩa này. Chúng ta phải buông bỏ hết các pháp nhỏ để cầu pháp lớn – đó là pháp môn “Không, Vô tướng, Vô vi.” Nên Phật dạy: “*Tu Bồ Đề! Như Lai nói các pháp, không thật có các pháp, chỉ giả gọi là các pháp.*” Nếu chúng ta còn kẹt vào nhân, ngã, chúng sanh và thọ giả tướng; chúng ta sẽ khó thấu suốt hay hiểu nổi trí tuệ của Như Lai. Chúng ta hãy y

pháp, chẳng chấp trước pháp, chẳng nên nghi hoặc, chẳng có tranh cãi.

Nếu vì không thấy nên tâm sanh nghi, vì tâm sanh nghi sẽ mất lợi ích lớn. Thế nên trong kinh Vô Lượng Thọ, Đức Thế Tôn bảo Ngài Di Lặc Bồ-tát rằng: “*Này A Dật Đa! Nên biết rằng, đối với các vị Bồ-tát, tâm nghi hoặc là điều tổn hại rất lớn, mất lợi ích lớn. Bởi thế phải nên chí thành tin kính vào trí huệ Vô Thượng của Phật.*” Có nhiều vị Bồ-tát còn không tin rõ nổi trí huệ của Phật, đừng nói chi kẻ phàm phu chúng ta.

*Biển trí huệ Như Lai sâu rộng
Chỉ Phật cùng Phật mới hay biết
Thanh Văn ức kiếp suy Phật trí
Đem hết thân lực chẳng thể lường!*

Chúng ta hiện sống trong đời ác ngũ trược mà có thể tin được trí huệ của Phật, là vì đời trước đã tu phước huệ cho nên mới được nghe chánh pháp này.

Diệu Âm Trí Thành



Phàm Sở Hữu Tướng Giai Thị Hư Vọng

Thân gửi đến NL,

Chúng ta tu đạo Phật là cầu *Trí tuệ*, chứ không phải cầu *Trí thức*. *Trí tuệ* và *Trí thức* không giống nhau: *Trí thức* thì có thể tìm học từ trong kinh sách, sách chú giảng, nghe băng chú giảng .v.v... Nhưng *trí tuệ* thì chỉ có thể tìm được trong tự tánh, mà muốn tìm thấy tự tánh thì tâm phải có *Định*, phải thanh tịnh, không còn bị vướng mắc bởi những vọng tưởng, phân biệt và chấp trước (chấp ngã, chấp ngã sở, chấp pháp).

Làm sao để hạ công phu phá trừ phân biệt và chấp trước?

Hòa Thượng Tịnh Không dạy: trước hết là phải ngăn ngừa và giải trừ mọi xung đột, đối lập, mâu thuẫn, đấu tranh .v.v... do các thứ tâm này sanh ra. Phân biệt và chấp trước là nguyên nhân làm chướng ngại tâm thanh tịnh và năng lực trí tuệ của chúng ta, và nó cũng là cái nhân tạo ra lục đạo luân hồi.

Học Phật trong kinh sách là để thu đạt kiến thức căn bản (*Trí thức*), làm phương tiện hướng về pháp *Vô tướng vô vi* của Như Lai, pháp này cũng được gọi là Nhất Thừa hay Phật Thừa. Vì pháp này là *vô tướng vô vi*, là chân thật pháp, là pháp *Không*, nên nó không có ngôn từ để diễn

đạt, nó không thể tìm được trong kinh sách, mà nó phải tự mình giác ngộ trong tự tánh.

Trong kinh Vô Lượng Thọ, Phật nói: “*Vì chúng hữu tình tuyên nói chánh pháp, vô tướng vô vi, không buộc không mở, không phân, không biệt, xa lìa điên đảo*”.

Vậy, pháp vô vi vô tướng mới là thật pháp. Tất cả các pháp hữu vi đều là quyền pháp, là huyền pháp ... dùng làm phương tiện giúp cho người chưa giác ngộ phát khởi tín tâm mà tìm đến Phật đạo. Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn cũng nói:

“*Chí cầu côi nghiêm tịnh,
Thọ ký sẽ thành Phật
Biết rõ hết thấy pháp
Như mộng huyễn tiếng vang*”

Phật nói tất cả pháp đều là như mộng huyễn, đều là không thật. Vì vậy nếu ôm chặt, bám chấp, không rời pháp hữu vi, thì ta còn *Chấp pháp*. *Chấp pháp* là thứ Sở tri chướng, sanh ra kiến tư phiền não, ngăn ngại cửa Bồ Đề, vì hết thấy *Trí thức* của thế gian đều là từ vọng thức. Người chấp pháp càng học Phật, càng nghiên cứu Phật pháp càng sanh ra các thứ vọng tưởng phân biệt, chấp trước, càng sanh ra phiền não. Vì vậy Phật dạy ta không nên chấp pháp.

Trong tất cả các pháp môn của Phật đều nói đến *Tín-Giải-Hành-Chứng*. Phật dùng pháp hữu vi làm phương tiện giúp chúng sanh phát khởi Tín tâm (*Tín*) và có kiến thức (*Giải*) để hiểu biết về pháp môn mà mình tu. Một khi *Tín-Giải* đã vững vàng rồi, thì phải *Hành*. Hành trong Phật giáo tức là *Buông Xả*: buông xả tất cả các pháp, buông xả tự tư tự lợi, vọng tưởng, phải quấy, nhân ngã .v.v..., ngay đến Phật pháp cũng phải buông bỏ nó ra, thì *Tự tánh thanh tịnh viên minh thể* mới hiện tiền. Khi đó ta gọi là *chứng đắc*, tức là minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh cũng không có nghĩa là thành Phật, vì mức độ của minh tâm kiến tánh có khác nhau:

- Thanh Văn chưa phá được hết chấp trước vi tế, nên chỉ chúng được *Nhất thiết trí*,
- Bồ-tát chưa phá được hết phân biệt vi tế, nên chỉ chúng được *Đạo chủng trí*
- Phật rốt ráo phá được hết vọng tưởng phân biệt chấp trước, nên đắc được *Nhất thiết chủng trí*.

Trong kinh Kim Cang, Phật dạy chúng ta phải xả bỏ bốn tướng: nhân, ngã, chúng sanh và thọ giả, để thể nhập Như Lai tánh.

Vì sao phải xả bỏ bốn tướng?

“*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*”: Tất cả những vật chất, tinh thần và hiện tượng của vật chất và

ting thần đều có sanh diệt, đều là pháp hữu vi. Phật dùng pháp hữu vi làm phương tiện giúp chúng ta nhìn thấy hết mọi chướng ngại của mình, để có thể quán nhập vào pháp vô vi vô tướng. Pháp vô vi vô tướng là pháp mà không có thể dùng ngôn từ để nói, pháp này chỉ có một, đó là *Chân Như Vô Vi, Tự Tánh Thanh Tịnh Chân Như Thế (chân như bốn tánh)*. Pháp này chỉ có thể tìm được trong tự tánh, không thể tìm thấy trong sách vở hay kinh sách. Do đó, nhà Thiền gọi chân thật kinh là “*Vô Tự Chân kinh*”.

Tất cả pháp môn của Phật đều phải quy về Thiền định mà giác ngộ. Thiền định không chỉ có trong pháp môn Thiền. Niệm Phật, trì chú cũng là Thiền Định. *Thiền nghĩa là Quán, Định nghĩa là Chỉ. Thiền Định có nghĩa là Chỉ Quán.*

Thiền Định hay Chỉ Quán là phương pháp để an trụ tâm và phát sanh trí tuệ. Tâm định và thanh tịnh thì trí tuệ phát sanh. Có định và tuệ thì vạn pháp sẽ tự nhiên được thông rõ một cách sáng suốt. Sự thông rõ này không thể do trí thức học được từ kinh sách mà có. Ngược lại, nếu chấp dính cứng ngắc vào kinh sách thì sẽ bị chướng ngại cho việc tu định và tuệ (huệ); vì vậy, nhà Thiền thường nói: “*Tâm là kinh, kinh là tâm*”.

Ngày xưa, Lục Tổ Huệ Năng chẳng có học qua kinh sách, Ngài chỉ được nghe Ngũ Tổ giảng dạy sơ sơ đại khái về kinh Kim Cang, lúc Ngài già gạo trong đêm khuya,

Ngài liền giác ngộ tự tánh – minh tâm kiến tánh, tự nhiên thông rõ các pháp và có thể giảng nói tất cả kinh pháp. Tại sao? Vì tâm của Ngài vốn rỗng không, còn tâm chúng ta lại chất chứa đầy vọng tưởng, kiến chấp, ngã chấp .v.v... nên chân thật trí tuệ khó có thể phát chiếu.

Trong bài chú giảng “Tu Hoa Nghiêm Áo Chi Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán”, Hòa Thượng Tịnh Không nói: Thái Tử Tất Đạt Đa ở dưới cội cây Bồ Đề giác ngộ được tự tánh, thành Phật, cũng do bởi Ngài có thể đem hết tất cả những kiến thức và pháp (pháp và phi pháp) mà Ngài học suốt một đời buông bỏ xuống hết. Buông xuống một tơ hào cũng không còn sót lại, nên Ngài mới minh tâm kiến tánh thành Phật. Ngay lúc ấy, Ngài liền vì chúng sanh mà thuyết kinh Hoa Nghiêm nói rõ tánh tướng của vũ trụ nhân sanh trong mười phương pháp giới. Pháp này Ngài học ở đâu? Ngài chẳng học ở đâu cả, vì khi tâm thông thì vạn pháp tự nhiên thông.

Chư Tổ Sư Đại Đức có nói: “*Không dùng Chỉ Quán, không vào được cửa Bồ Đề*”, cũng nhằm mục đích bảo chúng ta phải xả bỏ tất cả các pháp hữu vi, và phải dụng tâm để thông rõ pháp vô vi. Tất cả những gì có tướng, có âm thanh đều là pháp hữu vi.

Niệm Phật là phương pháp Chỉ Quán, định tâm vào câu Phật hiệu “Nam Mô A Di Đà Phật”, để đoạn trừ vọng niệm. Khi tâm được an trụ hoàn toàn trong tiếng niệm

Phật, vọng niệm liền ngưng bật. Đạo lý này thật rất là tự nhiên và dễ hiểu. Khi tắt cả vọng niệm đều ngưng bật, thì sẽ minh tâm kiến tánh, rõ thông tất cả pháp tánh và tướng của vũ trụ nhân sanh.

Diệu Âm Trí Thành



Chấp Tay Cung Kính

Hỏi:

“Ví như có chúng sinh cung kính chấp tay được mười thứ công đức. Những gì là mười?”

Một là được phước báo thù thắng; hai là sinh vào dòng họ cao quý; ba là được thân sắc tươi đẹp; bốn là được giọng nói thắng diệu; năm là được lọng che thắng diệu; sáu là được biện tài vô ngại; bảy là được lòng tin thắng diệu; tám là được giới thắng diệu; chín là được nghe nhiều thắng diệu; mười là được trí tuệ thắng diệu. Đó gọi là cung kính chấp tay được mười thứ công đức.”

Kính đạo hữu Thiện Tri Thức xin hoan hỷ trả lời câu hỏi: Cung kính chấp tay (ở đây) là đối với ai?

Trả lời:

Kính gửi đến chú L.:

Trong pháp cúng dường, có ba loại để cúng dường đó là:

1. Lợi cúng dường: Dùng hương hoa, thức ăn...
2. Kính cúng dường: Cung kính, tán thán, khen ngợi.

3. Hạnh cúng dường: Thọ trì, tu hành diệu pháp.

Cung kính chấp tay nằm trong kính cúng dường!

Tâm và tướng đồng nguyên

Trong đạo Phật, tất cả các pháp học và hành đều dựa trên căn bản của lòng chân thành và cung kính xuất phát từ bên trong nội tâm. Lễ nghi (bên ngoài) là hình thức thể hiện cái tâm (bên trong). Nếu tâm và tướng đều tương ứng, tức trong ngoài đều như nhau thì gọi là chân thật. Nếu bên trong chẳng cung kính, mà bên ngoài cứ lễ lạy mọi người thì gọi là đạo đức giả, có mưu đồ gạt người....

“Chấp tay lễ lạy” ở đây có nghĩa là tỏ lòng cung kính với mọi người. Lòng cung kính phát xuất từ trong thâm tâm; chấp tay lễ lạy là sự biểu lộ tâm cung kính ra bên ngoài.

Khi đọc/nghe câu “cung kính chấp tay được 10 thứ công đức...”, có người chấp vào văn tự mà làm vậy theo hình thức, gặp ai cũng chấp tay lễ lạy để được 10 công đức mà trong tâm chẳng có thật lòng cung kính, thì đó gọi là hành động chấp ngữ, hay chấp pháp. Nói cho cùng họ chẳng hiểu rõ tường tận thuật ngữ của nhà Phật rằng: cung kính là cái thể của tâm, chấp tay lễ lạy là hình tướng thể hiện cái tâm này. Do đó, cung kính chấp tay là nói lên hai

pháp tâm và tướng tương ưng – tâm và tướng đồng nguyên không sai biệt.

Lợi ích của chân thành cung kính

“Chấp tay cung kính” là hình thức lễ nghi của người phương Đông dùng để biểu lộ lòng tôn kính của họ. Trong đạo Phật chúng ta cũng lấy cái tập tục này làm nghi thức để biểu hiện cái tâm của mình đối với Phật, Bồ-tát, Thánh Thần, cho đến muôn mọi loài chúng sanh. Tướng là “chấp tay”, tâm là “chân thành cung kính”. Nếu đã là chân thành cung kính và tôn trọng, thì không phê bình chỉ trích, xét lỗi người và phá hoại lẫn nhau...

Giả sử như mọi người trên thế gian này đều có lòng *chân thành cung kính* lẫn nhau, đều xem mọi chúng sanh là Phật, hay chính mình, thì làm gì có mâu thuẫn, xung đột và tranh chấp đưa đến oán thù, đấu tranh sát hại lẫn nhau... Nếu mọi người đều chấp tay chân thành cung kính lẫn nhau, trong ngoài đều tương ưng, thì thế giới này sẽ được thanh bình và hài hòa. Nếu sự thanh bình và hài hòa này luôn có mặt từ trong gia đình cho đến làng ấp, thành thị, quốc gia và thế giới..., thì sẽ không có trộm cắp, cưỡng bức, cướp đoạt, chiến tranh xâm lược, mâu thuẫn xung đột... Do công nghiệp lành này, thiên tai và bệnh dịch cũng chẳng thể dậy khởi, nước thanh dân an, mọi người đều được sống trong an lạc và bình đẳng... Nói cách khác, Tịnh độ ở thế gian này chỉ có thể thành lập khi mọi

người đều chấp tay chân thành cung kính với nhau. Vậy, xin hỏi công đức này có lớn lắm không?

Theo sự nhận xét của riêng tôi, người phương Tây hay thường nói lời khuyến khích và khen thưởng; người phương Đông hay thường nói lời chỉ trích và xích mích. Vì sao có sự khác biệt này? Vì người phương Tây có lòng cung kính và tôn trọng lẫn nhau, khác với người phương Đông. Cái quả báo ở trước mắt cũng đã thấy rõ: người phương Tây từ sắc tướng cho đến phước báo cũng hơn người phương Đông v.v... Các quốc gia ở phương Tây cường thịnh, dân chúng no ấm và trình độ nhận thức cũng ít dốt nát hơn người ở phương Đông v.v...

Nên câu nói dưới đây trong nhà Phật cũng nói lên một phần quả báo của tâm chân thành cung kính rồi! Một phần cung kính thì được một phần lợi ích, mười phần cung kính thì được mười phần lợi ích.

“Vị như có chúng sinh cung kính chấp tay được mười thứ công đức. Những gì là mười?”

Một là được phước báo thù thắng; hai là sinh vào dòng họ cao quý; ba là được thân sắc tươi đẹp; bốn là được giọng nói thắng diệu; năm là được lọng che thắng diệu; sáu là được biện tài vô ngại; bảy là được lòng tin thắng diệu; tám là được giới thắng diệu; chín là được

nghe nhiều thắng diệu; mùi là được trí tuệ thắng diệu. Đó gọi là cung kính chấp tay được mùi thứ công đức.”

Y nghĩa bất y ngữ

Ngôn từ Việt Nam rất phong phú, chúng ta thường hay ghép những danh từ lại với nhau để tạo ra một danh từ mới có ý nghĩa sâu rộng hơn:

- “Thù” nghĩa là đặc thù, theo tự điển Việt Nam, đặc thù có nghĩa là đặc điểm, đặc trưng, có tính chất riêng biệt, khác hẳn với những cái cùng loại.
- “Thắng” có nghĩa là vượt xa hơn hay cao hơn những thứ khác.

Vậy phước báo thù thắng có nghĩa là phước báo có những đặc tính vượt lên cao hơn những loại phước báo khác.

Phật pháp thâm sâu nghĩa nhiệm mầu. Đạo Phật dùng văn tự và ngôn ngữ để diễn đạt cái tâm trong pháp hữu vi, mà pháp hữu vi lại tìm thấy nơi pháp vô vi, vô hình vô tướng. Trong cái ‘có’ tìm thấy cái ‘không’, và ngược lại trong cái ‘không’ lại tìm thấy cái ‘có’. Do đó cái tánh ‘không’ của nhà Phật cũng còn gọi là “Chân Không Diệu Hữu”. Để thấu hiểu lý sự của “Chân Không Diệu Hữu”, tức là pháp vô vi vô tướng hay pháp môn không, đạo Phật dùng pháp môn thiền định thâm sâu để giác quán

đặc tính của sự thể, vì thể tánh của Chân Không Diệu Hữu không thể có ngôn từ nào đủ ý nghĩa để diễn đạt.

Phật dạy: “Y nghĩa bất y ngữ”. Nếu học Phật mà chấp cứng vào chữ sẽ bị dính kẹt vào trong chữ ấy, gọi là chấp ngữ, làm cho linh trí bị ngăn ngại. Chấp ngữ cũng là chấp vào văn tự, chẳng thể hiểu biết chân thật nghĩa, cái rộng sâu dụng ý bên trong nên tự mình ngăn ngại trí tuệ nơi tự tánh của chính mình.

Do đó học Phật mà chấp vào văn tự, bỏ lý bỏ sự, thì ba đời chư Phật thị hiện nói pháp cũng đều oan uổng.

Nên xa lìa cái tâm cung kính cúng dường tự thân

Tâm cung kính cúng dường tự thân là tâm ngã mạn. Nếu tự thân ngã mạn, tức tự cho mình giỏi hơn, tốt hơn, cao hơn, chỉ muốn người khác phải cung kính mình, nên tâm chẳng thể chân thật tỏ lòng cung kính đối với người (loài) khác được.

Mười phương chư Phật ba đời thành Phật cũng nhờ vào tâm chân thành cung kính. Phật dạy: “tất cả chúng sanh đều có đầy đủ đức tướng của Như Lai”. Phật đã đoạn sạch vô minh, vọng tưởng phân biệt và chấp trước nên trong mắt của Phật tất cả chúng sanh đều là Phật; không có Phật quá khứ, hiện tại hay vị lai. [Ngay cả Đẳng Giác Bồ-tát vẫn còn chưa đoạn được tập khí vô thi vô minh, nên vẫn thấy có Phật quá khứ, hiện tại và vị lai, vẫn

còn thấy chỗ sai biệt giữa Phật và chúng sanh, chưa thấy tất cả chúng sanh vốn là Phật.] Do đó Phật chấp tay đánh lễ tất cả chúng sanh, cũng như đánh lễ tất cả các chư Phật.

Trong kinh Pháp Hoa, Bồ-tát Thường Bất Khinh, tức tiền thân của Thích Ca Mâu Ni Phật, khi gặp ai cũng chấp tay đánh lễ mà nói rằng: - Ông sẽ thành Phật! Ngài Bồ-tát Thường Bất Khinh là Phật thị hiện để khai mở Phật tri kiến cho chúng sanh, vì tất cả chúng sanh đều là Phật, tất cả chúng đều có đầy đủ đức tướng của Như Lai. Mặc dù họ khinh khi chế ngạo, thậm chí ném đá và đánh đập Ngài, làm cho thân Ngài chảy máu. Nhưng Ngài biết rõ ràng rằng khi chúng sanh diệt tận được các phiền não, vọng tưởng phân biệt và chấp trước thì lập tức sẽ hoàn nguyên, thành Phật. Đây chính là Phật tri kiến!

Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành

Vậy chúng ta học tập hạnh đức lành của Phật, phải nên học tập cái tâm chân thành cung kính muôn loài chúng sanh, tức phá trừ vô thi vô minh, vọng tưởng, phân biệt và chấp trước, thẳng tiến trên con đường thành Phật. Vậy xin hỏi lại, công đức nào sánh bằng công đức này?

Người học Phật, trước hết phải học lễ nghi, giới luật, tức là huân tu lòng chân thành cung kính, đoạn ác tu thiện. Nếu đối với hết thảy chúng sanh xem thường, khinh

khi và chẳng có lòng chân thành cung kính thì chẳng thể gọi là thiện, chẳng phải thiện tức là ác.

Chúng ta theo Phật tu hành Thánh đạo mục đích để chuyển hoá nghiệp quả, chuyển ác thành thiện, chuyển oán thành thân, chuyển phàm thành Thánh, nên quy tắc muôn đời vẫn chỉ là:

*Chư ác mạc tác
Chúng thiện phụng hành
Tự tịnh kỳ ý
Thị chư Phật giáo*

*(Điều ác phải tránh,
Việc thiện gắng làm,
Giữ tâm thanh tịnh,
Ấy là lời Phật dạy).*

Chân thành chấp tay cung kính!

Diệu Âm Trí Thành



Pháp Thân Phật – Tự Tánh Viên Minh Thể

Thân gửi đến NL,

Phật nói, vào thời mạt pháp thì “pháp nhược, ma cường”, ma chính là những loạn động và ô nhiễm ở bên ngoài. Vậy làm sao tránh được ảnh hưởng sức mê hoặc ở bên ngoài? Chỉ có một phương pháp duy nhất là thường xuyên tụng kinh, niệm Phật để tự mình nhắc nhở chính mình, không còn phương pháp nào khác hơn!

Cổ đức có dạy: “*đọc sách ngàn lần, nghĩa kia tự hiểu,*” nên nếu thường đọc tụng kinh Phật thì trong tâm của mình – những chỗ bí yếu hay mật nghĩa ở trong kinh sẽ từ từ hiện lộ ra. Do đó, phải nên thường xuyên đọc tụng kinh điển để “ôn cũ, biết mới”. Ca sĩ cũng thường phải luyện giọng mới có thể ca hay, võ sĩ phải thường luyện quyền múa kiếm mới có thể đánh giỏi, pháp sư cũng phải thường nói pháp mới giảng được thông suốt, thì Phật tử chúng ta cũng phải thường đọc kinh, nghe pháp và niệm Phật mới chữa được tâm bệnh và tập khí phiền não tích trữ trong tâm từ lâu đời.

Người học Phật còn phải tu tịnh nghiệp, thường nên quán thân bình đẳng, không đối lập với bất cứ người và vật nào. Tâm bình đẳng tức không còn chấp ngã, thì Tâm ý thức (thức thứ 6) sẽ chuyển thành Diệu Quán Sát Trí,

thấy được thật tướng của vạn pháp vốn là bình đẳng và vô ngã, khi thấu suốt rồi thì chẳng có gì đáng để phân biệt và chấp trước nữa, những biên kiến hay đối lập tất sẽ không còn thì tâm tự nhiên trở nên vô vi, an nhiên, đạm bạc; ưu tư và phiền não chẳng thể khởi.

Không có đối lập tức hài hòa, hài hòa là trạng thái tương ưng hoàn toàn tự nhiên với tánh đức, đối lập và xung đột là trái ngược với Tự tánh của chính mình. Vì sao? Vì Tự tánh của mỗi chúng sanh vốn đồng thể tánh với vũ trụ. Chúng ta có thể nâng cao ‘linh tánh’ của chính mình bằng cách buông xả vạn duyên, trở về với Tự tánh, liễu Nhân thì thành Phật. Nếu tâm được an trụ trong trạng thái như như bất động, không khởi một niệm động, thì tất cả vô minh phiền não liền được dừng dứt, tâm liền được giải thoát.

Trong kinh Địa Tạng nói rằng: “Chúng sinh trong cõi Nam Diêm Phù Đề, khởi tâm động niệm đều là tạo nghiệp tội lỗi.” Phật nói: có 41 phẩm vô minh nên có 41 phẩm vị Bồ-tát, đoạn được một phẩm vô minh thì chúng được một phần pháp thân. Ngài Di Lặc Bồ-tát nói: trong khoảng khảy móng tay, chúng sanh khởi lên 320 triệu ý niệm [Ngài thấy thấu suốt rất rõ ràng từng mỗi ý niệm sanh ra của mỗi mỗi chúng sanh]. Bởi khởi tâm động niệm là vô minh phiền não, ngay các bậc A-la-hán và Thất địa Bồ-tát trở xuống cũng chẳng thể thông suốt điều này, chỉ có Bồ-tát ở phẩm vị từ Bát địa trở lên mới hiểu được sáng

suốt và tường tận. Mỗi ý niệm khi phát khởi sẽ hình thành làn sóng có năng lượng tạo ra vật chất trong vạn pháp, nên Lục Tổ Huệ Năng nói: “Năng sanh vạn pháp!”

Khi Vô minh đã đoạn được, tập khí của Vô minh cũng phải tiếp tục đoạn thì phiền não mới mong dứt sạch được.

Ví như lấy một bình sạch đem chứa rượu – bình sạch biểu tượng cho Tự tánh, rượu biểu tượng cho Vô minh – nếu đem rượu đổ hết ra khỏi bình, một giọt cũng không còn sót lại, khi ngửi bình ta vẫn ngửi thấy mùi rượu. Mùi rượu còn sót lại đây ví như tập khí của vô minh khó trừ khử được sạch sẽ.

Trong cuộc sống thực tế cũng thế, có nhiều sự việc tuy biết rõ ràng là xấu (tức hết vô minh), nhưng chúng ta vẫn chưa thể buông bỏ những tập khí hay thói quen xấu này. Vì thế dù cho vô minh đã đoạn xong, thì tập khí của vô minh vẫn phải tiếp tục đoạn cho sạch thì mới có thể minh tâm kiến tánh, chứng được Tự tánh viên minh thể, siêu vượt Thanh Văn và Bích Chi Phật, nhập vào pháp môn không, vô vi vô tướng.

- Minh tâm là đoạn hết vô minh, ví như đem hết chất rượu đổ ra khỏi bình.

- Kiến tánh là đoạn trừ hết tập khí phiền não, ví như rửa sạch bình chứa rượu từ ngoài vào trong, từ trong ra ngoài để mùi hôi của rượu không còn nữa.
- Bình trống rỗng, không còn chứa chất rượu, không còn mùi hôi của rượu là biểu tượng của Chân như tự tánh hay Tự tánh viên minh thể (Pháp thân Phật).

Điều này còn cho thấy: chiếc bình dầu có chứa rượu hay rỗng không, dầu có mùi hôi của rượu hay không, trước sau chiếc bình vẫn nguyên vẹn là chiếc bình, nó vẫn giữ nguyên một dạng thể chẳng hề thay đổi, nó giống như cái Tự tánh của chúng ta vậy.

Đoạn trừ Vô minh phiền não là “Công”, Tự tánh viên minh thể là “Đức”.

Đoạn được tất cả phiền não chứng được Pháp thân Phật (Tự tánh viên minh thể) mới chính là **Công Đức Chân Thật**, không có công đức nào có thể sánh bằng!

Chúng ta có tụng kinh, trì chú, niệm Phật hay nói pháp đến hoa trời rơi rụng, nếu không thể đoạn trừ được Vô minh phiền não thì những việc làm này cũng chỉ có ‘Phước Đức’ mà thôi, không phải là ‘Công Đức Chân Thật’. Vì sao? Vì chúng ta vẫn chưa chứng được Pháp thân Phật, giống như chiếc bình vẫn còn chất rượu hoặc mùi hôi của rượu.

Trong pháp môn Tịnh Độ, tụng kinh niệm Phật là tu Giới-Định-Huệ. Khi đạt được công phu niệm Phật đến ‘Nhất Tâm Bất Loạn’, không còn khởi tâm động niệm nữa, sẽ chứng được Tự tánh viên minh thể, Vô minh phiền não sẽ được dùng dứt.

Khi tâm viên minh thì sẽ thấy Tánh và Tướng đều là một thể.

Tánh Tướng Đồng Nguyên: trong Tướng thấy Tánh, trong Tánh thấy Tướng, sự sự vô ngại. Tự tánh vốn vĩnh viễn không dơ cũng không sạch, không tăng cũng không giảm, không dư cũng không thiếu.

Phật thấy tất cả chúng sanh đều là Phật, không dơ cũng không sạch, không tăng cũng không giảm, không dư cũng không thiếu. Do vì Phật không thấy sự khác biệt giữa Phật và chúng sanh. Phật cung kính đồng như nhau đối với tất cả Phật và chúng sanh, đó là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Tánh của Phật. Phật Bồ-tát chẳng hề khởi tâm động niệm, các Ngài chẳng có mong cầu, các Ngài chỉ tùy theo Tâm duyên cảm của chúng sanh mà ứng đáp. Như cái trống thời trống rỗng, cầm dùi đánh mạnh vào trống thời nó kêu to, đánh nhẹ thời nó kêu nhỏ!

Hễ chúng sanh cầu Phật Bồ-tát thời có ứng, tâm của Phật Bồ-tát thì vốn rỗng không tịch tĩnh, chẳng hề khởi tâm động niệm, còn tâm của chúng sanh thì có lớn có nhỏ!

Trong kinh Phổ Môn nói: Quán Thế Âm Bồ-tát có ba mươi hai tướng ứng hóa thân, dạo khắp Tam thiên đại thiên thế giới hóa độ chúng sanh, tùy theo tâm lượng của chúng sanh cầu mà hóa hiện diệu sắc thân cho chúng sanh thấy, thể hiện sự đại tự tại của Phật Bồ-tát.

Người học Phật phải từ ở nơi Tự tánh mà thấy suốt vạn pháp. Ngoài tâm mà cầu pháp, Phật nói là “ngoại đạo!” Chúng ta hãy quán sát những người học Phật hiện nay, xem có bao nhiêu người hướng vào trong Tự tánh mà cầu đạo? Có bao nhiêu người phóng tâm ra bên ngoài mà cầu đạo? Sẽ thấy tỷ lệ của số người ‘trong đạo’ so với ‘ngoại đạo’ rất ít. Vậy mới biết Phật pháp ngày nay vì sao mà suy!

Phật pháp suy là do cách học và hành đạo của chúng ta không đúng với chánh pháp của Phật, chúng ta thường luôn phóng tâm ra bên ngoài để kiếm tìm những thứ không thật có, nên tâm thường bị nhiễm ô bởi ngoại cảnh, do vậy mà Phật gọi Phật tử chúng ta ngày nay là ‘ngoại đạo’.

Phật pháp không có định pháp, tất cả pháp đều là Phật pháp, người có trí tuệ và chỉ-quán niệm thì phi pháp cũng là Phật pháp, nếu ngược lại thì Phật pháp cũng biến thành phi pháp.

Vì tất cả pháp chẳng có liên hệ gì với Pháp tánh của chúng ta cả, bởi Pháp tánh của chúng ta lúc nào cũng như như bất động, một trần cũng không bị nhiễm! Tất cả những tâm ô nhiễm đều sanh ra từ sự hiểu lầm (mê lầm), khi hết hiểu lầm (hết mê lầm) rồi thì Tự tánh liền được viên minh.

Tự tánh vốn đã có đầy đủ trí tuệ và đức tướng của Như Lai, nên gọi là Viên minh. Hòa Thượng Tịnh Không thường dạy: Tự tánh ví như là cái máy truyền hình (TV), hình ảnh trong TV là tướng. Hình ảnh trong TV dù có xấu tốt, có dơ sạch, nhỏ lớn ... TV vẫn giữ nguyên vẹn hình dạng của nó, chẳng hề bị biến đổi theo hình ảnh trong TV. Vọng tưởng phân biệt chấp trước là những ô nhiễm làm che mờ Tự tánh nếu ta cho nó là thật; ngược lại, nếu ta biết rõ ràng nó là hư vọng như những hình ảnh trong TV thì nó hoàn toàn không có tác dụng làm che mờ Tự tánh viên minh của chính mình.

Người học Phật muốn có nền tảng vững chắc phải tuân tự bắt đầu học từ Tiểu thừa lên Trung thừa, rồi đến Đại thừa. Như trong thế gian, chúng ta cũng phải bắt đầu học thứ tự từ tiểu học lên trung học, rồi đến đại học, thì mới có thể thông đạt được chương trình giáo học. Nếu chưa học xong tiểu học và trung học thì không thể vào được đại học, để học và am hiểu chương trình cao cấp này. Vì vậy Phật cũng thường dùng phương tiện kết hợp nhị đế – Chân đế và Tục đế – để nói pháp, nếu Phật chỉ

dùng Chân Đế thì chúng ta sẽ không thể hiểu nổi vì nó quá thâm sâu và vi tế, xa rời cái cảnh giới thấy biết của chúng ta. Ngay đến các chư vị A-la-hán (đã chứng được Nhất Thiết Trí), và chư vị Bồ-tát (đã chứng được Đạo Chứng Trí) cũng còn không thể hiểu nổi.

Một khi ta đã thấu hiểu được hết Lý, Sự, Tánh, Tướng, Nhân Quả đều là do từ tâm tưởng sanh, ta có được nhân phước; nhưng vẫn chưa thể được đại tự tại, chỉ khi minh tâm kiến tánh rồi mới gọi là đại tự tại. Đại tự tại chính là cảnh giới của Thường Tịch Quang Độ.

Muốn đạt đại tự tại – then chốt của sự thành đạo giác ngộ – là buông bỏ mọi sự mọi vật, sanh sanh hóa hóa (quán pháp như hóa), không khởi tâm động niệm (tam muội thường tịch). An vui Niết Bàn có được là do có thể buông bỏ được ô nhiễm từ vọng tưởng phân biệt chấp trước, buông bỏ càng nhiều thì càng được an vui. Những cảnh giới chứng đạt được cao hay thấp cũng do từ sự buông bỏ được nhiều hay ít.

- buông bỏ hết vọng tưởng chấp trước, thì chúng đặng quả A-la-hán¹¹

¹¹ Các vị A-la-hán tuy rời khỏi lục đạo luân hồi nhưng đạt giải thoát chỉ có phân nửa, vì họ vẫn chưa chứng được Pháp thân, nên chưa có Trí tuệ bát nhã và đại tự tại (Đại Niết Bàn)

- buông bỏ hết vọng tưởng phân biệt, thì chứng đặng quả vị Bồ-tát
- buông bỏ sạch hết tất cả vọng tưởng phân biệt và chấp trước thì thành Phật.

Khi đã buông bỏ được vạn pháp thì lúc mở quyển kinh ra, liền thấy bí yếu mật nghĩa trong kinh phát chiếu. Chưa buông bỏ được thì luôn bị dính kẹt vào trong những từ ngữ và sắc tướng trong kinh, chẳng thể tỏ rõ được lời dạy của Như Lai trong kinh. Vì sao? Vì bí yếu mật nghĩa (bí tạng) của kinh hàm chứa vô lượng nghĩa nhiệm mầu, nó tùy theo *tâm duyên* của chúng sanh mà phát chiếu!

Diệu Âm Trí Thành



Cầu khẩn nơi Phật, Bồ Tát có phải là mê tín không?

Hỏi:

“Đạo Phật không dựa vào cầu khẩn, ‘mê tín’ trông chờ ở sự cứu độ của Bồ-tát bên ngoài.” Chữ ‘mê tín’ ở đây mà tôi hay thường thấy trong nhiều bài viết, làm tôi bối rối vì vẫn chưa thật sự hiểu được hết ý nghĩa của nó trong đoạn văn này. Ước mong có người giải thích rõ ràng chữ đó có nghĩa là gì trong đoạn văn này. Phải chăng hai chữ này không thích hợp trong đoạn văn trên....

Trả lời:

Kính gửi đến đạo hữu H. và L.,

“Đạo Phật không dựa vào cầu khẩn, ‘mê tín’ trông chờ ở sự cứu độ của Bồ-tát bên ngoài,” theo quan điểm của tôi, câu nói này (của người nào đó) không có ý nghĩa rộng sâu và cũng không phản ánh đúng việc hoằng pháp cứu độ của Phật Bồ-tát.

Trong nhà Phật thường nói “*tự giác*” “*giác tha*”, và “*tự độ*” “*độ tha*”. Tự độ là năng lực tự tu tự chứng của mỗi hành giả tu đạo Phật. Độ tha là năng lực gia hộ cứu độ từ bên ngoài của chư Phật và Bồ-tát. Hành giả ở nơi

Phật Bồ-tát cầu nguyện sự gia hộ thì được cả hai: tự lực và tha lực trong sự tu tập.

Tại sao phải luôn cầu Phật Bồ-tát gia hộ? Vì tự biết rằng mình là phàm phu sống trong thời mạt pháp, tất chương duyên phiền não vô cùng mạnh mẽ từ trong ra ngoài, tự mình khó thể đoạn trừ. Nên ngoài việc tự nỗ lực tinh tấn tu hành, cũng cần phải luôn ở nơi Phật Bồ-tát và Thiện trí thức mà cầu sự diu dắt hỗ trợ.

Trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài Đồng Tử là bậc thượng căn thượng trí, nhưng vẫn phải cầu học ở 53 vị Thiện trí thức. Vậy 53 vị Thiện trí thức này là ai? Là tất cả mọi thành phần giai cấp và phẩm vị khác nhau, từ Phật Bồ-tát cho đến những kẻ xấu ác thấp hèn, dù giác ngộ hay si mê, dù phước huệ đầy đủ hay bé mọn ngu si... cho thấy đức tính khiêm nhường, thanh tịnh và bình đẳng của Ngài. Là Phật tử nếu muốn sớm chứng ngộ Chân Như cũng phải buông lòng kiêu mạn để cầu học, vì mỗi mỗi hoàn cảnh đều có thể ban bố cho ta những bài học chứng thực, giúp ta mau giác ngộ tự tánh.

Ngày xưa vì không muốn cho thái tử biết được chân tướng sự thật của thế gian này là đau đớn thống khổ, sanh già bệnh chết, nên vua cha Tịnh Phạn đã âm thầm giam lỏng thái tử Tất Đạt Đa ở trong cung điện; được hưởng vinh hoa phú quý nên thái tử nghĩ (tín) rằng thế gian này cũng hoàn mỹ như thế. Nhưng khi cùng thị vệ lên ra khỏi

hoàng cung dạo chơi, Ngài hiểu là mình đã hoàn toàn sai lầm (mê). Vậy thử hỏi lúc chưa rời cung điện thì thái tử có mê tín không? Một khi chứng nghiệm thấy thế gian này chỉ toàn là khổ đau, Ngài tự hỏi: con người từ đâu sanh đến? sau khi chết sẽ đi về đâu? làm sao thoát khỏi sự sanh tử này? là Ngài đã giác ngộ được một phần chân tướng của sự thật (dù chưa viên mãn). Vậy ai là nhân tố giúp Ngài giác ngộ? Hết thấy chúng sanh đang bị trầm luân trong khổ nạn, những hình tướng này đã giúp Ngài giác ngộ. Đó là những chất xúc tác khiến Ngài từ bỏ cung điện, ngôi báu, hành hạnh Sa Môn, khổ hạnh tu đạo cho đến khi thành bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Ngay người tu pháp môn Thiền cũng phải nương vào trí Bát nhã của Bồ-tát để cầu định, cũng phải cầu sự gia trì của Phật Bồ-tát (từ bên ngoài) giúp hóa giải oan gia nghiệp chướng hầu có thuận duyên tu hành. Người tu pháp Mật Tông cũng trì chú cầu xin sự gia hộ của Phật Bồ-tát (từ bên ngoài), ban cho họ năng lực thiền định.

Người tu niệm Phật chuyên tâm niệm Phật A Di Đà, trước Phật phát lời thệ nguyện cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, cũng là cầu năng lực gia trì từ bên ngoài. Vậy có pháp môn nào mà Phật tử không cầu xin sự cứu độ của Phật Bồ-tát để đạt được mục tiêu giải thoát? Nếu sự thỉnh cầu nơi Phật Bồ-tát đúng lý đúng pháp, có cung kính chánh kiến, có thanh tịnh từ bi thì không gì không đạt được. *“Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng.”*

Thánh nhân chẳng lừa dối người, nên phàm muốn cầu phải hiểu lý luận, hiểu phương pháp. Lý luận là nhân quả, gieo nhân nào được quả nấy; nếu chỉ vin vào phiền não tập khí thế gian, vào tri kiến thế tục để phán đoán tranh đoạt thì có cầu được chăng?

Thử hỏi trong thế gian này ai mà chẳng Mê, nếu không Mê thì đã toàn giác, đã là Phật rồi. Nhưng nếu biết mình Mê, quay đầu nương tựa nơi Phật Bồ-tát để cầu “Chánh giác,” thì cái Mê này chẳng phải là Mê.

Còn nếu tự cho rằng mình chẳng Mê, chẳng biết nương nơi Phật Bồ-tát cầu sự gia hộ dạy bảo, thì cái Mê này chẳng biết lúc nào mới ngưng dứt! Vậy thì thà mê tín nơi Phật Bồ-tát, có phải tốt hơn chăng?

Phật Bồ-tát từ bi đến cùng tột, “vô duyên đại từ, đồng thể đại bi,” trong mắt Phật thì kẻ trí người ngu, người sang kẻ hèn đều bình đẳng, vì các Ngài biết pháp giới chúng sanh và chính mình là một Thể.

Trí tuệ các Ngài siêu xuất thế gian sáng suốt minh bạch, biết chúng ta tâm trí mê mờ, mãi chao đảo đắm chìm trong 6 nẻo luân hồi; nên muốn cứu giúp chúng ta khôi phục, hiểu rõ sáu cõi là giả mộng, ba đường là khổ ác, thông rõ được cái trí huệ đức năng nơi tự tánh của chính mình.

Trong kinh Phật thường nói “pháp nhĩ như thị,” nên nếu ai chân thành tin nơi các Ngài để cầu sự giải thoát thì không có lý do, hay điều kiện gì cần để Ngài từ chối cứu độ cả!

*Tâm Phật thanh tịnh tợ lưu ly
Trí Phật sáng ngời như trăng sáng
Phật ở thế gian thường cứu khổ
Tâm Phật không đâu không từ bi*

Vậy chư Phật Như Lai do đâu mà có? “Chư Phật bản tùng Pháp Thân thù tịch,” do chúng sanh có cảm, Pháp Thân có ứng, thật chẳng thể nghĩ bàn! Cần dùng thân nào để độ, bèn hiện thân đó. Trong kinh Phổ Môn nói về ba mươi hai ứng thân, chia những thân phận ứng hiện thành ba mươi hai loại, trong mỗi một loại lại có vô lượng vô biên thân. Các Bồ-tát cũng giống như vậy, chẳng những Bồ-tát mà Thanh Văn, Duyên Giác cũng đều như vậy.

Cũng có rất nhiều người vì do lòng mê tín mà tìm đến cầu Phật, tin tưởng Phật như một vị thần linh có thể ban phước hay giáng họa, vì họ chẳng hiểu phước họa là do nhân quả mà thành tựu.

Nhưng còn hạng người chấp trước cho rằng cầu Phật Bồ-tát cứu độ là “mê tín”, thì người đó mới chính là kẻ đang mê. Vì sao? Vì mê nên chẳng biết tìm đến bậc

giác ngộ để cầu cứu độ, còn tự cho mình dư năng lực thừa trí tuệ thì người này gọi là đại ngã mạn, tâm họ còn ngã mạn chấp trước tức họ còn mê: mê tín nơi cái “Ta”, cái “Ngã” của họ!

Mê nghĩa là không giác, không thấy tường tận, không hiểu biết rõ ràng minh bạch, chỉ lảm lẩn khoái lạc những điều hào nhoáng bên ngoài. Tín là tin tưởng tuyệt đối vào một điều gì đó. Vậy “mê tín” nghĩa là một niềm tin hay ý niệm, không dựa trên lý do, kiến thức, kinh nghiệm; thường dùng để ám chỉ sự tin tưởng tuyệt đối một cách vô lý, không thể chứng minh và nghiệm chứng được. Như người mù quáng tin vào một đạo giáo, mà không cần kỹ thấu hiểu giáo lý của đạo đó thì gọi là “mê tín đạo giáo”.

- Cũng có người luôn biện minh tự nhận mình là người chỉ tin vào văn minh khoa học, cho rằng cái nghĩ cái thấy cái tin của họ đều tuyệt đối chính xác, nhưng họ lại thật chẳng hiểu rõ về khoa học. Vì có sao? Vì họ thật không rõ khoa học vẫn là hữu hạn, vì còn nhiều điều khoa học chưa thể khám phá hết, ngay cái phạm vi nhân đạo của khoa học cũng vẫn thuộc ở phạm vi của thế giới loài người; cho nên những người này cũng đáng được gọi là “mê tín khoa học”.

- Cũng có người nhận mình là Phật tử, lại không biết rõ Phật là ai, chẳng hiểu chỗ siêu thoát của đạo Phật

hay mục đích của Phật thị hiện nơi thế gian này là gì, thì những người này cũng được gọi là “mê tín đạo Phật”. Nhưng xem ra niềm mê tín này vẫn có lợi hơn nhiều so với mê tín khoa học!

Mới biết: *Mê tín đạo Phật khác với “đạo Phật là mê tín.”*

Kinh điển Phật dạy từ hàng ngàn năm trước, những cảnh giới trong kinh lắng sâu thấu đáo sẽ thấy:

- Khởi đầu những kinh Phật thuyết thường thấy ghi: “*Như thị ngã văn: Nhất thời...*” Chữ ‘nhất thời’ đây là ‘một thời’, tức dưới một điều kiện nào đó thời gian và không gian không còn nữa (bằng zero).
- Trong kinh Hoa nghiêm cho biết vũ trụ cõi nước số lượng nhiều đến vi trần số, thì ngày nay khoa học mới khám phá có hằng trăm tỷ giải ngân hà (thế giới).
- Trong Bát Nhã tâm kinh nói rõ “chân không diệu hữu” (Không sanh ra Có).
- Trong kinh Phật cho rằng khởi nguyên của vũ trụ là “nhất thời đốn hiện” chứ không phải là tiến hóa, và không gian xung quanh của chúng ta là không gian đa chiều chứ không phải chỉ ba chiều; đến nay khoa học mới chứng thực được những chuyện này.

Cho nên kinh Phật chẳng phải là sách thần thoại ngụ ngôn! Giả như nếu khoa học không chứng thực là

thực sự có những chuyện này, thì trong một vạn người đúng là tìm không ra được một người thực sự chịu tin tưởng, vì khi Phật nói đến không gian nhiều chiều vượt ngoài cõi nhân gian là có thật chẳng phải không có, nhưng phàm phu lại chẳng thể hiểu nổi.

Nên khi nói đến Phật, người ta chỉ nghĩ đến những tượng Phật vô tri vô giác bằng đất nặn hay bằng gỗ khắc thành; họ hoàn toàn chấp vào tướng, do chấp vào tướng, chấp chặt cách nghĩ và cách nhìn của mình là chính xác, bởi thế họ vĩnh viễn mãi vẫn là phàm phu!

Nếu hiểu rõ đạo Phật, nhìn thấu đến tận cùng của chỗ cứu cánh sẽ thấy đạo Phật có “Lý, Giải, Hành, Chứng” rõ ràng (qua sự thành tựu của vô số Bồ-tát, tổ sư, đại đức và cư sĩ), nếu người tu đạo Phật hiểu được Lý và Sự của pháp, thực hành một cách viên mãn thời người ấy được chứng ngộ trong giáo pháp đó.

Tất cả những gì Phật dạy đều là điều chân thật, Phật cho chúng ta biết thế gian này là khổ và dạy phương pháp diệt khổ, dạy chúng ta nhận ra cái chân thật có sẵn nơi tự tánh của mình hầu vĩnh viễn xa rời sự trầm luân sanh tử.

Hơn nữa đạo Phật cũng là đạo tôn trọng sự tự do tuyệt đối, tất cả khổ vui hay giải thoát là tự do: tự mình quyết định đời sau đi làm chúng sanh, sanh lên cõi trời hay xuống địa ngục, cũng như ai ai cũng có thể đắc đạo

thành Phật. Tất cả đều do tự chúng sanh toàn quyền chọn lựa, Phật không can dự vào, không bắt buộc ai, nên không thể gọi đó là một đạo “mê tín.”

Ngày nay các nhà khoa học gia định nghĩa Phật giáo là môn “Siêu Khoa Học” (Super Science). Vì sao? Vì Phật nói rõ sự hình thành tánh tướng của hết thủy vũ trụ thế giới bao la, Phật chỉ rõ đặc tính của vạn vật trong môi trường của từng pháp giới khác nhau, siêu vượt sự hiểu biết của phàm phu chúng ta. Còn các nhà triết gia trên thế giới thì cho Phật giáo là môn “Khoa Học Của Tâm Linh” (Science of Mind), vì nó nói rõ hết thủy đặc tính, trạng thái, và tác động của tâm thức qua làn sóng năng lượng tác động từ tâm lưu xuất – Tất cả pháp đều từ tâm tưởng sanh.

Vậy cuối cùng Phật giáo là gì? ***Phật pháp là môn giáo học của Phật Đà, bao gồm hết thủy tánh và tướng của vũ trụ và chúng sanh.***

Phật dạy: Thời chánh pháp tu giới luật thành tựu, thời tượng pháp tu Thiền thành tựu, thời mật pháp tu Tịnh thành tựu. Chúng ta phải tin nơi trí không thể nghĩ bàn, trí vô đẳng vô luân, trí rộng đại thừa, oai đức rộng lớn, trí tối thượng của Phật thì sẽ được lợi lớn.

Chúng ta là đang ở sâu trong thời mật pháp, nếu chẳng chịu nương tựa nơi Phật A Di Đà để cầu sự cứu độ,

một đời này vãng sanh Cực Lạc, thì mãi về sau cho đến khi chánh pháp của Phật bị diệt tận thì càng khó khăn hơn.

Vậy hiện tại Phật Bồ-tát có ứng hiện trong thế gian này nhiều chăng? Ứng hiện rất nhiều! Thời trước, Phật Bồ-tát ứng hóa trong thế gian này giáo hóa dễ dàng, vừa thị hiện thì thực sự có không ít chúng sanh hồi đầu thị ngạn.

Còn thời mạt pháp, chúng sanh thật chẳng dễ độ vì họ chẳng thể hồi đầu, họ chẳng thể hiểu rõ chân tướng sự thật. Chính vì thế mà Hòa Thượng Tịnh Không nói: ***“Người nào không chịu niệm Phật cầu sanh Tịnh-độ, nếu không phải là kẻ nhất xiển đề thì cũng là người cuồng vọng. Nhưng xét cho cùng, kẻ cuồng vọng cũng chính là kẻ nhất xiển đề!”***

Diệu Âm Trí Thành



Ý Nghĩa và Công Đức tu tập Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư

(Trích dẫn tóm tắt từ những bài giảng của Lão Hòa Thượng Tịnh Không)

Những năm gần đây tai ương dồn dập, thiên tai, động loạn, bệnh dịch v.v... xảy ra khắp nơi, lão hòa thượng Tịnh Không động lòng từ bi, đề xướng 700 ngày “*Hộ Quốc Tiêu Tai Pháp Hội*”, kỳ nguyện với tâm chân thành của Phật tử chúng ta, sẽ điều hòa mối quan hệ của con người đối với trời đất quỷ thần, hầu giảm bớt hoặc tiêu trừ tai nạn đang xảy ra và sắp tới.

Với sự khuyến khích của lão Hòa Thượng Tịnh Không, Tịnh Tông Học Hội lấy Tam Thời Hệ Niệm làm pháp sự chủ yếu để kính lễ chư Phật, xưng tán Như Lai, tụng kinh, niệm Phật, cầu nguyện, sám hối, cúng dường thí thực cho vong linh... Rồi lấy công đức đó hồi hướng cho hết thảy chúng sanh, cảm ứng đến thập phương chư Phật và Bồ-tát.

Tam Thời Hệ Niệm vốn do Quốc Sư Trung Phong Đại Sư, vào triều Nguyên (Trung Hoa) đề xướng, nhằm mục đích siêu độ vong linh vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, vĩnh viễn xa lìa biển nghiệp mê mang. Với nghi thức trang nghiêm thanh tịnh, nội dung

khai thị trong sáng và sâu sắc tràn đầy trí tuệ và lòng từ bi phát xuất từ chân tâm tự tánh, pháp sự Tam Thời Hệ Niệm mang lại lợi ích vô cùng thù thắng đến khắp cùng pháp giới chúng sanh, âm dương cùng được lợi lạc.

Trong pháp hội Tam Thời Hệ Niệm, nếu hành giả đoạn thân chánh niệm, thực hiện các nghi thức tu tập giới định huệ và chú tâm lắng nghe Pháp Sư đọc lời khai thị của Ngài Trung Phong Đại Sư, hành giả sẽ được khai mở Phật tri kiến về pháp môn niệm Phật, rồi từ đó theo lời Phật dạy y giáo phụng hành: một lòng tin tưởng Phật A Di Đà, phát nguyện vãng sanh Cực Lạc và chuyên tâm trì niệm hồng danh A Di Đà Phật; lúc lâm chung sẽ được hóa sanh trong hoa sen thất bảo, một đời này liễu sanh thoát tử, viên mãn đạo bồ đề.

Pháp sự Tam Thời Hệ Niệm là thực hiện đạo báo hiếu. Nhà Nho nói: “*thận chung truy viển*” – trịnh trọng đối với người chết và luôn nhớ ơn tổ tiên, kết quả là “*dân đức quy hậu*” – đức tính của con người trở nên đôn hậu. Đây là cách giáo dục rất hay, dạy mọi người phải biết đền ơn đáp nghĩa, hiếu dưỡng cha mẹ, đó là gốc rễ của đức hạnh. Xưa nay người Việt Nam chúng ta coi trọng đạo hiếu, đặc biệt chú trọng đến tể lễ tổ tiên. Trong các nghi lễ cổ xưa của Phật giáo, việc tế tự rất quan trọng với những nghi thức trang nghiêm thanh tịnh.

Dụng ý của người xưa rất cao sâu:

Lễ cúng tổ tiên và vong linh là lối giáo dục phát xuất từ Trung Hoa, nhằm mục đích giáo dục con người phải có lòng tri ân báo ân. Tại sao phải tri ân tổ tiên? Điều khẳng định là cha mẹ ta có cha mẹ, ông bà ta cũng có cha mẹ, cứ thế mà truy tìm đến đời thượng cổ, không chỉ vài ngàn năm mà vài chục ngàn trăm năm, vài triệu năm, vài mươi tỉ năm, các vị tổ tiên đó của chúng ta vô số kể, không thể tính đếm biết được. Hôm nay chúng ta cùng nhau thực hiện pháp sự Tam Thời Hệ Niệm, cúng tế và cầu nguyện cho tất cả tổ tiên, ông bà cha mẹ và hết thảy vong linh được siêu độ giải thoát là đạo báo hiếu, tri ân báo ân vậy! Đối với tổ tiên thời xa xưa và chúng sanh mà chúng ta chưa hề biết mặt mà chúng ta cũng không bỏ quên, thì đối với ông bà, cha mẹ hiện tiền làm sao không thể hiếu thảo! Đó là cách giáo dục con cháu hiện đời một cách vô cùng sâu sắc bằng hành động thiết thực, chẳng phải bằng ngôn ngữ tâm thường.

Từ trong “Địa Tạng Bồ-tát Bản Nguyện kinh”, ta nhận thấy việc siêu độ vong linh thật sự có hiệu quả. Phương pháp dùng để độ vong linh trong Kinh Địa Tạng là niệm Phật: Bà La Môn Nữ vì muốn cứu mẹ thoát khỏi địa ngục mà niệm Phật một ngày một đêm, đạt đến sự nhất tâm bất loạn, đắc quả vị Bồ-tát có thần thông tự tại, vào địa ngục cứu mẹ. Khi đến nơi thì mẹ cùng một số chúng sanh khác trong địa ngục đã được siêu độ giải thoát, nhờ vào công đức niệm Phật của Ngài. “Nhất thiết pháp tùy

tâm tưởng sanh” – nếu chúng ta phát tâm cung kính, chân thành và từ bi y theo giáo pháp Phật dạy mà tu tập, thì sẽ đạt được tâm nguyện cứu độ chúng sanh.

Diệu Âm Trí Thành



Trích thư mời tham dự đại lễ Pháp Hội Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự tại 3 nước Châu Âu (Đức, Tiệp, và Phần Lan), từ ngày 09/11/2012 đến 18/11/2012.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

Kính bạch chư Tôn đức, và kính thưa quý Phật tử liên hữu đồng tu.

Trong nhà Phật, pháp sự siêu độ là hình thức thể hiện lòng báo hiếu, tri ân báo ân, lòng từ bi thương xót đến hết thủy vạn loại chúng sanh, như một phương thức liên lạc cảm thông với những chúng sanh ở các cõi không gian đa chiều khác.

Tịnh Tông Học Hội lấy Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm làm pháp sự siêu độ giúp cho vong linh vĩnh viễn thoát phiền não, lìa luân hồi. Pháp sự này vốn do quốc sư Trung Phong triều Nguyên (Trung Hoa) đề xướng, và soạn ra nghi quỹ tu hành nhằm thực hiện những lời giáo

huấn trong kinh A Di Đà, dùng những lời khai thị uyên thâm đẹp đẽ nhằm khai phát trí huệ, giúp cho vong linh cầu sanh Tịnh Độ. Pháp sự này chủ yếu nương nhờ vào oai đức gia trì của A Di Đà Phật, của hết thầy chư Phật, và lấy việc niệm hồng danh A Di Đà Phật làm chính.

Tu pháp sự Tam Thời Hệ Niệm là tứ chúng đồng tu cùng nhau tu tập, mỗi một cá nhân nhất định phải thành tâm thành ý, đem một phần công đức hồi hướng cho vong linh, để vong linh cũng sẽ có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Công đức của người tham dự pháp hội cũng chẳng thể nghĩ bàn! Vì sao? Tự mình được sáu phần công đức, ngoài ra một phần công đức gia trì trao cho mọi người đồng tu; mỗi một đồng tu lại gia trì lẫn nhau, đó là ‘Vô Già pháp hội’. Quang minh nơi ấy lớn trội vì ánh sáng dung nhiếp lẫn nhau!

Trong Pháp Sự này, công đức của mỗi cá nhân dệt thành một tấm lưới nguyện, thành lưới ánh sáng ba tư lương Tín - Nguyện - Hạnh. Bao nhiêu người như thế, lại hồi hướng cho hết thầy chúng sanh khổ nạn khắp pháp giới, hư không giới, đặc biệt là những chúng sanh khổ nạn trong tam đồ lục đạo. Vì vong linh chúc phước, vì người thân đã khuất trợ niệm, hy vọng các vong linh nương nhờ vào công đức và phước đức này, giúp cho họ tâm khai ý giải, lìa khổ được vui, có thể hốt nhiên tỉnh ngộ; sẽ theo chúng ta cùng nghe pháp, trì danh, lễ bái, nhất tâm phát nguyện, cùng sám hối, cùng cầu sanh Tịnh Độ. Nếu người

đã khuất được sanh về Tịnh Độ, là chúng ta đưa họ về Tây Phương Cực Lạc thế giới, tức đưa một phàm phu đi thành Phật. Vì thế đối với vong linh, pháp sự này lợi ích thù thắng chẳng thể nghĩ bàn!

Người tu pháp sự nếu tâm càng thanh tịnh, càng thiện lương, càng chân thành, tức phước huệ song tu thì công đức ấy thù thắng khôn sánh. Họ vì vong linh biểu diễn, vì họ thuyết pháp, vì hết thảy quý thân, vì chúng sanh trong chín pháp giới mà khẩn thiết “sám hối phát nguyện”, trên báo bốn ân nặng, dưới cứu khổ ba đường; nếu cái tâm ấy thực sự sanh khởi thì tất cả cũng sẽ được gá thai hoa sen, trực chứng A Bộ Bạt Trí, viên mãn vô thượng Bồ Đề. Tự lợi, lợi tha! Nên không chỉ độ vong linh mà còn độ chính chúng ta, đó chính là sự trân quý và mẫu nhiệm hàm chứa trong pháp sự Tam Thời Hệ Niệm, giúp làm lợi lạc cho cả hai cõi âm dương.

A Di Đà Phật chính là tâm ta, tâm ta chính là A Di Đà Phật. Tịnh Độ chính là phương này, phương này chính là Tịnh Độ. Do vì những lợi lạc trên, nay chúng tôi thành kính ngưỡng cầu tổ chức Pháp hội Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm tại 3 nước Châu Âu (Đức, Tiệp, và Phần Lan) từ ngày 09/11/2012 đến 18/11/2012.

Đại lễ này sẽ do Pháp sư Chiêu Tục, trụ trì chùa Lăng Nghiêm Trung Hoa Tự tại Markham, Ontario -

Canada, làm chủ lễ; cùng với các quý Pháp Sư pháp khí đến từ Trung Hoa và Đài Loan.

Bên cạnh đại lễ còn có những buổi tọa đàm đặc biệt về Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, do cư sĩ Diệu Âm Trí Thành hướng dẫn, người mà nhiều năm qua luôn viết những bài pháp khuyến tấn, và trả lời thắc mắc cho rất nhiều Phật tử đồng tu khắp nơi trên thế giới.

Thay mặt cho ban tổ chức, chúng tôi trân trọng kính mời quý chư Tôn đức, quý Phật tử liên hữu đồng tu, xin hoan hỷ dành chút thời gian quý báu đến tham dự pháp hội để cùng chung cầu nguyện với chúng tôi.

Kính nguyện hồi hướng công đức phát tâm của quý liên hữu và đại chúng đạo tâm, cầu nguyện cho chúng sanh khắp pháp giới hư không giới, cha mẹ nhiều đời nhiều kiếp, cứu huyền thất tổ, những người thân đã quá vãng, và oán thân trái chủ v.v... sẽ nương vào oai lực của Đức Từ Phụ A Di Đà, vào công đức hiếu hiền của con cháu, vào công đức của đông đảo đại chúng đồng cầu nguyện mà sớm được siêu thăng về Tây Phương Tịnh Độ. Đồng thời đây cũng là cơ hội nhân duyên, chúng ta đem công đức này để cầu nguyện cho Cha Mẹ hiện đời được Phúc Lộc Thọ, thêm tăng trưởng tín tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

Với sự thành tâm và công đức của đông đảo quý vị, chắc chắn sẽ giúp cho pháp hội Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm được tăng thêm phần trang nghiêm long trọng và thành tựu viên mãn; đồng thời cũng giúp cho biết bao nhiêu chúng sanh nương vào đó để được cứu độ, và biết bao nhiêu chúng hữu tình được ân triêm pháp lạc.

Trân trọng kính mời.

NAM MÔ CÔNG ĐỨC LÂM BỒ TÁT MA HA TÁT



Nhân Duyên Vãng Sanh Đã Thành Thục

Thân gửi đến HT,

Quá khứ đã trôi qua, ngày hôm nay cũng sắp tàn, mạng sống mỗi ngày mỗi giảm dần như cá mắc cạn, nào có gì vui!

Không cần kể chi đến thiên tai, chiến tranh (như tin tức khắp thế giới hiện nay) ngay vô thường cũng có thể xảy đến bất cứ khi nào; ai cũng biết ngày tháng tan nhanh như sương sớm trên lá, như bóng nắng vạt qua song cửa, và một ngày qua thì mạng cũng theo đó mà giảm dần! Thêm vào giai đoạn này là thời mạt pháp – ma cường pháp nhược – nên việc tu đạo Phật giải thoát, ngày càng gặp nhiều khó khăn hơn. Vì vậy hãy nhân lúc còn mạnh khỏe, tâm trí còn sáng suốt hãy nên chuyên cần nhẫn nhục tinh tấn trì giới, niệm Phật và tu các pháp lành....

Chư Phật vì muốn đắc đạo giác ngộ cũng phải nhất tâm cầu tinh tiến, siêng tu Giới-Định-Huệ, mới chứng được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chúng ta cũng noi theo gương đó, chớ nên chần chừ. Ngũ dục lục trần của thế gian chỉ là huyễn mộng, chẳng nên hăm hở cuốn lôi vào, không khéo sẽ bỏ mất thiện duyên cơ hội vãng sanh Cực Lạc.

Trong cuộc đời này, chúng ta may mắn gặp được Phật pháp, các bậc ân Sư và Thiện trí thức, biết được pháp môn Tịnh Độ ứng hợp khế lý khế cơ với mọi chúng sanh. Thì có khác chi như đang được Phật đích thân lấy chăn êm khăn ấm che thân mình, như tận mắt nhìn thấy Phật từ bi phóng quang gia hộ, như chính tai nghe tiếng Phật đang diễn thuyết pháp nhiệm màu, như đang xoa đầu quán đánh giúp cho đêm dài không ưu não, cho những phiền não bệnh khổ đều dừng dứt.

Kinh A Di Đà dạy: “Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe kinh này thọ trì và nghe danh hiệu chư Phật thì các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đều được *hết thấy chư Phật hộ niệm.*” Người niệm Phật còn được *quang minh xa đến bốn mươi dặm* chiếu vào thân, mà chẳng thể phạm nổi.

Người niệm Phật có hai mươi lăm vị Bồ-tát *được Phật Di Đà sai đến*, trong hết thấy thời, chôn, ủng hộ gia trì. Lại có các vị như Đại Thế Chí... oai đức nhiếp thọ, lại được hết thấy chư Phật hộ niệm nên *xa lìa được ma nạn, yên ổn tu trì*, nhờ vào tha lực ấy mà hóa hiểm thành lành.

Nên chúng ta sẽ không bao giờ là người cô đơn đi trên con đường dài cho đến ngày viên thành Phật đạo, vì chúng ta luôn có mười phương chư Phật và Bồ-tát ngày đêm chăm sóc chúng ta cho đến khi thành đạo. Với sự ân cần chỉ dạy và hướng dẫn của chư Phật Bồ-tát, ân sư, và

Thiện trí thức, rồi đây rốt cùng cái hạt giống Tịnh Độ mà chúng ta đã gieo trồng từ nhiều kiếp lâu xa, nay đang/đã nảy mầm đơm hoa, chắc chắn không lâu xa nữa sẽ kết thành những hoa trái thơm tho diệu vợi.

Tất cả Phật tử tu pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc, ai mà chẳng mong muốn cái ngày trọng đại (đang chờ đợi trước mắt), cái ngày mà chúng ta sẽ hoa khai kiến Phật A Di Đà, Ngài đem đài sen thất bảo đến đón rước chúng ta về cõi An Dưỡng. Lúc ấy chúng ta có khác chi là đứa con của vị vua giàu có và từ bi nhất thế giới, bị thất lạc từ lúc lâu xa đến quên cả lối về nhà; nay đang lang thang vô định trong đói khổ, phiền não, bệnh hoạn, chết mòn; bỗng dung gặp lại vua cha và quyền thuộc hoàng tộc, ân cần thương yêu đem kiệu vàng đến rước về nhập cung. Lại còn có muôn ngàn hoa thơm, muôn thứ kỹ nhạc hòa nhã diệu vợi bậc nhất đón chào, chắc chắn cái cảm giác hội ngộ vui sướng và khoái lạc này sẽ không thể nào diễn tả được bằng lời.

Cho nên hãy luôn giữ tâm rộng lặng thanh tịnh, chân thành cung kính niệm Phật cầu sanh Cực Lạc, thì tất sẽ có cảm ứng đạo giao bất khả tư nghì.

Nhân duyên được vãng sanh Cực Lạc đều do ở nơi sự tinh tấn tu hành, niệm Phật và trì giới; chớ nên phóng tâm vào chỗ ham muốn mà phải đứng sau người. Quang minh Phật A Di Đà thường phóng chiếu khắp thế gian cho

đến tận cùng địa ngục, nhằm đến những nơi tối tăm sâu thẳm, để dẫn dắt chúng sanh không bị lầm đường lỡ bước, và an lập trong Phật chánh đạo.

Chúng sanh nào có lòng Tín-Nguyện-Hành đầy đủ, tất nhiên sẽ có đầy đủ nhân duyên phước báo cảm nhận được quang minh này, giúp cho thân tâm được an lạc, ngày càng thù thắng hơn.

Nên trong thời gian hiện tại của cuộc đời đây, những ai đã tiếp nhận được quang minh vô cùng thanh tịnh và từ bi của Phật A Di Đà, hãy nên phát tâm mang ánh sáng trí tuệ từ bi này chia sẻ và cứu giúp người khác, để cùng nhau được thiện lợi.

* Khi có những hữu tình, sanh tâm nghi ngờ trước việc độ sanh của Phật A Di Đà – nghi ngờ là cái chướng ngại rất lớn, sẽ ngăn cản cái nhân duyên vãng sanh, sẽ làm mất lợi ích lớn – thì chúng ta luôn từ ái giúp họ trả lời những thắc mắc, giúp họ phá tan cái lưới nghi trong lòng.

* Cũng còn rất nhiều người, vẫn chưa được duyên biết đến Phật A Di Đà và cõi nước của Ngài, thì chúng ta phải cố gắng tận lực hoằng dương pháp môn Tịnh Độ, rộng bá khắp quần sanh, đó cũng là cách tốt nhất để chúng ta báo đền ơn Phật.

Việc vãng sanh thành tựu đạo của mỗi người rất là quan trọng, cho nên phải tập trung hết năng lực của mình

mà nhất tâm niệm Phật, đừng để ngoại cảnh của sáu trần chi phối đẩy đưa. Hãy luôn phát tâm từ hành thiện và niệm Phật không được gián đoạn, cho đến khi hoa khai kiến Phật, tức đắc địa vị A Duy Việt Trí Bồ-tát (năng lực tương đương với hàng Bồ-tát thất Địa trở lên), rồi từ đó cứ tiếp tục tăng trưởng bất thoái cho đến quả vị Phật.

Diệu Âm Trí Thành



Tu Lục Độ Ba-la-mật theo Tinh Thần của Kinh Đại thừa Vô Lượng Thọ

Lục độ Ba-la-mật là pháp tu được ứng dụng trong tất cả các pháp tu của Bồ-tát. Tuy nhiên trong mỗi pháp tu, chúng ta có thể khai triển ý nghĩa của Lục độ Ba-la-mật tùy theo góc độ thích hợp. Riêng vì chúng ta là người tu pháp môn Tịnh Độ, nên ở đây chúng ta chỉ khai triển ý nghĩa của pháp tu Lục độ Ba-la-mật, trong phạm vi của pháp môn Niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, dựa trên tinh thần của kinh “*Đại thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác*”.

Ngày nay công phu niệm Phật của phàm phu chúng ta thường không có lực. Vì sao? Vì vọng niệm và phiền não quá nhiều, khó thể tự đoạn dứt. Trong kinh Vô Lượng Thọ, Thế Tôn đặc biệt thường hay đề cập và nhắc nhở chúng ta phải tu Lục độ Ba-la-mật, và Ngài lấy Tỳ Kheo Pháp Tạng, tiền thân của Phật A Di Đà lúc còn tu hạnh Bồ-tát, làm gương mẫu cho chúng ta noi theo để học tập. Pháp này có công dụng giúp chúng ta phá thành phiền não, lấp hố đục vọng, tẩy sạch cấu uế, sáng sạch thanh tịnh, rồi từ đó có thể đi sâu vào trong chánh định huệ, minh tâm kiến tánh, chứng quả Chánh giác Bồ-tát.

Trong sáu pháp Ba-la-mật, có thể tóm tắt là:

- ✓ *Buông bỏ là công phu (bồ thí, trì giới, nhẫn nhục)*
- ✓ *Đại đạo Bồ đề, không tiến ắt sẽ lùi (tinh tấn)*
- ✓ *Nhìn thấu là trí tuệ (định, huệ)*

Buông bỏ là việc làm rất khó, nó đòi hỏi phải có trí tuệ nhìn thấu suốt sự việc. Muốn có trí tuệ chân thật này, Phật dạy chúng ta phải tu sáu pháp Độ Ba-la-mật.

1. Bồ thí

Bồ thí là buông xả mọi vọng tưởng, phân biệt và chấp trước. Chấp trước là tham-sân-si, là kiến tư phiền não, chướng ngại Đại đạo Bồ Đề.

- Ăn chay là bồ thí vô úy, là hóa giải oán thù với chúng sanh, là phát khởi tâm từ bi, là phóng sanh. Cái quả của nó là khoẻ mạnh, sống lâu và được siêu độ giải thoát ở cuối đời. Đối với người tu pháp môn Tĩnh Độ, siêu độ giải thoát là vãng sanh Cực Lạc.
- Bồ thí pháp sẽ được trí tuệ. Có trí tuệ thì sẽ được Pháp nhãn thanh tịnh và Huệ nhãn thấu rõ chân thật pháp.

2. Trì giới

Trì giới là đoạn ác tu thiện; đoạn ác là đoạn trừ tham-sân-si, tu thiện là hành thập thiện (không sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, ác khẩu, thêu dệt, lưỡng thiệt, tham lam, sân giận, ngu si).

Làm việc cẩn thận, suy nghĩ chín chắn và kiên nhẫn là trì giới. Tốc độ làm việc chậm lại, cẩn thận không hấp tấp thì ít bị sai sót, ít có oan uổng và hối hận.

Trì giới phải nên bắt đầu từ sự học lễ giáo, lý nhân quả, lễ vô thường ... Vì biết lễ giáo, nên luôn biết kính trên nhường dưới, tôn Sư trọng đạo, hiếu thảo thuận hòa. Vì thâm tín nhân quả nên tâm chẳng dám giao động trước các việc ác, nỗ lực hết lòng làm các việc thiện. Vì biết lễ đời là vô thường nên không bám víu chấp dính, dễ buông xả....

Bồ-tát có trí tuệ nên sợ tạo nhân ác. Chúng sanh vô minh nên phóng dật tạo các nhân ác, đến lúc thọ quả báo thì kinh hoàng, lo sợ.

“Bồ-tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả”.

3. Nhẫn nhục.

Chúng ta sống mỗi ngày, đứng trước mọi sự việc đều là những tra khảo. Thuận cảnh hay nghịch cảnh cũng đều là những sự tra khảo đức tánh nhẫn nhục của chúng ta. Chúng ta chưa thể nhẫn nhục được trước mọi sự tra khảo, vì còn đang bị dính mắc, chấp trước kiên cố. Cho dù chúng ta trì giới rất nghiêm ngặt, nhưng nếu không thể nhẫn nhục, công phu trì giới cũng không thành tựu; vì người trì giới thì không tham, không sân và không si.

Muốn không khởi tâm tham sân si, thì đòi hỏi phải có tánh nhẫn nhục.

Nếu gặp người phá giới, mà trong lòng không vui, buông lời phê phán, thì chính mình cũng là người phá giới. Lục Tổ Huệ Năng có nói: “*Nếu là người chân thật tu hành, không thấy lỗi thế gian.*” Không thấy lỗi thế gian có nghĩa là thấy mà không thấy, nghe mà không nghe, không để việc thấy nghe ở trong lòng.

Nếu chúng ta có thể nhẫn được với sự ‘nhục mạ’, thì không có gì mà chúng ta không thể nhẫn được. Do đó, hạnh nhẫn nhục có thể giúp chúng ta hóa giải được mọi oan khiên và nghiệp chướng.

Đức Bồn Sư Thích Ca Mâu Phật thị hiện trên thế gian này, lúc tu hạnh Bồ-tát, Ngài đã thể hiện hạnh Nhẫn Nhục Ba-la-mật trên sự tu hành của Ngài cho chúng ta xem. Ngài có thể nhẫn được tất cả mọi sự việc mà phàm phu chúng ta không thể nhẫn, và Ngài đã dạy chúng ta rằng không có sự việc gì mà chúng ta không thể nhẫn. Do đó Ngài thành tựu Đại đạo Bồ Đề!

Nhẫn nại với những sự sân hận, si mê và oán thù ... Dù cho người khác dùng lời thị phi phỉ báng ta, hăm hại ta, thậm chí đánh đập, chửi mắng, chúng ta quyết không sanh tâm oán hận. Oan gia nên giải không nên kết. Muốn

hóa giải những oán thù này, chúng ta phải vận dụng công phu nhẫn nhục.

Người đời có câu: “Sĩ khả sát, bất khả nhục!” Thà chết chứ không chịu bị nhục. Nếu bị dính mắc kiên cố như vậy thì làm sao có thể thành tựu đạo cả, làm sao có thể hóa giải oan gia nghiệp chướng?

Nhẫn nại với những sự tham lam ... Trên những sự thuận duyên thuận ý, không sanh tự đắc, kiêu mạn và cũng không sanh lòng tham luyến. Nếu trong thiện duyên mà sanh tâm tham luyến, thì liền có phiền não lớn. Khi vừa khởi tâm động niệm thì công phu tu tập liền bị thất bại tiêu tán. Vì ưa thích tham luyến, không nỡ lìa bỏ những thành tựu trong thế gian, quan hệ gia đình v.v... mà phải tái sanh vào chỗ ưa thích ham muốn. Đó chính là phiền não lớn!

Hành động tham luyến đích thực là kiêu mạn và phóng túng. Vì vậy khi gặp cảnh thuận tâm nên phải có đề phòng cao độ, ngăn ngừa cái tâm tự đắc và tham luyến của chính mình. Phải luôn hiểu rõ lẽ vô thường của thế gian, có duyên thì hợp, hết duyên thì tan, để không nên sanh lòng tham luyến, bi thương.

Phật dạy, đối với tất cả thuận duyên, thuận cảnh, chẳng nên khởi tâm tham ái, phải luôn giữ tâm bình thường.

“Bình” là bình đẳng, thanh tịnh.

“Thường” là vĩnh viễn, thường hằng.

Vĩnh viễn giữ được cái tâm bình thường là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Tâm không khởi sóng động, không khởi tâm động niệm là tâm bình thường theo cái nghĩa của Đại Thừa.

Trong kinh Vô Lương Thọ, Phật dạy chúng ta “Quán pháp như hóa, tam muội thường tịch”.

Tam muội cũng có nghĩa Thiền Định. “Tam muội thường tịch,” có nghĩa là trong mọi thời, mọi việc làm, đi, đứng, nằm, ngồi v.v... đều phải luôn giữ tâm ở trong định, phải luôn giữ gìn tâm thanh tịnh bình đẳng.

“Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”

“Tất cả hữu vi pháp như mộng huyễn bảo ảnh”

Nếu là không thật thì không nên sanh lòng tham luyến, chấp vào đó. Nếu chúng ta sống trong cảnh giới này mà có thể tu tập được thì chúng ta sẽ trở thành Thánh nhân, là A-la-hán hay Bồ-tát, không phải là người tầm thường, và chúng ta sẽ đạt được mục đích chân thật trên công phu tu Tịnh Nghiệp.

Tu hành cần sức nhẫn nại. Nếu không thể nhẫn, tâm sẽ dễ bị chuyển theo cảnh giới; nếu gặp thuận cảnh sanh

tâm tham luyện, nếu gặp nghịch cảnh sanh tâm thoái chuyển, tất sẽ không có sự thành tựu chân thật.

“Nhẫn nhục hóa giải oan khiên”

4. Tinh tấn

Tinh nghĩa là tinh chuyên, không xen tạp. Tinh chuyên một môn không xen tạp, thì công việc mới đạt đến chỗ “tinh vi sắc xảo”. Không xen tạp thì không bị phân tâm, được nhất tâm không loạn.

Tấn nghĩa là tiến mà không thoái.

Thế Tôn thường dạy, có ba thiện căn: “*không tham, không sân, không si.*”

Người đệ tử Phật mà còn tham-sân-si thì sẽ phá hoại hình tướng của Phật giáo, đồng tội với phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu. Phạm tội này thì tự thân sẽ phải đi vào A-tỳ địa ngục. Ngược lại, nếu thực hiện được ba thiện pháp “*không tham, không sân, không si,*” thì người này là đệ tử chân thật của Phật, người này sẽ tiến tới Niết Bàn giải thoát.

Tuy rằng Phật tử chúng ta chưa được chứng ngộ, nhưng nếu Tín-Giải được thành tựu cũng có chỗ thọ dụng. Nhiều năm tu học Phật pháp, ở trong Giải ngộ chúng ta cũng hiểu được phần nào về đặc tính của vũ trụ nhân sanh

là: khổ, không, vô thường, vô ngã, và bí quyết căn bản của việc tu tập Phật pháp là buông bỏ tham-sân-si.

Thế Tôn dạy chúng ta phải buông bỏ chấp trước đối với tất cả thế gian và xuất thế gian pháp. Chấp trước là tham-sân-si, là kiến tư phiền não.

Buông bỏ được tham-sân-si rồi, thì sáu cõi luân hồi không còn nữa, liền thành bậc Chánh giác – A-la-hán hoặc Duyên giác. A-la-hán hoặc Duyên giác đoạn được tâm tham-sân-si (chấp trước), nhưng vẫn còn tập khí này. Bích Chi Phật đoạn được tâm và tập khí tham-sân-si, nhưng chưa bỏ được tâm phân biệt. Nếu tâm phân biệt cũng được đoạn thì sẽ thành bậc Chánh đẳng Chánh giác – Bồ-tát. Nếu Bồ-tát xả bỏ được tập khí phân biệt, thì sẽ vượt ra khỏi thập pháp giới, thành bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác – Phật Thế Tôn.

Cũng nên biết, trong thập phương pháp giới có sáu cõi là Phạm thánh đồng cư, pháp giới bốn thánh là Phương tiện hữu dư. Không còn khởi tâm động niệm thì sẽ được vào cõi Thật báo trang nghiêm. Tuy nhiên, Bồ-tát trong cõi Thật báo trang nghiêm vẫn còn tập khí vô thỉ vô minh, khởi tâm động niệm. Khi tập khí ‘khởi tâm động niệm’ cũng chẳng còn, thì cõi ‘Thật Báo Trang Nghiêm’ cũng chẳng còn, chỉ còn lại cõi Thường Tịch Quang – Nhất Chân pháp giới. Thường Tịch Quang tức là Tự tánh của chúng ta, cũng là Tự tánh Thanh Tịnh Viên Minh Thế,

cũng là Chân Như Bồn Tánh; chúng ta tu đến mức minh tâm kiến tánh, là kiến cái thể tánh Chân Như này.

Tập khí vô thi vô minh, khởi tâm động niệm, ở mỗi chúng sanh dày mỏng không như nhau và rất khó đoạn, ngay cả Đăng giác Bồ-tát vẫn còn chưa làm được, nên chúng ta không thể dụng pháp hữu vi để đoạn nó. Trên lý sự, nếu khởi tâm muốn đoạn tập khí vô thi vô minh, thì đã là khởi tâm động niệm rồi. Do đó trong pháp Đại Thừa phải sử dụng công phu ‘vô công dụng đạo,’ bởi lẽ dụng công hay dụng lực là khởi tâm động niệm, thì liền có phân biệt chấp trước!

“Vô công dụng đạo” nghĩa là để nó tự nhiên, bình thường, không quan tâm để ý đến nó, lâu ngày nó sẽ tự biến mất. Ví như bình rượu (ví cho tự tánh) chứa chất rượu (ví cho vô thi vô minh), nếu đem đổ hết rượu (đoạn vô thi vô minh), nhưng mùi hôi của rượu (tập khí vô thi vô minh) vẫn còn lưu lại. Thế nhưng nếu ta mở nắp bình ra để nó tự nhiên, không quan tâm đến nó nữa, thì lâu ngày mùi hôi của rượu sẽ tự biến mất. Đó là pháp “vô công dụng đạo” để đoạn vô thi vô minh, tập khí khởi tâm động niệm. Thời gian “vô công dụng đạo” để đoạn tập khí vô thi vô minh là bao lâu? Trên kinh Hoa Nghiêm, Phật nói là ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Thế nhưng dù Bồ-tát chưa đoạn hết tập khí vô thi vô minh, các Ngài vẫn chứng được một phần pháp thân, và có thần thông tự tại không mấy kém Chân Phật.

Tự tánh có hai mặt: (1) Nếu không khởi tâm động niệm thì Thường Tịch Quang xuất hiện. (2) Nếu khởi tâm động niệm thì như Lục Tổ Huệ Năng nói: “Năng sanh vạn pháp”. Vạn pháp là sự ứng hóa của tự tánh, nếu như trong vạn pháp mà chúng ta biết tùy lúc tùy nơi ngộ nhập tự tánh, thì cũng có thể thành tựu Vô thượng Đạo. Tuy trong kinh Kim Cang, Phật nói: tất cả pháp đều bình đẳng. Nhưng vấn đề là chúng ta có thông rõ cái vi diệu của pháp mình muốn tu hay không, nếu biết rõ được chỗ diệu dụng thì pháp ấy sẽ giúp chúng ta thành tựu Vô thượng Đạo.

Tây Phương Cực Lạc cảnh giới là “năng sanh vạn pháp,” do Phật A Di Đà gia trì oai lực mà biến hóa ra, để giúp chúng sanh ở cõi nước ấy tùy thời mà ngộ nhập tự tánh. Trong cảnh giới ấy, chúng sanh tự nhiên giác ngộ rằng vạn pháp đều là do sự ứng hóa của tự tánh. Cung điện lầu các, ao suối, rừng cây ... làm bằng bảy báu, mỗi mỗi đều là do sự ứng hóa từ trong Tự tánh của Phật A Di Đà, để giáo hóa chúng sanh. Đây là pháp môn vi diệu không hai, là con đường ngắn tắt để giúp chúng sanh chứng ngộ tự tánh.

Sự thất bại lớn nhất của việc tu hành để chứng Vô thượng Đạo là xen tạp. Xen tạp tức là không tinh tấn; vì không tinh chuyên một pháp tu nên không có sự thăng tiến.

Bồ-tát có thiện căn lớn nhất là tinh tấn, chỉ có một hướng đi, không xen tạp. Tại sao còn phải xen tạp? Vì tâm còn hoài nghi lời Phật dạy, nghi pháp môn của Phật có cao có thấp, nên tu xen tạp đủ thứ, tu thử xem pháp nào hay pháp nào dở, pháp nào cao pháp nào thấp, không tinh tấn và nhẫn nại thật tu một pháp môn để chứng Đạo Vô thượng Bồ Đề.

Thân tâm tinh tấn: buông xả vạn duyên, một lòng niệm “Nam Mô A Di Đà Phật” hay “A Di Đà Phật” ngày đêm không ngừng dứt, niệm Phật mệt rồi thì nghỉ, nghỉ xong rồi thì niệm tiếp, không gián đoạn, không xen tạp, không nghi ngờ, một môn thâm nhập trường kỳ huân tu là thiện căn tinh tấn Ba-la-mật của chư Bồ-tát.

Lợi lạc hữu tình tinh tấn: đem pháp Phật giáo hóa chúng sanh, lợi lạc hữu tình là sự nghiệp tinh tấn Ba-la-mật của chư Bồ-tát.

“Đại đạo Bồ Đề, không tiến ắt sẽ lùi.”

5 & 6. Thiền Định, Trí Huệ

Trong định không có quán, gọi là Vô Tướng Định. Người thành tựu định này, sau khi lâm chung chỉ có thể sanh về cõi Vô Tướng thiên hay cõi trời tứ thiên, vì trong định này chưa có tuệ. Vì chưa có tuệ nên chưa thể phá vô minh!

Trong định có quán, gọi là Giác Quán Định. Giác Quán Định linh động hoạt bát. Người ở trong định này sẽ rõ ràng, thông suốt, thấu đáo mọi việc. Trí huệ này không phải là do học từ kinh sách hay nghe pháp. Những kiến thức thu nhập được trong kinh sách gọi là trí thức, không phải là trí huệ.

Nếu tu học Phật pháp mà không khai huệ thì chưa thể gọi thành tựu được. Phật học không giải quyết được vấn đề sanh tử luân hồi, chỉ có Phật huệ mới có thể giải quyết được việc này. Phật học là lý thuyết trong kinh sách, Phật huệ là sự thành tựu do công phu tu tập dựa trên những lý thuyết đã học.

Phật nói: “Tất cả chúng sanh đều có đầy đủ trí tuệ và đức tướng của Như Lai”. Phạm vi ‘tất cả chúng sanh’ rất lớn, bao gồm hết thảy, trên thì từ Phật Bồ-tát của Thập phương pháp giới (ngoại trừ Phật của Nhất Chân Pháp Giới/Thường Tịch Quang), dưới đến tất cả chúng sanh trong ba đường ác đạo, chúng sanh vô tình và hiện tượng tự nhiên. Trong kinh Hoa Nghiêm, Phật nói: “Tình dữ vô tình đồng viên cảnh trí.”

Động vật, thực vật, khoáng vật v.v... cho đến những hiện tượng tự nhiên đều là do chúng duyên hòa hợp, được gọi là chúng sanh. Tóm lại, không có sắc pháp nào mà không do chúng duyên hòa hợp mà có. Cho nên không có sắc pháp nào mà chẳng phải là chúng sanh, không có thứ

nào mà chẳng bao gồm trong hai chữ chúng sanh. Phạm vi và số lượng của chúng sanh vô cùng rộng lớn, không thể hạn lượng được. Vì sao? Vì Phật nói, không những chỉ động vật mà ngay cả thực vật và khoáng vật cũng có kiến văn giác tri, thọ, tưởng, hành và thức. Thực vật và khoáng vật cũng biết nghe, thấy, có cảm giác và hiểu được những hiện tượng xung quanh.

Nên tất cả pháp (kể cả Phật pháp) không có định pháp. Bởi lẽ tất cả pháp đều từ tâm của chúng duyên hòa hợp mà tướng sanh. Tâm của chúng sanh thường biến hóa không ngừng, vạn vật hữu tình và vô tình thiên biến vạn hóa, không thể nào suy đoán được. Vì vậy Phật nói, vạn pháp trong vũ trụ không có nhất định.

Ngay những dự đoán về vũ trụ và nhân sanh của chúng ta, ngày hôm nay như thế này, ngày mai liền có sự thay đổi chỉ vì pháp không có định pháp.

Thí dụ, USSG dựa theo sự đo lường mà báo cáo rằng ngày mai sẽ có động đất, ấy thế mà vẫn chưa chắc. Ngày mai tâm của chúng sanh thay đổi khác với ngày hôm nay; do đó dự báo có thể biến đổi sai khác.

Thế nhưng những dự đoán này đều có giá trị cảnh tỉnh chúng ta phải nên sửa chữa những suy nghĩ và hành vi tạo tác, để chuyển hóa hoàn cảnh từ xấu trở thành tốt. Chúng ta dùng tâm niệm của chính mình, đoạn ác tu thiện

để chuyên hóa hoàn cảnh chung quanh, hóa giải tai nạn. Nếu tâm của chúng ta thiện, lời nói thiện, việc làm thiện thì nghiệp chướng chẳng thể sanh và tai ương chẳng thể khởi.

Tai ương xảy ra với chúng ta đều là do từ nhân ác mà chúng ta đã và đang tác tạo. Con người vì oán hận quá sâu, nên tai nạn đến quá nhiều. Chúng ta vì nghiệp chướng quá nặng, trí tuệ bị mê mờ, nên khó mà giác ngộ được cái sự thật này.

Nếu chúng ta có Giác Quán Định thì sẽ thông rõ những hiểu biết trên, nếu là Vô Tướng Định thì không có huệ để hiểu rõ được. Người dựa trên kinh điển Phật mà hiểu được việc này, thời đã có kiến thức Phật học, phải nên tự mình tu Giác Quán Định để thấy rõ tường tận, tức là có Phật tuệ. Cho thấy kiến thức Phật học và Phật tuệ là hai thứ khác biệt nhau.

Người xưa có câu “phước chí tâm linh,” có nghĩa khi chúng ta có phước báu thì tự nhiên sẽ thông minh. Nếu đang si mê mà phước báo hiện tiền, thì đó không phải là phước báu thật, nó chỉ là nguyên nhân sẽ gây ra tai họa trong tương lai. Ngày nay tất cả các ác pháp không ngừng phát triển, con người đã bỏ mất đi Giới-Định-Huệ; do đó tâm tham sân si luôn dậy khởi, khó chuyên hóa được ác (ngịch cảnh) thành thiện (thuận cảnh).

Ngã mạn, kiêu ngạo là ác pháp làm phá hoại những việc tốt của mình đã làm. Nếu không ngã mạn và kiêu ngạo thì phước đức này sẽ được duy trì lâu bền.

Kết luận:

Bồ thí là tu Phước huệ. Trì Giới và Nhẫn nhục là tu hạnh “gìn giữ”.

Người có phước huệ mà không có tánh nhẫn nại và khiêm nhường sẽ không thể giữ được phước huệ lâu bền.

Có nhẫn nhục mới có thể tinh tấn. Tinh tấn cũng có nghĩa là ‘một môn thâm nhập trường kỳ huân tu’. Tinh tấn mới có thể được định.

Có định thì trí tuệ sẽ được khai mở. Trí tuệ khai mở mới có thể minh tâm kiến tánh thành Phật.

Bởi do vô thi vô minh (vọng tưởng, phân biệt chấp trước), Tự tánh đã biến thành A-lai-da, trong A-lai-da có vô lượng cảnh giới phức tạp vô cùng hiện ra. Vì chúng ta mê mất đi Tự tánh quá lâu nên khó quay trở về, muốn quay trở về thì phải buông bỏ mọi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Ngay đến cuối cùng thì Phật pháp chúng ta cũng còn phải buông bỏ. Vì sao? Vì trong Tự tánh không có bất cứ một pháp nào, ngay cả Phật pháp.

Trong kinh Kim Cang, Thế Tôn khai thị rằng: “*Phật pháp còn phải xả, hướng là phi pháp*”.

Phật pháp cũng là giả, chẳng phải thật. Tất cả diệu pháp mà Thế Tôn nói trong suốt 49 năm đều là phương pháp dẫn dụ cho chúng sanh buông bỏ, không phải thật pháp. Chúng sanh có bệnh, Phật có thuốc hay để trị liệu. Khi hết bệnh rồi thì dù thuốc có hay đến mấy cũng không cần thiết nữa. Khi buông bỏ được hết rồi thì hết bệnh, Tự tánh liền hiện tiền, Phật pháp không còn cần thiết nữa.

Thuốc của Phật tuy hay nhưng nếu uống không đúng thuốc, hoặc lạm dụng quá sức sẽ có thể hại chết người; do đó người tu hành phải biết quán lý, quán cơ!

Ngày nay người tu hành chọn pháp môn Tịnh Độ, quyết định không có sai. Vì sao? Vì Phật đã quán căn cơ của chúng sanh trong thời mạt pháp mà mở bày ra pháp môn niệm Phật vì diệu này. Một pháp môn mà có nhiều Bồ-tát cũng chẳng được nghe biết, nên tâm vẫn còn thoái chuyển đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nên đời này, chúng ta đã được nghe và quyết lòng chuyên tu một pháp môn này, cũng là do thiện duyên đã từng gần gũi, cung kính cúng dường vô lượng Phật trong nhiều đời quá khứ.

Nếu trọn một cuộc đời này, chúng ta tinh tấn duy trì một phương hướng tu hành, như thọ trì một kinh (kinh A

Di Đà hoặc Vô Lượng Thọ) và một lòng chuyên niệm một danh hiệu “A Di Đà Phật”, thì làm sao không thể vãng sanh?

Người tu pháp môn Tịnh Độ mà không thành tựu là do không có sức nhẫn và tinh tấn. Tâm không kiên trì tu chỉ một pháp môn này, tức còn nghi ngờ sự thù thắng của pháp môn Tịnh Độ.

Nghi ngờ pháp môn Niệm Phật Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc là nghi ngờ hết thảy thập phương chư Phật, kể từ Thích Ca Mâu Ni Phật, A Di Đà Phật, Dược Sư Phật v.v..., nghi ngờ hết thảy các chư Đại Bồ-tát kể cả Quán Thế Âm Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát, Phổ Hiền Bồ-tát, Di Lặc Bồ-tát v.v..., và nghi ngờ hết thảy các Chư Tổ Sư Đại Đức trong Tịnh Độ Tông, kể từ Sơ Tổ Huệ Viễn cho đến Thập Tam Tổ Ấn Quang. Vì sao? Vì tất cả các Ngài đều chỉ dạy chúng sanh rằng: Pháp tu niệm Phật là pháp tu ngắn tắt để một đời liễu sanh thoát tử!

Diệu Âm Trí Thành



***Phải nên có sự tập trung và chuẩn bị cho việc
Vãng Sanh Cực Lạc ngay trong cuộc sống hằng
ngày***

Thân gửi đến NL:

Phật Bồ-tát thường luôn gia hộ chúng Phật tử có niềm tin và tâm nguyện chân thành cầu vãng sanh Cực Lạc. Nhân duyên thời tiết của mỗi mỗi Phật tử khi nào được vãng sanh, các Ngài đều dự biết rõ ràng từ nhiều kiếp về trước. Nên các Ngài sẽ sử dụng mọi thứ phương tiện, năng lực, trí huệ thiện xảo để giúp giảm bớt những chướng ngại, nghiệp chướng ngăn cản con đường vãng sanh của chúng ta.

Các Ngài không làm công việc độ sanh một cách nhỏ hẹp, riêng rẽ. Phạm vi độ sanh của các Ngài thật rất rộng lớn quy mô, nó vượt xa sự hiểu biết và trí tưởng tượng của chúng ta. Đó là sự kết hợp bởi hết thảy mọi giai cấp phẩm vị, trên từ mười phương chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Thánh chúng, cho đến tám bộ quỷ thần, nhân và phi nhân. Trong tất cả các kinh điển mà Ngài diễn thuyết, Phật Thế Tôn đã nói cho chúng ta rất rõ ràng và nhiều lần về những việc này. Vì sao Ngài phải lập lại rất nhiều lần như vậy? Bởi lẽ Ngài biết chúng sanh vô minh, tâm tánh vô thường, điên cuồng chao đảo, lúc tín lúc nghi; nên nhắc

nhỏ như vậy là cốt để chúng sanh phá trừ những mối nghi hoặc, đừng làm mất lợi ích lớn.

Với ánh sáng quang minh vô lượng của Phật A Di Đà đã, đang và sẽ luôn luôn phóng chiếu đến hết thảy chúng sanh, làm cho sự giác ngộ của chúng sanh ngày càng thêm tăng trưởng, phá tan màn vô minh ưu não, an trú trong thanh tịnh bình đẳng tánh, cho đến khi được vãng sanh Cực Lạc vĩnh viễn giải thoát.

Chính vì thế mà Phật A Di Đà (hay Phật Vô Lượng Thọ) còn có 12 danh hiệu khác là: *Phật Vô Lượng Quang*, *Phật Vô Biên Quang*, *Phật Vô Ngại Quang*, *Phật Vô Đẳng Quang*, *Phật Trí Huệ Quang*, *Phật Thường Chiếu Quang*, *Phật Thanh Tịnh Quang*, *Phật Hoan Hỷ Quang*, *Phật Giải Thoát Quang*, *Phật An Ổn Quang*, *Phật Siêu Nhật Nguyệt Quang* và *Phật Bất Tư Nghì Quang*.

Với những đặc tính của các quang minh thanh tịnh và thù thắng vô cùng như đã nói trên, phóng chiếu cùng khắp vô số, vô lượng, vô biên đến tất cả mười phương thế giới không thể tính kể hết. Đức Phật A Di Đà bảo đảm rằng, nếu các chúng sanh nào nghe được danh hiệu của Ngài, với tâm tịnh tín niệm danh hiệu Ngài cầu sanh Cực Lạc đều sẽ được toại nguyện; nếu không được vậy, Ngài sẽ không làm Phật! Con đường vãng sanh Cực Lạc là một ngã tắt và bảo đảm nhất, có thể dẫn dắt chúng ta đạt đến chân lý vô thượng. Nên chúng ta phải tin ở lời phát

nguyện của Phật A Di Đà, đừng để bất cứ ai, hoàn cảnh nào hoặc một lý do nào cướp mất đi niềm tin của mình nơi Phật A Di Đà, làm ngăn ngại con đường trở về với Chân Như Bản tánh của mình.

Mặc dù Phật A Di Đà cùng chư Phật, Bồ-tát, Thánh chúng, Hộ pháp và tám bộ quỷ thần, luôn thường bên cạnh để gia hộ cho người niệm Phật, thì chúng ta cũng phải có trách nhiệm quan tâm đến tương lai vãng sanh của mình. Chúng ta phải chuyên tâm niệm Phật, đoạn ác tu thiện, đừng để những chủng tử vọng thức (tham, sân, si, mạn, nghi) làm chủ đưa mình vào trong bóng tối vô minh; phải luôn an trú tâm trong chánh định, thanh tịnh, chánh trực và bình đẳng, tránh hết tất cả những cuộc tranh cãi và mâu thuẫn xung đột.

Thông thường trong những cuộc tranh cãi, không có ai là người chiến thắng hết, đôi bên đều bị chuốc lấy những tâm cảm đờn đau và phiền muộn. Trong trường hợp sân giận đến tột cùng làm mất tính thanh tịnh (bình tĩnh), thì sẽ tạo nhân duyên cho các nghiệp xấu ác ở quá khứ tác động hiện hành, làm cho cuộc sống hiện tại bị khốn khổ, và ngăn ngại con đường tiến hóa vãng sanh Cực Lạc của chính mình.

Chúng ta phải luôn thực hành một lối sống với những suy nghĩ trong sáng (chánh mà không tà), thanh tịnh, từ bi, và phải tự mình làm tấm gương mẫu mực tiêu

biểu để mọi người xung quanh nhìn thấy, không nên đòi hỏi người khác phải làm tấm gương cho mình. Nếu được như vậy, tức chúng ta đã nâng cao linh tánh của chính mình, có thể phát chiếu những quang minh thanh tịnh, và đồng nhập với quang minh của Phật A Di Đà.

Khi ấy tham sân si, tự ty, ích kỷ và những lối sống thấp hèn sẽ hoàn toàn không còn sức hấp dẫn hay ảnh hưởng đến cảnh giới thanh tịnh của chúng ta. Vì sao? Vì chúng ta đã được một phần (hoặc hoàn toàn) an trú và đồng nhập với cảnh giới của chư Phật Bồ-tát, xa lìa bóng tối vô minh. Trong kinh Vô Lượng Thọ, Đức Thế Tôn dạy: *“Vô minh, tham, sân đều dứt sạch. Tuyệt hẳn vọng hoặc, đắc tam muội”* là vậy.

Nếu những hữu tình, giác ngộ tri kiến Phật một cách chậm chạp, chưa nhìn thấu rõ ráo sáu cõi chẳng thể an, tâm còn chất chứa nhiều nghi hoặc và phiền não, chưa chịu buông bỏ những tàng dư tập khí xấu ác v.v... thì dù có Tín-Nguyện-Hạnh, niệm Phật tinh tấn, cũng vẫn còn gặp phải nhiều chướng nạn.

Chúng ta cần phải cố gắng tu tập hơn nữa, kéo phải đứng sau người trên con đường tiến hóa liễu Nhân, vãng sanh Cực Lạc, một đời thành Phật. Nên thường tự hỏi rằng, “trên khắp cùng thế gian này, có việc gì quan trọng hơn việc vãng sanh Cực Lạc viên thành Phật đạo chứ!” Vấn đề quan trọng nơi đây là tự mình phải hiểu biết (giác

ngộ) ngay nơi nội tâm mình, chớ không phải sanh nghi để đặt nhiều câu hỏi rồi đi tìm câu trả lời từ bên ngoài. Phải nên thường quán chiếu, suy nghĩ sâu xa về những tội ác mà hết thầy phàm phu (không sót một ai) đã từng tạo ra từ vô thi kiếp về trước cho đến đời hiện tại; rồi từ đó mà cung kính chân thành phát lồ sám hối, quyết cố gắng sửa chữa. Phải luôn tự kiểm chế tâm ý, đoan thân chánh niệm, nói và hành đi đôi, quyết không phạm vào những điều xấu ác, chuyên làm các việc thiện lành, nương theo giáo pháp của Phật Bồ-tát dạy bảo mà thực hành. Được vậy thì hết thầy chư Phật, Bồ-tát, Thánh chúng, hộ pháp, tám bộ quỷ thần, nhân, và phi nhân đều hoan hỷ giúp đỡ, gia hộ cho bạn ngay trong cuộc sống hiện tại, hẳn đến khi lâm chung thì được tự tại vãng sanh về cõi An Dưỡng Tây Phương, quyết định được dự vào hàng Thánh, trụ bất thoái chuyển cho đến khi thành Phật.

Trong hiện tại, tương lai, cho đến khi lâm chung chúng ta phải tận sức, tận lực một lòng niệm Phật, quyết định vãng sanh Cực Lạc ngay trong một đời này. Phải biết tập trung và chuẩn bị trong mọi thời khắc, để việc vãng sanh ở cuối đời được bảo đảm, không để cho bất cứ một khó khăn hay chướng ngại nào có thể ngăn cản bước thăng tiến, ấy mới xứng đáng là đệ tử bậc nhất của Phật. Hãy buông xả vạn duyên tích trữ từ ngàn muôn kiếp trước ở sau lưng, nên tập trung hoàn toàn vào việc niệm Phật vãng sanh thì chắc chắn bạn sẽ thành công như lời của

Liên Tông Nhị Tổ Thiện Đạo Đại Sư dạy: “*niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, thì vạn người tu vạn người vãng sanh, hay muôn người tu muôn người chứng*”.

Từ nay cho đến khi chúng ta được kiến Phật A Di Đà, hoa sen hóa sanh trong ao thất bảo, chúng ta vẫn phải tiếp tục cuộc sống bình thường mỗi ngày. Khi nào chúng ta tận mắt thấy được Phật A Di Đà đến thọ ký, cho biết trước ngày giờ vãng sanh, ắt hẳn khi ấy Ngài sẽ có lời khai thị dặn dò chúng ta phải có những thay đổi gì trong sinh hoạt thường ngày để chuẩn bị vãng sanh. Tiền tài, vật chất và danh vọng là mối chướng ngại rất lớn, nên đem những tài vật dư thừa này để bố thí cúng dường, làm các việc thiện lành v.v... để chuyển biến những phước báo hữu lậu này thành những công đức thù thắng làm tư lương cho việc vãng sanh ở cuối đời được hoàn toàn tự tại, không có một chút vướng bận và trở ngại.

Phải nên nhớ lời dạy của Phật rằng, các vị Phật Bồ-tát luôn có những phương tiện thiện xảo để hướng dẫn chúng ta, chúng ta có nhận được hay không đều là do ở chính mình. Những vọng tâm, tham sân si mạn nghi, là chướng ngại lớn, ngăn che trí tánh thường minh trong sáng của chính mình.

Do công phu tinh tấn, chuyên cần tu hành, niệm Phật, tích công lũy đức sẽ mang đến nhiều thiện lợi, đó là nhân duyên phước đức giúp chúng ta mỗi ngày càng tiến

đến gần gũi với đức Phật Bồ-tát hơn, và được nhận những giáo pháp vô cùng vi diệu và thù thắng từ các Ngài, vượt xa các pháp sở hữu của thế gian. Lại nữa, khi tâm của chúng ta được cận kề Phật Bồ-tát, chúng ta thường luôn được các Ngài trông nom, chăm sóc và dạy bảo. Nên biết, các Ngài có thể nghe thấy được mọi ý tưởng, lời nói và hành động của chúng ta dù ở trong bất cứ cảnh giới nào, nên hiểu các Ngài có đầy đủ năng lực và phương tiện để giáo hóa chúng ta, giúp chúng ta trụ sâu vào trong chánh huệ, làm cho những tàng dư tập khí xấu ác không thể dậy khởi, và chóng đạt đến Viên Minh Cảnh Trí, vô cùng thanh tịnh bình đẳng như của các Ngài.

Nguyện hoa nở thấy A Di Đà Phật ngộ vô sanh. Nguyện hết thấy chúng sanh, một lòng tín ngưỡng A Di Đà Phật, phát tâm Bồ Đề vô thượng, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương An Dưỡng Quốc, viên thành Phật đạo.

Diệu Âm Trí Thành



Bí Yếu Mật Nghĩa Viên Dung tương quan của Tâm và Cảnh trong kinh Vô Lượng Thọ

Thân gửi đến NL,

Trên tinh thần kinh Hoa Nghiêm: hết thầy pháp giới đều từ tâm tướng sanh. Tâm trùm khắp tất cả pháp giới. Thể tánh của Tâm có thể nhiếp thu tất cả vạn hữu pháp giới. Tất cả là một, một là tất cả. Đó là bản tánh vô ngại của Tâm. Bản tánh Chân tâm thấu suốt vạn pháp hữu tình và vô tình, lấy toàn thể pháp giới tánh làm lượng, lấy xứng tánh bất tư nghì vô ngại giải thoát làm thể – Tâm bao thái hư, lượng chu sa giới.

Chúng ta tu theo kinh Vô Lượng Thọ, cũng được xem là trung bản của kinh Hoa Nghiêm, thì phải học tập từ Thiện Tài đồng tử tham bái cầu học đạo với năm mươi ba (53) vị thiện tri thức, điều này cho ta thấy rằng tu học đạo Bồ Đề thì phải khắc phục nội tâm cống cao ngã mạn, dục vọng loạn tưởng; ngoài thân thì khiêm cung, cầu tiến, hành trì Phật pháp, tìm chân sư liễu ngộ nhờ chỉ dạy, thì mới mong hiển lộ được Phật tánh Chân Tâm của mình. Lòng tự ngã là cái chướng ngại bậc nhất trong việc học Phật cầu sự giải thoát.

Thọ trì đọc tụng kinh Vô Lượng Thọ, nói riêng, là để nghiên tầm chân thật nghĩa của Như Lai về cảnh giới của Tây Phương Cực Lạc, Phật A Di Đà, các Thánh chúng ở cõi này và hữu tình chúng sanh trong mười phương cõi khác:

- quán chiếu “*bí yếu mật nghĩa viên dung tương quan của tâm và cảnh*”, rồi từ đó có thể thông triệt lý sự viên dung vô ngại của vạn pháp, hiện hành sanh sanh hóa hóa, tương duyên tương nhân quả, tương sanh tương diệt.
- khai mở quang lộ trở về bản tánh Chân Tâm thanh tịnh sáng suốt thường nhiên.
- biết được tự thể của các pháp hiện hành trong thế giới vũ trụ.
- thấu suốt cội nguồn sanh sanh hóa hóa của hữu tình và vô tình chúng sanh.

Khi thâm nhập bí yếu mật nghĩa của kinh và thấy sự viên dung tương quan của tâm và cảnh, thì sẽ có cái nhìn thấu suốt về vũ trụ nhân sanh: tâm (tánh), cảnh (thể) và dụng (động) đều có liên quan mật thiết. Ở trong cảnh mà thấy tánh, ở nơi tánh mà thấy cảnh, ở nơi động mà thấy không động (tịch tịnh), ở trong tịch tịnh mà thấy không tịch tịnh, tự tại vô ngại không phân biệt, không dính mắc, xa lìa mọi điên đảo.

Thế Tôn dạy: “Y nghĩa bất y ngữ, y trí bất y thức”. Y nghĩa và trí, bất y ngữ và thức cũng đồng nghĩa với “y tánh bất y tướng”. Vì vậy khi chúng ta học Phật và nghe Phật nói đến cảnh sắc của pháp, thì chúng ta nên liên tưởng đến tánh của pháp, thì mới tỏ ngộ bí yếu mật nghĩa nhiệm màu của Như Lai.

Trong kinh Kim Cang, đức Như Lai nói: “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”. Hết thấy các tướng (cảnh) và âm thanh (ngôn ngữ, văn tự) đều là hư vọng. Vậy tại sao trong các kinh như kinh Vô Lượng Thọ, A Di Đà, Hoa Nghiêm..., Như Lai lại hay thuyết nói về cảnh sắc giới của Tây Phương Cực Lạc?

- Người học pháp Đại Thừa đều biết rằng: sắc tướng hay cảnh vật đều là bóng ảnh, là không thật; vì thể tánh của vạn pháp là sanh sanh hóa hóa vô lượng vô biên, bất khả thuyết bất khả thuyết (không thể dùng bất kỳ ngôn từ nào để diễn nói cho hết). Vì vậy khi Phật thuyết kinh, Ngài thường dùng cảnh sắc làm phương tiện để chúng sanh tùy theo căn tánh của mình mà khai nhập bí yếu mật nghĩa của Như Lai, qua sự tương quan của tâm và cảnh.

Trí tuệ và căn tánh của hữu tình chúng sanh có vô lượng sai biệt, nên chỗ hiểu biết kinh Phật của mỗi người có sâu có cạn, có đúng có sai, có chánh có tà v.v..., không hoàn toàn giống nhau. Vì Phật pháp vi diệu thậm thâm sâu nhiệm màu, biến hóa khôn lường, khó có thể dùng ngôn

ngữ và văn tự mà diễn sướng, hơn nữa bởi chúng ta còn vô minh nên không thể tỏ ngộ hết tận nguồn ý của Phật. Cho nên trước khi đọc tụng kinh Phật, chúng ta thường phải nguyện rằng: “*Nguyện tỏ Như Lai chân thật nghĩa*”.

Chân như thể tánh là đài gương soi thấy toàn triệt ảnh hiện của tất cả vạn pháp. Thế nên thọ trì đọc tụng kinh điển đại thừa là bước vào cửa phương tiện cầu tu học Phật đạo. Bởi công đức đặc thù nhiệm mầu vi diệu của kinh Phật là như thế, cho nên:

- người có thiện duyên thấy kinh Phật mà biết phát tâm thành kính tin sâu, thọ trì đọc tụng thì như chính mình được thấy Phật, như được trực tiếp nghe Phật nói pháp khai thị.
- người chí thành phụng thờ kinh Phật, như chính mình trực tiếp phụng thờ Phật.
- người phát tâm Bồ Đề ấn tống kinh Phật, có công đức như được cúng dường Phật, như được thỉnh Phật trụ thế chuyển pháp luân, như được dựa vào sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh của chư Phật.

Kinh Vô Lượng Thọ cao sâu, nhiệm mầu vi diệu, mỗi mỗi cảnh sắc trong cõi Cực Lạc mà đức Thế Tôn diễn tả đều hàm chứa bí yếu mật nghĩa viên dung tương quan đến tâm của Phật A Di Đà và các thánh chúng trong cõi nước ấy. Vậy khi học kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta phải

làm sáng tỏ bí yếu mật nghĩa này thì mới thấy Như Lai nghĩa nhiệm mầu.

Như Lai nghĩa nhiệm mầu không ở nơi tướng, mà nó ẩn tàng trong các tướng. Hòa Thượng Tịnh Không nói: “Muốn thâm nhập bí tạng của kinh Vô Lượng Thọ, thì người trung căn phải chuyên tâm thọ trì đọc tụng kinh này trong 10 năm. Sau 10 năm học và tu tập theo kinh này, họ sẽ là vua Vô Lượng Thọ.”

Những ai thành kính phát tâm thọ trì đọc tụng kinh này, thì phải biết rằng người đó đã nhiều đời gieo thiện duyên Bồ Đề, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, và đã từng ở trong ngôi nhà chánh pháp.

Nội dung của kinh Vô Lượng Thọ, đứng trên cảnh giới bất tư nghì giải thoát, Đức Thế Tôn – thừa oai thần của Đức Phật A Di Đà – tuyên dương công đức cùng cảnh giới của Phật A Di Đà, và xưng minh nhân hạnh xứng tánh bất tư nghì của chư đại Bồ-tát và Thánh chúng ở cõi nước của đức Như Lai ấy.

Nên Kinh Vô Lượng Thọ hoàn toàn ở trong lãnh vực xứng tánh bất tư nghì giải thoát mà xưng minh, mỗi lời mỗi câu trong kinh này đều lấy cảnh giới của Tây Phương Cực Lạc làm thể, pháp thân của Phật A Di Đà làm tánh. Giống như lời của Hòa Thượng Tịnh Không nói: “... chúng ta có thể hình dung Tây Phương Cực Lạc Thế

Giới, như là một ‘thủ đô’ tráng lệ nhất của Thế Giới Hoa Tạng vậy!”

Vì kinh Vô Lượng Thọ lấy toàn thể pháp giới tánh làm lượng, nên tất cả Giáo, Lý, Hạnh, Quả nơi đây đều dung thông vô ngại, nên cũng gọi là vô ngại pháp giới. Từng bậc cứu cánh của vô ngại pháp giới là sự sự vô ngại pháp giới, chỗ chứng nhập hoàn toàn của chư Phật mà chư pháp thân Bồ-tát thời được từng phần.

Muốn hiểu thấu phần nào cảnh giới Tây Phương Cực Lạc, người học đạo như chúng ta cần phải biết rõ bốn pháp giới, bốn cấp bậc mà chư đại thừa Bồ-tát tuần tự tu chứng:

1. **Lý vô ngại pháp giới:** “Lý” tức là Chân lý thật tánh, là thể tánh Chân thật của tất cả pháp, nên cũng gọi là pháp tánh hay pháp giới tánh, Chân như tánh. Tất cả pháp trong vũ trụ đều đồng một thể tánh Chân thật ấy. Thể tánh ấy dung thông vô ngại, nên gọi là ‘Lý vô ngại pháp giới’. Người chứng được lý vô ngại này chính là bậc thành tựu căn bản trí, mà bắt đầu dự vào hàng pháp thân Bồ-tát.
2. **Sự vô ngại pháp giới:** Tất cả pháp ‘Sự’ đều đồng một thể tánh Chân thật, tức là đồng lấy pháp tánh làm tự thể. Toàn thể ‘Sự’ là pháp tánh, mà pháp tánh đã viên dung vô ngại, thời toàn sự cũng vô ngại, nên gọi là ‘Sự

vô ngại pháp giới’. Người chứng được pháp giới này chính là bậc pháp thân Bồ-tát thành tựu sai biệt trí (cũng gọi là quyền trí, tục trí, hậu đắc trí).

3. **Lý sự vô ngại pháp giới:** Lý là thể tánh của ‘Sự’ (tất cả pháp), ‘Sự’ là hiện tượng của ‘Lý tánh’. Vậy thời lý tánh tức là lý tánh của sự, còn sự lại là sự tướng của lý tánh. Chính Lý tánh là toàn sự, mà tất cả sự là toàn Lý tánh, nên gọi là ‘Lý sự vô ngại pháp giới’. Người chứng được lý sự pháp giới này thời là bậc pháp thân Bồ-tát đồng thời hiển phát cả hai trí (căn bản trí và sai biệt trí).
4. **Sự sự vô ngại pháp giới:** Tất cả sự đã toàn đồng một thể tánh mà thể tánh thời dung thông không phân chia riêng khác, nên bất luận là một sự nào cũng đều dung nhiếp tất cả sự và cũng đều là tất cả sự, một sự nhiếp và tức tất cả sự, tất cả sự nhiếp và tức một sự. Thế là sự sự vô ngại tự tại, nên gọi là ‘Sự sự vô ngại pháp giới’. Người chứng được ‘Sự sự pháp giới’ này là bậc pháp thân Bồ-tát thành tựu nhưt thiết chủng trí. Viên mãn trí này chính là Đẳng Vô Thượng Giác (Phật Thế Tôn).

Sự sự là tất cả sự hoặc là tất cả pháp, tức là toàn thể không gian và thời gian. Thời gian dung thông thời gian, không gian dung thông không gian, thời gian dung thông không gian, không gian dung thông thời gian. Một không gian dung thông tất cả không gian, một thời gian dung

thông tất cả thời gian, tất cả dung thông với một, thời gian với không gian, một cùng tất cả cũng đều dung thông như vậy.

Đó chính là ‘Sự sự vô ngại pháp giới’, mà cũng chính là cảnh giới giải thoát bất tư nghi mà Thế Tôn tóm lược trong kinh Vô Lượng Thọ, phẩm 22 – Quyết Chứng Quả Tối Cực – *“Lại này A Nan! Cõi nước đức Phật đó, chẳng có cảnh tối tăm, đèn đuốc, nhật nguyệt, tinh tú, ngày đêm; cũng không có tên năm tháng kiếp số, cũng không có sự tham đắm nhà cửa. Hết thấy mọi nơi không có danh hiệu tiêu thức, cũng chẳng lấy bỏ hay có phân biệt, chỉ có sự hưởng thọ an lạc thanh tịnh tối thượng. Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, hoặc đã sanh hoặc sẽ sanh, đều an trụ trong Chánh Định Tu, quyết sẽ chứng được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Tại sao vậy?*

Nếu kẻ Tà Định Tu hay Bất Định Tu thì chẳng biết rõ đạo lý nhân quả, để kiến lập chánh nhân cầu sanh về Cực Lạc được.”

Diệu Âm Trí Thành



Phát Bồ Đề Tâm

Hỏi:

Kính gửi đạo hữu Lưu Minh Trí, kính xin đạo hữu hoan hỷ dịch nghĩa câu văn: “*Ngã kim phát tâm, bất vị tự cầu Thanh Văn Duyên Giác, nãi chí quyền thừa chư vị Bồ-tát; duy y tối thượng thừa, phát Bồ Đề tâm: nguyện dĩ pháp giới chúng sanh nhất thời đồng đắc A nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề.*” (Câu này trích trong bài văn phát Bồ Đề Tâm).

Trả lời:

Chú LN kính,

Câu kệ Phát Bồ Đề Tâm trên thiếu chữ, nguyên văn là: “*Ngã kim phát tâm bất vị tự cầu nhơn thiên phước báo, Thanh văn, Duyên giác, nãi chí quyền thừa chư vị Bồ-tát; duy y tối thượng thừa phát Bồ Đề tâm: nguyện dĩ pháp giới chúng sanh nhất thời đồng đắc A nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề.*”

Bồ Đề tâm là tâm nguyện ban sơ, căn bản và cũng là cứu cánh của người Phật tử, xuất gia hay tại gia. Phát Bồ Đề tâm là phát tâm nguyện trong sáng, tha thiết, duy nhất chỉ vì trên cầu Phật đạo, dưới cứu độ chúng sanh cùng giác ngộ giải thoát.

Một số hành giả, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ Đề, tức nguyện thành Phật, thường dùng lời phát nguyện này đọc tụng mỗi ngày, để tự mình nhắc nhở chính mình không thoái tâm *A nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề*.

“Ngã kim phát tâm bất vị tự cầu nhơn thiên phước báo, Thanh văn, Duyên giác, nãi chí quyền thừa chư vị Bồ-tát; duy y tối thượng thừa phát Bồ Đề tâm: nguyện dữ pháp giới chúng sanh nhất thời đồng đắc A nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề”.

Dịch nghĩa là: “Con nay xin phát nguyện không tham cầu phước báo Người, Trời, Thanh văn, Duyên giác, ngay cả quyền thừa chư vị Bồ-tát; duy chỉ phát tâm Vô thượng Bồ Đề: nguyện cùng với pháp giới chúng sanh đồng chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

Bồ Đề tâm là sức mạnh giúp người tu Phật đạo buông bỏ tất cả thân tâm thế giới, tự tại không bị ràng buộc, tiến bước thênh thang dưới bầu trời xanh cao rộng, thẳng hướng đến chân lý mục đích cao tốt duy nhất, đó là chứng đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ Đề, trên thì viên thành Phật đạo, dưới độ khắp quần mê đồng viên chủng trí, tức đồng thành Phật đạo.

Do đó, nếu người tu Phật đạo mà quên mất Bồ Đề tâm, thì dù cho nhân danh bất cứ mục đích, lý tưởng nào cũng sẽ chỉ trôi lăn trong luân hồi lục đạo, chẳng thể thoát ra nạn lớn sanh tử. Trong Kinh Hoa Nghiêm, Đức Thế Tôn đã cảnh báo: *“vong thất Bồ Đề tâm, tu chư thiện pháp, thị danh ma nghiệp!”*

Phật nói, người tu Phật đạo, tu những thiện pháp, mà quên mất Bồ Đề tâm, thì là hành ma nghiệp, đừng nói chi là chưa phát hay không phát Bồ Đề tâm. Thật vậy, quên mất Bồ Đề tâm là quên mất mục tiêu giác ngộ, giải thoát và sự nghiệp độ sanh của hết thầy chư Phật. Mong cầu phước báo nhân thiên là xa rời bản thể thanh tịnh hòa hợp của Tăng-già, xa rời đời sống phạm hạnh mà căn bản là thanh quy tịnh giới. Đời sống phạm hạnh, thanh quy tịnh giới, là môi trường điều kiện để người Phật tử xuất gia và tại gia tiến tu đạo nghiệp.

Hành trì Giới-Định-Huệ là thực hiện đời sống thanh tịnh hòa hợp với vũ trụ nhân sanh, có công năng diệt trừ những ác nghiệp từ thân khẩu ý, và phát sinh những thiện nghiệp vô lậu; mà dù cho hành giả tu bất cứ pháp môn nào của Phật cũng không thể không thực hành hai yếu tố căn bản quan trọng này trong quá trình tiến tu đạo nghiệp, mục tiêu là viên thành Phật đạo.



Trong Tâm có Phật

Em GH thân:

Trước hết huynh khuyên GH nên cẩn thận khi đọc hay nghe pháp, phải nên biết chọn lọc những gì cần thiết để học hỏi, đừng nên bỏ thời giờ một cách vô ích tìm hiểu những pháp môn ngoài sở tu của mình, đừng nên tò mò tìm nghe những lời tà kiến của ngoại đạo hay những lời phỉ báng Phật pháp. Ma kiến có ma lực; do đó nếu thường nghe những lời phỉ báng Phật pháp như thế lâu ngày, chính bản thân cũng sẽ bị lôi cuốn vào trong ma đạo vì lực nhiếp hóa của ma. Rồi từ đó người nói (thầy) và người nghe (trò) cùng nắm tay nhau đi xuống địa ngục vô gián không có ngày ra.

“Nhất thiết duy tâm tạo”, tâm như thế nào cảnh giới sẽ như thế đó. Hành giả tu pháp môn nào, nên chuyên tâm nghe, học và thực tập pháp môn đó, chớ nên xen tạp quá nhiều mà sanh ra tâm phân biệt chấp trước, rồi tranh cãi đúng sai, vô tình phỉ báng Phật và Tổ mà bị đoạ. Ngay cả trong Phật pháp còn phải chọn lọc cái sở tu cho thích hợp với riêng mình và buông xả những pháp môn khác, đừng nói chi là phi pháp. Phi pháp nhất định phải xả bỏ.

Trong kinh Vô Lượng Thọ, Thế Tôn dạy rằng quang minh của Phật A Di Đà toả ra 36 trăm ngàn vạn ức

tia sáng, trong mỗi một tia sáng hiện ra 36 trăm ngàn ức Phật, mỗi một Đức Phật lại phóng ra trăm ngàn quang minh để nói pháp vi diệu an lập chúng sanh trong Phật chánh đạo. Vậy ai có thể nhận được quang minh này? Chỉ có người trong tâm có Phật A Di Đà mới có thể nhận được quang minh này.

Phật pháp là pháp xuất thế gian, nhưng không ngoài thế gian giác. Lý và sự trong Phật pháp minh bạch rõ ràng. Kinh pháp của Phật là từ tâm của chúng sanh sanh ra; do đó, không có chỗ nào ngoài tâm chúng sanh mà Phật nói. Phật pháp là từ *“Nhân ý, không phải Thần ý”*; do đó bất cứ chúng sanh nào có chánh kiến đều có thể nhận được. Vì sao? Vì người thường ôm lòng tà kiến, kiêu ác, thiếu thiện căn và phước đức, khó có thể tin nhận được pháp vi diệu của Như Lai. Cho nên, trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Đức Thế Tôn dạy rằng: *“không nên nói Phật pháp cho người không tin Phật, không nên nói Phật pháp thâm sâu cho người không có trí huệ”* .

Tội là do từ nơi thân, khẩu và ý sanh ra, trong đó ý là chủ tể. Nếu ai thường hay phỉ báng Phật pháp, ganh ghét người hiền, phá hoại hiền minh, náo loạn tăng chúng – người này là kẻ si mê đáng thương. Vì sao? Vì họ sẽ khó tránh khỏi bị rơi vào cảnh địa ngục vô gián, như Phật đã nói trong kinh Địa Tạng Vương và kinh Diệt Tội Trường Thọ. Mong rằng những người này sớm mau nhận ra tội lỗi mà tự tâm sám hối. Chúng ta là những Phật tử sơ cơ đang

theo chỗ Phật dạy đề tu Tĩnh nghiệp, nên phải tránh xa những chuyện thị phi tội lỗi này. Muốn không phạm lỗi thì đừng nên tò mò nghiên cứu những dư luận của ngoại đạo làm gì. Người Mỹ có câu “curiosity kills a cat” (Tạm hiểu là: Nếu như bạn quá quan tâm đến những điều đúng ra bạn không nên quan tâm đến, bạn có thể gặp nguy hiểm). Cho nên chúng ta không nên tò mò tìm hiểu những lời dị biệt đó để làm gì, không khéo tự mình lại mang họa vào thân. Đường chánh trực nên hướng thẳng mà đi, dành nhiều thời giờ để phụng kính, trì giới, niệm Phật và làm các thiện pháp có lợi ích cho mình và người.

Phật tử chúng ta trong tâm phải thường luôn có Phật. Nếu đã có Phật rồi sao lại còn thắc mắc nghi ngờ trước những tà kiến của ngoại đạo? Nếu trong tâm luôn có Phật, thì sẽ luôn nhớ niệm và nghĩ đến Phật. Nếu tâm luôn niệm Phật thì vọng tưởng và tà kiến chẳng thể sanh và phân biệt chấp trước phiền não chẳng thể khởi. Thật là đơn giản dễ hiểu, dễ hành, vô cùng diệu dụng, là một diệu pháp ai tu cũng được.

- Trong tâm có Phật, là thanh kiếm chặt đứt tất cả những xiềng xích trói buộc của vô minh phiền não đã cột con người vào những khổ đau của sinh tử luân hồi bất tận, đưa con người đến trí tuệ viên mãn.
- Trong tâm có Phật, tâm thường luôn niệm và nghĩ nhớ đến Phật, các thứ công đức, các thứ trang nghiêm thanh tịnh ở cõi nước của Phật.

- Trong Tâm có Phật, mỗi niệm đều là Phật, mỗi lời nói đều là Phật, mỗi hành động việc làm đều là Phật, vạn vật nhành cây cọng cỏ cũng là Phật.
- Trong Tâm có Phật, dù sương sa lớp lớp, khổ nạn triền miên nơi cuộc đời này đều có thể nhẫn chịu và vượt qua, hướng chỉ chỉ là những lời nhân ngã thị phi không bỏ ích.
- Trong Tâm có Phật, Bồ Đề Tâm kiên cố vững chắc như núi Thiết Vi, chúng ma ngoại đạo chẳng thể lung lay.
- Trong Tâm có Phật, nhìn thế gian này chỉ là quán trọ bên đường tạm ngừng chân, không nên lưu luyến ham thích nó. Phải có tâm chán ngán thế gian này, và mong mau sớm trở quê hương Cực Lạc của Phật A Di Đà.
- Trong Tâm có Phật, phải biết túi hồ sao tới nay ta vẫn chưa thể gặp Phật? Phải nên dốc hết lòng niệm Phật, buông bỏ ái dục hằng lia ba độc, đừng nên say đắm lục trần trôi lăn trong vòng sinh tử, không biết bao giờ mới thoát ra khỏi.
- Trong Tâm có Phật, phải biết e sợ những lỗi lầm gây ra từ thân, khẩu và ý mà phải đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, chịu nhiều thống khổ.
- Trong Tâm có Phật, phải chán xa sự trôi lăn trong đường sinh tử, sống chết vô lượng lần; chán xa thân mạng vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh, hư giả như bọt bèo; chán xa sự sinh già bệnh chết, và tám thứ khổ nung nấu không ngừng nghỉ.

- Trong tâm có Phật, đối với tất cả chúng sinh không phân biệt tốt xấu, phải biết mở lòng từ bi không phân nhân ngã. Vì nếu còn thấy kẻ oán khác với người thân tức còn có sự phân biệt. Bởi có phân biệt mới có chấp trước, bởi có chấp trước mới sinh phiền não, bởi sinh phiền não mới tạo nghiệp dữ, bởi tạo nghiệp dữ mới chịu quả báo.
- Trong tâm có Phật, phải biết báo ân Phật. Chúng ta muốn đền đáp công ơn của Đức Như Lai, ngay trong đời này phải dũng mãnh tinh tiến, gắng chịu khổ nhọc không tiếc thân mệnh, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Cực Lạc, góp sức gây dựng Tam Bảo, hoằng dương giáo pháp Đại Thừa, hóa độ chúng sinh đồng vào ngôi Chánh Giác. Chúng sanh có vô biên nghiệp chướng và phiền não từ thân khẩu ý gây ra, chẳng nên vì cái lỗi của họ mà ta lại cùng với họ tạo tội, như thế mới là người có chánh tri chánh kiến.

Diệu Âm Trí Thành



Chuyển Tám Thức thành Bốn Trí

Thân gửi đến NL:

Trong đạo Phật, chữ “vô minh” thường luôn được nhắc nhở vì nó là nguồn gốc của sanh tử luân hồi khổ đau.

Phật dạy: *“Cái khổ của lạc đà, của lừa ngựa chở nặng mãi kiếp, cái khổ trôi lăn trong tam giới chưa gọi là khổ. Ngu si không trí huệ tin tưởng sai lạc, không biết hướng đi, cái ấy mới thật là khổ.”*

Phật còn dạy: *“Ngu si là gốc của tội lỗi. Trí huệ là gốc của muôn hạnh lành.”*

Nếu không muốn gây tội lỗi phải chịu quả khổ đau, nếu muốn làm được các hạnh lành để hưởng quả phước và được giải thoát thì phải tu “Huệ”. Trong các môn tu huệ thì Trí huệ Ba La Mật là hơn cả, là chỗ thành tựu cuối cùng của Lục Độ La Mật.

Trí huệ nghĩa là gì?

“Trí” có nghĩa là quyết đoán; “Huệ” có nghĩa là giản trạch. Tự điển Phật học Trung Hoa định nghĩa như sau: “Trí là biết Tục đế, và Huệ là thông hiểu Chân đế”.

Cũng có thể nói: Trí là thể tánh sáng suốt trong sạch, Huệ là cái diệu dụng xét soi tự tại. Trí huệ Ba La Mật là thể tánh sáng suốt có khả năng soi sáng sự vật một cách thấu đáo tinh tường đến nơi đến chốn, không có ngăn mé, không có sai lầm.

Trí huệ được định nghĩa như trên là trí huệ trong tự tánh, trí huệ của đạo Phật; chứ không phải trí huệ phổ thông thường dùng trong các sự học hỏi hiểu biết, suy luận hằng ngày trong đời sống.

Đạo Phật chia trí huệ ra làm hai loại là Căn bản trí và Hậu đắc trí:

1. Căn bản trí: là giác tính minh diệu mà mỗi chúng sinh vốn đã có sẵn, nhưng vì vô minh phiền não che lấp nên chưa phát chiếu ra được. Căn bản trí thí như chất vàng còn nằm lẫn lộn với đất, cát, sỏi, đá, chưa được gạn lọc ra.
2. Hậu đắc trí là trí tuệ có được nhờ công phu tu tập như trì giới, thiền định... Hậu đắc trí được xem như là vàng nguyên chất được gạn lọc ra, không còn lẫn lộn với đất, cát, sỏi, đá; tức là không còn vô minh phiền não.

Theo Duy thức học, khi chúng được quả vị Đẳng giác Bồ-tát, tức là được giác ngộ hoàn toàn, có nghĩa là đạt được **Hậu đắc trí** thì tám thức sẽ chuyển thành bốn trí. Đó là:

1. Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt và Thân thức (thức thứ 1 đến 5) sẽ biến thành “Thành sở tác trí”, là trí có năng lực nhận thức cùng khắp và rất thần diệu.
2. Ý thức (thức thứ 6: có tác dụng phân biệt) sẽ biến thành “Diệu quan sát trí”, là trí có năng lực quan sát thâm diệu.
3. Mạt-Na thức (thức thứ 7: có tác dụng chấp ngã) sẽ biến thành “Bình đẳng tánh trí”, là trí có năng lực nhận thức tính bình đẳng và vô ngã của vạn pháp.
4. A-Lại-Da thức (thức thứ 8: có tác dụng chấp trì sanh mạng và chủng tử) sẽ biến thành “Đại viên cảnh trí”, là trí như gương sáng tròn đầy thấy suốt tất cả pháp.

Công năng của Trí tuệ có thể nhận biết được chân lý; hiểu được luật Nhân quả, Vô thường, Vô ngã; để thấy lục đạo chỉ là Thành, Trụ, Hoại, Không, đầy phiền não khổ đau.

Đức Phật cũng đã dạy chúng ta những pháp tu như Tam Huệ Học (Văn, Tư, Tu), và Tam Vô Lậu Học (Giới, Định, Tuệ) để chuyển Tám thức thành Bốn trí.

Tam Huệ Học (Văn, Tư, Tu)

- 1) Văn huệ: là huệ do tai nghe âm thanh, mắt thấy văn tự, kinh điển của Phật để nhận hiểu mà phát sinh trí tuệ.

Trí tuệ này phải được sử dụng để suy luận, phân biệt chân hư và thực hành theo chân lý thì trí tuệ này mới có thể phát triển rộng lớn. Ngày xưa tôn giả A Nan làm thị giả cho Đức Phật qua rất nhiều năm, nhờ nhân duyên này mà Ngài được nghe nhiều học rộng nhất trong số đại đệ tử của Phật. Thế nhưng Ngài lại không đắc đạo trong thời Đức Phật còn tại thế, là do Ngài chưa thực hành đúng theo những gì đã học hỏi được: là phải quay trở về nội tâm của mình, để thấy được tánh giác thanh tịnh đã bị vọng trần và vô minh che lấp. Sau khi đức Phật viên tịch, do Ngài quá ham muốn tham dự buổi tập kinh cùng với các đệ tử A La Hán của Phật, nhờ nhân duyên này Ngài đã áp dụng lời Phật dạy về phương pháp thiền định, chỉ sau một đêm Ngài đã nhanh chóng thành tựu và chứng được quả A La Hán.

Nhờ vào kiến thức đa văn uyên bác của Ngài tôn giả A Nan, mà chúng ta mới có được một kho tàng văn học Phật giáo phong phú, tồn tại từ mấy ngàn năm nay và sẽ cho đến bao ngàn năm sau nữa.

2) Tư huệ: là huệ do trí suy nghĩ, tìm tòi hay quán xét về những điều đã được thâm nhập bằng văn huệ, hoặc do suy xét chân tướng của vạn hữu.

Những gì mà chúng ta nghe, thấy và học hỏi được chỉ là kiến thức vay mượn. Muốn chuyển hóa chúng để trở thành kiến thức của chính mình thì phải suy nghĩ tường

tận qua nhiều giai đoạn suy tư và phán đoán; có nghĩa là chúng ta phải phân tích, tổng hợp để tìm ra thật tướng của chân lý. Vì thế Đức Phật có dạy rằng:

“Không nên mặc nhiên chấp nhận một điều nào chỉ vì tập tục cổ truyền trao đến tay ta, hay chỉ vì điều ấy đã được ghi chép trong kinh điển nào, cũng không chấp nhận chỉ vì người thốt ra câu ấy có vẻ hiền nhân khả kính, khả ái. Nay người xứ Kalama, khi nào các người tự mình suy xét dẫn đo để biết rằng những điều này hợp với đạo đức... những điều này đem lại an vui hạnh phúc; chừng ấy các người hãy chấp nhận và hành động đúng theo như vậy”.

Thế nhưng không phải mọi tư duy đều có thể đem lại trí tuệ cho con người. Vì Đức Phật cũng có dạy rằng:

“Có hai loại tư duy. Trước hết là Chánh tư duy giúp tâm thanh tịnh và sáng suốt, và ngược lại Tà tư duy làm cho tâm ô nhiễm và lu mờ”.

Vậy muốn phát triển trí tuệ trước hết chúng ta phải tránh những tà tư duy; như suy nghĩ về dục lạc, oán thù, ganh ghét, đối lập, mâu thuẫn, lợi mình, hại người v.v... Chúng ta thường nên suy tư quán chiếu về ý nghĩa sâu xa của vô ngã, vô thường, khổ não và sự bất tịnh của tất cả các pháp hữu vi.

3) Tu huệ: là do công phu tu hành để nghiệm chứng và thể nhập chân lý mà giác ngộ.

Phương pháp Thiền Giác Quán Định (thiền định, trì chú, niệm Phật) hay còn gọi là Chỉ Quán, là phương pháp rèn luyện trí tuệ được Đức Phật truyền dạy cho hàng đệ tử ứng dụng, để thấu triệt chân lý và chứng ngộ Niết Bàn.

Phương pháp tu Thiền Giác Quán Định giúp con người dập tắt vô minh và ái dục. Vì thế nó còn được gọi là “*Định Năng Sinh Huệ*”. Ví như một ly nước đục được giữ yên, khi cặn bã đã lắng đọng hết thì nước sẽ trở nên trong suốt. Con người cũng vậy, khi tâm an trú trong Thiền định thì tâm sẽ trở nên tĩnh lặng, sáng suốt và nhờ đó trí tuệ phát sinh.

Trong kinh Pháp Cú Đức Phật dạy rằng:

“Dầu thông suốt kinh luật mà không hành trì cũng chỉ như kẻ mục đồng đếm bò cho kẻ khác. Người đó không hưởng được hương vị giải thoát. Trái lại dù thuộc ít kinh luật nhưng cố gắng hành trì, từ bỏ Tham-Sân-Si, hiểu biết chân chính, tâm tự tại, không vọng chấp. Người ấy ắt hưởng được hương vị giải thoát”.

Ngày xưa có hai vị tỳ kheo cùng xuất gia theo Phật. Một vị học rộng hiểu nhiều, lâu thông kinh Pháp nhưng chưa đắc đạo. Còn vị kia học ít nhưng chuyên cần tu niệm nên không bao lâu được chứng quả A La Hán. Khi bàn luận Phật Pháp với Đức Phật, vị phàm tăng nêu lên nhiều thắc mắc muốn phô trương tài bác học của mình. Nhưng

khi Đức Phật hỏi về sự thực chứng đạo giải thoát, thì vị phàm tăng không cách nào trả lời được vì tự mình chưa chứng ngộ. Trái lại, vị A La Hán lại có thể trả lời thông suốt, do nhờ kinh nghiệm từ bản thân mình.

Tóm lại Văn, Tư và Tu có tương quan rất mật thiết với nhau, không thể bỏ qua một thứ nào mà có thể thành tựu được trí tuệ chân thật, do đó Đức Phật dạy rằng:

“Văn huệ, Tư huệ và Tu huệ, ba môn khuyết một không được. Nếu nghe mà không suy nghĩ thì như làm ruộng mà không gieo mạ. Nếu suy nghĩ mà không tu thì như làm ruộng mà không tát nước, làm cỏ thì không có lúa. Ba huệ được đầy đủ thì chứng quả Tam thừa”.

Tam Vô Lậu Học (Giới, Định, Huệ)

1. Giới: là lời răn dạy của Phật, đoạn ác tu thiện.
2. Định: là thiền định, giữ cho tâm ý không loạn động, để suy nghiệm đến những vấn đề căn bản của Đạo.
3. Huệ: là sự phát chiếu của Trí, sau khi đã tẩy sạch phiền não và vô minh.

Tóm lại, Giới, Định và Huệ tương duyên và tương quan mật thiết với nhau, cái này tăng thì hai cái kia cũng tăng, cái này giảm thì cái kia cũng giảm. Vì sao? Vì nhờ trì giới mà thân tâm không loạn động, do thân tâm không loạn động mà tâm trí được Định, khi Tâm trí đã định thì

Trí huệ phát chiếu. Ngược lại, khi Trí huệ phát chiếu thì tâm dể Định, Tâm đã Định thì Trì giới cũng không khó khăn.

Công năng của Trí Huệ

Trí huệ khi đã đạt đến địa vị Giác ngộ (tám thức chuyển thành bốn trí) thì công năng diệu dụng của nó rộng lớn vô cùng, không thể nghĩ bàn. Ba công năng chính của trí huệ là:

1. Dứt trừ phiền não: Phiền não là do mê lầm phát sinh. Khi trí huệ đã có thì mê lầm phải tự diệt, như khi ánh sáng phát ra thì bóng tối tất liền tan biến. Mê lầm đã diệt thì phiền não sẽ không còn phát sinh nữa.
2. Chiếu sáng sự vật: Sự vật bị vô minh che khuất, như màn sương che phủ cảnh vật, nay trí huệ phát chiếu vào sự vật, chẳng khác gì khi ánh sáng mặt trời lên thì màn sương tất phải tan biến, lúc bấy giờ thực tướng thực tánh của sự vật được lộ bày chân thật.
3. Thể nhập chân lý: Khi bị vô minh phủ lấp ngăn che, thì ta với người, ta với vật tưởng như riêng biệt sai khác. Nay nhờ trí huệ soi sáng thấy rõ được tâm cảnh đều là chơn không, nên thể nhập được chân lý giác ngộ hoàn toàn.

Trước khi nhập Niết Bàn, đức Phật cũng đã thiết tha khuyên các đệ tử phải trao dồi trí huệ như sau:

“Trí huệ là chiếc thuyền kiên cố chở khỏi biển già, đau, chết; là ngọn đèn lớn chói sáng vô minh hắc ám, là liều thuốc hay chữa hết thầy bệnh tật, là chiếc búa sắt chặt gãy cây phiền não. Vậy các người phải lấy sự nghe, sự suy nghĩ, sự tu tập mà tự tăng ích cho trí huệ mình”. (Kinh Di Giáo).

Đạo Phật là đạo từ bi, mà cũng là đạo giác ngộ. Từ bi thuộc về phước, giác ngộ thuộc về huệ. Phước và Huệ là hai tư lương giúp ta rút ráo đi đến bờ giải thoát. Do đó trong kinh thường nói: **“Phước, Huệ song tu mới thành ngôi Chánh giác”**.

Trong pháp Lục Độ Ba La Mật, bố thí và nhẫn nhục thuộc về tu phước; thiền định và trí huệ thuộc về tu huệ; còn trì giới và tinh tấn là hai chất liệu có công dụng kiểm soát và đốc thúc cho việc tu phước và huệ được thành tựu hoàn toàn.

Lục Độ Ba La Mật ví như là chiếc thuyền Bát nhã đưa người từ bờ mê đến bến giác:

*Từ bi là thức ăn,
Nhẫn nhục là nước uống,
Tinh tấn là cánh buồm và chèo,
Trì giới là bánh lái,
Thiền định là la bàn
Trí huệ là đèn đuốc.*

Sáu thứ này đều là những vật cần thiết, giúp cho người vượt biển khổ qua đến bên bờ giác ngộ.

Đúng về một khía cạnh khác để nhận xét giá trị của Lục Độ Ba La Mật, chúng ta sẽ thấy như sau:

*Bố thí và nhẫn nhục thuộc về **Bi**,
Thiền định và trí huệ thuộc về **Trí**,
Trì giới và tinh tấn thuộc về **Đũng**.*

Một Phật tử nếu có đủ ba phương tiện: **Bi**, **Trí**, **Đũng** mới mong đi đến bờ giác ngộ một cách thông suốt, và nhanh chóng.

Phật tử chúng ta trong khi học Phật và hành sáu pháp Ba La Mật, đừng nên xem thường một pháp nào. Có như thế mới đủ phương tiện và năng lực để tự độ và độ tha, đến nơi cùng tột và đúng với ý nghĩa Ba La Mật.

Diệu Âm Trí Thành



Pháp Nhất Thừa – Kinh Vô Lượng Thọ

Nam Mô Di Đà Phật

VP thân mến:

Trong Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Phật dùng xe dê, xe lừa và xe bò/trâu ví cho 3 pháp phương tiện: tiểu thừa, trung thừa & đại thừa để khuyến dụ chúng sanh xa lìa lục đạo luân hồi sanh tử khổ đau. Ngay cả Pháp đại thừa (xe bò/trâu) là pháp tu của Bồ-tát (Lục Độ Ba La Mật) mà Phật còn bảo không phải là thật Pháp. Phật nói Ngài chỉ có Pháp Nhất Thừa, đó mới là pháp mà Ngài muốn ban bố đến khắp quần sanh.

Pháp Tam Thừa chỉ là phương tiện để dẫn dụ chúng sanh còn có tâm hạ liệt, chưa biết rõ Phật tánh của mình vốn đồng với Phật. Phật ví những người này như những đứa trẻ con ham chơi trong căn nhà lửa, hay kẻ cùng tử có cha là ông trưởng giả mà không dám nhận, hay kẻ ăn mày có viên ngọc quý trong ché áo mà không biết đem ra sử dụng v.v...

Pháp Nhất Thừa là pháp cho Bồ-tát tu hướng đến quả vị Phật, và hạnh Phổ Hiền là phương tiện giúp cho Bồ-tát hướng về Nhất Thừa. Trong kinh Vô Lượng Thọ, phẩm 42 – Bồ-tát vãng sanh, Phật bảo Bồ-tát Di Lặc rằng,

những Đại Bồ-tát ở trong các cõi nước Phật khác vì muốn quy hướng Nhất Thừa Pháp Giới, mong cầu chứng đắc quả vị Phật cũng phải cầu vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc của Phật A Di Đà mới có thể thành tựu.

Cõi xe trâu/bò rồi chuyển sang cõi xe voi là nói lên bước thăng tiến của người tu pháp Đại Thừa chuyển lên Nhất Thừa. Trong quá trình chuyển biến từ pháp Đại Thừa (dùng Lục Độ Ba La Mật làm phương tiện) lên đến Nhất Thừa, Bồ-tát phải nương vào Phổ Hiền Thập Đại Nguyên Vương để làm phương tiện tu tập. Thế nhưng đến giai đoạn cuối cùng, ***Bồ-tát cũng phải xả bỏ hết tất cả các pháp mới có thể thành tựu Phật quả.*** Vì sao, vì tất cả pháp đều không phải là thật pháp, chỉ là phương tiện giáo hóa chúng sanh của Phật. Khi nào trong tâm không còn thấy có một pháp nào để tu nữa thì mới chứng được Phật quả. Nói cách khác – *Thật pháp là Không pháp.* Vì tất cả các pháp hữu vi đều là Quyền pháp (pháp phương tiện), vì chỉ là phương tiện nên sau khi dùng xong phải biết xả bỏ, không chịu xả bỏ tức còn chấp pháp, tức còn phiền não (phân biệt, chấp trước), nếu còn phàm vô minh chưa đoạn thì không thể thành Phật.

Có 41 phẩm vị Bồ-tát (vì Bồ-tát vẫn còn có 41 phẩm vô minh chưa đoạn), đoạn được 1 phẩm vô minh thì được thăng lên 1 cấp bậc Bồ-tát cao hơn. Bồ-tát phải dùng pháp gì để đoạn 41 phẩm vô minh này? Bồ-tát phải tu Phổ Hiền Hạnh để đoạn 41 phẩm vô minh này. Ở giai

đoạn cuối cùng, Phổ Hiền Hạnh cũng phải xả bỏ thì mới có thể rốt ráo thành Phật trong Nhất Chân Pháp Giới.

Năm Tông Chỉ của Tịnh Tông Học Hội là tinh hoa của kinh Vô Lượng Thọ, do Thiện Đạo Đại Sư (tức ứng thân của Phật A Di Đà) đề xướng, và đã được Ngài sắp xếp thứ tự từ thấp lên cao: Nhân Thừa, Tiểu Thừa, Trung Thừa, Đại Thừa & Nhất Thừa. Cốt hầu giúp chúng sanh với nhiều căn tánh khác nhau sẽ từng bước tu tập thăng tiến lên, từ một phàm phu vô minh tham dục cho đến chứng đắc quả Nhất Thừa (Phật quả). Hòa Thượng Tịnh Không lại dùng 5 đề mục này làm 5 tông chỉ của Tịnh Tông Học Hội. Theo cách suy nghĩ của huynh, thì Thiện Đạo Đại Sư và Hòa Thượng Tịnh Không không phải là hai mà chỉ là một người; vì cách giáo hóa của hai Ngài hoàn toàn giống in nhau, và hoàn toàn dựa trên cương lĩnh của kinh Vô Lượng Thọ.

Thời xưa Ngài Kim Kiều Giác Đại Sư (Thái Tử Hàn Quốc) là ứng hóa thân của Địa Tạng Vương Bồ-tát, rời cung vua ở Hàn Quốc đến tu đạo tại Cửu Hoa Sơn – Trung Quốc. Sau khi thành đạo và viên tịch (thọ 99 tuổi), Ngài để lại nhục thân bất hoại tại Cửu Hoa Sơn. Đến triều đại nhà Võ, Võ đế diệt Phật giáo, làm nhục thân của Ngài bị mất tích, không thể tìm ra. Sau đó lại xuất hiện một nhà Sư Vân Hà đến Cửu Hoa Sơn tìm nhục thân của Ngài Kim Kiều Giác. Vị Sư này ở lại trong núi Cửu Hoa trọn một cuộc đời, mỗi ngày chỉ ăn củ bình tinh để sống, tu thành

chánh quả, để lại nhục thân thay thế cho Địa Tạng Vương Ứng Thân Kim Kiều Giác Đại Sư. Ngài Vân Hà Đại Sư được vua lập điện tôn thờ, và người đời xưng tôn là Địa Tạng Vương Ứng Hóa Thân Vân Hà Đại Sư. Vân Hà Đại Sư và Kim Kiều Giác Đại Sư đích thực chỉ là một, không phải hai, đều là ứng hoá thân của Địa Tạng Vương Bồ-tát.

Phật Bồ-tát luôn thường thị hiện ở thế gian này hóa độ quần mê, không lúc nào ngừng nghỉ. Người hữu duyên hữu phước ắt sẽ nhận ra qua bởi trí huệ tư duy, và sức giác quán của họ.

Huynh nhận thấy câu hỏi hôm qua của VP, có phần phù hợp với bài viết của huynh cho chú LN, nên gửi thư này cho VP để liên tưởng mà tư duy quán chiếu.

Tư duy quán chiếu là pháp tu giác quán định, từ quán định này trí huệ mới có thể phát sanh, có định có huệ thì việc tu hành mới vững chắc, không sai lạc. Phật bày ra Tam Học (Văn Tư Tu) hay Tín-Giải-Hành-Chứng cũng là để giúp chúng ta từng bước tu hành, đưa chúng ta đến pháp Nhất Thừa cứu cánh viên mãn thành Phật.

Như kinh Vô Lượng Thọ nói: *“Nếu những chúng sanh, muốn tắm trong nước, muốn nước¹² đến chân, ngập*

¹² Nước tượng trưng cho pháp của Phật. Chân, gối, lưng, thân, cổ... tượng trưng cho căn tánh cao thấp khác nhau của mỗi chúng sanh.

đến gối, đến lưng; muốn nước dâng đến cổ hoặc muốn rưới khắp thân; muốn lạnh, ấm, chảy mạnh hay từ từ, nhất nhất đều được thuận ý, tịnh khiết vô hình, giúp phát giác tánh, phá mê khai ngộ.”

Câu kinh văn trên ám chỉ kinh Vô Lượng Thọ là pháp thậm thâm vi diệu của Như Lai, pháp Ba-la-mật này không phải dễ gặp vì nó có mười lực vô úy, vô ngại vô trước, tùy ý chúng sanh mà giáo hóa, cứu khổ ban vui. Người hay nói pháp cũng khó mở bày hết những chỗ vi diệu của kinh Vô Lượng Thọ, và người vững chắc tin sâu kinh điển này thời cũng khó gặp.

Nếu ai gặp được kinh Vô Lượng Thọ này mà tin ưa thọ trì đọc tụng thì ví như người được ngồi trên con voi của Ngài Phổ Hiền Đại Sĩ, đằng trước thì có Phật Như Lai làm người dẫn voi đi cho đúng hướng, đằng sau có Bồ-tát Phổ Hiền Hạnh làm chỗ dựa lưng. Người này chẳng phải là Tiểu Thừa, chẳng phải Trung thừa và cũng chẳng phải là Đại Thừa; mà là đệ tử bậc nhất của Phật đang hướng đúng theo pháp Nhất Thừa mà thẳng tiến thành Phật.

Diệu Âm Trí Thành



Phiền Nã tức Bồ Đề

Kính đến Ni Sư Thích Nữ GT:

Do nhân duyên nơi pháp hội trang nghiêm Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm tổ chức tại chùa Linh Thứu, Berlin - Đức Quốc (năm 2011), con được sư huynh VP giới thiệu con đến Sư. Sau buổi nói chuyện hôm ấy, trong lòng con mang nhiều nỗi ưu hoài, xót xa cho kiếp làm người, vẫn chưa được giải thoát.

Sư ơi! Không phải chỉ có mình Sư bị mang cái thân bực bách ở chốn Ta Bà này, hay lụy trần làm cho tâm Sư rơi vào cảnh giới bị khủng bố, điên đảo, mộng huyễn... con cũng đã được nghe hay biết khá nhiều người có đồng cảnh ngộ như Sư.

Pháp giới mộng huân, cảnh giới xấu tốt chẳng qua do nghiệp thức chiêu cảm. Khi vọng thức hưng khởi xa là Chánh giác, thì cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh liền hiển hiện, không cần chờ đến kiếp sau, hay kiếp sau nữa đâu. Có nhiều người, thân trong hiện đời nơi cõi nhân gian, nhưng tâm đang bị chìm đắm trong tam ác đạo.

Phật dạy, “nhất thiết duy tâm tạo,” con xin thành tâm thưa với Sư là tất cả những cảnh giới Sư đang rơi vào, dù có sắc tướng hay mộng mị đều chỉ là hư huyễn, không

thật cả! Vì nhân duyên nào đó đã khởi động trong quá khứ, nay Sư luôn sanh lòng e dè, sợ hãi trước mọi người xung quanh. Sư nên buông bỏ mọi sự, mọi việc và cũng chẳng nên lo lắng cho những gì sẽ tới ở tương lai. Quá khứ thì đã qua, cố gắng giữ đoạn thân chánh niệm, thân tâm thanh tịnh, dứt bỏ lo sợ, mới mong thoát ra khỏi những cảnh giới không an lành này. Và cũng tự mình thường xuyên nên sám hối, “tội từng tâm khởi tương tâm sám, tâm nhược diệt thì tội diệt vong,” tội do tâm tạo, tâm chuyển, sám hối cho tâm trong sáng nhẹ nhàng thì tội tất nhiên tiêu.

Vì vạn pháp giai không, hết thảy đều do nhân duyên sanh khởi chứ không thật có. Từ chỗ làm chấp tướng ngã và pháp tướng trong tâm làm thật có, Sư mới thấy phiền não, sanh tử... là tướng có thật, nên Sư mới bị khổ ách. Sư nên giữ chánh kiến, trong mọi hành vi hay cách đối xử với người chung quanh hãy giữ sự vui vẻ, tự tại. Nếu có thể luôn xem họ là Bồ-tát, thì tự nhiên nơi mình sẽ cảm nhận được sự an ổn khi sống chung với họ. Vì những việc xấu ác mà Sư nhìn thấy, gây thành lo sợ trong lòng của Sư đều do từ tâm thức của chính mình hiển hiện, không do nơi nào khác. Đây chính là nguyên nhân của sự *khổ ách*, nó nằm ngay trong ‘tâm’ Sư. Đức Phật dạy: “*ta đã tìm ra kẻ làm nhà, từ nay nó không còn làm nhà được nữa,*” nên Sư phải tự tháo gỡ ngay ở chỗ này. Và khi tháo gỡ rồi, thì tâm sẽ được “Thường, Lạc, Ngã, Tịnh,” vì lúc ấy tâm Sư đã

chuyên hóa từ tam độc tham ái, sân hận, si mê, thành giới - định - huệ. Hiểu như thế rồi, thì Sư hãy mau mau quay trở về Chánh giác, thực hiện lời Phật dạy mà chuyển đổi cái nhìn, cái nghĩ của mình, không nên chú tâm để ý đến việc của người khác nữa.

Ngày xưa, khi thị hiện nơi thế gian này, Bôn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, đã thị hiện muôn vạn hình tướng trạng (giống như của chúng sanh): từ một ông hoàng tử cành vàng lá ngọc cho đến làm kẻ ăn xin; từ kẻ si mê rơi vào tà đạo cho đến một người trí tuệ vượt xa đời; từ một người tu sai lầm cho đến việc thành bậc Chánh giác. Và trước khi Phật thành đạo bên gốc cây Bồ Đề, lúc ấy muôn binh vạn tướng của ma vương liền đến nhiễu loạn: người cầm dao, kẻ cầm búa, kẻ bắn tên nhọn đến thân; ma nữ hiện ra quyến rũ mong Ngài khởi lòng ái dục v.v..., Ngài đã thị hiện cho chúng ta thấy, nếu nhận biết hay giác ngộ rằng những cảnh giới này đều chỉ là ảo ảnh, mộng huyễn, thì những ma cảnh này sẽ liền tan biến. Tức ngoại ma chỉ có thể khống chế chúng ta ở tại tâm, nếu tâm được an trụ trong chánh niệm thì ma cảnh liền biến mất. Đức Thế Tôn đã dạy chúng ta phương pháp điều phục vọng tâm như thế, nếu làm theo Ngài ắt Sư sẽ tìm thấy được sự diêu dụng của Phật pháp, hễ Sư cũng sẽ giải thoát được mọi ách nạn đeo mang.

Nghe huynh VP nói: Sư niệm 30 ngàn câu Phật hiệu “A Di Đà Phật” mỗi ngày. Việc làm này rất tốt. Niệm

Phật, tâm phải có Phật, từ bi sáng suốt, rỗng rang vô niệm, không khởi ưu tư, đạm bạc an nhiên, thì tự nhiên sẽ giải trừ được những oán giận, sợ hãi, điên đảo, khủng bố. Chúc Sư thân tâm luôn được an định trong chánh niệm, dùng *Lục Tự Di Đà* làm công cụ phá thành phiền não.

Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm kinh có câu “*Bồ Đề Tát Đỏa y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh Niết Bàn*”. Một khi Sư đã sáng tỏ thật tướng của hết thảy các pháp đều do duyên sanh khởi, không phải thật có; thì tâm Sư sẽ vô quái ngại, vô quái ngại cố, tức liền biến “Phiền não thành Bồ Đề” Sư ná.

Diệu Âm Trí Thành



Khuyến Tấn Hành Giả # 1

Thân gửi đến Gg:

Mỗi người chúng ta (có thể) đang ở trong những giai đoạn của sự tiến hóa tâm linh khác nhau đưa đến sự vãng sanh Cực Lạc, do đó không cần phải phán xét những người bị bỏ lại phía sau.

Mỗi cá nhân sẽ tiến tới với một tốc độ phù hợp của riêng mình. Nhờ vào sự giáo hóa của Phật Đà, qua những mẫu truyện nói về tiền kiếp tu tập của các đức Phật và Pháp thân Đại sĩ, giúp chúng ta nhận thấy những lợi ích của sự luân hồi tái sanh, là giúp tạo cơ hội cho chúng ta lặp đi lặp lại những bài học chưa thông ở trong các đời trước.

Đức Phật nói, tất cả chúng sanh đều sẽ thành Phật. Mỗi người khi đến lúc nhân duyên thời tiết chín mùi, rồi cũng sẽ tìm thấy được những lợi ích của những gì mà họ đã trải qua trong pháp giới Nhị thừa, và nó sẽ là một lợi thế hữu dụng, là tư lương cung cấp cho họ khi họ muốn tiếp tục tiến hóa tâm linh đến cảnh giới Nhất thừa. Tu ngàn vạn kiếp, giác ngộ trong một sát na.

Phật Bồ-tát luôn có những phương tiện thiện xảo và kế hoạch tuyệt vời cho vũ trụ, đó là do ở lòng từ bi của các

Ngài dành cho tất cả muôn loài chúng sanh. Các Ngài cũng luôn tôn trọng và cho phép chúng sanh hoàn toàn tự do lựa chọn cảnh giới tiến hóa theo tâm nguyện. Tuy nhiên Phật Bồ-tát không ngừng chia sẻ sự hiểu biết của các Ngài với chúng sanh để tham vấn những phương pháp, và chỉ rõ con đường nào tốt đẹp nhất, để chúng sanh không lựa chọn sai lầm. Trong các kinh Hoa Nghiêm, Quán Vô Lượng Thọ, A Di Đà, Vô Lượng Thọ, Niệm Phật Ba La Mật v.v..., Phật nói con đường tốt đẹp và thù thắng nhất là pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc. Ngay cả các Đẳng giác Bồ-tát như Quán Âm, Thế Chí, Phổ Hiền, Văn Thù, Thiện Tài Đồng Tử v.v... cũng đã chọn con đường này mới có thể nhanh chóng viên thành Phật đạo. Chẳng lẽ chúng ta có khả năng chọn lựa hay hơn các Ngài ấy ư!

Phật nói, phiền não là Bồ-đề. Chúng ta đã trải qua rất nhiều đời nhiều kiếp khổ đau, gian nan, khó nhọc và chướng ngại ở trong lục đạo luân hồi sanh tử; có thể nói là chúng ta uống khổ ăn độc chưa từng ngưng nghỉ. Tuy nhiên với chánh kiến và chánh tư duy, chúng ta nhận ra rằng đó cũng chỉ là những thử thách giúp chúng ta mau thăng tiến lên cảnh giới tốt đẹp hơn mà thôi. Những thử thách này sẽ là cơ hội giúp chúng ta có thể nhảy vọt về phía trước xa hơn, vượt ra khỏi cửa biển khổ sanh tử.

Vào thời điểm cuối cùng của thọ mạng, sau khi chúng ta được Phật A Di Đà tiếp dẫn vãng sanh về cõi

nước Tây Phương Cực Lạc, thời tất cả các nghiệp chướng của đời quá khứ đều được yên nghỉ, chúng ta sẽ hoàn toàn được đại tự tại, được đại Niết Bàn, dứt trừ tận gốc cội rễ sanh tử khổ đau.

Do vì sự vãng sanh của mỗi chúng sanh rất là quan trọng, nên Phật Bồ-tát luôn thường gia hộ, giúp đỡ chúng ta nâng cao trí tuệ, Bồ-đề tâm, tín lực, nguyện lực và niệm lực. Các Ngài luôn có sẵn mọi phương tiện thiện xảo khiến cho mọi chúng sanh trong mười phương thế giới thấy được Phật A Di Đà, vãng sanh Cực Lạc. Phật Bồ-tát muốn hết thảy chúng sanh cũng được giống như các Ngài, và họ cũng biết chúng ta đã và đang tìm thấy, đang thức tỉnh được điều gì trong bản lai con người thật của mình – đó là sự giác ngộ Tự Tánh của chính mình.

Thời gian còn lại, để chúng ta đặt trái tim và an trú tâm vào công việc niệm Phật cầu vãng sanh, có thể không còn nhiều lắm đâu. Hơn nữa mạng người vô thường như cá mắc cạn, như sương mai trên lá, như ánh trăng trong nước... Vì thế hãy luôn cố gắng tập trung vào mục tiêu của mình, để không bị phân tâm bởi những ngoại cảnh hư dối của thế gian. Các năng lực bóng tối, oan gia trái chủ và ác nghiệp cũng đang có những nỗ lực ngăn cản chúng ta vãng sanh, nhưng nó chỉ có thể xảy ra nếu chúng ta cho phép.

Nhìn thấu rõ rồi thì hãy buông xả vạn duyên, thanh tịnh và vững vàng đi trên con đường mình chọn một cách thanh thoi và an toàn trong ánh sáng vô cùng từ bi và thanh tịnh của Phật A Di Đà.

Phải tin nơi Phật! Và cũng phải tin nơi chính mình!

Thân mến!

Diệu Âm Trí Thành



Khuyến Tấn Hành Giả # 2

Kính gửi đến anh chị,

Hôm nay được nói chuyện với chị qua điện thoại, em nhận thấy chị tâm hồn tỉnh táo, thanh thoi vui vẻ, tư thế sẵn sàng xả bỏ xác thân thể tục, nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật, chờ ngày vãng sanh. Lại nữa, chị có anh V., con cháu và bạn bè bên cạnh hết lòng hỗ trợ chị niệm Phật, thật là phước đức lớn, khó ai sánh bằng. Nhân duyên vãng sanh của chị xét ra rất là thuận lợi về cả hai mặt tự lực và tha lực.

Người chưa có tín lực trong pháp môn niệm Phật thì sợ chết; người có đầy đủ Tín-Nguyện-Hạnh, ngược lại, mong sao cho chóng vãng sanh thành tựu đạo cả. Vì vậy, anh V. và các cháu nên lưu ý, khi nghe bác sĩ cho biết thời gian của chị L. sắp ra đi, phải nên cho chị biết trước để có chuẩn bị tinh thần càng sớm càng tốt. Lúc đầu, chị L. có thể bị hoang mang sợ hãi, nhưng chỉ trong chốc lát sẽ hồi tỉnh và chấp nhận số mệnh sẵn bày. Nếu chị L. biết ngày ra đi quá trễ, chị sẽ không có đủ thời gian để chuẩn bị và an định tinh thần mà rốt ráo niệm Phật cầu sanh Cực Lạc. Khi người niệm Phật biết mình không còn sống bao lâu nữa, sức niệm Phật của họ sẽ tự nhiên gia tăng “ghê lắm”, có thể đạt đến chỗ nhất tâm bất loạn, vì họ chỉ có một con đường tốt nhất để đi, không còn sự lựa chọn nào khác.

Anh V. và các cháu nhớ dùm cho điều này nhé! đừng nên dẫu chị L., làm chị không đủ thời gian để chuẩn bị.

Trong chúng ta, có nhiều người đã nghe hoặc tận mắt thấy nhiều người do công phu niệm Phật đắc lực, được vãng sanh rất tự tại, biết trước giờ giấc ra đi, không một chút bệnh hoạn, gương mặt tươi đẹp hơn lúc bình thường. Cũng có nhiều người vào lúc sắp lâm chung, gặp được Thiện trí thức khai thị pháp môn niệm Phật, rồi phát lòng Tín-Nguyện-Hạnh niệm Phật cầu sanh Cực Lạc; sau đó vượt qua khỏi mọi ách nạn và nghiệp chướng, và cũng được vãng sanh tự tại. Chúng ta là hạng người nào giữa hai bậc vãng sanh trên? Nếu chúng ta còn có những suy nghĩ tham sống sợ chết, luyến tiếc trần cảnh thì e rằng “Hạ Hạ phẩm vãng sanh” cũng không có phần, rồi phải chịu trôi lăn mãi trong lục đạo luân hồi.

Tổ Ấn Quang Đại Sư đã dạy chúng ta phải lấy chữ “Tử” làm trọng đại, không phải là dạy chúng ta sợ chết, xa lánh cái chết, mà Ngài dạy chúng ta phải sáng suốt và phải có chuẩn bị thiết thực để lúc lâm chung có thể bình tĩnh và an nhiên thanh tịnh niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc, vượt qua khỏi sanh tử luân hồi, nhập vào hàng Thánh.

Hòa Thượng Tịnh Không nói: “Pháp môn Niệm Phật không có sanh tử, vãng sanh không phải là chết, vãng sanh là sống mà ra đi. Còn chết là không thể Vãng Sanh”. Cho nên pháp môn này thật sự là “pháp môn không sanh,

không diệt”, là “pháp môn tối thượng” như lời Thế Tôn tuyên bố.

Người niệm Phật tinh chuyên, chí nguyện kiên cố và sâu rộng, có lòng tín nhiệm nơi Phật A Di Đà, vào lúc lâm chung sẽ rất tỉnh táo, không kinh không sợ, tâm không điên đảo. Lúc đó, họ không cần cái xác thân tạm bợ vô thường này nữa. Lúc ấy, họ rất là vui mừng vì sắp được thấy Phật A Di Đà, Quán Âm, Thế Chí và chư vị Thánh Chúng tới rước. Khi lên đến cõi Tây Phương Cực Lạc rồi, họ sẽ được một thân tướng trang nghiêm đẹp đẽ y như đức Phật A Di Đà. Như vậy, đâu thể gọi là chết, mà phải gọi cải tử hoàn sanh. Sống ở thế gian này luôn phải chịu đựng tám khổ đè nặng trên thân lẫn tâm, sống không bằng chết, chẳng có gì để vui thích. Xả bỏ được xác thân thế tục, vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc sẽ vĩnh viễn không còn chết và luôn thọ hưởng những sự vui sướng khoái lạc, thanh tịnh tối cực; vậy mới gọi là “thật sự cải tử hoàn sanh”.

Pháp môn niệm Phật là “Pháp môn Vô Lượng Thọ”, là “Pháp môn không già, không bệnh, không chết”. Chúng ta phải nên vững lòng, an tâm, dùng bước, lắng lòng nhất hướng chuyên tâm niệm danh hiệu Phật. Chỉ cần chuyên tâm niệm Phật, thì mọi chuyện khổ đều không còn nữa, thân tâm thanh tịnh, sắc mặt tự tại, hồn nhiên vui vẻ.

Hiện giờ chị L. còn đang mang cái nghiệp báo thân này, sống chết chẳng đặng theo ý muốn. Chị đã phát tâm niệm Phật cầu sanh Cực Lạc, và cũng đã cố gắng buông xuống hết rồi, chỉ còn câu hồng danh A Di Đà Phật với niềm vui đạo hạnh tràn ngập trong lòng, đó gọi là pháp hỷ sung mãn. Điều cần thiết lúc này là: hoan hỷ vui vẻ, chuyên cần công phu niệm Phật cho thành khối. Điều này sẽ giúp cho chị không còn bị ràng buộc bởi cái khổ của bệnh và chết nữa, chùng đó sanh tử tự tại, sự vãng sanh hoàn toàn mang theo ý nghĩa cao đẹp – thành Phật để cứu độ chúng sanh.

Người tu đạt đến mức biết mình sắp lâm chung mà vẫn an nhiên tự tại, như chị L. vậy, là người hội tụ đủ phước báo để được sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Người lão thực niệm Phật này, khi biết số mạng của mình không còn nữa, họ mong sớm được lên Tây Phương Cực Lạc để mau được nghe kinh pháp do Phật A Di Đà dùng *bát âm diễn sướng diệu thanh*, gần gũi vạn ức Phật tu tập các pháp công đức, chóng thành Phật đạo. Sau khi lên đến thế giới Cực Lạc rồi, mỗi ngày đều được thấy Phật, được cúng dường vô lượng hằng hà sa số Phật, và có thể phân thân trở lại thăm thế gian bất cứ lúc nào. Có gì tự tại và vui sướng hơn nhỉ!

Thế giới Tây Phương Cực Lạc có đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm, thanh tịnh và đẹp đẽ. Phước báo tự nhiên đầy đủ, chẳng tơ hào ác, mọi nơi mọi vật đều là

những thành tựu tốt đẹp. Chúng ta tranh thủ đi cho sớm nhé!

Chúng ta phải nên sáng suốt nhận thức sự thù thắng không thể nghĩ bàn của Phật A Di Đà, Thế Giới Cực Lạc và pháp môn niệm Phật, để tăng trưởng thêm niềm tin và thiện căn của mình hầu đem hết tâm nguyện của mình ra niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, chắc chắn sẽ được thành tựu.

Diệu Âm Trí Thành



Khuyến Tấn Hành Giả # 3

Q.A. thân,

Lâu lắm rồi mới nhận được thư của Q.A., chắc là việc nhà và việc đời có lắm sự đa đoan ràng buộc, không có được những giây phút an nhàn thanh thoi. Sống ở thế gian này, mọi người đều có bồn phận; người tục gia có cái bận buộc này, thì người xuất gia cũng có các bận rộn khác. Có ai trong thế gian này thật sự được hoàn toàn rảnh rỗi và tự tại để tu hành, hoặc đạo khắp bốn phương tầm minh sư học đạo đâu? Người đa phước, giàu sang, rảnh rỗi thì lại không thích tu hành vì mê say và tham đắm trong dục lạc phước báu thế gian. Bởi thế Phật mới nói “phước báu là đại nạn”, “danh là nguy hiểm”, “phiền não là Bồ Đề”.

Những người giàu sang, danh vọng, an nhiên tự do v.v... mà biết tu hành nghiêm mật, biết làm phước thiện và hộ trì Phật pháp thì chắc phải là những vị Nhất Sanh Bồ Sứ, vì chúng sanh mà mặc giáp hoàng thế, thị hiện ở đời để hoằng pháp lợi sanh và giáo hóa hữu tình.

Người có phiền não, mà thấy được Phật pháp, thì trong đời này, sẽ mau chóng được giác ngộ giải thoát. Phật pháp không có định pháp: Phật pháp vi diệu nhiệm mầu và thường biến để thích hợp với mọi hoàn cảnh và trí

tánh của chúng sanh; thế mới biết trí rộng Đại Thừa, oai đức rộng lớn, trí vô đẳng vô luân, trí không nghĩ bàn của Phật.

Q.A. nè! Dù cho duyên sự có nhiều đến mấy, nếu Q.A. biết giữ cho tâm được điềm nhiên, không chuyển theo cảnh, thỉ lúc đang bận rộn cũng có thể được giải thoát an nhàn. Nếu không nhận biết rõ điều này, thì dù bỏ việc đời, nơi tâm cũng còn vương vấn, rộn ràng chẳng yên.

Ấn Quang Tổ Sư có dạy: "*Đôn luân, tận phạm, nhàn tà, tồn thành. Lão thật niệm Phật, cầu sanh Tịnh-độ*". Nghĩa là, chúng ta sống phải làm tròn luân thường đạo đức, tận hết bổn phận làm người trong gia đình và ngoài xã hội, ngăn ngừa tà tâm tà hạnh, giúp người khác làm điều thiện lành. Thật thà chuyên lòng niệm Phật, cầu vãng sanh Tịnh-độ.

Phật nói: Phật tử tu tại gia như vàng nung trong đồng lửa, lửa càng lớn thì làm vàng càng thêm chói sáng. Người tu tại gia mà hành được thánh đạo của Phật thì khác nào hoa sen mọc trong lửa; hoa sen này chẳng phải là loài hoa tầm thường mọc trong nước bùn. Trong kinh Phạm Võng, Thế Tôn dạy Cận Sự Nam và Cận Sự Nữ (Phật tử tại gia) rằng: Nếu Bồ-tát tại gia có thể tu hành và giữ gìn giới cấm nghiêm mật, vững vàng không phạm, thì hiện đời là đáng trọng phụ ở trong cõi nhân gian, lúc xả bỏ báo thân sẽ sanh về cõi Phật làm bạn hiền với Bồ-tát.

Người học Phật nên biết an theo phận mình, giữ tròn nhiệm vụ, thì dù có tiếp xúc với muôn duyên, mỗi ngày vẫn thong dong ngoài cảnh vật. Đó chính là cái ý nghĩa của câu “*Một lòng không trụ, muôn cảnh đều nhàn*”. Khi biết rõ sự thắng diệu của Phật pháp, thì có cái gì gọi là không tu? Có lúc nào mà không thể tu? Thậm chí rửa chén, quét nhà, nấu cơm, nuôi dưỡng người bệnh, đi làm v.v... cũng là tu. Tu những gì? Đầy đủ tất cả Giới, Định và Huệ. Trong Giới có chứa đựng cả bốn pháp: bố thí, trì giới, nhẫn nhục và tinh tấn; Giới thành thì được Định, Định thành thì được Huệ. Hơn nữa, chúng ta làm việc phụng sự cho gia đình và xã hội cũng là công việc bố thí, bao gồm cả tài và vô úy, cho tất cả chúng sanh quyền thuộc hay không quyền thuộc với ta. Hiểu được vậy, thì ta càng làm việc nhà hay việc xã hội, ta sẽ càng cảm thấy hăng say và hoan hỷ; không còn bị nhàm chán mà than thân trách phận nữa. Trong tất cả công việc hằng ngày, dù là bằng trí óc hay lao động chân tay, ta đều có thể thu đạt được các pháp công đức như: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ (Lục Độ Ba La Mật). Vì sao? vì “Công” là việc làm, mà “Đức” là tánh thiện từ nơi tâm đặt trên việc làm; Vậy, khi ta đặt cái tâm thiện trên một việc làm nào đó, bất kể là Phật pháp hay phi Phật pháp, thì việc làm đó, đều biến thành “Công Đức”. Thế mới rõ biết: “Phật pháp bao gồm tất cả thế gian và xuất thế gian pháp”.

Người tu hành hay thường chấp pháp, cứ tưởng là phải ngồi một chỗ tọa thiền, niệm Phật, trì chú mới gọi là tu. Chứ có biết đâu làm cái gì mà chẳng phải là tu. Ý nghĩa chung của chữ “tu” là cải sửa hành vi và quan niệm của mình trong mọi sự đối vật tiếp người. Lại nữa, lúc làm các công việc này ta vẫn có thể niệm Phật cơ mà! Tóm lại, người biết tu là người biết sống một cuộc sống bình thường, làm những công việc bình thường, mà trong mọi công việc đều phát sanh thiện căn phước đức. Nếu có năng lực và phương tiện tốt, họ lại mở rộng tâm lượng bao dung, góp công sức vào việc đem Phật pháp giáo hóa và an lập chúng sanh trong Phật chánh đạo. Trong kinh Kim Cang, Thế Tôn dạy: “độ vô lượng chúng sanh, mà trong tâm chẳng thấy có một chúng sanh được độ”, như thế mới gọi là bố thí Ba La Mật.

Cố gắng lên, Q.A. nhé! Trong mọi hoàn cảnh.

Diệu Âm Trí Thành



Trụ Đại Thừa Giả (Kể Trụ Trong Đại Thừa)

Thân chào hết thầy chị em trong gia đình của KN: Chị KA, TO, VN, KD, QT, MT, và QH.

Nghe KN thuật lại những sinh hoạt hoằng pháp lợi sanh của quý vị, huynh cũng hoan hỷ vô cùng. Đời này, chúng ta có được thân người và hưởng được những phước báu nhân gian, ấy chẳng qua cũng là nhờ hồng ân của Tam Bảo. Nay chúng ta tình nguyện làm sứ giả của các Đức Như Lai, vì Như Lai là vua của các điều thiện, là bậc đức hạnh tôn quý nhất để chúng ta phải bắt chước hành theo.

Vun bồi phước thiện

Vun bồi phước thiện là trồng phước, gieo thiện.

Nếu chúng ta biết góp sức tạo phước giúp cho chúng sanh thì thật xứng đáng với danh hiệu Phật tử, là những người con thân cận của Ngài. Mặc dù cũng biết sức người có hạn vì phước báu của chúng ta nhỏ nhoi, thế nhưng tâm lượng bao dung của chúng ta đâu có hình tướng và ranh giới? Phật nói ‘*tâm bao thái hư, lượng chu sa giới.*’ Nên nó có thể rộng mở đến che khắp cả Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới kia mà.

Ngoài việc bỏ ác làm lành để tu bồi phước thiện. Trong Quán kinh còn dạy: “*Muốn vãng sanh Tịnh Độ phải biết tu Tịnh Nghiệp Tam Phước.*”

Tịnh Nghiệp Tam Phước

- Một là hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu mười thiện nghiệp.
- Hai là thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi.
- Ba là phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả.

Vì đời sống nơi cõi Ta Bà này của chúng ta đầy ô trược và sai biệt đến cùng cực. Nên Phật tử nếu không học Phật, không hiểu lời Phật dạy, chỉ biết thành tựu cho chính mình sẽ thường sanh lòng đố kỵ với sự thành tựu của người khác. Còn chư Phật Như Lai lại chỉ mong thành tựu cho chúng sanh, vì các Ngài đã thành tựu đến chỗ viên mãn. Do đó chư Phật Như Lai luôn mong mỗi tất cả chúng sanh mau chóng đều bình đẳng thành Phật như Ngài, và chỉ có Thế Giới Cực Lạc thì sự thanh tịnh bình đẳng này mới đạt đến chỗ cùng tột như thế.

Hành theo hạnh Như Lai đã hành – Chánh hạnh và Trợ hạnh

Vậy chúng ta nếu muốn được giống như Phật thì nên hành như Phật đã làm, việc đó không ngoài việc

‘Hoằng Pháp Lợi Sanh’ (**Trợ hạnh**). Mỗi niệm hay mỗi việc làm đều không ngoài mục đích quảng đại Phật pháp, cứu độ chúng sanh, bằng với tâm vô tư vô tướng, không mong cầu. Đây chính là Vô thượng Bồ Đề Tâm cần thiết cho chúng ta để làm tư lương vắng sanh Cực Lạc.

Khi chúng ta đã gặp pháp môn niệm Phật khế lý khế cơ này, rồi chí tâm tin ưa thọ trì, buông bỏ vạn duyên, nhất tâm niệm Phật ngày đêm không ngừng cầu sanh Cực Lạc (**Chánh hạnh**). Thì nên biết nhân duyên vắng sanh Cực Lạc của chúng ta ở trong đời này đã đến lúc chín mùi, nhân duyên thời tiết đã đến lúc hội tụ. Đây là cái quả báo do vô lượng đời trước chúng ta đã từng gầy gủi vô lượng chư Phật, trồng các cội lành mà thành, chứ không phải chỉ do kết tập ở chút phước mỏng nhỏ bé ngay ở đời này mà thôi đâu! Thời nay chúng ta niệm Phật khó thành đạt, chỉ vì ba thứ phiền não căn bản khó đoạn; đó là vọng tưởng, phân biệt và chấp trước. Khi buông bỏ được phiền não này rồi, công phu niệm Phật mới có thể đạt tới chỗ thanh tịnh và nhất tâm. Lúc đó mỗi câu niệm Phật đều sẽ tương ứng với Phật A Di Đà, tương ứng với mười phương Chư Phật và cũng tương ứng với Tự tánh của chính mình.

Chúng ta phải hành theo các hạnh của Như Lai, khéo léo biết căn cơ của mình và để thuận theo duyên mà tu tập. Nên **Chánh hạnh và Trợ hạnh** phải biết hỗ trợ lẫn nhau thì mới chóng được viên mãn.

Kẻ trụ trong Đại Thừa

Chúng ta học Phật là học tập nơi chư Đức Phật, và hành theo các hạnh mà các Như Lai đã hành. Trong kinh Vô Lượng Thọ đã nói rõ, nếu chúng ta tu tập và thực hành được vậy, chúng ta nhất định chẳng phải là tiểu thừa, đích thực phải là đệ tử bậc nhất của Phật.

Kinh Đại Bảo Tích Đạo dạy: *“Chánh chân, chánh giác của chư Phật Như Lai hành, thừa ấy gọi là Đại Thừa.”*

Kinh Pháp Hoa cũng nói: *“Nếu có chúng sanh nghe pháp từ đức Phật Thế Tôn mà tin nhận, siêng tu tinh tấn, cầu Nhất Thiết Trí, Phật Trí, Tự Nhiên Trí, Vô Sư Trí, Như Lai tri kiến, lực, vô sở úy, thương xót, an vui vô lượng chúng sanh, lợi ích trời, người, độ thoát hết thảy, thì gọi là Đại Thừa.”*

“Y pháp bất y nhân” là y theo lời kinh dạy không dám sai quấy như dây chỉ mực. Cứ thực hành như thế, ở nơi mình sẽ tu trồng được gốc thiện để hồi hướng Tây Phương Cực Lạc cầu sanh Tịnh độ. Khi thành tựu cho mình rồi, nhất định sẽ có thể cứu giúp tất cả chúng sanh trong vô lượng thế giới cùng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc viên thành Phật đạo, đúng với lời phát nguyện: *“chúng sanh vô biên thế nguyện độ”*.

Vài lời thành ý gửi đến quý vị, nếu chúng ta có cùng một bản nguyện cầu sanh Cực Lạc, tôi quả thật là hữu phước được hân hạnh biết đến quý vị trong gia đình nhỏ bé Vô Lượng Thọ này.

Nguyện cùng làm pháp lữ để chuyển biến biên nghiệp ở cõi Ta Bà này thành biên Liên Trì.

Diệu Âm Trí Thành



Tâm Viên, Ý Mã

Em GH thân:

Tâm chúng ta động loạn, vô thường lắm GH ạ! Nó cứ lảng xãng lộn xộn chạy theo cái bóng bên ngoài của lục trần. Ở ngoại quốc sống nơi xứ lạnh, mùa Đông co ro, ngoài giờ làm việc bên ngoài chẳng có gì nhiều để làm, ít bị ngoại cảnh mê dụ, nên thường niệm Phật được thanh tịnh. Nhưng khi mùa Xuân và Hạ đến, ngoài trời có đủ thứ quyến rũ hấp dẫn, chúng ta lại dễ bị phân tâm.

Bởi vậy nhà Phật luôn nhắc đến câu: *“Người tu hành phải biết thiếu dục tri túc.”* Bởi chúng ta sống chẳng biết thiếu dục tri túc, nên luôn luôn bị thân năm ấm xúi giục mong cầu đủ thứ làm tâm tán loạn. Chúng ta si mê lại chấp tâm mình là thật, chấp cái suy nghĩ lảng xãng lộn xộn là thật, chấp cái thân này là thật... Vì chấp những cái si mê này mà cứ tạo nghiệp, làm tâm bị loạn động chẳng ngừng, vì vậy chúng ta mãi đi vào luân hồi sanh tử.

Cho nên người tu hành cần phải gìn cái Tâm, giữ cái Ý, không cho phóng túng, cốt làm sao cho tâm ý đạt được trạng thái lặng lẽ an tịnh. Phật thường nói tâm chúng sanh là “tâm viên, ý mã”.

- “Tâm viên” là cái Tâm giống như khí, tức Tâm lúc nào cũng nhảy nhót như khí, hết tưởng việc này lại tưởng đến việc khác, không lúc nào lặng yên. Do đó, người tu cần phải định cái Tâm, kèm giữ không cho nó dao động.
- “Ý mã” là cái ý giống như ngựa, lúc nào cũng muốn cỡi cương phóng chạy, chạy theo ngoại cảnh, không chịu đứng yên.

Chỉ khi biết tâm mình đang động loạn mới chính là giác, khi tâm hoàn toàn được hàng phục và an trụ sẽ đi đến chỗ chứng ngộ. Sự chứng ngộ cũng cần phải tùy duyên nữa. Ví như ta gieo hạt lúa xuống đất, cũng phải chờ đến khi nhân duyên thời tiết chín mùi, mưa nắng thuận hoà, hạt lúa kia mới đâm chồi lên cây, trở hoa kết hạt. Không nên nóng nảy vội vã trong việc tu hành, đây cũng là trạng thái rất bình thường của phàm phu chúng ta. Cho nên GH cứ tiếp tục không ngừng niệm Phật nhé! Tâm tán loạn cũng niệm Phật, tâm thanh tịnh cũng niệm Phật, tâm phan duyên cũng niệm Phật, niệm niệm nối tiếp không ngừng... Ngày này tháng nọ trôi qua, tâm cũng sẽ thuần thực, bỗng nhiên trở nên thanh tịnh và công phu tự nhiên sẽ tăng trưởng.

Tổ Sư Pháp Nhiên Thượng Nhân dạy: *“Đã sinh ra làm người trong cõi dục giới tâm địa này thì tâm đều tán loạn cả. Nếu bảo rằng phải bỏ cái tâm tán loạn mới vãng*

*sinh được thì thật là vô lý. Tán tâm niệm Phật mà được vãng sinh, đó là chỗ đáng quý của **bốn nguyện** vậy.”*

Do đó Ngài nói: “Không cần để ý đến vọng niệm, tán loạn... mà chỉ chuyên cần xưng danh hiệu. Nếu thường xưng danh hiệu, do công đức của Phật danh, vọng niệm tự dừng, tán loạn tự yên, tam nghiệp (thân, khẩu, ý) tự điều hòa, nguyện tâm tự phát. Bởi thế:

- *Khi nguyện tâm còn yếu cũng Nam Mô A Di Đà Phật.*
- *Khi tâm tán loạn nhiều cũng Nam Mô A Di Đà Phật.*
- *Khi vọng niệm sinh khởi cũng Nam Mô A Di Đà Phật.*
- *Khi thiện tâm phát sanh cũng Nam Mô A Di Đà Phật.*
- *Khi bất tịnh cũng Nam Mô A Di Đà Phật.*
- *Khi thanh tịnh cũng Nam Mô A Di Đà Phật.*
- *Khi tam tâm còn yếu cũng Nam Mô A Di Đà Phật.*
- *Khi tam tâm đầy đủ cũng Nam Mô A Di Đà Phật.*
- *Khi tam tâm hiện khởi cũng Nam Mô A Di Đà Phật.*
- *Khi tam tâm thành tựu cũng Nam Mô A Di Đà Phật.”*

Cho nên GH chớ nên buồn chán, mà bỏ công phu niệm Phật nhé! Công phu tu hành cần phải có nhiều thời gian, không thể dục tốc, không nên nản chí hay buồn phiền. Phải luôn giữ tâm an nhiên, vui vẻ và tự tại, đó là con đường chánh dẫn vào đạo. Niệm Phật thì con nít ba tuổi cũng làm được, nhưng ông già tám mươi tuổi chưa

chắc đã làm xong, chúng ta cũng không ngoại lệ. Thành công là nhờ nơi chỗ kiên trì, không ngừng dứt.

Nếu gặp phải hoàn cảnh không thích hợp thì nên uyển chuyển thay đổi để bớt buồn chán hay chướng ngại, không nhất thiết phải chấp vào một phương pháp niệm Phật nhất định nào cả. Cách nào thích hợp với cá tánh của mình nhất, cách đó sẽ là cách hay nhất cho riêng mình. Đó cũng chính là cái tự do, không bị gò bó của pháp môn niệm Phật.

Ngẫu Ích Đại Sư cũng dạy: *“có tín tâm chân thành, có nguyện lực sắt son tha thiết cầu sanh Tịnh Độ, dù tán tâm niệm Phật cũng được vãng sanh”*.

Chúng ta niệm Phật được Vãng Sanh, tức bỏ đi cái thân xấu xí hôi hám này để đổi được ba thân là Pháp thân, Báo thân, và Hoá thân; chưa hết, ta còn được cả lực thông, thọ mạng vô lượng, được vui như Tỳ Kheo đoạn hết lậu tận, thiên nhân lễ kính, được ứng niệm thọ cúng, được y thực tự đến... thật chẳng có thiệt thòi ở chỗ nào đâu GH à!

Diệu Âm Trí Thành



Chân thành, Thanh tịnh, Bình đẳng, Chánh giác, Từ bi. Nhìn thấu, Buông xuống, Tự tại, Tùy duyên, Niệm Phật

Thân gửi cháu ĐT:

“Thích Ca Mâu Ni” có nghĩa là “thanh tịnh từ bi”. Tại sao Phật Thích Ca lại dùng danh hiệu có ý nghĩa là “thanh tịnh từ bi” khi thị hiện ở cõi này? Bởi lẽ chúng sanh ở cõi Ta Bà thiếu hai đức tánh này, do đó Phật thị hiện ở thế gian chỉ để giáo hóa chúng sanh hoàn nguyên mà trở về với tự tánh thanh tịnh và từ bi sẵn có của chính mình.

Nên Phật pháp do đức Phật Thích Ca Mâu Ni sáng lập ở thế gian này, chỉ nhằm mục đích là phá mê khai ngộ cho chúng sanh. Phá mê khai ngộ có nghĩa là phá trừ mê tín, khai mở trí huệ.

Học Phật là học ở nơi trí huệ viên mãn của Phật

Từ xưa đến nay các chư Tổ Sư đại đức – những bậc thông tuệ lẫn đức hạnh – đều học tập và thực hành y theo giáo pháp của Phật mà được thành tựu, tức đã minh tâm kiến tánh. Sau đó các Ngài mới sáng lập ra các Tông phái, rồi đem giáo pháp Phật xiển dương theo cách thức đã thành tựu (riêng biệt) ấy, nhưng vẫn phải nghiêm túc theo

y lời dạy bảo của đức Phật trong kinh, không dám trái phạm, không dám sai quấy. Nói cách khác là từ xưa đến nay không một vị Tổ Sư đại đức nào, tự mình sáng lập ra một giáo pháp riêng cả; các Ngài chỉ chọn lựa phương thức tu hành khác nhau để học tập, thực hành và xiển dương, nhưng vẫn y cứ theo giáo pháp của Phật dạy mà thôi.

Cũng nên hiểu rõ rằng: kinh giáo mà Phật dạy cho chúng ta chẳng phải là những giáo điều, nó cũng chẳng phải do nơi ý tưởng riêng của Phật Thế Tôn tự đặt ra, mà nó được lưu xuất từ ngay nơi tự tánh rốt ráo của Ngài. Vì sao như thế? Vì trí tuệ và tánh đức của Ngài đã thật sự viên mãn, nên “bỏ lai diện mục” (tức chân tâm, bỏ tánh) của Ngài đã hiển lộ. Nên những gì chư Phật Như Lai đã nói, đã hành đều vốn do lưu xuất từ nơi tánh đức thiện hạnh “*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*” của các Ngài. Vì thế giáo pháp của Phật làm sao có thể cho đó là mê tín được!

Cho nên bậc đã tri giác mới gọi là Phật Như Lai, còn kẻ bất giác thì gọi là phàm phu. Do đó chúng ta học Phật là phải học ở nơi trí huệ viên mãn của Phật (được ghi chép lại trong kinh điển), không phải học ở phàm phu. Nói cách khác là phàm phu nếu chưa khai ngộ, tức chưa minh tâm kiến tánh, thì không thể tự mình khai sáng ra pháp môn tu riêng, vì phàm phu vẫn là phàm phu! Chúng ta học Phật nhất định phải thể hội và thông hiểu các ý nghĩa của

kinh tạng, mới có thể nhận biết được chánh pháp của chư Phật Như Lai, mà không bị sai đường lạc lối.

Tổng cương lĩnh cho người học Phật

Hòa Thượng Tịnh Không đã tóm gọn tổng cương lĩnh cho người học Phật gồm 20 chữ. Đó là: “***Chân thành, Thanh tịnh, Bình đẳng, Chánh giác, Từ bi. Nhìn thấu, Buông xuống, Tự tại, Tùy duyên, Niệm Phật.***”

20 chữ này bao gồm hết thấy cách thức dụng tâm trong Phật pháp, mà Phật đã chỉ dạy cho chúng sanh:

- ***Chân thành*** là tâm không hư ngụy, không giả dối.
- ***Thanh tịnh*** là tâm không nhiễm ô, không tự tư tự lợi, không thị phi nhân ngã, không tham sân si mạn.
- ***Bình đẳng*** là tâm khiêm tốn cung kính (không công cao ngã mạn) đối với mọi chúng sanh đều đồng như nhau, cũng như đồng với Phật.
- ***Chánh giác*** là tâm chánh tri chánh kiến, là trí huệ viên mãn của Phật.
- ***Từ bi*** là tâm biết thương yêu và quan tâm đến tất cả chúng sanh.

Để có thể thực hiện được tâm “***chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác và từ bi,***” thì các hành vi giao tế, cư xử với tất cả mọi người mọi vật trong cuộc

sống hằng ngày phải biết “*nhìn thấu, buông xuống, tự tại và tùy duyên*”.

- ***Nhìn thấu*** là đối với tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian đều thông rõ minh bạch, không có sai sót và cũng không có nghi ngờ nhầm lẫn; đây là trí huệ lưu lộ từ trong tự tánh.
- ***Buông bỏ*** là đoạn ác, tu thiện. Tu thiện thì phải căn cứ trên ngũ giới & thập thiện mà gìn giữ (tức không được: sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, không ác khẩu, thù dật, lường thiệt, tham lam, sân giận, ngu si). Cho nên buông bỏ ở đây không có nghĩa phải rời bỏ gia đình, công việc hay sự nghiệp, mà là đoạn bỏ đi các ý tà tri tà kiến, tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, tham sân si mạn v.v..., và bằng những nỗ lực trong bốn phạm công việc của mình mà hết lòng giúp đỡ cho gia đình, xã hội, và chúng sanh được tốt đẹp hơn.
- ***Tự tại & Tùy duyên***, muốn được tự tại phải biết tùy duyên. Vì phan duyên là tự mình ràng buộc vào phiền não, sẽ mất đi sự tự tại. Chư Phật Bồ-tát luôn có tâm nhẫn nại trong việc độ sanh, nếu đời này kiếp này không độ được một chúng sanh không tin Phật, thì họ sẽ chờ đến kiếp sau hay muôn vạn kiếp sau nữa. Huống chi phàm phu chúng ta, nếu không thể độ được một chúng sanh không có duyên với Phật pháp thì cũng nên tự tại tùy duyên, chẳng nên sanh ưu não. Hãy tự lo cho

việc tu hành của mình được viên mãn, đó chính là sự dự bị để có thể độ được chúng sanh trong tương lai.

- **Niệm Phật**, nếu không biết niệm Phật thì dầu có thành tựu hết tất cả công đức tu hành, cũng khó đạt đến mức viên mãn. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói, từ Viên giáo Sơ trụ Bồ-tát muốn tu chứng viên mãn thành Phật, phải mất 3 đại a-tăng-kỳ kiếp tu hành ở trong Hoa Tạng thế giới. Kinh Hoa Nghiêm cũng nói, các Đăng giác Bồ-tát như Văn Thù và Phổ Hiền cũng phải niệm Phật và phát nguyện sanh về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới của Phật A Di Đà, mới có thể mau chóng thành Phật. Vì thế cho nên 10 phương, 3 đời chư Phật Như Lai đều khen ngợi Tây Phương Cực Lạc thế giới, và tuyên dương tán thán Phật A Di Đà là “Quang Trung Cực Tôn, Phật Trung Chi Vương”

Trong A Di Đà kinh dạy, chúng ta phải tu thiện căn phước đức đầy đủ mới có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc. Cho nên 20 chữ: “*Chân thành, Thanh tịnh, Bình đẳng, Chánh giác, Từ bi, Nhìn thấu, Buông xuống, Tự tại, Tùy duyên, Niệm Phật*” là tổng cương lĩnh của pháp tu vô lượng vô biên thiện căn phước đức. Nếu chúng ta chỉ đơn thuần niệm Phật mà không tu thiện căn phước đức, cũng không thể vãng sanh Cực Lạc như kinh đã nói. Vì sao? Vì Tây Phương Cực Lạc là chỗ quy tụ các bậc thượng đại thiện nhân, nên nếu chúng ta chẳng phải là bậc thượng đại

thiện nhân, tất nhiên chúng ta chẳng thể có đủ tiêu chuẩn để được sanh về cõi nước này!

Diệu Âm Trí Thành



Tùy duyên, không phan duyên

Thân gửi đến VH và KT:

Nhân lúc VH và KT đang chuẩn bị tổ chức pháp hội Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm, nay huynh có vài lời khuyên trước để mọi pháp sự mà các đệ đang làm đều được thanh tịnh và như ý. Vạn sự khởi đầu nan, trước có khó khăn vất vả, sau mới gặt sự thành tựu mỹ mãn.

Thế nhưng trong mọi việc Phật sự cũng đều phải biết tùy duyên. Phan duyên là việc làm từ mê tưởng, sẽ sanh khởi nhiều phiền não. Việc tổ chức Tam Thời Hệ Niệm ở Berlin, Germany lần này (2011) quả là hữu duyên, nên mọi sự đều được lưu thông khá trôi chảy, không có nhiều chướng ngại.

Trung Phong Đại Sư, pháp danh Thượng Minh Hạ Bản là người Tiên Đường, Hàng Châu. Hàng Châu là đất xuất hiện nhiều kỳ nhân và kỳ tích trong Phật Giáo Trung Hoa, đại biểu là Tế Công Hòa Thượng và Lục Tổ Tịnh Tông Vĩnh Minh Diên Thọ. Một đêm mẹ của Ngài Trung Phong nằm mộng thấy một lão tiên ông cầm đèn đi vào nhà, ngày sau bà hạ sanh một bé trai – Ngài Trung Phong Đại Sư. Lúc còn nhỏ, khi thường chơi đùa với các em bé khác, thì mỗi trò chơi của Ngài đều mang tánh giáo hoá chúng sanh trong Phật chánh đạo. Năm 27 tuổi, được sư

phụ là bậc minh sư nổi danh thời đó ẩn chúng – minh tâm kiến tánh – đã khai ngộ tri kiến Phật, thế nhưng việc này chỉ có Ngài và sư phụ của Ngài biết mà thôi.

Mặc dầu danh tiếng vang rộng khắp nơi, nhưng Ngài luôn giữ cuộc sống thật thanh đạm. Là một thiền sư đắc đạo Thiền, trong định Ngài nhận thấy căn tánh của chúng sanh thời mạt pháp này khó thể tu Thiền mà đắc được đạo, nên Ngài đã hết lòng xiển dương Tịnh độ, mong chúng sanh hãy nương vào tha lực của Phật A Di Đà, ngõ hầu mà liễu sanh thoát tử.

Ngài Trung Phong Đại Sư dạy rằng “minh tâm kiến tánh, mảy trần không nhiễm” là đạo. Ngài cũng luôn khiêm nhường nói, “ta không có đạo”. Ngài dạy rằng, trong mọi pháp đều phải biết tùy duyên, không nên phan duyên – *“Tùy duyên mà không chấp vào tùy duyên mới là tùy duyên”*. Có nghĩa tùy duyên là không có chỗ bám, không có chỗ dừng, cũng không có chỗ trụ!

Chúng ta học Phật đều phải hướng theo Thích Ca Mâu Ni Phật để học và làm theo, muôn sự đều phải tùy duyên, một trần cũng không nhiễm.

Nếu nhận thấy duyên chưa đủ mà vẫn gắng gượng muốn hoằng dương Phật pháp là phan duyên. Vì sao? Vì tùy duyên làm đạo, đạo mới được thanh tịnh. Nếu tâm bị ô nhiễm, tâm đang phan duyên thì dù tu pháp môn nào cũng chẳng thành tựu, có làm Phật sự lớn nào cũng uổng công.

Khi một niệm bất giác sanh ra thì tự tánh đã mê đi, tâm tánh liền biến thành vọng thức phiền não. Cái tướng mê là gì? Là khởi tâm động niệm đều là phan duyên. Mê là căn bản của sanh tử, giác là cảnh giới Tịnh độ của tự tánh. Nếu muốn có công đức thì phải từ nơi tánh đức thanh tịnh, có vậy sự thành tựu mới được viên mãn.

Đại Sư Trung Phong dạy rằng, trong tâm của chúng ta không nên có, dù chỉ là tơ hào vọng tưởng, phân biệt chấp trước. Phan duyên là vọng tưởng phân biệt chấp trước, vì không muốn thuận theo định luật tự nhiên của lý nhân duyên quả báo. Vì chưa rời khỏi phân biệt chấp trước nên mới phan duyên và đi ngược lại với chân đế tự nhiên.

Trong Phật pháp mọi sự, mọi việc, và mọi suy nghĩ của chúng ta cũng vậy, đều phải nên thuận tịnh, thuận thiện, như lý, như pháp. Duyên tới thì hành, duyên qua thì thôi, không nên cố chấp, không có mong cầu vướng vít. Không để cái ngã nó đòi hỏi làm ông chủ của mình, không sanh những niệm sanh diệt hay lấy bỏ, đó là tùy duyên. Nếu trong việc làm đó còn có một tơ hào bất tịnh bất thiện, tất sẽ tạo nghiệp, khó thể siêu vượt qua khỏi tam giới.

Chúng ta trong các pháp học và hành đều phải biết tùy duyên, mới có thể tự tại tìm thấy sự giác ngộ chân thật, đừng nên để những dính mắc vọng tưởng vi tế làm ta

sanh tâm tham rồi mê chấp vào những thành tựu, ngay trong Phật pháp.

Huynh có vài hàng như vậy để nhắc nhở các đệ.

Diệu Âm Trí Thành



Diệu Âm

Hỏi: Một số Phật tử tu pháp môn Tịnh Độ, thường hay có pháp danh là “Diệu Âm”. Vậy hai chữ “Diệu Âm” này có ý nghĩa gì?

Trả lời:

Diệu Âm là pháp âm vang khắp vô biên cõi, là âm thanh vi diệu thanh tịnh của các đức Như Lai trong Thường Tịch Quang quốc độ hay Nhất chân Pháp giới. Do đó, ta gọi các Ngài cùng một danh hiệu “Diệu Âm Như Lai.”

Diệu Âm Như Lai

Trong kinh Vô Lượng Thọ, Phẩm 48, đức Thế Tôn dạy:

- Những người viễn ly trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh, hết sạch các lậu..., hoặc nay mới phát tâm, gieo các căn lành, nguyện sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc, thấy Phật A Di Đà, đều sẽ vãng sanh về cõi Như Lai ấy. Ở khắp cõi phương khác, sẽ thứ lớp thành Phật, và thấy đồng có cùng một danh hiệu là “*Diệu Âm Như Lai*”.

‘Diệu Âm’ chính là âm thanh vi diệu của tự tánh.

Sự thuyết pháp trang nghiêm nơi quốc độ Cực Lạc

Chính vì diệu âm là bản thể của tánh giác, có khả năng thấu hiểu cũng như hiển thị mọi âm thanh sắc tướng của thế gian mà không bị chướng ngại. Vì sao như thế? Vì âm thanh của tự tánh là âm thanh thanh tịnh của tánh giác, của Phật tánh. Nên vượt qua được sự ngăn cản của các căn và thức, nó cũng thường trụ và không bị dính mắc.

Trong kinh Vô Lượng Thọ, Tỳ Kheo Pháp Tạng, lúc còn tu hạnh Bồ-tát cũng nguyện rằng: “*Nguyện con thành Phật tiếng thanh tịnh. Đưa Pháp âm đến vô biên cõi...*” (Nguyện con được như Phật, có thể phát ra những pháp âm thanh tịnh, không cấu nhiễm, để chuyển/đưa giáo pháp của Như Lai, đến trọn khắp vô biên các cõi giới, mà chẳng bị giới hạn trong thanh âm, ngôn ngữ.)

Nên cuộc sống ở quốc độ Tây Phương, cái đẹp để tinh diệu bất khả tư nghì nhất chính là sự ***thuyết pháp trang nghiêm***.

- ***Cây báu:*** Khi gió lay động, phát ngữ âm tiếng, cung thương vi diệu, tương hòa tự nhiên...
- ***Bồ đề đạo tràng:*** Vàng châu chuông khánh, treo khắp mọi nơi... Gió nhẹ thổi đến, xuyên lay cành lá, phát ra vô lượng, âm thanh diệu pháp. Âm thanh du dương, truyền khắp cõi Phật, thanh thoát bi mẫn, vi diệu hòa nhã, tối thắng bậc nhất.

- **Gió đứrc:** Đến giờ ăn gió thoảng nhẹ tự nhiên làm lay động lưới giăng và các cây báu, khiến phát ra âm thanh vi diệu, diễn nói pháp Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã, các Ba La Mật.
- **Suối ao:** Sóng gợn lăn tăn, lan khắp mặt nước, phát ra vô lượng âm thanh vi diệu, nào tiếng Tam Bảo, tiếng Ba La Mật, tiếng Chỉ Tức Tịch Tĩnh, tiếng Vô Sanh Vô Diệt, tiếng Thập Lực Vô Úy; hoặc nghe tiếng Vô Tánh Vô Tác Vô Ngã, tiếng Đại Từ Bi Hỷ Xả, tiếng Cam Lộ Quán Đảnh Thọ Vị. Nghe được các âm thanh như vậy tâm liền thanh tịnh, không còn phân biệt, chánh trực bình đẳng, thành thực căn lành.
- **Chim:** Cõi ấy thường có các loài chim nhiều màu, kỳ diệu như Bạch Hạc, Khổng Tước, Xá Lợi, Ca Lăng Tần Già, Cộng Mạng. Những con chim ấy ngày đêm sáu thời hát tiếng hòa nhã. Tiếng hát ấy diễn nói thông suốt Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần... những pháp giống như vậy. Chúng sanh cõi đó nghe tiếng đó rồi, thấy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Cho thấy Phật A Di Đà đã dùng âm thanh vi diệu diễn sướng¹³ làm phương tiện, khiến chúng sanh nơi cõi Cực Lạc có thể tùy ý, tùy thời, tùy thích mà nghe pháp. Khiến họ tâm an, lý đặc, không trệ ngại; giúp họ tiêu mòn vọng niệm mà sanh huệ, tu, tu, và đạo tâm không thoái chuyển.

13 Sướng: diễn nói lưu loát, thông suốt, không bị ngưng trệ.

Ngài đưa chúng sanh ở cõi Cực Lạc đi từ tướng đến tánh mà tiến đến tuệ giác, tức hướng họ giác ngộ vào biển lớn của Như Lai.

Diệu Âm chính là “Nam Mô A Di Đà Phật”

Người theo Tịnh Độ tông niệm Phật cầu sanh cõi Cực Lạc, lấy tín nguyện trì danh làm pháp môn trực tiếp để thành Phật. Ngài Ngẫu Ích dạy: “Diệu Âm” chính là “Nam Mô A Di Đà Phật”, chúng sanh trong chín pháp giới khắp mười phương ba đời đều dùng phương pháp này để vãng sanh Tịnh Độ, bất thoái thành Phật.

Hòa Thượng Tịnh Không dạy: Chúng ta dùng cái tâm thanh tịnh này để niệm Phật, làm sao Phật hiệu chẳng màu nhiệm? Trong kinh A Di Đà, trong các đức hiệu của năm vị Phật ở phương Đông, có vị Phật cuối cùng tên là Diệu Âm Phật. Ngài tượng trưng cho sự diệu quán. Phép niệm Phật của chúng ta cũng là diệu âm, đều diệu! Vì sao diệu? Diệu ở chỗ nào? – Diệu ở chỗ ***nhất tâm xưng niệm***. Đó là diệu!

Trong Hoa Nghiêm dạy, nếu niệm Phật với tâm thanh tịnh gọi là niệm tự tánh Phật, cũng gọi là Tự tánh niệm Phật. Tự tánh niệm Phật là không có chủ thể niệm Phật ở ngoài Phật để niệm Phật. ***Khi đó chúng ta chẳng cần thỉnh trần hiện bên ngoài nữa, mà ở trong tâm vẫn tự có diệu âm riêng sáng, độc chiếu.***

Vì vậy Hòa Thượng Tịnh Không dạy: khi niệm Phật tuyệt đối chẳng nên có vọng tưởng, chẳng nên có nghi hoặc, chẳng nên có phân biệt, chẳng nên có chấp trước, thì Phật hiệu trong sự niệm Phật ấy chính là “*diệu âm!*”

Viên minh cụ đức

Kinh Pháp Hoa nói, diệu âm tự tánh vượt khỏi mọi thứ âm thanh thế gian, dù cho đó là Phạm âm hay Hải Triều âm. Ngay công hạnh của Quán Thế Âm Bồ Tát cũng phát xuất từ bốn môn diệu âm.

Kinh Vô Lượng Thọ nói: “*Thế Tôn diễn thuyết một âm thanh. Tùy loại hữu tình thấy thông hiểu.*” Tiếng nói của Phật thật chẳng thể nghĩ bàn, trong một âm thanh đã đầy đủ trọn vẹn vô biên diệu dụng. Tức trong một âm vang ra vô lượng âm, nói trọn vẹn hết thấy pháp để phổ độ vô biên chúng sanh, đây chính là “***viên minh cụ đức.***”

Vì sao như thế? Ngài Hoàng Niệm Tổ giảng: Lời nói của hết thảy Như Lai thanh tịnh, nên mỗi một tiếng có đủ các biến âm thanh. Mỗi một tiếng đều phát xuất biến biện tài của Phật. Mỗi một âm thanh có vô lượng âm thanh, mỗi một âm trong vô lượng âm thanh ấy lại có vô biên diệu dụng, nên tùy theo ý thích của từng chúng sanh mà mỗi một âm thanh xuất hiện vô biên biện tài, khiến cho mỗi chúng sanh nghe được âm thanh ấy đều hiểu, nên tâm khai ngộ mà được độ thoát.

Nội tâm thanh tịnh sạch trần lao.

Khi đức Thế Tôn còn tại thế, Ngài cũng dùng âm thanh để làm Phật sự. Phật sự của Thế Tôn là giảng kinh nói pháp nhằm giáo hóa chúng sanh, phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui.

Là Phật tử tu pháp môn Tịnh Độ, tất nhiên cũng mong cầu đắc được âm thanh vi diệu thanh tịnh giống chư Phật Như Lai. Nhưng làm sao có thể đắc được âm thanh này? – Chỉ khi “*nội tâm thanh tịnh sạch trần lao!*”

Trong hội Lăng Nghiêm, Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát nói: “Trong ngũ căn, nhĩ căn của chúng sanh ở cõi Ta Bà là lạnh lợi nhất.” Cũng vì ngũ căn lạnh lợi vậy, chúng ta đã nương nhĩ căn theo âm thanh của duyên trần nên bị trói buộc, bị phiền não, vì thế âm thanh của chúng ta chẳng thể thanh tịnh. Chỉ khi tâm của chúng ta ‘*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác và từ bi*’ thì sẽ có được âm thanh vi diệu như chư Phật Như Lai để phổ độ chúng sanh.

Tâm của Phật là bình đẳng, tâm của Bồ-tát là lục độ, tâm của Duyên giác là nhân duyên, tâm của Thanh Văn là tứ đế, tâm của chúng sanh là vọng tưởng-phân biệt-chấp trước. Phàm phu chúng ta có rất nhiều chướng ngại, có thể quy nạp lại thành hai thứ, đó là: phiền não chướng và sở tri chướng.

- Phiền não chướng là thị phi, nhân ngã, tham sân si mạn.
- Sở tri chướng là thành kiến.

Đức Phật không có thành kiến (ý kiến riêng tư), chẳng duyên theo thính trần nên tâm thanh tịnh, không có dính mắc hay phiền não (tham sân si mạn). Kinh Kim Cang nói, buông bỏ nhân tướng, ngã tướng, chúng sanh tướng và thọ giả tướng – buông bỏ thành kiến, thị phi, nhân ngã, tham sân si mạn; tức ly cấu, ly nhiễm, tuyệt hẳn phiền não, mới có thể khôi phục được Như Lai tánh. Hoặc có thể nói rằng, khi ‘*nội tâm thanh tịnh sạch trần lao,*’ thì đức năng và trí tuệ sâu rộng vốn có sẵn trong tự tánh sẽ hiển lộ viên mãn, khi đó chúng ta có thể “*vượt khỏi vô biên đường ác thú, mau đến Bồ Đề bờ cứu cánh...*” Tức nhanh chóng đạt đến bờ kia Bồ Đề rốt ráo vậy!

Diệu Âm Trí Thành & Diệu Âm Quảng Hồng



Ý Nghĩa Của Việc Tụng Kinh

Tụng kinh, niệm Phật, ăn chay là việc làm căn bản của người Phật tử. Nếu chỉ thờ Phật, lạy Phật và cúng dường Tam bảo thì chưa đủ. Phải thực hành tụng kinh, niệm Phật, ăn chay để tâm trí được sáng suốt, thanh tịnh, tỏ ngộ chân lý.

Chúng ta sống trong cõi Diêm Phù Đề, dục vọng của chúng ta tăng trưởng không lúc nào ngừng nghỉ, nên cứ mê mờ điên đảo. Đức Phật từ bi vô lượng, phước trí vô biên, vì thương xót chúng ta mãi hoài chịu cảnh trầm luân nên đã ân cần truyền trao cho kinh pháp, mong sao chúng ta sẽ tùy thuận lời Ngài dạy mà chuyên tâm y theo kinh giáo học tập, quán chiếu phụng hành, có thể tỏ ngộ chân lý, phá tan hết những mê mờ và tội lỗi, để vun trồng gốc thiện. Và lời Phật dạy này được ghi chép lại, đó gọi là ‘kinh điển’. Hòa Thượng Tịnh Không nói: “*Kinh điển như là tấm gương soi,*” có nghĩa ngày ngày nên soi vào đó để tìm thấy vết nhơ mà lau chùi, tức chúng ta đi tìm lại cái chân bản thiện không tỳ vết sẵn có của riêng mình.

Căn bản của việc tu hành trong Phật giáo là đọc tụng kinh điển thường ngày, để huân tập thường nhớ không quên lời dạy vàng ngọc của Phật. Tụng kinh nghĩa là tư duy kỹ lời Phật dạy để thâm nhập khai mở bí tạng, và ghi khắc những lời này trong tâm khảm, xong ứng dụng

hành trì vào đời sống hàng ngày. Chúng ta dầu có hiểu kinh uyên bác đến đâu, có thâm nhập tạng pháp sâu đến mức nào, nhưng nếu chỉ đọc tụng mà không thực hành vẫn chẳng thể minh tâm kiến tánh (chứng quả), vẫn chỉ là phàm phu. Là phàm phu tức còn vô minh vì tâm vô thường dễ bị ô nhiễm, và dễ bị thoái chuyển bởi hoàn cảnh cám dỗ xung quanh, không thể giải thoát.

Hòa Thượng Thích Trí Tịnh xuất gia từ lúc còn trẻ tuổi -- nay đã ngoài 90 -- Ngài từng phiên dịch rất nhiều bộ kinh Đại Thừa nổi tiếng, đã từng thuyết giảng giáo hóa biết bao người tăng kẻ tục; thế mà hằng ngày Ngài vẫn chuyên cần thọ trì đọc tụng hai bộ kinh lớn – Kim Cang và Pháp Hoa. Vậy chúng ta làm sao lại dám ngã mạn, tự cho mình đã thấu rõ kinh tạng, rồi phụ kinh bỏ giới để phải chịu đứng sau người?

Kinh Pháp cú nói:

*Nếu người nói nhiều kinh,
Không hành trì, phóng dật,
Như kẻ chăn bò người,
Không phần Sa môn hạnh.*

*Dầu nói ít kinh điển,
Nhưng hành pháp, tùy pháp,
Từ bỏ tham, sân, si,
Tĩnh giác, tâm giải thoát,*

*Không chấp thủ hai đời,
Dự phần Sa môn hạnh.*

Câu kệ trên, không có nghĩa bảo chúng ta không tụng kinh, mà muốn chúng ta hiểu rằng: tụng kinh để có lợi ích chân thật thì phải hiểu kỹ nghĩa lý trong kinh, và có thể hành trì được những lời dạy này. Và nhờ hiểu được nghĩa lý một cách chân thật thì mới có thể không bị lầm lạc, sai trái.

Có nghĩa là dầu tụng kinh nhiều, nếu không chịu thực hành, vẫn buông lung phóng dật, thì chẳng hưởng được phần lợi ích của sa-môn; khác nào như người chăn bò thuê, chỉ biết lo đếm bò cho người! Tuy tụng kinh ít mà hiểu biết chân chánh, thường y giáo hành trì, từ bỏ tham sân si; khiến tâm thanh tịnh hiền lành, xa bỏ thế dục mà được giải thoát, thì dù ở cõi này hay cõi khác người kia vẫn dự phần lợi ích của sa-môn.

Nên đọc tụng kinh Âm (Hán văn) hay kinh dịch Nghĩa?

Kinh điển Việt Nam thường được dịch từ kinh Trung Hoa, mà kinh Trung Hoa thì lại dịch từ kinh Ấn Độ, từ kinh Phạn ngữ. Do đó kinh Trung Hoa cũng không phải là bản kinh gốc. Kinh ‘Hán Âm’ dùng âm điệu và từ ngữ rất là phong phú và trù tượng, thường dành cho những

giai cấp thượng lưu hữu học, tú tài, văn hay chữ giỏi, những người bình dân ít học tất khó hiểu tận tường.

Ngày nay, vì muốn cho việc tụng kinh có sự lợi ích chân thật, giúp cho việc học Phật chẳng phải là việc dựa trên hình tướng, được hữu ích thiết thực hơn, nên các vị đại đức và cư sĩ trí thức đã đem kinh Hán Âm dịch thành kinh Nghĩa, giúp cho những người không biết Hán văn thọ trì đọc tụng được dễ dàng.

Nên nếu chúng ta thật giỏi Hán văn thì hẳn đọc kinh Âm Hán, để có thể nhận lãnh trực tiếp ý lời của chư Tổ Sư đại đức Trung Hoa, không phải thông qua bản dịch nghĩa. Nhưng nếu không thật giỏi hay không biết gì về Hán văn, mà lại đọc tụng kinh Âm Hán, thì làm sao có thể thâm nhập hiểu kinh cho đặng? Nếu không hiểu thì không thể tư duy quán chiếu vì không thể tùy văn nhập quán lúc công phu, vậy làm sao áp dụng lời Phật dạy để tu hành được đúng như lý như pháp đây? Vậy có khác chi làm *kẻ chặn bò cho người khác*. Chặn bò mướn cho người thì rất khổ cực mà lợi ích chẳng có được là bao!

Do đó, người nếu không biết Hán văn thì việc đọc tụng kinh dịch nghĩa sẽ tốt hơn nhiều, vì có thể hiểu được dễ dàng ý lời Phật dạy, và tất cũng dễ học thuộc hơn kinh Âm.

Tóm lại:

Là Phật tử thuần thành, phải nên thọ trì đọc tụng kinh Phật để phá trừ mê mờ, và cũng là cách đem pháp âm của Phật trải rộng độ khắp chúng duyên hữu tình xung quanh mình.

Diệu Âm Trí Thành



Ánh Sáng Trí Tuệ và Từ Bi

Đức Thế Tôn dạy, lúc lâm chung nếu tâm của chúng sanh có 5/10 phần tình (vọng tưởng, vô minh, phiền não, sân giận...) và 5/10 phần tướng (thanh tịnh, sáng suốt, hoan hỷ, từ bi...) thì chúng ta sẽ tái sanh trở lại vào cõi Người. Nếu phần tình nhiều hơn phần tướng sẽ bị rơi vào ba đường ác đạo; và ngược lại nếu phần tình ít hơn phần tướng thì chúng ta sẽ được sanh vào cõi thiện lành cao hơn, có nhiều phước báo hơn như A-tu-la, Trời, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát hay Phật.

Cõi Người mà chúng ta đang sống giống như ranh giới giữa bóng tối và ánh sáng. Bóng tối là vô minh, là tội lỗi, sân giận và phiền não; còn ánh sáng là trí tuệ và từ bi. Hằng mỗi sát na trong cuộc sống ở thế gian này chúng ta đều đang chịu ảnh hưởng bởi thế lực trái nghịch của hai năng lượng này.

Do đó mục đích chánh yếu của sự rèn luyện và tu tập trong đạo Phật là kết tập năng lượng thanh tịnh từ bi vào nội tâm của chính mình, để phát triển phần tướng vượt cao hơn phần tình, xa lìa bóng tối mà tiến sâu hơn vào ánh sáng của trí tuệ và từ bi. Khi đã được sống trong ánh sáng của trí tuệ từ bi rồi thì phải duy trì và phát khởi tác dụng lực ánh sáng năng lượng vô biên này, trước là tự lợi sau là lợi tha.

“Phát tâm Bồ Đề, nhất tâm niệm Phật” là phát huy năng lượng ánh sáng trí tuệ và từ bi ở trong nội tâm, cũng là cách duy trì và phát khởi tác dụng cái năng lượng ánh sáng này đến khắp quần sanh. Câu Phật hiệu A Di Đà có năng lực phá tan bóng tối của đêm dài ưu não, giúp cho không gian xung quanh thơm ngát xán lạn. Những chúng sanh hữu tình hay vô tình lọt vào khoảng không gian này nghe đặng âm thanh, ngửi được hương thơm thấy đều an lạc mà phát khởi tâm từ hành thiện.

Người niệm Phật phát tâm Bồ Đề, từ bi, thanh tịnh, chánh trực và bình đẳng càng rộng xa bao nhiêu, thì thời không ảnh hưởng của ánh sáng trí tuệ từ bi này sẽ càng rộng xa bấy nhiêu. Đây cũng là nguyên nhân vì sao mà ánh sáng quang minh của Đức Phật A Di Đà đã được Phật Thích Ca Mâu Ni, cũng như mười phương chư Phật xưng dương tán thán là “Quang Trung Cực Tôn. Phật Trung Chi Vương!”

Thường ngày trong cuộc sống chúng ta đã và đang lãng phí rất nhiều năng lượng bởi những duyên trần và làm tay sai cho chúng; chẳng hạn như những vọng niệm về vọng tưởng, tham muốn, tức giận, bất mãn... Tham lam và tức giận là trạng thái của nội tâm không được hài hòa ngay với chính mình và thế giới bên ngoài, tạo ra năng lượng bóng tối, sẽ tự gây khó khăn và làm chướng ngại duyên Phật của mình.

Nên người niệm Phật phải luôn hoan hỷ và tự tại đối tất cả các pháp, nên xem tất cả ngoại cảnh (thuận hay nghịch) chỉ là sự thử nghiệm sức ‘định huệ’ của mình.

Nếu bạn không thể buông xả và tha thứ mà lại tìm kiếm bất kỳ hình thức nào để trả thù hay chống trái lại đối phương (người gây phiền não cho bạn), thì bạn và họ đều giống như nhau. Vì nếu bạn tự nhận là nạn nhân của họ, tức bạn và họ sẽ cùng nhau liên kết hình thành ra năng lượng xấu ác, tạo ra màn bóng tối sân giận bao trùm cái không gian sinh hoạt nhỏ hẹp của bạn và những người cùng liên kết tạo nghiệp ấy. Họ có thể không xứng đáng được nhiều thiện cảm từ nơi bạn bởi những ý nghĩ, lời nói và hành động tàn ác của họ đối với bạn; nhưng nếu bạn có trí tuệ và lòng từ bi bạn sẽ hiểu để không mê, để rồi cùng liên kết tạo nghiệp chung với họ, không nên tạo cơ hội cho bóng tối thêm phần dày đặc. Muốn được vậy bạn hãy nên thường tư duy rằng: “Ta là một Phật tử (con Phật) và sẽ là một vị Phật trưởng thành trong tương lai. Do đó ta phải học tập và vận dụng khả năng đang có để phát huy năng lượng của ánh sáng trí tuệ và từ bi, hầu giúp phá tan màn đêm u tối cho mọi loài. Sự thành tựu này chỉ có được do ở công phu buông xả, và sự tu tập nghiêm mật để thành tựu sức ‘định huệ’.”

Có những người tuy có kinh nghiệm tu tập, cũng thông rõ các pháp học và hành của Phật giáo, nhưng vì tập khí vô minh hiện hữu từ vô thủy vẫn chưa hết sạch nên đôi

khi có hành động ngược với ‘tự tánh’ để bị rơi vào trong bóng tối. Nhưng nhờ vào sự huân tập hằng ngày nên họ có khả năng đảm lãn nhanh chóng nhận biết về sự sai lạc, liền tự quay trở về với ánh sáng. Do sự giác ngộ nhanh chóng này, ác nghiệp chưa đủ duyên để thành hình, xem như họ vượt qua được những thách thức.

Nên việc tu tập thường ngày như phụng kinh, trì giới, niệm Phật hay thiền định... đều là những phương pháp do Phật và chư Tổ khuyên dạy nhằm giúp chúng ta duy trì chánh kiến và sức định huệ, để luôn hiện hữu trong ánh sáng của trí tuệ từ bi.

Hòa Thượng Tịnh Không nói: “Thỉnh Phật trụ thế,” trong Phổ Hiền Thập Đại Nguyên Vương, cũng có nghĩa là phát khởi Phật tánh của chính mình ngay ở trong thế gian này. Nói cách khác là nếu chúng ta có thể thân chứng và phát khởi được Phật tánh trong thế giới ô trược này thì đồng nghĩa coi như làm được việc “thỉnh Phật trụ thế.” Nên ‘thỉnh Phật trụ thế,’ không hẳn phải là thỉnh một vị Phật nào khác ở bên ngoài, mà nó bao gồm luôn cả vị Phật trong tự tánh của chính mình. Để thỉnh được vị Phật trong tự tánh của mình trụ thế, chúng ta phải tu chứng pháp Tam Muội (Chánh Định).

Trong kinh **“Đại Phương Đẳng Như Lai Bất Tư Nghì Cảnh Giới”**, Ngài Đức Tạng bạch với Ngài Phổ Hiền Đại Sĩ rằng: *“Nếu có người muốn chứng tam muội*

cần phải tu phước đức bố thí, trì giới, trí huệ ra làm sao? Cúi xin Ngài dạy bảo!”

Phổ Hiền Bồ-tát là bậc hiện thân thành Chánh Giác, giáo hóa chúng sanh khắp các thế giới thanh tịnh trong mười phương, bảo với Ngài Đức Tạng rằng:

“Này Phật tử! Nếu có người nào muốn chứng tam muội này trước tiên hết nên tu phước tích chứa căn lành là nên hằng thường cúng dường Phật, Pháp, Tăng và cha mẹ, luôn luôn chở che săn sóc cho tất cả kẻ nghèo cùng khổ sở không được ai cứu giúp không nơi nương tựa rất đáng thương xót, chính ngay thân thể mình cũng không tiếc rẻ.

Tại sao? Vì cúng dường Phật được phước đức vĩ đại mau thành tựu trí giác vô thượng và cũng được năng lực làm cho chúng sanh đều được an lạc.

Cúng dường pháp được báo trí huệ tăng trưởng chứng pháp tự tại có khả năng thấu rõ thật tánh của tất cả pháp.

Cúng dường chư Tăng được tăng trưởng vô lượng tài sản phước đức trí huệ thành tựu được Phật đạo.

Cúng dường cha mẹ, hòa thượng, tôn sư và các vị mà mình nhờ cậy, đó là những bậc có công ơn lớn nên

phải thường nhớ đến thâm ơn, luôn nghĩ các báo đáp lại bội phần.

Tại sao? Vì kẻ biết ơn dù ở trong sanh tử nhưng căn lành không bao giờ hư hoại, còn kẻ không biết ơn căn lành diệt mất sẽ tạo tác nghiệp ác, vì thế đức Như Lai ca ngợi kẻ biết ơn chỉ trích người vong ơn.

Lại còn thường thương xót cứu giúp các chúng sanh khổ sở, Bồ-tát do căn lành rộng lớn này, không bao giờ thối thất nơi trí giác vô thượng.”

Nếu bây giờ bạn thật sự có cảm nhận tất cả chúng sanh muôn loài (vô tình và hữu tình) đều là Phật, đều là các bậc đáng được bạn cung kính cúng dường là bạn đã đạt đến mức độ làm chủ của ánh sáng vô lượng, dầu ở bất cứ cảnh giới nào đi hay ở thì cảnh báo tuyệt vời, hương thơm và những ánh sáng vẫn luôn tỏa khắp.

Lại nữa, nếu bạn còn có chủ ý đánh thức chúng sanh mau giác ngộ để cùng được giải thoát, tức bạn đang duy trì vững chắc trên con đường nhất định, đó là con đường thẳng tắp bảo đảm tiến tới thành Phật.

Nhờ vào Chánh Kiến, sức Định Huệ và lòng Từ Bi vô hạn của bạn, trong bất kỳ tình huống nào xảy ra: trực tiếp hoặc gián tiếp, bạn sẽ luôn giải quyết mọi việc một cách mạnh mẽ nhanh chóng, vì bạn đã quảng lại sau lưng các nguồn năng lượng thấp kém của bóng tối, nên bạn rất

vững chắc và rõ ràng trên con đường thẳng tiến tới thành Phật.

Thực tế nhiều bạn cũng mong muốn đạt tới cảnh giới thuần thiện tinh khiết, nhưng lại là nguyên nhân gây ra mâu thuẫn giữa bạn với gia đình, người thân thuộc và bè bạn. Do điều kiện của bạn trong cuộc sống hiện tại trên trái đất này, làm những mối quan hệ gần gũi của bạn đối với những người thân yêu bị hạn chế – đặc biệt là khi bạn có xu hướng muốn nhập thể cùng với một nhóm hữu tình Thiện trí thức – tất bạn sẽ gặp phải sự mâu thuẫn và nhiều khó khăn.

Cũng nên biết rằng những mối quan hệ tương quan thương ghét, thân thù... đều được hình thành do nghiệp nhân quả báo mà bạn đã kết tập từ trong thời gian rất dài ở quá khứ, có thể nói là từ nhiều đời nhiều kiếp trước.

Nhưng cũng không thể vì những cái khó khăn này mà bạn lại đầu hàng, bạn phải có lòng tin mãnh liệt thuận theo cái sở nguyện riêng của chính mình để tiến đến mục tiêu vãng sanh thành Phật. Trong thời gian tự lực để thực hành đạo giải thoát, bạn sẽ tìm kiếm ra những người bạn thật sự (Thiện trí thức) giúp bạn không bị lôi kéo bởi những ý kiến của người không cùng chung chí hướng. Và sự cần thiết để giúp thẳng hoa con đường đi của bạn là thường xuyên thúc liễm thân tâm bạn, cũng như giúp đỡ những người khác cùng thực hành như vậy.

Bạn nên tôn trọng cũng như tuân theo trực giác của chúng sanh quanh bạn hầu giúp đỡ họ, chính nhờ vào sự liên kết tình yêu với lòng từ bi rộng lớn ấy sẽ giúp cho mọi việc dễ thành tựu. Vì thế mà Ngài Phổ Hiền Đại Sĩ đã dạy chúng ta nên “*hằng thuận chúng sanh,*” để “từ bi biến pháp giới, thiện ý khắp nhân gian” là vậy.

Trong tương lai nếu bạn thành đạo, với ‘túc mạng thông’ bạn sẽ hiểu ra rằng: người bạn thù oán nhất lại chính là người mà bạn đã từng thân thiết nhất trong những đời trước. Có ‘tha tâm thông’ thì những người thân yêu của bạn đều ở trong bất cứ cảnh giới nào, cũng sẽ không bao giờ rời xa tầm mắt của bạn. Hơn thế nữa, lòng bàn tay của bạn có thể nắm trọn cả ‘tam thiên đại thiên thế giới,’ không có một tâm ý nào của chúng sanh mà bạn chẳng biết đến, không có một pháp nào để giáo hóa chúng sanh mà bạn chẳng thông rõ.

Khi bạn phát khởi được tâm tứ vô lượng (từ, bi, hỷ, xả), bạn có thể bắt đầu cảm nhận thấy được nhiều điều tốt hơn về cuộc sống. Niềm vui và hạnh phúc của bạn là luôn biết tri ân, cung kính và thương yêu. Bạn sẽ có năng lượng ánh sáng với tầm thước cao hơn, đó là hạnh phúc chân thiện mỹ. Bạn cũng sẽ cảm thấy yêu tất cả mọi thứ xung quanh bạn, đó là sự phấn khởi và yên bình, cho dù bạn rời bỏ để đi đến nơi nào khác, bạn vẫn hiện hữu trong ánh sáng đó mãi mãi.

Ánh sáng của trí tuệ và từ bi là nguồn năng lượng tạo ra hòa bình và sự hòa hợp tồn tại ở khắp mọi nơi. Nó tương tự như kính nghiệm của một số bạn khi ra khỏi cơ thể và nhập vào các khu vực rộng lớn đầy ánh sáng, rời xa những cảnh ngục tù u tối. Với năng lực của ánh sáng vô tận này, bạn có thể cứu độ muôn loài chúng sanh hữu tình hay vô tình bằng cách khôi phục lại sự cân bằng giữa họ với thiên nhiên, và cùng hòa hợp với tất cả các dạng sống khác trong đại vũ trụ không cùng tận bao la.

Tôi tin tưởng rằng Phật tử chúng ta, theo sự giáo hóa của Phật đà, đã và đang nâng cao trái tim và trí tuệ của mình. Do đó, khi chúng ta giúp đỡ hữu tình với lòng từ bi không điều kiện, chúng ta luôn mong muốn họ nhận được những gì tốt đẹp nhất, đó là ánh sáng của ‘Trí Tuệ và Từ Bi’.

Diệu Âm Trí Thành



Phật Hóa Hữu Duyên Nhân

Chư pháp tùng duyên

Ở phẩm 43, Chẳng Phải Là Tiểu Thừa, trong kinh Vô Lượng Thọ, Phật dạy: *“Vì có sao? Vô lượng hằng sa ức vị Bồ Tát, thấy đều mong cầu, trân trọng nghe nhận pháp môn vi diệu này, chẳng sanh lòng chống trái. Có nhiều vị Bồ Tát, muốn nghe kinh này mà chẳng dặng nghe. Vì thế các người, phải cầu pháp này.”*

Sự việc Bồ Tát cầu pháp, chúng ta thấy có 2 điều tương phản nhau:

- Vô lượng hằng sa các vị Bồ Tát trong mười phương thế giới đều cầu pháp môn vi diệu này, tôn trọng lắng nghe, tin nhận, chẳng sanh lòng chống trái, đều cầu sanh về Cực Lạc.
- Có nhiều vị Bồ Tát muốn nghe kinh này mà chẳng được nghe.

Vì sao?

Trong kinh Phật thường nói: “Chư pháp tùng duyên”. Vì duyên không đồng, nên chẳng thể gặp gỡ!

Phật không độ người không có duyên

Tuy Phật Thế Tôn nay chẳng còn tại thế, nhưng lời dạy bảo của Ngài vẫn được lưu truyền trong kinh điển nơi thế gian. Phật dạy trong kinh: *“Nếu nghe danh hiệu Phật, tâm sanh khởi hồ nghi, đối với lời kinh Phật, thấy điều không tin tưởng, đó là vừa trong ác đạo thoát ra, tức ương thừa chưa đoạn, tâm còn hồ nghi, chẳng thể tin nhận, chưa thể giải thoát.”*

Đời nay chúng ta có cơ hội gặp và tin nhận kinh Vô Lượng Thọ, có nghĩa chúng ta phải có chủng duyên rất sâu dày với Phật A Di Đà. Vì người không có duyên thì tất sẽ chẳng thể gặp gỡ kinh này; hoặc gặp được kinh này nhưng tâm còn hồ nghi, không chịu tin nhận. Đạo Phật là đạo tự do bình đẳng, nên Đức Phật chẳng thể đốt đèn đi khắp nơi để lôi kéo từng người được, vì thế nói ‘*Phật không độ người không có duyên*’ cái ý là vậy.

Ngày xưa mỗi khi đi giáo hóa, Đức Phật thường dùng thiên nhãn để tìm người nào hữu duyên, thì Ngài đến thẳng đó để giáo hóa người ấy trước. Còn Ngài đi khắp thực, là muốn gieo trồng những hạt giống Phật cho họ, chính nhờ cách gieo duyên như vậy mà Ngài đã độ được vô lượng số hữu tình.

Mới biết Phật đến nhân gian để giáo hóa, Phật vẫn cần phải hiện tướng, vì nếu không hiện tướng có sanh, già, bệnh, chết, cũng vô thường... thì chẳng thể giảng kinh thuyết pháp, chẳng thể giúp đỡ chúng sanh; nhưng tướng Phật hiện là tướng giác ngộ, chẳng phải là tướng phàm phu. Phật thị hiện tướng này, hằng ngày tuy khởi tác dụng nhưng tâm chẳng dính dáng tới lục đạo. Không những chẳng dính dáng tới lục đạo, mà mười pháp giới cũng chẳng có liên can. Vì sao? Nếu Ngài chưa đoạn hết vô minh thì vẫn còn phải trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm độ. Nhưng vì Phật đã đoạn diệt hết tập khí vô minh, nên Ngài luôn trụ trong cõi Thường Tịch Quang độ.

Và nói Phật độ kẻ hữu duyên, là nơi nghĩa rộng mà nói. Bởi hết thầy y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do tự tánh biến hiện, mà chúng sanh nào lại chẳng hữu duyên với tự tánh? Hơn nữa vạn pháp là nhất thể, nên hết thầy chúng sanh và Phật cũng đều nhất thể, có nghĩa tất cả chúng sanh thầy đều hữu duyên với Phật.

Nhưng có sao nói Phật chỉ độ kẻ hữu duyên? Bởi kẻ ấy biết nghe lời Phật, Bồ Tát dạy bảo, nghe xong liền có thể tin tưởng tiếp nhận, chân thành tu hành; có nghĩa nhân duyên họ đã đến lúc hội đủ thành thực. Nên khi gặp pháp môn Tịnh Độ, họ liền tin tưởng thật sự, liền niệm Phật cầu sanh Cực Lạc thế giới; họ nhất định sẽ khai ngộ, chắc

chấn được xuất ly tam giới, thoát ly lục đạo luân hồi ngay trong một đời này.

Còn người chưa hữu duyên, Phật tới độ, họ sẽ chẳng bằng lòng tiếp nhận, chẳng hoan hỷ chịu nghe lời. Bởi do họ còn mê đắm trong ngũ dục lục trần, mê quá sâu, không thể quay đầu lại được, tuy gặp gỡ nhân duyên thù thắng này nhưng họ vẫn tránh né, không chịu tin tưởng tiếp nhận.

Có những người nghe xong cũng biết tu hành, đoạn ác tu thiện, nhưng lại không thể buông bỏ ngũ dục lục trần, bởi còn tham luyến mong cầu những phước báu nhân thiên. Kẻ ấy, đời sau tuy được hưởng phước báu, nhưng vẫn phải chịu xoay vần nhiều kiếp sầu thống trong lục đạo, khi thọ hết các nỗi khổ – khổ tận cam lai – rồi mới chịu quay đầu, mới sinh khởi ý niệm mong được giải thoát.

Vậy khi Phật giáo hóa chúng sanh, Ngài có khởi tâm đố kỵ hay không? Không có! Chẳng những không có tâm này mà ngay ý niệm cũng chẳng có. Vì Phật chẳng khởi tâm động niệm, chẳng vọng tưởng, phân biệt, chấp thủ nên Phật làm được điều này. Còn có ý thức phân biệt hay chấp thủ thì vẫn còn là phàm phu, chưa phải là bậc thánh nhân. Vậy Phật giáo hóa chúng sanh có mệt mỏi hay chẳng? Chẳng có! Vì Phật làm mà không làm, không làm mà làm. Nên tâm nguyện từ bi muốn độ hết thảy chúng

sanh đạt thành Vô Thượng Bồ Đề thì rộng lớn, nhưng trong tâm chẳng hề có mảy may dấu vết lưu lại. Đây gọi là “*tùy duyên diệu dụng*”, thật sự mầu nhiệm, mầu nhiệm đến tột cùng!

Mới biết tâm nguyện từ bi của Phật, Bồ Tát thật viên mãn, các Ngài chẳng bỏ sót một ai! Hữu duyên thì Phật Bồ Tát đến độ kẻ ấy trước, vô duyên thì Phật Bồ Tát bèn kết duyên với kẻ đó; để đời sau, hay kiếp sau sau nữa khi hữu duyên thì sẽ độ họ. Nhất là trong pháp Đại Thừa, Tịnh Tông dùng bốn nguyện của Phật A Di Đà làm nguyện lực cho chính mình, là *chẳng bỏ sót một chúng sanh nào*.

Chứng duyên sâu dày

Phật dạy: Sau khi kinh pháp đã diệt tận, nếu có người nghe hay biết được kinh Vô Lượng Thọ vẫn còn được lợi ích vãng sanh Tây Phương, hưởng hồ là chúng ta được nghe kinh này và tin nhận thì lẽ đâu lại chẳng được chư Phật từ bi gia hộ?

Phải biết đó là nhờ ở những đời trước chúng ta đã quy y Tam Bảo, nương tựa Phật Pháp Tăng, đây chính là những hạt giống chủng duyên Phật rất sâu đậm, nên tuy sống trong đời mạt pháp chúng ta vẫn có thể gặp được Phật pháp chân chánh, gặp lại pháp môn niệm Phật thù thắng – pháp mà người đời thường gọi là pháp khó tin –

mà vẫn chí thành tin ưa ngay. Vì thế mới nói kẻ nào tin nhận thọ trì, đọc tụng kinh này, tức kẻ ấy đã tích lũy thiện căn phước đức sâu dày từ nhiều đời nhiều kiếp đến nay. Vì sao? Vì họ không cần phải lộn lạo lãng xăng trở lại nơi 6 cõi 3 đường, họ sẽ được vãng sanh về thế giới Cực Lạc để đi làm Phật, làm Bồ tát, để có được vô lượng thọ mạng, vô lượng phước báu, cái lợi ích này quả thật quá sức thù thắng. Như vậy há không phải là họ có nhân duyên đầy đủ, và phước báu to lớn hay sao?

Bởi chúng sanh bị mê hoặc, tập khí tội chướng nặng nề, gặp khổ nạn gian nan, nên chư Phật Như Lai thương xót mà thị hiện làm Phật trong mười phương thế giới khác nhau để mong giáo hóa chúng sanh. Vậy chư Phật sẽ dùng pháp môn gì để giáo hóa họ? Các Ngài đều chỉ giảng có một pháp là *“trì danh niệm Phật, Tín Nguyện trì danh.”* Vì sao? Vì chỉ có một pháp môn này là thích hợp cho hết thảy ba căn, phàm lẫn thánh cũng đều thâm trọn.

Nhưng nếu tu hành mà không thành công thì sao? Chẳng phải ở lỗi Phật Bồ Tát, lỗi tại kinh điển, hay do niệm Phật không linh, mà lỗi do ở ngay nơi mình. Chúng ta tu hành quá giải đãi vì không thể buông xuống, mãi miết chạy theo cái giả tướng sáu trần bên ngoài nên tâm bị vọng động chẳng thể định, đem tâm chấp trước đặt nơi thị phi nhân ngã làm mất đi cái tánh thanh tịnh của mình; nên khi niệm Phật tâm không định, lực bị phân tán, chẳng thể tập trung. Vì vậy chẳng phải do niệm Phật không linh, hay

lỗi nơi Phật Bồ Tát, hay tại kinh điển, mà chính ngay nơi lỗi của mình.

Chấp tướng tu phước báu nhân thiên, khó tránh khỏi luân hồi.

Ly tướng thế gian, cầu sanh Tịnh Độ, vĩnh viễn được giải thoát.

Muốn tinh tấn tu hành phải lo thanh tịnh ý mình, muốn tu cho khỏi bị lầm lạc phải phải giữ sạch những ý tưởng mê tín. Nếu tu hành mà chẳng thể ly tướng, mãi miết tìm cầu nơi giả tướng, lẽ lạy những hiện tượng lạ bên ngoài làm mất đi Phật tánh thanh tịnh của mình.

Người đời thường tham đắm nơi phước báu nhân thiên, nên thích cầu tà đạo, quỷ thần, cúng bái thần linh, tế lễ cầu hồn... để xin phú quý vinh hoa. Nào có biết công danh phú quý ở đời chỉ tạm hưởng một thời, nào có hay sự vui trong thế gian là tạm bợ chẳng thường hằng, chỉ phù hư như hạt sương đầu ngọn cỏ, như vạt nắng qua song! Rồi trong phú quý ấy lại không thể tu hành, khi phước báu cạn sẽ gặp hậu họa vô cùng. Nên nói ngày hưởng phước ngắn mà ngày chịu khổ đau thì dài. Vì sao? Vì đọa trở lại vào ngục tù tam giới, sẽ bị vòng luân hồi cuốn hút mãi khiến trôi giạt, loay hoay lẩn quẩn trong 6 cõi 3 đường – ở chốn mà sự khổ đau chẳng dễ dàng trừ tận được!

Vì thế tu hành phải lo mong cầu sự giải thoát, chớ nên cầu phước báu trời người, *hãy ly tướng thế gian mà cầu sanh Tịnh Độ*. Đừng đem hạt minh châu để đổi lấy vinh hoa phú quý phù hư, há không thấy thật là đáng tiếc hay sao?

Gốc rễ của việc tu hành là *mong tìm cho được cội tâm chân thật*, muôn vạn phải biết ly tướng, tức giữ sạch đi những bụi bặm phiền não bên ngoài để trí huệ được định, khi tâm chấp tướng lãng xãng tịnh xuống thì tâm chân thật sẽ hiện ra.

Hồi xưa ở Trung Hoa có một nhà thiền sư tên Ô Sào. Ô là con quạ, Sào là cái ổ. Vì Ngài thường ngồi thiền trên chảng ba cây cỏ thụ, xung quanh lót cỏ giống như ổ quạ. Ngài tu đắc lực nên mọi người trong nước đều mến phục. Hôm đó nhà thơ Bạch Cư Dị nổi tiếng đời Đường tìm đến hỏi Ngài cương yếu của đạo Phật là gì. Ngài Ô Sào ngồi trên cây nói: – Không gì dễ bằng câu hỏi này. Đại quan hãy nghe tôi trả lời đây, đó là:

*Chớ làm các điều ác,
Vâng giữ các việc lành,
Tự thanh tịnh ý mình,
Đó lời chư Phật dạy.*

Bạch Cư Dị nghe xong bảo: - Những điều thầy vừa đáp, con nít lên ba cũng nói được. Thiền sư mỉm cười: - Thừa đại quan, con nít lên ba nói được, nhưng ông lão sáu mươi chưa chắc đã làm xong. Nghe như vậy, nhà thơ Bạch Cư Dị chợt sực tỉnh, lễ tạ nhà sư.

Có nghĩa cần phát sinh những ý niệm thanh tịnh, để huân tập ý thức nơi A-lại-da thức càng ngày càng thanh tịnh hơn trước. Vì vậy việc chính yếu của sự tu hành là tự lo thanh tịnh tánh giác, chẳng thể nhờ người ngoài soi thế giúp hay gột rửa thế cho mình được!

Chân thành kiến lập chánh nhân cầu vãng sanh

Đời nay chúng ta học Phật, vẫn không thể đột phá khai ngộ được là vì sao?

Trong kinh Kim Cang Phật nói: “*Trong đời tương lai năm trăm năm sau, nếu có chúng sanh được nghe kinh này mà tin hiểu, thọ trì thì người ấy chính là hy hữu bậc nhất. Vì sao vậy? Người ấy không có ngã tướng, không có nhân tướng, không có chúng sanh tướng, không có thọ giả tướng!*” Hòa Thượng Tịnh Không dạy: Không thể đột phá được là do chúng ta chưa chịu buông xả. *Nên lòng tin ở kinh này không thật tình trọn vẹn, vẫn còn hoài nghi, vẫn còn chấp trước*, thế thì không còn cách nào khác hơn nữa. Nên tuy gặp kinh này tu hành mà vẫn không thể khai ngộ,

thì lỗi lầm này ở tại ngay nơi chính mình, không phải tại Phật, không phải tại kinh điển. Cho dù chư Phật Như Lai ở ngay trước mặt cũng không thể giúp được, vì điều này chỉ tại lỗi riêng ta.

Trong phẩm 22, Quyết Chứng Cực Quả, Thế Tôn dạy: *“Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, hoặc đã sanh hoặc sẽ sanh, đều an trụ trong Chánh Định Tự, quyết sẽ chứng được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Tại sao vậy? Nếu kẻ Tà Định Tự hay Bất Định Tự thì chẳng biết rõ đạo lý nhân quả, để kiến lập chánh nhân cầu sanh về Cực Lạc được.”*

Người muốn sanh về Cực Lạc phải biết kiến lập cái chánh nhân cầu vãng sanh thật vững chắc, tức ***nhất định muốn chứng ngộ***. Nương theo cái chánh nhân mãnh liệt ấy thì sẽ đạt cái quả vãng sanh, ắt sẽ chứng được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Cho nên đã gặp được kinh Vô Lượng Thọ mà vẫn không chịu tin tưởng, vẫn còn hồ nghi, tiến hoặc thoái chẳng thể quyết định chắc chắn thì kẻ đó gọi là kẻ bất định tự. Kẻ Bất Định Tự, *hữu duyên thì chứng ngộ, vô duyên ắt chẳng chứng ngộ*. Vì sao? Vì còn hồ nghi, nên họ chẳng thể thật sự muốn lập nguyện chứng ngộ, chẳng thể ‘phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật’ để mong liễu thoát sanh tử được. Bởi do chẳng thể tin hiểu rõ

để kiến lập nổi cái nhân vãng sanh, thì làm sao Phật có thể giúp tế độ cho họ được?

Quyết định vãng sanh, chớ tự ngờ lo!

Như Lai Chánh Giác rất sâu, Chân trí mầu nhiệm đến cùng tuyệt, chiếu soi tột cùng khắp pháp giới, Ngài minh bạch hiểu rõ lục đạo là biển khổ; nơi cái biển khổ sâu thẳm ấy chỉ có tứ thánh pháp giới là chỗ đôi bờ, là “*Niết Bàn bỉ ngạn*”. Niết Bàn là bất sanh, bất diệt, công đức viên mãn. Bỉ ngạn là cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Nên Phật ‘đáo giá từ hàng,’ thuận theo nhân duyên mà đến thế gian này, chỉ mong giáo hóa chúng sanh vọng tận hoàn nguyên, trở về tự tánh mà đến bờ kia.

Hòa Thượng Tịnh Không nói: “Trong bộ kinh Vô Lượng Thọ này, từng câu, từng chữ đều do đức Phật nói, chẳng giả tí nào.” Nên nếu đã gặp được kinh điển này, phải hết lòng tin tưởng đọc tụng, noi y theo đạo lý và phương pháp trong kinh để tu hành, và chân thành “*Phát Bồ Đề Tâm, Trì danh niệm Phật, Cầu sanh Tịnh Độ,*” để không cô phụ lời dạy dỗ lợi ích của Đức Phật.

Ngài Hoàng Niệm Tổ nói: Như Lai đại bi đại trí, đối với những kẻ hữu duyên thì không một ai Ngài chẳng độ thoát cho được nhập Niết Bàn. Chính vậy mà Ngài khai diễn diệu nghĩa “*tâm này làm Phật, tâm này là Phật*” để

khiến cho các hữu tình do niệm Phật chứng nhập vô niệm, do vãng sanh chứng được vô sanh. Vì thế có thể khiến cho chúng sanh niệm Phật đều sanh Tịnh Độ.

Bởi thế, trong Tịnh Ảnh Sớ, ngài Huệ Viễn đã viết: “*Quyết định vãng sanh, chớ tự ngờ lo*” là vậy!

Diệu Âm Trí Thành và Diệu Âm Quảng Hồng



Vô Tự thị Chân Kinh

*Phật pháp như biển cả, có tin thì vào được,
có trí thì qua được.*

Trong tiểu thuyết Tây Du Ký – tác phẩm kinh điển nổi tiếng của văn học Trung Hoa – kể về cuộc hành trình đến Tây Trúc thỉnh kinh của thầy trò Đường Tam Tạng. Truyện kể rằng, Ngài Nhiên Đăng Cổ Phật khi biết Ác Nang, Ca Diếp phát kinh vô tự cho thầy trò Tam Tạng đem về thì than rằng: *Người Đông Độ coi sao ra kinh vô tự, uống công thánh tăng thỉnh về!*

Bèn sai tôn giả Bạch Hùng dâng vân theo thầy trò Tam Tạng mà lấy kinh vô tự lại, và bảo thầy trò hãy trở lại đòi kinh hữu tự.

Lúc ấy Tam Tạng và ba người đệ tử đã ra khỏi cửa, thấy núi xa xa có hào quang chiếu sáng ngỡ là hào quang Phật Tổ, chẳng ngờ một trận gió thom bay tới, chợt một cánh tay ở thình không thông xuống xách lấy gói kinh trên lưng ngựa biến mất. Tôn Hành Giả sách thiết bâng đũa, Bạch Hùng tôn giả thấy vậy chẳng kịp nói chi, buông gói kinh mà chạy. Tôn Hành Giả nhảy theo gói kinh, kinh bị đổ xuống, gió bay lật ra. Sa Tăng, Bát Giới chạy theo lấy kinh đem về cho thầy, khi sửa máy cuốn bị gió lật thì thầy

trò Tam Tạng mới hay, kinh ấy chỉ toàn là giấy trắng không chữ mà thôi!

Thầy trò Đường Tăng liền quay lại chùa Đại Lô Âm, than thở xin đổi kinh. Gặp Như Lai dạy rằng: *Chân kinh vô tự rất quý. Chỉ vì chúng sanh Đông độ các người ngu mê không ngộ, nên chỉ có thể dùng kinh hữu tự mà truyền.*

Kinh vô tự là gì?

Hòa Thượng Tuyên Hóa dạy: *“Nếu người biết đọc kinh vô tự, thì đó là người hiểu rõ Phật pháp chân chánh nhất.”*

Vì sao? Vì hết thầy đường ngôn ngữ dứt, chỗ tâm hành diệt, khắp nơi đều không chỗ dựa, không hiển thị các pháp, thật tướng các pháp không đầu, không giữa, không cuối, không tận, không phá hoại.

Nên trong Ma Ha diển nghĩa nói:

*“Ngôn ngữ không còn,
Tâm hành cũng hết,
Không sanh không diệt,
Pháp như Niết Bàn.”*

Trong Đại Tạng Kinh, Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: *“Người không thông đạt các pháp đều là vì lời nói che*

phủ. Do vậy Như Lai biết ngôn ngữ là tà vạy. Dù ngay cả có chút ít ngôn ngữ, người này cũng không đạt được sự chân thật.” Vì lẽ:

*Niết bàn diệu tâm
Thật tướng vô tướng
Là pháp vi diệu
Chẳng lập văn tự
Truyền dạy riêng biệt,
Chỉ thẳng tâm người,
Thấy tánh thành Phật*

Thế Tôn bảo Tôn giả Xá Lợi Phất, “*Phàm kẻ không thể hiểu rõ tất cả pháp, đều bị ngôn ngữ che đậy.*” Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng: Bởi vì họ chưa có “*không*” về pháp chấp. Do nguyên nhân này, nên Phật biết tất cả ngôn ngữ đều không đúng, đều sẽ sai lầm. Hễ có ngôn ngữ là có chỗ che đậy, có che đậy là có chướng ngại cho trí huệ vốn có sẵn của chúng sanh. Cho đến ngay cả một câu nói, hoặc một chữ cũng đều là không chân thật. Vì sao? Vì phàm nói ra dầu một chữ, chúng ta vẫn còn có chỗ để chấp. Do đó mới nói “*nhất pháp bất lập,*” tức là một chữ cũng không có vậy!”

Rốt cuộc thì kinh vô tự là gì? Hòa Thượng Tuyên Hóa nói: “Tức là ‘*một niệm không sanh*’. Nếu một niệm không sanh thì tự nhiên sẽ trở về với *không tịch*.”

*Nhất thiết chư pháp
 Tùng bản nhĩ lai
 Ly văn tự tướng
 Ly danh tự tướng
 Ly ngôn thuyết tướng
 Ly tâm duyên tướng
 Tất cách bình đẳng
 Bất khả phá hoại.
 Duy thị nhất tâm
 Cố danh chân như*

Vì bản thể vốn nhất, nhất tức là bất nhị. Trong kinh Lăng Già dạy: “Nếu chúng sanh nào quán *vô niệm*, thì chúng sanh ấy sẽ hướng về *trí Phật*”. Kinh Lăng Nghiêm lại nói, “bất tùy *phân biệt*”; còn Hòa Thượng Trí Tịnh dạy: “Trí phân biệt mà không phá, thì không thể nói chuyện làm Tổ thành Phật!”

Vì sao? Nếu xuất hiện cảnh giới (hiện tướng) tâm liền phân biệt tốt xấu, rồi sanh ra tham sân si mạn nghi v.v... đó gọi là ‘tướng trí’, ‘trí’ đây chính là biết phân biệt tốt xấu. Chúng sanh từ trước đến nay, chỉ do khởi một niệm bất giác nên sanh ra bốn tướng sanh, trụ, di, diệt. Bốn tướng này nương nhau nhất thời đốn hiện, không có trước sau nên vọng niệm mãi hoài tương tục, làm cho chúng sanh không ngộ được cái chân tâm (vô niệm) của mình, nên còn gọi đó là ‘vô thị vô minh’. Khi đã diệt hết vọng niệm, ngộ nơi chân tâm thường trú của mình, thì bốn

tướng ấy bị đoạn diệt, chỉ còn lại một tánh sáng suốt bình đẳng gọi là ‘bản giác’. Vì vậy không khởi trí phân biệt thì vọng niệm chẳng sanh, vọng niệm không khởi thì toàn vọng là chân nên tâm được định, tâm định sẽ phát sanh ra trí huệ thanh tịnh của Phật.

Nên khi hết thấy đường ngôn ngữ dứt, chỗ tâm hành diệt, khắp nơi đều không chỗ dựa, không hiển thị các pháp, thật tướng các pháp không đầu, không giữa, không cuối, không tận, không phá hoại, chỗ ấy chính là nhất tâm, là từng bản nhĩ lai là vậy.

Vô Tự thị Chân Kinh

Vì Niết Bàn là diệu tâm! Nên kinh vô tự của Phật phải đọc bằng tâm, nếu chỉ đọc được kinh hữu tự thì chưa thể rớt ráo đáo bỉ ngạn để qua tới bến bờ giác ngộ. Có nghĩa Tâm kinh không thể đọc được bằng nhục nhãn, vì dòng đời biến dịch chẳng thể chấp có chấp không, chấp phi có phi không, trong khi Phật tánh vi diệu thậm thâm sâu lại vốn sẵn có thường hằng bất biến trong ta.

*Pháp vốn pháp bản lai
Không pháp, không phi pháp
Sao lại trong một pháp
Có pháp, có chẳng pháp*

Ngày xưa, khi cụ Nguyễn Du đến viếng Phân Kinh Thạch Đài của Thái tử Lương Chiêu Minh, con vua Lương Võ Đế, bên Trung Hoa. Chỉ còn nhìn thấy bàn đá tro tro cùng tuế nguyệt, mờ mờ hai chữ “phân kinh” dưới mưa, chẳng thấy mấy chữ kinh lưu lại ở nơi nào!

*Đài đá còn in chữ phân kinh
Nền hoang hoa dại phủ trong mưa
Trăm cỏ chết khô run sợ rét
Chẳng thấy lưu kinh ở nơi nào?*

Bàn kinh còn chẳng trong mưa mà cụ thấy chỉ là nền đá rong rêu mờ phủ, hoang tàn cỏ hoa dại, còn các chữ kinh khắc ngày xưa trên đá ấy đã bay theo mây trời!

Ngày đó cụ liền thấu triệt ngộ nhập được lý Không của nhà Phật, nhìn ra được chân thật tướng của các pháp vốn là Không, xưa nay chúng vốn thường là tướng tịch diệt không sở hữu, nên cụ liền khai chỗ sở ngộ của mình nơi kinh Kim Cang. *Pháp gì do duyên mà ứng hiện, thì cũng sẽ theo duyên mà diệt.*

Nên cụ mới thốt lên rằng:

*Ta đọc Kim Cang hơn nghìn biến
Áo chỉ trong kinh chẳng tỏ nhiều
Khi đến dưới đài thạch phân kinh
Mới biết “Vô tự” thị chân kinh.*

Vô Tự thị Chân Kinh. Vậy sao Tam Tạng lại than rằng: - Đông Độ vô phước lắm! Ta đem kinh *không chữ* về dung, chắc là mắc tội!

Hòa Thượng Trí Tịnh nói: Kinh hữu tự đương nhiên không bằng được kinh vô tự, dù cả hai đều là chân kinh. Nhưng do ứng với cái duyên của chúng sanh ngu mê ở Đông Độ mà kinh vô tự đã biến thành hữu tự vậy.

Kinh hữu tự và kinh vô tự

Hòa Thượng Trí Tịnh nói, tuy kinh luận chưa phải chính là những điều Như Lai muốn mọi người hướng đến, nhưng chúng ta cũng phải nhờ đến kinh luận mới biết đường tu hành mà nhận ra được những gì Như Lai muốn dạy bảo. Vì thế tuy kinh hữu tự không có giá trị bằng kinh vô tự, nhưng nó vẫn là thứ cần thiết cho chúng sanh thời mạt pháp. Cái thời mà những người tu hành chỉ thích văn từ chữ nghĩa hơn giới luật tu hành, thích học vị hơn tu chứng, do đó kinh vô tự khó mà thâm nhập được, khó mà truyền thừa rộng rãi cho kẻ đời sau.

Mới hay pháp Phật chỉ là chiếc bè Từ, là *pháp phương tiện để độ chúng sanh*.

Vì vậy Như Lai mới nói: Chưa từng có một pháp. Chẳng từ nhân duyên sanh. Thế nên tất cả pháp, không pháp nào chẳng Không.

Cho nên nói pháp là Không. Không đây cũng chỉ là giả danh. Vì sao? Vì chân tánh thường thanh thường tịnh, mảy may không pháp tướng có thể xưng gọi, vậy không thật là tướng không trong các pháp ư? Trong tính chân không, vốn không có danh từ trí tuệ, đến bờ bên kia cũng thuộc về hư giả, thì lại đâu có đắc ư? Song mà không trí không đắc, từ đâu đã đặng Bồ Đề mà nói ra. Trước khi chưa được, đâu có thể nào không pháp ư?

Cớ vì sao Như Lai lại nói, Như Lai không có thuyết Pháp?

Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng: “Trong kinh giảng nói như thế, luận sớ cũng giảng nói như thế. Vậy rốt cuộc thì Phật có thuyết Pháp hay không? Nếu nói là Phật không thuyết Pháp, vậy kinh Hoa Nghiêm mà chúng ta đang giảng đây là từ đâu ra? Nếu như nói Phật có thuyết Pháp, thì vì sao Phật không thừa nhận Ngài từng thuyết Pháp? Lại nói, nếu nói Phật đã thuyết Pháp, tức phỉ báng Phật. Nhưng hễ chúng ta rời xa kinh điển dù chỉ một chữ, tức là ma nói. Như thế thì giảng pháp ra sao đây? – Bởi phàm có lời nói là làm ngăn trở nghĩa chân thật của Phật. Vì những pháp mà Phật diễn nói đều là pháp phương tiện cả. Tuy là

tạm khai quyền để hiển bày cái thật, nhưng cái thật này, nếu hiển bày ra được tức không phải là thật rồi!”

Cho nên kinh mà Tam Tạng thỉnh về cho chúng sanh Đông Độ, thoát từ kinh ‘Vô tự’ phải biến thành ‘Hữu tự’, một khi kinh hữu tự chỉ vì chúng sanh ứng duyên mà hiện thì tất nó cũng không thể rốt ráo, vì nó chỉ là phương tiện; ví như chiếc bè không đáy đưa thầy trò Tam Tạng sang sông qua núi Linh Thú, đến chùa Đại Lô Âm. Hỏi vì sao chiếc thuyền lại không đáy? Vì không đáy thì vô trụ, vô trụ thì không còn chỗ bám chấp, không có chỗ bám chấp thì tâm vô quái ngại, dứt hẳn sáu trần. Trí phân biệt phá được thì một niệm không sanh. Chân tâm liền sáng tỏ, nên tâm không trệ ngại, xa lìa các sự điên đảo thần thức, vọng tưởng mộng寐, đến chỗ bất sinh bất tử là đây.

Trong kinh Phật nói: *“Các người nên hiểu pháp Ta như là chiếc bè, thì bấy giờ thiện pháp còn nên bỏ huống là bất thiện pháp?”* Buông bỏ bất thiện pháp là buông hết thảy ái, hết thảy kiến chấp, hết thảy tâm kiêu mạn, tự ngã; nếu hết thảy pháp không còn vướng mắc, không ái thủ pháp nào thì sẽ đạt đạo. Nên nhờ chiếc thuyền không đáy mà Tam Tạng bị té mất cái xác phàm, tức Tam Tạng rớt bỏ hết các bất thiện pháp đến tuyệt hậu tái tô.

Vì sao? Vì Niết Bàn vô tướng, Niết Bàn tuyệt đối không dung ngã. Từ địa vị phàm phu lìa hết tất cả sự

tương đối của thế gian như sắc không, yêu ghét, buộc mở. Thân, tâm, thế giới, cả ba đều lìa sạch hết, tịch diệt không còn, luôn cả cái không còn cũng chẳng còn, ấy là đại tử (tuyệt hậu), rồi đại hoạt (sống) trở lại (tái sinh). Khi ấy mới có thể liễu sanh tử là vậy!

Mới biết, pháp Phật chỉ là pháp phương tiện, như thuyền đà đưa mình đèo bị nạn tới bờ kia.

Tâm Kinh

Trí Đại luận dạy:

*“Chẳng kiến, văn, giác, tri,
Cũng chẳng do trì giới,
Chẳng không phải kiến văn,
Chẳng không do trì giới.
Luận như thế bỏ hết.
Cũng bỏ ngã, ngã sở.
Không thủ các pháp tướng
Như thế mới đắc đạo”.*

Hòa Thượng Trí Tịnh giảng: Vì tu để đạt được trí tuệ và đức tướng của Như Lai, công phu nên chỉ dừng ở mặt giới luật, hay những tri thức có được từ kinh điển thì chưa đủ. ***Chủ yếu vẫn là phải nhận ra cái bản tâm thanh tịnh của chính mình và sống được với nó.***

Nên Hòa Thượng Tuyên Hóa nói: “Một niệm không sanh thì tự nhiên sẽ trở về với không tịch. Tất cả Phật Pháp là như thế và cũng không có gì khác hơn! Nếu như không thể “nhất niệm bất sanh” thì chúng ta hãy còn phải làm nhiều công đức, vun bồi nhiều căn lành Bồ Đề và tu nhiều Bồ Đề đạo. Chờ khi được lục độ viên mãn, muôn hạnh đều đầy đủ, đến lúc đó tự nhiên chúng ta sẽ *nhất niệm bất sanh và không tịch hiện tiền.*” Có nghĩa lúc ấy ta đã liễu tri trí huệ Bát Nhã, xa lìa các điên đảo sợ hãi trong cảnh sanh tử đại mộng, mà chứng đặng rốt ráo quả Niết bàn.

Thế mới biết, trí huệ Bát Nhã là trí huệ dẫn ta đến bờ Vô thượng Bồ Đề, trí ấy là mật ngữ biến hóa không lường, là mật ngữ thân quang phổ chiếu, độc tuyệt vô luân. Và khi trí huệ không còn chấp kẹt nơi hai bờ mé nữa thì tâm hết dính mắc. Tâm hết chỗ dính mắc tức đến chỗ như như, trở về với ***không tịch*** một niệm không sanh, khi một niệm không sanh thì kinh đã là tâm, tâm đã là kinh, tâm kinh thì nào có chữ bao giờ?

Diệu Âm Trí Thành và Diệu Âm Quảng Hồng



*Ai muốn lên bến giãc,
Cực Lạc sẵn thuyền về...*

(Diệu Âm Quảng Hồng - Khánh Ngọc)

---oOo---

*Mưa xuân mờ phố xe thành
Hình không lãng đãng trắng nhành Vô Ưu
Hạc vàng điểm tuyết tù u
Ngậm trang kinh nhỏ sa mù hư vô*



*Thông tay, phi hữu phi vô
Giác từ sơ ngộ, Lạc, Tô, Đề Hồ
Ly châu, Vàng quế, khô sơ
Trần gian thưở ấy, bây giờ: thiên môn
Trăng nghiêng liếp cửa, vô ngôn
Thái A bảo kiếm chém tuôn Nghiệp cầm
Thanh Châu tịnh chiếu Lự Tâm
Niệm hồng danh – Liễu tự tâm bất ngờ!*



*Hóa thân chân ngã đôi bờ
Ngộ mê kinh Tuệ nhật mờ sắc không
Hồi đầu, Hương tượng vượt sông
Mây trần duyên đắm xuống giòng tuệ không
Tơ kinh Tịnh Độ uơm nồng
Vàng hong chữ biếc, cỏ hồng ngậm sương
Vô thường tĩnh lặng tà dương
Kim Cang, giả tướng. Đàn Hương, hao gầy*

*Ca Lăng thánh thốt ngọn cây
 Góc chuông, mây hiện dấu hài hóa duyên
 Niệm kinh, tan bụi suối phiền
 Bên cầu tịch mặc trên triền thảo phiên
 Như Lai quán tự tại thiên
 Hành thâm Bát Nhã, gác thuyền bến mê
 Chân Tâm – hóa hiện Bồ Đề
 Tò sen thường trụ, bay về Tây Phương.*



- 1- *Đề Hồ* ví cho chân tâm. *Tô và Lạc* ví cho vọng tâm. Nhà Phật thường dùng *Đề Hồ* để tỷ dụ Phật, *Bồ Tát*, hoặc nói về cảnh giới thù thắng nhất.
- 2- *Ly châu*: ví cho chân tánh.
- 3- *Vàng quế*: Mặt trắng, tỷ dụ cho Linh Tri tâm, luôn ngời sáng.
- 4- *Thái A kiếm* là một thanh gươm cổ, nổi tiếng quý báu và rất bén nhọn.
- 5- *Thanh Châu* là vật báu của Tây Vực. Thanh châu gieo vào nước đục, nước đục chẳng thể không trong; Niệm Phật gieo vào tâm loạn, tâm loạn không thể không thành tâm Phật.
- 6- *Duyên Lự Tâm* trong lục đạo bị mê hoặc, có bỏ thân thọ sanh.
- 7- *Hương tượng*: tỷ dụ người tu hành. Bờ bên này là thế giới Ta Bà, bờ kia là thế giới Cực Lạc. Kinh Niết Bàn có thí dụ ba con thú vượt sông, hương tượng chân đạp tận đáy sông. Do vậy, kinh luận thường dùng điển tích “*hương tượng vượt sông*” để ví người chứng ngộ pháp triệt để.
- 8- *Vàng hong*, cảm khái lấy ở đoạn khai thị: “Muôn pháp là *tâm quang*, các duyên chỉ do tánh chiếu rạng”.
- 9- *Cảo*: pho kinh sách.
- 10- *Đàn hương*: Đốt mảnh *Đàn Hương* trong lò, mảnh *Đàn Hương* là giả, là huyền hóa, có sanh diệt nên chẳng phải thật.

Lời Cảm Tạ và Hồi Hướng Công Đức



Chân thành cảm tạ đạo hữu Diệu Âm Quảng Hồng đã bỏ rất nhiều thời giờ để kiểm sửa những bài viết trong tập sách “Tâm Thư Tịnh Độ”, cũng như đạo hữu Minh Dũng đã trình bày giúp tôi hình bìa sách thật thanh nhã này.

Chân thành cảm tạ tất cả các đạo hữu trong nhóm Vô Lượng Thọ đã cùng nhau học tập và chia sẻ Phật pháp, và đã tạo nhân duyên cho tập sách này ra đời.

Kính xin hồi hướng công đức này, cầu nguyện Phật nhật tăng huy, pháp luân luôn chuyển, thiên hạ thái bình, mưa thuận gió hòa, tai dịch chẳng khởi, binh đao chẳng động, quốc gia hưng thịnh, chúng sanh an lạc.

Nguyện đem công đức này
 Hướng bốn ân ba cõi
 Khắp pháp giới chúng sanh
 Đồng vãng sanh Cực Lạc
 Thành Phật độ chúng sanh

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ-tát Ma Ha Tát
Nam Mô A Di Đà Phật



Tác giả không giữ bản quyền, rất hoan nghinh mọi phiên dịch và tái ấn tống. Nếu cần xin liên lạc tác giả, email address: tri@ultratech-labs.com, để được cung cấp bản văn đánh máy trong Microsoft Word file.

Chân thành cảm ân!

